

4587 NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

I. Bunin

Truyện ngắn chọn lọc

Hồi tưởng nhẹ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HƠI THỞ NHẹ

I. BUNIN

Giải thưởng Nobel văn học

HƠI THỞ NHẹ

Tập truyện

PHAN HỒNG GIANG

dịch và giới thiệu



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Chọn dịch từ nguyên bản tiếng Nga
I. Bunin, "Tuyển tập tác phẩm" gồm 5 tập
Nxb. "Sự Thật", Matxcova, 1956

Mấy lời về Bunin

Đại hội nhà văn Xô Viết lần thứ hai (1954) đã đón nhận đề nghị trả lại Bunin cho văn học Nga bằng những tràng vỗ tay ran hồi lâu.

Sự kiện đó xảy ra một năm sau khi Bunin qua đời ở một nơi xa tổ quốc - thành phố Paris, nơi ông đã sống hơn 30 năm liền. Từ trong cội nguồn của mình, con người tự nguyện dấn thân vào cuộc đầy ải ấy đã là và mãi mãi sẽ là của nhân dân Nga, đất nước Nga.

Năm 1956, Nhà xuất bản "Sự Thật" (của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô) đã cho ấn hành bộ *Tuyển tập Bunin* gồm 5 tập, mở đầu cho thời kỳ các tác phẩm của ông liên tục được giới thiệu tiếp ở hầu khắp các nhà xuất bản lớn trên đất nước Liên Xô rộng lớn.

Nhiều độc giả Việt Nam chúng ta chắc đã không ít lần gặp các tên Bunin trong những bài viết về văn học và nghệ văn của Gorki, của Pauxtốpski, Antônốp, Kazakốp, Bôndarép, Zalughin... Tên ông thường được xếp bên cạnh những cái tên quen thuộc khác như Tônxtôi, Sêkhốp, Kuprin. Điều đáng tiếc là phần lớn chúng ta chỉ được biết đến cái hay của Bunin một cách "chay tịnh" như thế tức là được nghe về tác phẩm của nhà văn mà không được tận

mắt nhìn đọc, thường thức. Tình trạng ấy xem ra có may mắn gì hơn bao nhiêu so với người chỉ được nghe những lời tán tụng về cái hay trong các bản nhạc của Bắc, Môda, Bétôven, Đobuýtxi...

Tập truyện Bunin lần này ra mắt bạn đọc là một cố gắng sửa chữa chậm trễ nói "Trăm nghe không bằng mắt thấy" người xưa đã từng dạy thế. Dù cái *thấy* qua tập Bunin các bạn đang có trong tay hôm nay cũng chỉ mới bằng một phần hai mươi những gì ông đã viết ra⁽¹⁾.

*

Ivan Alếchxêevích Bunin sinh ngày 22 tháng 10 năm 1870 tại tỉnh Vôrônhes, miền Trung Nga, trong một gia đình quý tộc nghèo.

Cảnh sống thanh bạch, bình dị của làng quê đã để lại ấn tượng sâu xa trong ký ức của nhà văn. Ông từng viết: "Nơi đây, giữa cảnh yên bình thôn dã, giữa thiên nhiên mộc mạc đơn sơ, mùa hè đồng lúa mì chạy sát tới trước cửa nhà và mùa đông tuyết phủ đầy trắng xóa, tuổi thơ của tôi đã trôi qua thấm đượm nỗi buồn đầy thi vị". Bunin nói rằng không biết tự lúc nào ông lại trở thành nhà văn, trong khi hồi trẻ ông đã say mê âm nhạc và hội họa.

⁽¹⁾ Năm 1966, dưới sự chỉ đạo của A. Tvácđốpski, Nhà xuất bản Văn học Liên Xô đã cho in bộ *Tuyển tác phẩm Bunin* gồm 9 tập với khoảng 350 tr. In mỗi tập.

Sau này Bunin đã không thành nhạc sĩ, không thành họa sĩ, nhưng cái chất tạo hình - biệt tài tả cảnh và khắc họa chân dung - cái chất nhạc trong thứ văn xuôi mượt mà dịu ngọt thì còn lưu lại mãi trong các văn phẩm của Bunin, đưa ông vào trong số nhà văn ít ỏi của văn học Nga đạt đến uy tín tuyệt đối về sử dụng ngôn từ. Trong tác phẩm *Vườn Hồng* của nhà thơ cổ Ba Tư Xaadi, Bunin đã tìm được một câu tâm đắc: "Kho báu nào cũng có răn trăm đầu canh giữ... chẳng bao giờ có thể chiếm được nó chỉ bằng tay không...". Với Bunin, vẻ đẹp vô song của nghệ thuật chính là một kho báu, lao động nghệ thuật chính là con đường đi đến kho báu tinh thần ấy, một thứ lao động nghiêm khắc, đầy nhọc nhằn mà suốt đời ông đã theo đuổi.

Bunin trình làng bằng bài thơ *Bên mộ Nátxon* (tên một nhà văn thơ Nga, 1863 - 1887), đăng trên tờ tạp chí "Tổ quốc" năm 1887, khi ông mới mười bảy tuổi. Năm 1891 ông xuất bản tập thơ trữ tình đầu tiên ở Ôriôn. Thơ đã mở đầu văn nghiệp của ông và còn đeo đẳng mãi ngòi bút ông cho đến tận cuối đời để lại cho văn học Nga những bài thơ với vẻ đẹp cổ điển, lắng đọng bao tình cảm day dứt thiết tha trước thiên nhiên và tình người.

Không chỉ là nhà thơ, Bunin còn là một nhà dịch thơ bậc thầy. *Bài ca về Maiavát* của thi sĩ Mỹ Longfellow đã được Bunin tái tạo lại trong tiếng Nga vừa chân xác vừa tài hoa, đến nỗi người đương thời phải thừa nhận rằng "giả như Longfellow sinh ra là người Nga thì ông đã viết *Bài ca* của mình hết như Bunin đã dịch". Trong từng câu thơ dịch của

ông, người đọc đều cảm thấy tâm hồn, tài năng của một nhà thơ thực thụ. Không phải ngẫu nhiên mà Viện hàn lâm Nga đã trao cho tác phẩm dịch thơ của Bunin giải thưởng văn học cao nhất mang tên Puskin.

Tuy nhiên phần chính làm nên tên tuổi của Bunin là văn xuôi. Cũng giống như Sêkhốp, Bunin hầu như chỉ viết truyện ngắn, truyện vừa. Cái tạng của ông không phù hợp với loại gọi là tiểu thuyết - sử thi - hoành tráng này nọ. Ngay cả tác phẩm lớn nhất (cả về chất lượng và dung lượng) của Bunin là cuốn *Cuộc đời Arxênhép* mà ông gọi là tiểu thuyết thực ra cũng giống một bộ tự truyện liên hoàn gồm năm phần gọn gàng súc tích như năm truyện vừa dài từ 40 đến 75 trang (trang in tiếng Nga) mỗi truyện.

Năm 1894 ông cho in truyện ngắn đầu tiên, truyện *Tanka* mà nhà biên tập tinh đời N. Mikhailốpski đã tin rằng đó là tín hiệu đầu tiên về sự ra đời của một nhà văn lớn. Cùng năm ấy ông gặp và nói chuyện với L. Tônxtôi, cuộc gặp gỡ in dấu ấn sâu đậm trong tâm trí ông. Rất lâu sau này, trong thiên tùy bút đặc sắc về đại văn hào Nga, ông thú nhận: "Cả đời tôi, tôi đã sống trong tình yêu sâu xa đối với Tônxtôi". Năm 1897 ông xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên được cả giới phê bình trầm trồ khen ngợi.

Những năm này chủ đề trở đi trở lại trong các truyện của ông là sự tiêu điều tàn tạ của các "tổ ấm quý tộc". Tiếng chuông chiều mơ hồ, xa vắng, nỗi buồn báo hiệu một thời đã qua - na ná cái nỗi buồn "dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo" của bà Huyện Thanh Quan trong văn học ta - tỏa

ra các truyện *Thung lũng khô cằn*, *Trái táo Antônốp*, *Trên cánh đồng*, *Năm mới*...

Cảnh cơ cực của người nông dân Nga cũng đã được Bunin dựng lại với nỗi niềm cảm thông sâu sắc. Các truyện *Làng quê*, *Ngọn cỏ xác xơ* là đỉnh cao trong giai đoạn sáng tác này của ông.

Cái buồn tẻ, ngưng đọng, ẩn chứa một nhu cầu đổi thay bức thiết của cuộc sống Nga trong những năm đầu thế kỷ cũng đã được Bunin lột tả tài tình qua những truyện mà bối cảnh là những huyện lỵ, những thành phố Nga xưa như các truyện *Chiếc cốc đời*, *Người thấy giáo*, *Kazimir Xtannhixlavovich*.

Thời kỳ này Bunin rất gần gũi Gorki, cộng tác đặc lực với nhóm những nhà văn "Hiếu biết" do Gorki chủ xướng và dẫn dắt. Hai ông đã từng sống bên nhau khá lâu ở Kapri, thành phố nghỉ mát của nước Ý, cách không xa Xôrentô (cái tên đã bay khắp thế giới này trên đôi cánh một bài ca tuyệt đẹp). Cái mạnh cái yếu trong cảm quan nghệ thuật của Bunin đã được Gorki có lần nhắc đến trong một bức thư gửi Sêkhốp: "Anh biết không? - Bunin quả là một trí tuệ trác việt. Anh ấy cảm nhận vẻ đẹp thật tinh tế; những lúc chân thành, anh ấy viết rất tuyệt. Chỉ tiếc rằng cái căn bệnh kiêu kỳ cao đạo đã làm hại anh ấy..."

Cái căn bệnh mà Gorki đã "bắt mạch", kê ra đây là có thật, nó là cái hạn chế giai cấp đã thấm vào máu ông, chính nó đã ngăn cản Bunin hiểu cách mạng tháng Mười, không cho ông đồng cảm với nhiệt tình cách mạng của

quảng đại quần chúng nhân dân. Cũng như nhiều trí thức khác, Bunin đã rời bỏ nước Nga. Ông rời Ôđétxa đi paris vào năm 1919 và ở lại đó cho đến tận cuối đời. Ông mất ngày 8 tháng 11 năm 1953, thọ 83 tuổi.

*

Ở xa quê hương, Bunin như chỉ sống bằng quá khứ. Ông tiếp tục viết, viết nhiều, về tất cả những gì ông đã từng ném trái trên đất nước Nga, giữa những con người Nga. Ông liên tiếp cho xuất bản kể từ năm 1924 nhiều tập truyện ngắn, truyện vừa như *Bóng Hồng của Iérikhôn*, *Mối tình của Michta*, *Vụ án viên sĩ quan Êlaghìn*, *Con đường ngợp bóng cây xanh*, tập tự truyện *Cuộc đời Arxênhép* v.v... và tùy bút triết học *Sự giải thoát của Tônxtôi*. Từ Paris, một trong những trung tâm văn hóa của châu Âu, Bunin đã trở thành nhà văn nổi tiếng thế giới. Năm 1933, sau khi viết xong bộ truyện *Cuộc đời Arxênhép*, Bunin là nhà văn Nga đầu tiên được tặng giải thưởng Nôben về văn học.

Mấy năm sau, trên đường đi Anh, nhà văn Xô Viết A. Tônxtôi, tác giả bộ *Con đường đau khổ*, đã dừng lại Paris và gặp Bunin. A. Tônxtôi chân thành nói với ông rằng "Mátxcova sẵn sàng rung chuông đón ông trở về". Ngày 3 tháng 9 năm 1939 Bunin gửi cho A. Tônxtôi một tấm bưu thiếp với mấy chữ ngắn ngủi: "Tôi muốn về nước. I.Bunin". Ước mơ cuối đời của Bunin đã không có dịp thực

hiện; ngay hôm trước ngày ông viết tấm bưu thiếp nọ, Hítle đã tấn công Ba Lan - cuộc đại chiến tàn khốc nhất trong lịch sử loài người nổ ra.

Ít lâu sau, quân phát xít Đức đã chiếm nước Pháp. Biết uy tín lớn lao của tên tuổi Bunin, định lợi dụng cảnh sống túng bấn của nhà văn những năm tháng ấy, các báo chí thân Đức ra sức mời mọc ông cộng tác, hứa hẹn những khoản nhuận bút hậu hĩ. Nhưng nhà văn đã cương quyết chối từ. Ông nóng lòng theo dõi từng tin chiến sự từ đất nước quê hương, ông lo âu khi gong kìm phát xít khép lại gôn thủ đô Mátxcova và vui mừng tự hào về những người đồng bào anh dũng, khi bọn quốc xã bị đánh quỵ bên bờ sông Vonga...

Ông vui mừng đón nhận những thành tựu mới của văn học Xô Viết. Trong một lá thư viết ngày 10 tháng 9 năm 1947 gửi nhà văn N. Têlêxốp, Bunin đã tỏ lời khâm phục tài năng của A. Tvácđốpski với trường ca *Vaxili Chiorkin*. Ông cũng đánh giá rất cao văn xuôi của K. Pauxtốpski...

Những sự kiện kể trên cho phép chúng ta nghĩ rằng có thể vào những năm cuối đời, Bunin đã sống trong niềm an hận với cái quyết định sai lầm từ cội rễ mình ra khỏi mảnh đất quê hương. Ở nước Pháp, ông nhiều lần nói: "Lẽ nào chúng ta lại có thể quên Tổ quốc, liệu con người có thể quên quê hương mình được chăng? Bởi lẽ quê hương đã luôn ở trong trái tim rồi. Tự cội rễ của mình, tôi là một người Nga chính cống. Năm tháng không xóa đi được điều này".

Trong sự tồn tại của một dân tộc, giá trị văn hóa tinh thần có thể coi là gương mặt tâm hồn, là giá trị lâu bền, tiêu biểu nhất, là "tấm danh thiếp" của dân tộc đó trên hành tinh này. Những gì Bunin viết ra, từ thời kỳ còn ở trong nước đến, những ngày nơi đất khách quê người, đã thực sự trở thành một phần hữu cơ trong giá trị văn hóa tinh thần quý báu đó của dân tộc Nga, một đóng góp vào kho giá trị tinh thần trung của nhân loại.

*

Giới thiệu Bunin với đông đảo bạn đọc lần này, chúng tôi chọn dịch những truyện mang nặng tính chất chữ tình. Các truyện được dịch ở đây đều có thể gọi là những *truyện tình yêu*. Không đến nỗi quá cường điệu, nhà thơ cổ điển Đức F. Sinle đã nói: "Cái đối cùng tình yêu thống trị thế giới này". Ở đời đã mấy ai thoát khỏi sự kiềm tỏa (hay nâng đỡ) của "cái ăn" và "cái yêu". Tình yêu, nói như L. Tônxtôi, là tình cảm mãnh liệt nhất, tình cảm "người" nhất của con người.

Các truyện tình yêu của Bunin đều dang dở, đượm buồn. Nhưng như Natali trong truyện ngắn cùng tên đã nói "Không có tình yêu nào bất hạnh, bởi vì ngay cả điệu nhạc buồn nhất cũng đem lại hạnh phúc", cái buồn trong truyện tình yêu của Bunin là cái buồn thanh sáng, cái buồn làm nên vị mặn của cuộc đời, cái buồn làm con người thấm thía hơn cái giá của niềm vui và hạnh phúc.

Như một âm thanh có thể có nhiều tiếng vọng khác nhau, mỗi truyện của Bunin đều có thể được cảm nhận khác nhau ở những người đọc khác nhau. Và đối với những ai biết đón nhận nâng niu từng xúc động ly ty run rẩy nhất của cuộc đời thì mỗi truyện của Bunin giới thiệu trong tập này đều có khả năng để lại dư âm ngân vang trong lòng...

Ruxia là một khoảnh khắc ngắn ngủi, mà lạ lùng thay, có lẽ đã choán gần hết cuộc đời của người hành khách đứng tuổi trong truyện. Phần lớn cuộc đời dài dặc ông ta trải qua là sự *tồn tại*, còn những ngày ngắn ngủi, say đắm *Ruxia*, ông mới thực sự là *sống*. Có thể trước lúc nhắm mắt xuôi tay, ông chỉ còn nhớ cái hôm trời mưa, *Ruxia* chạy từ ngoài vườn vào, quần áo ướt sũng, và ông đã ngây ngất quỳ hôn mu bàn chân nàng ướt nước...

Say nắng là sự trỗi dậy bất ngờ của tình yêu thực sự sau cái phút đam mê thường tình. Mọi diễn biến tâm lý - từ phút đầu khi chàng và nàng từ phòng ăn bước ra boong tàu nóng nực đến cái phút cuối cùng khi chàng còn trơ lại một mình trên con tàu giữa sóng nước dòng Voga vào đêm - đều chân xác chi ly đến nỗi lú. Bôndarép, nhà tiểu thuyết lớn bậc nhất của văn học Liên Xô hiện nay, đã phải bàng hoàng xác nhận, đó là một trong vài ba truyện ngắn hay nhất của văn học thế giới xưa nay.

Hơi thở nhẹ nhàng là bài ca bất tận về vẻ đẹp trong sáng, tươi mát, trẻ trung, đầy tin cậy cuộc sống của cô bé Ôlia, là bản án tử hình với những gì thô bạo, tục tằn, thực dụng gớm ghiếc mà hiện thân là viên sĩ quan *Kazác* trác

táng, tham lam. Như đóa hồng chỉ giữ nguyên được sắc màu tươi tắn trong buổi ban mai dịu mát, Ôlia là vẻ đẹp chỉ tồn tại trong một thế giới hoàn toàn trong lành, nơi mà cái ác không còn chỗ đứng.

Chiếc cốc đời phơi bày hết sự vô nghĩa, nhỏ nhen trong cuộc đời nhỏ nhen, vô nghĩa của ba người đàn ông đã có lúc cùng yêu một người phụ nữ - nàng Xanhia tội nghiệp. Có thứ tình yêu - hiến dâng, vị tha, mà cũng có thứ tình yêu - chiếm đoạt, không khác sự hằn thù con người bao nhiêu. Cả ba người đàn ông trong truyện đều là những kẻ không đủ lòng cao cả để có một tình yêu chân thành, đẹp đẽ với Xanhia.

Trên biển đêm khuya đưa người đọc vào thế giới đam mê đến tột cùng và cũng là sự dửng dưng đến tột cùng trước ngưỡng cửa của cái Chết, của Hư vô. Tình yêu, sự ghen tuông, lòng căm thù cũng như nỗi khổ, tất cả đều nhẹ nhàng thanh thoát qua đi giữa biển trời đêm khuya cao xa tĩnh mịch.

Natali nói tới cái trở trêu của một tình yêu tuổi trẻ, khi có sự phân đôi giữa thể xác và tâm hồn, giữa bản năng lứa đôi trần tục và chất người vươn lên cái đẹp cao cả. Kết cục, cái chất người ấy đã thắng: Cô Xônha đã biến mất như chưa hề có trên đời và tình yêu Natali đã là nơi hội tụ đầu tiên và cuối cùng của những gì xốn xang, da diết nhất trong tâm hồn nhân vật "tôi" của truyện. Natali là hình ảnh bất tử của vẻ đẹp người con gái Nga.

Truyện dài nhất trong tập sách này - *Nàng Lika* - là

phần cuối (phần V) của bộ tự truyện *Cuộc đời Arxênhep*, tác phẩm chủ yếu mà nhờ đó Bunin đã được tặng giải thưởng Nôben năm 1933. Sinh thời Bunin cũng như sau này ở Liên Xô nhiều lần phần này của bộ tự truyện đã được in riêng như một *tác phẩm độc lập* bởi sự hoàn chỉnh về hình thức cũng như chủ đề. Gọi là "tự nguyện" cũng chỉ là tương đối, vì ở đây cái thật, cái hư xen lẫn nhau. Địa danh, tên người phần lớn đều được thay đổi. Hình mẫu của nàng Lika là Vácvara Pasencô, người mà Bunin đã cùng chung sống suốt mấy năm khi ông mới bước vào ??? . Trong truyện của Bunin, so với Vácvara, Lika đẹp lên rất nhiều cả về nội tâm cũng như ngoại hình. Lika mất ngay khi chia tay, còn ngoài đời thật thì Vácvara đã kịp đi lấy Bibicốp, con một nhà buôn giàu có, và sống với y hơn 20 năm.

Lika của Bunin là hiện thân của vẻ đẹp cổ điển Nga - yếu đuối, chân thành, cả tin, hồn hậu mà cũng rất bạo liệt vào những khúc rẽ ngọt của cuộc đời. Còn nhân vật "tôi" thì đã phải trả giá cho cách sống quá phóng đãng của mình. Anh yêu Lika, yêu tận cuối lòng nhưng lại nhân danh "chất nghệ sĩ" tự cho mình cái quyền đón nhận mọi cảm giác mới lạ của những chuyến phiêu du. Lika không chấp nhận được bất cứ sự san sẻ tình cảm nào, nàng đã tự chọn con đường ra đi... Nhưng có lẽ cái kết thúc ấy đã giữ cho tình yêu của nàng trọn vẹn...

Bunin viết truyện này khi ông đã ngoài sáu mươi tuổi. Câu chuyện những tháng năm tuổi trẻ đã được ông kể lại

với sự bồi hồi của ký ức; những sắc màu, hình ảnh, hương thơm, bài ca, giọng hát, những con đường xa lạ với lòng yêu người chợt thoáng qua... bốn mươi năm sau, tất cả đều như sống lại, lung linh hiển hiện...

*

Chuyển dịch Bunin sang tiếng Việt quả là một việc đầy nhọc nhằn. Làm việc này, chúng tôi luôn có cảm giác "lực bất tòng tâm" như người chơi đàn dương cầm khả năng có hạn ngồi trước các nốt nhạc của một bản nhạc *xônát* nào đó của Bétôven, Suman hay nhạc sĩ Nga Xcoriabin... Biết làm sao khác được, vẫn phải cố thôi, với lòng mong muốn đông đảo bạn đọc nước ta được sớm làm quen với một tâm hồn Nga, một nhà văn lớn của dân tộc Nga và của cả nhân loại.

Hy vọng mai sau sẽ được gặp lại các bạn ở những thiên truyện khác của Bunin, cũng khác khỏi một tình yêu tự trong cội nguồn cuộc sống và thấm đậm những nỗi buồn thanh sáng...

3-1987

PHAN HỒNG GIANG

Ruxia

QUA MUỖI GIỜ TỐI, tàu tốc hành Mátxcova - Xêvaxtôpôn dừng lại một ga nhỏ gần Pôđônxcơ, nơi lẽ ra nó không phải đỗ - nó phải chờ gì đó ở đường thứ hai. Trên tàu một ông và một bà bước gần lại cánh cửa sổ đã hạ xuống ở toa hạng nhất. Có một người phục vụ toa đi qua đường ray, tay giơ cao chiếc đèn đỏ; bà nọ bèn hỏi:

- Này ông kia, sao chúng tôi lại phải dừng thế này?

Người phục vụ toa trả lời rằng đoàn tàu tốc hành chạy ngược chiều bị chậm.

Trên ga trời tối, cảnh vật trông buồn tẻ. Hoàng hôn xuống đã lâu, nhưng ở phía Tây, khuất xa sau ga, sau cánh đồng xen lẫn rừng, vẫn còn thấp thoáng ánh chiều hè Mátxcova tắt muộn. Mùi nước đầm ấm thấp thoáng tới cửa sổ. Trong khoảng không yên ắng từ đâu vọng tới tiếng cuộc kêu đều đều, nghe dường như cũng có mùi vị ẩm ướt.

Ông hành khách nọ từ khuyển tay lên cửa sổ, còn bà thì tựa vào vai ông.

- Có lần anh đã sống ở vùng này vào dịp mùa hè, - ông nói. - Đạo ấy anh làm gia sư tại một trang ấp dành để ở mùa hè cách đây chừng năm dặm. Một vùng buồn tẻ. Rừng thưa thớt, có chim ác là, muỗi và châu chấu. Chẳng có cảnh đẹp nào. Ở trang ấp muốn ngắm nhìn chân trời phải leo lên căn gác nhỏ. Ngôi nhà tất nhiên là xây theo phong cách nhà nghỉ Nga, trông rất tiêu điều, - chủ nhân bị phá sản mà - sau nhà là khu đất na ná như vườn, sau vườn không hẳn là hồ, không hẳn là đầm mọc đầy cỏ gấu, cùng hoa súng, và hiển nhiên có một chiếc thuyền đáy bằng đậu cạnh bờ lũy.

- Và tất nhiên là còn một cô nàng buồn tẻ ở nhà nghỉ, người mà anh đã từng bơi thuyền dạo chơi trên đầm này nữa chứ!

- Đúng thế, đã có những gì phải có. Tuy nhiên cô nàng thì hoàn toàn không buồn tẻ chút nào. Anh bơi thuyền cho cô ấy đi chơi thường là về đêm, và mọi chuyện xem ra còn có vẻ thơ mộng nữa là khác. Suốt đêm trời phía Tây cứ sáng nhờ nhờ pha màu xanh lục, và ở tít chân trời có cái gì leo lét cháy như lúc này đây... Mái chèo thì có mỗi một cái mà lại như cái xẻng, anh đã chèo thuyền như một kẻ mọi rợ, - khi thì chèo bên phải, khi thì bên trái. Ở bờ bên kia có khoảng rừng cây nhỏ nên tối sẫm, nhưng sau cánh rừng ấy suốt đêm cứ có cái màu sáng nhờ nhờ lạ lùng như thế này. Chung quanh là cảnh yên lặng

tuyệt đối - chỉ còn nghe tiếng muỗi vo ve và châu chấu bay. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng đêm đêm chúng lại bay như thế, - hóa ra là chúng bay để kiểm tìm cái gì đó. Đáng sợ thật đấy.

Cuối cùng thì đoàn tàu ngược chiều cũng đã tới, nó xé gió âm âm chạy qua, các ô cửa sáng ánh đèn kéo thành một dải vàng. Toa tàu trên đường bên này lập tức chuyển động. Người phục vụ toa bước vào ngăn buồng nhỏ, châm đèn lên và soạn dọn giường ngủ.

- Thế rồi giữa anh với cô ta đã có chuyện gì xảy ra vậy? Một thiên tình sử thật sự chứ? Sao anh chưa bao giờ kể với em về cô ta? Cô ta trông người thế nào?

- Người cao cao, gầy gầy. Mặc *xaraphan*⁽¹⁾ hoa vàng, chân không tất đi hài sảo đan bằng thứ len đủ màu.

- Thế nghĩa là cũng theo phong cách Nga chứ?

- Anh cho rằng theo phong cách nghèo túng thì đúng hơn. Không có gì mặc thì đành mặc *xaraphan* vậy. Thêm nữa cô ta còn là họa sĩ, học ở Trường trung cấp mỹ thuật Xtorôganốp. Bản thân cô ấy trông cũng rất đẹp, đáng được họa lại, thậm chí còn có nét của Đức Mẹ. Bím tóc đen dài thả sau lưng, khuôn mặt bầu bĩnh với những nốt ruồi nhỏ, mũi cao

⁽¹⁾ . *Xaraphan*: một kiểu váy áo không tay (N.D)

thanh tú, mắt đen, lông mày đen, bắp chân và đôi bàn chân lộ ra trên đôi hài sảo thon gầy, làn da mỏng mịn.

- Em biết típ này rồi. Hồi đi học em cũng có một cô bạn như thế. Chắc là có máu tâm thần ittêri chứ gì?

- Có thể thế lắm. Thêm nữa gương mặt cô ta trông giống mẹ, mà mẹ thì dòng giống xuất thân vốn là một tiểu thư phương Đông mắc bệnh gì đó đại loại như là bệnh trầm cảm. Chỉ đến bữa ăn mới xuất hiện. Bước ra, ngồi xuống và im lặng, húng hắng ho, không nhìn lên và cứ đặt đi đặt lại dao đĩa. Còn nếu bất ngờ bà ta lên tiếng thì nói to khiến mọi người phải giật thót.

- Thế còn ông bố?

- Ông ta cũng ít nói và khô khan, người cao dong dỏng, là sĩ quan về hưu. Chỉ có cậu con trai anh dạy thêm là giản dị và đáng yêu.

Người phục vụ toa bước ra khỏi căn buồng, nói rằng giường nằm đã chuẩn bị xong xuôi và chúc ngủ ngon.

- Tên cô là gì?

- Ruxia.

- Nguyên cả tên là thế nào?

- Rất đơn giản thôi - Maruxia.

- Thế rồi sao nữa, anh phải lòng cô ta như điều đó chứ?

- Tất nhiên, dường như mê kinh khủng nữa là khác.

- Thế còn cô ta?

Ông im lặng một lát rồi trả lời, giọng khô khốc:

- Chắc là phía cô ấy cũng cảm thấy như vậy. Nhưng thôi đi ngủ thôi. Cả ngày hôm nay anh mệt lắm rồi.

- Tuyệt thật đấy. Anh chỉ vô tình gợi chuyện thế thôi. Nào, anh kể đôi ba câu cũng được, thiên tình sử giữa hai người đã kết thúc như thế nào?

- Chẳng thế nào cả. Anh rời khỏi chỗ đấy và mọi chuyện kết thúc.

- Sao anh không cưới cô ta?

- Chắc vì anh linh cảm rằng sẽ gặp được em.

- Không, nói nghiêm chỉnh ra sao?

- Thì cứ cho rằng anh đã rút súng ra tự sát, còn cô ta thì tự đâm dao vào bụng...

Họ rửa mặt, đánh răng rồi vào ngăn buồng chật hẹp, cởi bỏ quần áo. Với vẻ khoan khoái của kẻ đi đường, họ nằm vào tấm vải lót thơm láng bóng, gối đầu lên tấm gối như vậy; chiếc gối chốc chốc lại bị trượt đi vì đầu giường dốc cao.

Ô khoanh tròn nhỏ màu xanh tím phía trên tấm cửa như đang lặng lẽ nhìn xuống bóng tối. Ba hành khách lát sau đã yên giấc, còn ông thì chỉ nằm, không ngủ, châm thuốc hút và nhớ lại mùa hè năm ấy...

Trên người nàng cũng có rất nhiều nốt ruồi nhỏ - đặc điểm này thật là khả ái. Nàng đi giày mềm, không có gót cao, nên toàn thân nàng uyển chuyển dưới chiếc *xaraphan*. *Xaraphan* may rộng, vải nhẹ mỏng choàng lấy tám thân trinh nữ dong dỏng của nàng. Có lần nàng bị mưa ướt hết cả chân, nàng chạy từ vườn vào phòng khách, còn anh thì bỏ tới cởi giày cho nàng, và hôn lên mu bàn chân nhỏ ướt nước mưa của nàng - cả đời anh chưa khi nào có được niềm hạnh phúc như thế. Cơn mưa thanh mát, ngát hương thơm mỗi lúc một thêm nặng hạt, đổ mau ngoài cửa thông ra ban công để mở. Trong căn nhà tối tối, mọi người đều ngủ sau bữa ăn trưa - và cả nàng lẫn anh đều được một phen khiếp đảm khi con gà trống màu đen pha lẫn mảng lông xanh mượt, màu đỏ to bông từ vườn chạy vào, móng vuốt gõ lạch cạch lên sàn nhà đúng vào cái phút say mê nhất, khi cả hai đều không còn biết thận trọng giữ gìn. Nhìn thấy hai người bật dậy từ *divăng*, nó vội vàng cúi mình bỏ chạy ra ngoài mưa như thể vì giữ lịch sự, bộ lông đuôi bóng mượt của nó cụp xuống...

Thời gian đầu nàng như còn để ý quán sát anh; khi anh nói chuyện với nàng, gương mặt nàng ửng đỏ và nàng trả lời với giọng lầu bầu giấu cợt; khi ngồi ăn, nàng thường hay chọc tức anh bằng cách nói to với bố:

- Đừng mời anh ấy ăn ba ạ, vô ích thôi. Anh ấy

không thích bánh mằn thầu đâu. Thêm nữa, cái móm súp lạnh cũng không ưa, mì dẹt cũng chán, sữa chua đặc thì khinh, còn *phomat* tươi thì căm ghét.

Sáng sáng anh bận dậy học cho cậu bé, còn nàng thì bận nội trợ - mọi việc trong nhà đều đến tay. Mọi người thường ăn trưa vào một giờ, sau bữa trưa nàng bỏ về phòng mình trên căn gác nhỏ, hoặc nếu trời không mưa thì đi vào vườn, nơi nàng đặt giá vẽ dưới cây bạch dương, nàng vừa vẽ từ cảnh thật, vừa xua muỗi. Sau đó nàng bước ra ban công, nơi sau bữa trưa anh thường ngồi đọc sách trong chiếc ghế bành đan bằng cói, lưng ngả về phía sau. Nàng đứng bên cạnh anh, tay chấp ra sau lưng và nhìn anh với nụ cười khẩy:

- Xin cho biết anh đang bồi bổ kiến thức uyên bác nào thế?

- Lịch sử cách mạng Pháp.

- Chà, chào ôi! Không ngờ rằng trong nhà chúng tôi lại có một nhà cách mạng!

- Sao cô lại bỏ cái nghề hội họa của cô thế?

- Sắp tới cũng đến phải bỏ hẳn thôi. Tôi đã tin chắc mình là kẻ bất tài.

- Nhưng cô thử cho tôi xem một bức nào đó mình vẽ xem nào.

- Anh cho rằng anh cũng hiểu biết ít nhiều về mỹ thuật sao?

- Cô tự ái quá đáng đấy.

- Cũng có cái tật như thế...

Cuối cùng thì nàng gợi ý cùng bơi thuyền chơi trên hồ. Nàng quả quyết nói:

- Hình như mùa mưa vùng nhiệt đới chúng ta đã qua rồi. Ta phải giải trí chứ. Quả tình mà nói thì cái thuyền của nhà tôi khá ọp ẹp, đáy có lỗ thủng, nhưng tôi và Pêchia đã lấy cỏ gấu bịt hết chỗ thủng rồi...

Hôm ấy trời nóng nực, oi bức, đám cỏ mọc ven bờ xen lẫn những bông hoa quáng gà màu vàng như bị hun lên bởi cái nóng ẩm ướt, trên đó thấy bò lổm ngổm vô số sâu bướm nhỏ màu xanh nhàn nhạt.

Anh đã học được cái giọng giễu cợt thường xuyên của nàng; bước đến gần thuyền, anh nói:

- Cuối cùng thì cô đã chiếu cố tới tôi!

- Cuối cùng thì anh đã tập trung được ý nghĩ để trả lời tci! - Nàng hăng hái nói và nhảy lên mũi thuyền làm đàn ếch nhái từ bốn phía nhảy rào rào xuống nước. Nhưng rồi nàng bỗng hét lên thất thanh và nắm lấy gấu *xaraphan* kéo lên tận đầu gối, hai chân dập dập xuống:

- Rắn! Rắn!

Anh nhìn thấy thoáng đôi chân trần mềm mại trắng ngần của nàng, giật lấy mái chèo từ mũi thuyền đập vào con rắn đang bò ngoằn ngoèo trong đáy thuyền. Khều được rắn vào đầu mái chèo, anh quăng nó xuống nước thật xa.

Mặt nàng tái mét, nốt ruồi trên mặt trông như sẫm màu hơn, mái tóc và cặp mắt đen huyền dường như đen thêm. Nàng thở phào nhẹ nhõm:

- Chao, sao mà khiếp vậy! Chẳng thế mà chữ "kinh sợ" lại phát sinh từ chữ "rắn"⁽¹⁾. Ở vùng này đâu cũng thấy chúng, trong nhà, ngoài vườn... Thế mà anh thử hình dung xem, Pêchia lại cầm rắn trên tay đấy!

Lần đầu tiên nàng nói với anh bằng giọng bình thường, không kiêu cách, lần đầu tiên họ nhìn thẳng vào mắt nhau.

- Anh tài thật đấy! Anh đập nó trúng thế!

Nàng đã hoàn hồn trở lại, nhướn miệng cười, chạy từ phía mũi thuyền vào trong khoang và ngồi xuống vui vẻ. Vẻ đẹp của nàng trong cơn sợ hãi làm anh choáng váng; lúc đấy một ý nghĩ dịu dàng chợt đến với anh; nàng quả là còn trẻ quá!

Nhưng anh lại làm ra vẻ lãnh đạm, chăm chú bước vào thuyền, chống mái chèo xuống bờ lầy, để mũi thuyền quay ra phía trước, túm lấy đám cỏ gấu dây mọc ngầm dưới nước, lách qua những bông súng với tán lá to tròn phủ đầy ven hồ mà kéo thuyền ra chỗ nước sâu, ngồi xuống thanh gỗ kê giữa thuyền rồi khóa mái chèo khi bên phải, khi bên trái.

⁽¹⁾ . Trong tiếng Nga chữ *uj* nghĩa là rắn, còn chữ *ujaz* nghĩa là *kinh sợ*.

- Có đúng là thích không anh? - Nàng thốt lên.

- Thích thật! - Anh trả lời, bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống, rồi quay về phía nàng: - Cô làm ơn đặt bên cạnh mình kéo tôi lại đánh rơi xuống lòng thuyền vì, nói xin lỗi cô chứ, nước vẫn chảy vào và đầy những đĩa là đĩa.

Nàng đặt chiếc mũ lưỡi trai lên đầu gối.

- Cô khỏi phải bận tâm thế, quãng đâu cũng được.

Nàng áp chiếc mũ lên ngực:

- Không đâu, tôi thích cảm thế này!

Trái tim anh dịu dàng thất lại, nhưng anh quay mặt đi và mạnh tay hơn khóa mái chèo xuống mặt nước lấp lánh giữa đám cỏ gấu và hoa súng.

Muỗi bám lên mặt, lên tay; chung quanh như chì - trong ánh sáng bạc ảm áp; làn không khí trong lành, ánh mặt trời nhợt nhạt còn vương lại, những đám mây trắng bông bênh cuộn tròn mờ mờ hiện ra trên nền trời và dưới mặt nước xen giữa những đám cỏ gấu và hoa súng; trên hồ chỗ nào cũng nông đến nỗi có thể nhìn rõ đáy với đám rong rêu mọc ngầm dưới nước, tuy nhiên đáy nông cũng không làm mất đi cái cảm giác sâu thẳm thẳm của bầu trời và mây đã in hình trong đó. Bỗng nàng lại kêu lên thất thanh - con thuyền bị đảo nghiêng: nàng khóa tay xuống nước, túm được thân cây hoa súng rồi kéo mạnh nó lên và kết quả là bị lật nghiêng cùng với thuyền. Anh

kip thời nhào tới và túm lấy vai nàng. Nàng cười phá lên, ngã lưng xuống khoang thuyền, lấy tay ướm vấy nước thẳng vào mặt anh. Lúc đó anh giữ chặt lấy nàng; không biết phải làm gì, anh hôn vào môi nàng đang cười sặc sụa. Nàng nhanh nhẹn ôm lấy cổ anh và vụng về hôn lên má anh...

Từ dạo ấy họ thường đi bơi thuyền đêm. Ngày hôm sau, ăn trưa xong, nàng gọi anh vào vườn rồi hỏi:

- Anh có yêu em không?

Anh nhớ lại những cái hôn trên thuyền hôm trước và sôi nổi trả lời:

- Yêu ngay từ ngày đầu chúng mình gặp nhau!

- Em cũng thế, - nàng nói. - Không, đúng ra thì mới đầu em cảm ghét anh cơ - em có cảm giác rằng anh chẳng để ý gì đến em cả. Nhưng may thay, mọi chuyện đó qua rồi. Tối nay, lúc mọi người đi ngủ, anh lại ra đây đợi em nhé. Chỉ có điều ra khỏi nhà anh phải hết sức kín đáo đấy - mẹ em theo dõi em từng bước, ghen tức ghê gớm với bất cứ ai yêu em.

Đến khuya nàng ra tới bờ hồ tay cầm một tấm khăn choàng len rộng. Vì sung sướng, anh bối rối đón nàng và chỉ biết hỏi:

- Tấm choàng này để làm gì vậy?

- Anh ngốc lắm. Đến khuya chúng mình sẽ bị lạnh đấy. Thôi, anh lên thuyền nhanh nhanh đi và chèo sang phía bờ bên kia...

Trên thuyền lúc chèo đi, cả hai đều im lặng. Khi bơi gần đến cánh rừng bên bờ bên kia, nàng nói:

- Đến rồi đấy. Bây giờ thì anh đến cạnh em đi. Tắm khăn choàng đâu nhỉ? à, em ngồi lên nó đây. Anh quàng cho em đi, em lạnh quá, ngồi xuống đây đi anh. Thế, thế... Khống, khoan đã, ngày hôm qua chúng mình hôn nhau chẳng ra sao cả, bây giờ thì để em hôn anh trước, thật khẽ, thật khẽ thôi. Còn anh thì ôm em,... ôm cả người cơ...

Dưới tấm *xaraphan* nàng chỉ mặc chiếc áo cánh lót. Nàng chỉ khẽ chạm hôn nhẹ vào khóe môi anh. Đầu anh quay cuồng, nửa tỉnh nửa mê; anh ngả mình nàng xuống sàn thuyền. Nàng run rẩy ôm lấy anh...

Nàng nằm yên bất động, hơi ngẩng đầu lên, nụ cười trên môi nàng mệt mỏi và hạnh phúc. Nàng nói:

- Từ giờ chúng mình đã là vợ chồng. Mẹ nói rằng bà không thể chịu nổi cảnh em đi lấy chồng, nhưng lúc này em chẳng muốn nghĩ đến điều ấy đâu... Anh biết không, em thèm tắm quá, em rất thích tắm đêm...

Nàng cởi áo qua đầu, thân mình cao dong dong của nàng hiện ra trắng trắng trong bóng tối mờ mờ. Nàng vẫn bím tóc dài quanh đầu, tay giơ lên, để lộ bộ ngực cao cao. Nàng không cảm thấy ngượng ngùng với sự khỏa thân của mình. Quấn tóc xong, nàng hôn anh thật nhanh, đứng bật dậy rồi nhảy tùm

xuống nước, đầu ngả ra phía sau, chân đập nước loay roay.

Một lúc sau anh cậ rập giúp nàng mặc áo và quàng tấm khăn rộng lên mình nàng. Trong bóng tối mờ mờ đôi mắt huyền và mái tóc đen với bím tóc quấn quanh hiện lên thật kỳ ảo. Anh không dám chạm đến nàng nữa, chỉ hôn đôi bàn tay nàng và lặng người đi trong hạnh phúc nồn nao, ngây ngất. Dường như có ai đó đứng trong bóng tối khu rừng ven bờ đầy những anh đom đóm lập lòe - đứng trong đó mà nghe ngóng. Đôi lúc lại có tiếng xào xạc đầy cẩn trọng từ phía ấy. Nàng ngẩng đầu lên:

- Đứng lại, cái gì thế?

- Đừng sợ em ạ, đấy chắc là ếch nhái lên bờ thôi.

Hay là con dim trong rừng...

- Nhưng nếu có con dê rừng thì sao?

- Con dê rừng nào kia?

- Em không biết nữa. Nhưng anh cứ thử nghĩ mà xem, có con dê từ cánh rừng đi ra, nó dừng lại và nhìn chăm chăm... Ôi, em sung sướng quá, em muốn nói đủ điều ngớ ngẩn, lắm lắm!

Anh lại áp đôi tay nàng lên môi mình, chốc chốc lại hôn vào ngực nàng lạnh ngắt như nâng niu một vật gì thiêng liêng nhất. Nàng đã trở thành một con người hoàn toàn khác đối với anh! Sau dải đen thấp thoáng của cánh rừng còn ngưng đọng và chưa tắt hẳn một vầng sáng nhờ nhờ ngả màu xanh lục in

xuống, mặt nước trắng trắng từ xa; cây cỏ ẩm sương ven hồ tỏa ra mùi hăng hắc như mùi cần tây; đàn muỗi vô hình kéo vo vo đầy bí ẩn như van xin điều gì; những con châu chấu đáng sợ, không biết ngủ cứ xè xè bay trên mạn thuyền và ngoài xa trên mặt nước lấp lánh dưới trời đêm. Và ở đâu đó có cái gì đang xào xạc, bò đi, lách qua...

Một tuần sau anh bị đuổi khỏi nhà cô gái một cách nhục nhã vô lối, lòng bàng hoàng kinh hãi vì sự chia ly hoàn toàn đột ngột với nàng.

Một lần sau bữa trưa, hai người đang chụm đầu ngồi bên nhau trong phòng khách và xem tranh in trong các số tạp chí "Niva" cũ.

- Em còn chưa chán anh đấy chứ? - Anh khẽ hỏi; làm ra vẻ đang chăm chú nhìn.

- Anh ngốc lắm. Ngốc kinh khủng! - Nàng thì thào.

Bất ngờ có tiếng chân chạy nhẹ êm - trên ngưỡng cửa hiện ra bà mẹ đỡ người của nàng, bà mặc chiếc áo choàng lụa đen nhàu nát, chân đi dép da dê sờn cũ. Cặp mắt đen của bà ánh lên một cách bi thương. Bà chạy vào phòng như ra sân khấu và hét lên:

- Tao hiểu cả rồi mà! Tao đã biết trước rồi, tao theo dõi rồi! Thằng đểu kia, mày đừng có hòng mà lấy con tao!

Bà vung tay áo rộng lên, bóp cò khẩu súng lục cổ lỗ nổ vang - khẩu súng này Pêchia vẫn dùng để dọa

chim sẻ và chỉ nhồi thuốc súng không thôi. Trong đám khói mù mịt, anh lao về phía bà, túm lấy cánh tay chắc khỏe của bà. Bà ta vùng ra, đập súng lục vào trán anh làm bật máu trên lông mày, quăng súng vào người anh; và khi nghe thấy tiếng chân người chạy trong nhà theo tiếng hô hoán và súng nổ thì bà ta càng hét to hơn, đẩy về đóng kịch hơn, dãi dớt sùi ra trên môi thâm sì:

- Có bước qua xác tao nó mới lấy mầy được! Nó mà chạy theo mầy thì ngay tức khắc tao sẽ treo cổ tự tử, sẽ nhảy từ mái nhà xuống! Đồ đểu, cuốn xéo ngay khỏi nhà tao! Còn cô kia, cô hãy chọn đi; mẹ hay là nó!

Nàng thì thảo run rẩy:

- Mẹ; mẹ...

... Anh chợt tỉnh, mở mắt ra - ô khoảng tròn nhỏ màu xanh tím trên cánh cửa ra vào vẫn miệt mài, bí ẩn, lạnh lẽo nhìn xuống anh từ trong khoảng tối, toa tàu vẫn lắc lư, nhịp nhàng và cũng miệt mài như thế lao nhanh về phía trước. Cái ga xép nhỏ hoang vắng kia đã lùi lại rất xa, rất xa. Và cũng đã hai mươi năm trôi qua từ những ngày ấy - cánh rừng nhỏ, chim ác là, đầm nước, hoa súng, những con rắn và sếu trời... Phải rồi, còn có cả sếu trời nữa chứ - anh làm sao quên được chúng! Mọi chuyện mùa hè năm ấy đều dị thường. Thật lạ lùng rằng chúng chỉ cho mỗi mình nàng lại gần, cúi cong cái cổ dài thanh thanh, từ phía trên nhìn xuống nàng với vẻ rất nghiêm nghị nhưng

đây tò mò hiền lành, khi nàng nhẹ nhàng thanh thoát chạy đến bên chúng, chân đi hài sặc sỡ. Bất thần nàng ngồi xổm trước đôi sếu, tấm váy *xaraphan* màu vàng xòe ra trên bãi cỏ xanh ven đầm ẩm ướt, ẩm áp; với vẻ say sưa thơ trẻ nàng nhìn vào đôi mắt đẹp đen dữ tợn của chúng, đôi mắt lọt vào giữa mép vòng viền màu xám sẫm. Anh nhìn lên nàng và đôi sếu từ xa qua ống nhòm; anh thấy rõ đầu sếu nhỏ màu sáng bóng, thậm chí còn nhìn thấy lỗ mũi xương xương, cái mỏ hình ống to dài chỉ cần mổ một cái là làm rắn chết. Minh sếu ngấn phủ một lớp lông đen nhánh màu thép với vạt lông đuôi lò xo, đôi chân xương xương đầy vẩy mọc của chúng quá dài và nhỏ - một con có chân đen tuyền, còn con kia chân lại ngả màu xanh lục nhạt. Đôi khi chúng đứng hàng giờ liền trên một chân, bất động một cách khó hiểu. Có lúc tự nhiên chúng lại nhảy tung tung lên, xoạc dài đôi cánh ra, hoặc có lúc lại dạo chơi đầy vẻ bệ vệ, bước đi chậm rãi, đều đặn; lúc giơ cao chân lên thì ba móng chụm lại, khi hạ xuống thì móng lại xòe ra như móng cú điều, và đầu thì lúc nào cũng lúc lắc... Nói cho đúng thì khi nàng chạy lại chỗ đôi sếu, anh đã chẳng còn nghĩ được gì, chẳng còn nhìn thấy gì - anh chỉ thấy tấm *xaraphan* của nàng xòe ra trên mặt cỏ, toàn thân anh run rẩy ngậy ngất chột hình dung tới thân thể nàng mềm mại ẩn sau tấm *xaraphan*, với những nốt ruồi nhỏ li ti. Vào ngày cuối cùng của họ,

vào lần cuối họ ngồi gần nhau trên đivăng trong phòng khách xem tập tạp chí "Niva" cũ, nàng cũng cầm lấy chiếc mũ lưỡi trai của anh, áp mũ lên ngực mình như cái lần ngồi trên thuyền hồi nào. Cặp mắt đen huyền long lanh của nàng ánh lên niềm sung sướng, nàng nhìn thẳng vào mắt anh và nói:

- Bây giờ thì em yêu anh lắm anh ạ, đến nỗi với em chẳng còn gì thân thiết hơn là mùi hương trong mũ của anh, mùi mái tóc anh và mùi nước hoa ngai ngái anh dùng!

... Tàu chạy qua Kurxcơ, trong toa ăn, sau bữa sáng, ông khách uống cà phê cùng rượu *cônhắc*, bà vợ nói với ông:

- Anh làm sao mà uống nhiều thế? Có dễ phải tới ly thứ năm rồi đấy. Vẫn còn buồn nhớ tới cô nàng có mu bàn chân thon gầy ở nhà nghỉ chứ?

- Ờ, ờ, đang buồn đây, - ông trả lời, mỉm cười gượng gạo. - Cô nàng nơi nhà nghỉ... *Amata nobis quantum amabitur nulla!*⁽¹⁾.

- Tiếng latinh đấy à? Thế nghĩa là gì?

- Mình không cần biết điều này đâu.

- Sao anh thô lỗ thế, - bà hành khách nói, thở dài không ý tứ, và đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ đầy ánh mặt trời.

⁽¹⁾ Người con gái ta yêu, chẳng bao giờ còn ai được yêu đến thế!

Say nắng

SAU BỮA CHIỀU, từ cái phòng ăn sáng ánh đèn và nóng nực, họ bước lên boong tàu và dừng lại bên hàng lan can. Nàng nhắm mắt lại, đưa hai bàn tay lên má, lòng bàn tay để lộ ra ngoài, rồi cười không kiểu cách rất đáng yêu, - từ người đàn bà nhỏ nhắn này, toát ra một cái gì thật đáng say mê. Nàng nói:

- Tôi hình như đang say phải không? Anh từ đâu tới? Ba giờ trước đây tôi cũng không thể ngờ rằng có anh tồn tại trên đời này. Ngay cả điều anh lên tàu từ bến nào tôi cũng không biết nữa. Từ bến Xamara à? Nhưng thôi, điều ấy cũng chẳng hệ trọng gì. Đây là tôi chóng mặt hay là chúng ta đang quay về phía nào?

Phía đằng trước là màn đêm điểm những đốm sáng. Từ phía bóng tối ấy, những làn gió mạnh, dịu mềm, phả vào mặt, còn những đốm sáng rập rình lùi mãi về một bên: con tàu có cái vẻ sặc sỡ của sông Vonga quay lái chạy một vòng rộng, cập vào một bến nhỏ.

Viên thiếu úy cầm lấy tay nàng đưa lên môi. Cánh tay nhỏ và khỏe, rám nắng. Trái tim anh như thất lại đầy ghê sợ và sung sướng đến ngất ngất khi

nghĩ rằng đằng sau tấm xiêm áo bằng lụa nhẹ mỏng kia, toàn thân nàng hiện lên chắc lẳn, nước da bánh mật sau một tháng nằm phơi nắng mặt trời phương Nam trên bãi cát biển nóng (nàng nói *nàng đi từ Anapa*¹). Viên sĩ quan nói lầm bầm trong miệng.

- Ta xuống bến đi...

- Xuống đâu? - Nàng hỏi giọng ngạc nhiên.

- Xuống bến này.

- Để làm gì?

Anh im lặng. Nàng lại đưa mu bàn tay áp lên đôi má nóng.

- Anh điên.

- Xuống tàu đi, - anh ta nói giọng khô khốc. - Tôi van cô...

- Thôi được, anh muốn thế thì thế, - nàng nói và quay người đi.

Tàu thủy khẽ chạm mũi vào bến mờ mờ tối, và họ suýt nữa thì ngã vào nhau. Những cuộn dây cáp to tướng ném qua đầu họ lên bờ, con tàu chòng chành, nước chảy xối xả, tiếng cầu tàu hạ xuống bờ... Anh chạy bổ vào cabin lấy đồ đạc.

Một phút sau họ đã qua cửa kiểm soát đây uế oải, bước xuống bờ cát hần thành bậc sâu và lặng lẽ ngồi lên chiếc xe ngựa bám đầy bụi cát. Con đường dốc thoai thoải, hai bên lác đác có những cây đèn

¹ Tên một thành phố nghỉ mát bên bờ biển miền Nam Nga.

cong cong, mặt đường êm vì phủ đầy cát bụi, tưởng chừng như kéo dài vô tận. Nhưng rồi xe cũng lên tới đỉnh dốc, và chạy lộc cộc trên đường phố, qua một quảng trường nho nhỏ nào đó, những công sở, tháp cao, cái ẩm áp và mùi vị của một phố huyện vào một đêm hè... Người xà ích dừng xe lại bên cạnh một cái cửa sáng ánh đèn; qua cánh cửa mở thoáng hiện chiếc cầu thang bằng gỗ cũ kỹ gần như dựng đứng, một nhân viên già đầy râu ria, không cạo, vận chiếc áo sơ-mi cổ chéo màu hồng bên ngoài khoác chiếc áo dài đến đầu gối miễn cưỡng cầm lấy đồ đạc và đi vào nhà trên đôi chân chữ bát. Họ bước vào một phòng rộng nhưng rất ngột ngạt vì suốt ngày bị mặt trời hun nóng, căn phòng có những rèm cửa trắng bỏ xuống và hai cây nến còn chưa thắp để trên giá gương, - và khi người nhân viên khách sạn vừa đóng cửa lại, viên sĩ quan liền bỏ đến bên nàng rồi cả hai người cùng run rẩy chìm đắm trong cái hôn mà sau này họ còn phải nhớ mãi đến phút ấy: cả hai người suốt đời chưa bao giờ trải qua một phút như thế.

Vào mười giờ sáng hôm sau, một ngày nóng bức, chan chứa ánh mặt trời và tràn đầy hạnh phúc, văng vẳng tiếng chuông nhà thờ, tiếng chợ họp ồn ào trên quảng trường nhỏ trước khách sạn, thoang thoang mùi rơm rạ, mùi xạ hương và tất cả những gì toát ra từ một phố huyện nước Nga - ồn ào, rộn rịp và sức nức mùi hương, nàng, người đàn bà nhỏ nhắn,

không tên, cuối cùng vẫn không nói tên mình, tự gọi đùa là "Người đẹp không quen biết", đã đi khỏi nơi đó. Họ ngủ ít thôi, nhưng sáng sớm hôm sau, bước ra khỏi tấm ri-đô đặt bên cạnh giường, sau năm phút rửa mặt và mặc quần áo, trông nàng vẫn trẻ tươi thời con gái mười bảy. Nàng có ngưng ngưng không? Không, chỉ ngưng một chút thôi. Trông nàng vẫn giản dị, vui vẻ như trước và đã có vẻ suy tính:

- Không, không, anh thân yêu, - nàng đáp lại yêu cầu của sĩ quan muốn cùng nàng đi xa nữa. - Không, anh phải ở đây đến chuyến tàu thủy sau. Nếu chúng ta cùng đi nữa, thì tất cả sẽ trở nên chẳng hay ho gì. Cả quyết với anh rằng, em hoàn toàn không phải như người mà anh đã tưởng tượng về em. Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ trong đời em lại có gì giống với cái điều vừa xảy ra. Đúng là một màn đen đã đổ sập xuống tâm trí em. Hay, đúng hơn, cả hai ta đều bị một cái gì giống như say nắng...

Không hiểu sao lúc ấy viên sĩ quan lại đồng ý với nàng rất dễ dàng. Anh tiễn đưa nàng đến bến, lòng cảm thấy như nhẹ nhàng, sung sướng. Lúc ấy con tàu hiệu "Tự bay" màu hồng đã sắp nhổ neo. Anh hôn nàng trước mặt mọi người trên boong tàu và vội vàng nhảy lên cầu tàu đã bắt đầu lùi lại đằng sau.

Anh trở về khách sạn với một cảm giác nhẹ nhàng khoan khoái như thế. Nhưng đã có cái gì

khang khác. Căn phòng vắng bóng nàng trở nên khác hẳn, không giống như khi còn có nàng. Từng vật nhỏ trong căn phòng ấy còn nhắc nhở, gợi đến nàng mà căn phòng lại quá trống trải. Điều ấy thật lạ lùng! Mùi nước hoa Anh Cát Lợi của nàng còn phảng phất hương thơm, cốc nước nàng uống dở còn đặt trên khay, mà nàng thì đã vắng... Trái tim anh bỗng thất lại, tràn ngập dịu dàng đến nỗi anh phải vội vàng lấy thuốc ra hút và đi đi lại lại trong gian phòng.

- Thật là một cuộc phiêu lưu kỳ lạ! - Anh nói thành tiếng, vừa cười vừa cảm thấy nước mắt trào ra.
- "Cả quyết với anh rằng, em hoàn toàn không phải như người mà đã có thể tưởng tượng về em...". Và thế rồi nàng đi mất...

Tám ri-đô đã bị để sang một bên, chân gối còn để nguyên chưa dọn. Viên sĩ quan cảm thấy mình không còn đủ sức để nhìn lên cái giường ấy nữa. Anh kéo tám ri-đô lại che giường đi, đóng cửa sổ để khỏi phải nghe tiếng ồn ào, huyên náo ngoài chợ, tiếng những cái bánh xe lăn trên đường. Anh hạ tám màn cửa trắng làm bằng một thứ vải xôm xộp xuống và thả mình lên đi vắng... Thôi, thế là chấm dứt "cuộc phiêu lưu trên đường đi". Nàng đã đi - và giờ đây đã ở một nơi xa lắm; chắc nàng đang ngồi trong phòng xa-lông bằng kính hay ngồi trên boong tàu và nhìn dòng sông mờ mờ lấp lánh dưới ánh mặt trời,

nhìn những bè gỗ trôi xuôi, những cồn cát vàng vươn dài ra khỏi bờ, nhìn chân trời xa tít tắp, nơi màn trời và mặt nước nhập làm một, nhìn cả khoảng không gian vô cùng vô tận trên dòng Voga này... Nàng đã đi và thế là đi mãi mãi, vĩnh biệt, không bao giờ trở lại... Bởi vì làm sao mà biết được giờ đây họ có thể gặp nhau ở đâu? - "Minh không thể nào, - anh nghĩ, - không thể vì bất cứ lý do gì lại đi đến cái thành phố, nơi có chồng nàng và đứa con gái ba tuổi, nơi có cả gia đình nàng và cuộc sống của nàng!" - Thành phố ấy bỗng trở lên một thành phố khác thường, có cái gì linh thiêng và cái ý nghĩ rằng nàng sẽ sống ở đây một cuộc sống cô đơn buồn tẻ và có lẽ sẽ nhớ đến anh luôn, nhớ đến cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi giữa hai người, còn anh thì không bao giờ được trông thấy nàng nữa, - ý nghĩ ấy làm anh ngạc nhiên và sửng sốt. Không, không thể thế được! Điều ấy quá kỳ quặc, trái với tự nhiên trái với sự thật! Anh bỗng cảm thấy lòng quặn đau và thấy cả cuộc đời sắp tới của anh, cuộc đời thiếu vắng nàng, sẽ thừa, sẽ không cần thiết biết bao nhiêu! Ý nghĩ ấy làm anh thất vọng, làm anh kinh sợ.

"Thật là khỉ! - Anh nghĩ thế rồi đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, mắt cố không nhìn ra sau tấm màn che. - Điều gì đã đến với mình thế? Nàng có gì đặc biệt và cái gì đã xảy ra? Đúng là một cái gì giống như sự say nắng đã đến! Và cái chính là bây giờ mình làm

sao có thể sống qua một ngày, không có nàng, ở đây, ở nơi hẻo lánh này?"

Anh còn nhớ nàng như in, với tất cả những nét đặc biệt của nàng, nhớ cái mùi da rám nắng và tấm áo lụa nhẹ bồng bồng, tấm thân chắc lắn, nhớ cái giọng vang vang, giản dị, đầy sức sống của nàng... Cái cảm giác sung sướng đến ngây ngất mà tấm thân dịu dàng non trẻ của nàng vừa đem lại còn nóng hổi trong anh một cách kỳ lạ, nhưng giờ đây cái chính vẫn là cảm giác khác, một cảm giác thứ hai, hoàn toàn mới - đó là một cảm giác rất lạ lùng, khó hiểu, mà anh không hề thấy, không thể thấy trước được khi mà anh còn bên nàng, khi anh bắt đầu cái cuộc làm quen này, cuộc làm quen, anh nghĩ, chỉ để giải trí một cách ngộ nghĩnh. Bây giờ anh không sao nói được với nàng cái cảm giác đó nữa: "Điều chủ yếu là, giờ đây không sao nói được với nàng nữa, làm gì và làm sao sống qua được cái ngày dài vô tận này với chuỗi dài kỷ niệm, với nỗi khổ đau dần vật không lối thoát này, ở giữa cái nơi sơn cùng thủy tận ngay bên cạnh dòng sông Vonga lấp loáng ánh nước mà chính theo dòng sông này con tàu màu hồng ấy đã đưa nàng đi!"

Cần phải kiếm chuyện gì mà làm cho khuây khỏa, cần phải đi đâu đó. Anh vội vã đội mũ lưỡi trai, cầm lấy cái roi cưỡi rồi bước thật nhanh, ra ngoài hành lang, gót giày đóng cá của anh kêu lộc

xọc. Anh vội vàng chạy theo cầu thang dựng đứng xuống cửa ra vào... Nhưng mà, đi đâu? Trước cửa, anh nhìn thấy một người xà ích trẻ tuổi ăn vận gọn gàng đang điềm nhiên hút thuốc. Anh ngơ ngác nhìn người đánh xe và sững sờ tự hỏi: Làm sao mà có thể điềm nhiên ngồi trên ghế xe như thế, chậm rãi hút thuốc và lúc nào cũng cảm thấy cuộc đời giản đơn, vô tư, lành đạm? - "Có lẽ chỉ có một mình mình là đang khổ sở dần vật giữa cái thành phố này", - viên sĩ quan vừa nghĩ vậy, vừa đi về phía chợ.

Chợ đã bắt đầu đông đúc lắm. Không hiểu sao anh cứ giẫm chân lên những mặt đường nhầy nhụa những bùn phân rơm rạ, giữa những hàng xe ngựa, bên những đống dưa chuột, đĩa bát mới nguyên.. Những người đàn bà ngồi ngay trên mặt đất, lòng bàn tay lắc lắc vốc hạt đỗ khoe phẩm chất của chúng, mồm gọi anh liên tiếp. Những người đàn ông đứng cạnh thì gào to lên: "Thưa ngài, đây là một thứ dưa chuột thượng hảo hạng đây!". Tất cả đều như vừa thấy thật là ghê sợ vô nghĩa, và anh vội vàng chạy ra khỏi chợ. Anh đi vào nhà thờ, nơi các con chiên đang hát cầu kinh, giọng rất to và thật hào hứng, rành rề, tràn đầy cảm giác trách nhiệm. Anh đi dạo rất lâu trong cái vườn nhỏ ở bên sườn đồi chan hòa ánh nắng nóng bức, nhìn xuống dòng sông rộng đang lấp lánh... Lon và cúc áo anh nóng lên đến mức không dám sờ tay vào nữa. Mũi anh đầm đìa mồ hôi, mặt

nóng ran... Trở về khách sạn, anh khoan khoái bước vào phòng ăn rộng rãi trống trải mát mẻ đặt ở tầng dưới cùng, khoan khoái bỏ mũ ra và ngồi xuống bên chiếc bàn đặt gần cửa sổ để mở. Nóng từ ngoài trời vẫn phả vào phía trong cửa sổ, nhưng không khí thì vẫn thoáng đãng. Anh gọi món cá trộn với hành tươi và cà rốt ướp lạnh... Tất cả là những cái gì thật nhẹ nhàng, thật hạnh phúc. Niềm vui sướng vô bờ bến ấy, như khắp mọi nơi, ở ngay cái nóng nực ghê gớm này, trong cái mùi vị ồn ào của chợ, trong cái thị trấn nhỏ bé xa lạ, cái khách sạn cổ lỗ của một phố huyện, duy chỉ có điều là trái tim anh như đang bị xé ra thành từng mảnh cùng với niềm sung sướng ấy. Anh uống vội mấy chén rượu vodka, nhấm với dưa chuột muối nhạt và thì là, cảm thấy rằng có thể chết ngay ngày mai nếu có cách diệu kỳ nào trả nàng cho anh hôm nay, để anh cùng sống với nàng thêm một ngày nữa, một ngày nữa thôi, cùng sống chỉ nhằm mục đích, chỉ để thổ lộ với nàng, giải bày với nàng, làm cho nàng tin rằng anh đang ngây ngất, say sưa yêu nàng đến đau đớn... Nhưng giải bày mà làm gì? Để nàng tin mà làm gì? Anh không biết tại sao, chỉ biết điều ấy đối với anh còn cần thiết hơn bản thân sự sống.

- Đầu óc hoàn toàn loạn xạ rồi! - Viên sĩ quan vừa nói vừa tự rót cho mình chén rượu vodka thứ năm.

Anh gạt đĩa cá trộn hành tươi sang một bên, gọi tiếp cà phê đen rồi châm thuốc hút. Đầu óc anh căng thẳng: phải làm gì bây giờ đây, làm sao thoát khỏi tình yêu bất ngờ này? Nhưng anh cũng cảm thấy rõ rệt rằng không sao thoát khỏi được mối tình ấy. Thình lình anh đứng vụt dậy, vợ vội chiếc mũ và cái roi cứng. Sau khi hỏi xem nhà dây thép ở đâu, anh bèn rảo bước đi về phía ấy, trong đầu đã chuẩn bị sẵn một bức điện ngắn ngủi: "Từ ngày hôm nay, cuộc đời anh là của em, trong quyền lực của em, mãi mãi, cho đến khi chết". Nhưng vừa bước đến bên tường dây đồ sộ của ngôi nhà bưu điện, anh bỗng đứng sững lại sợ hãi: anh biết tên thành phố nàng ở, biết nàng có chồng và đứa con gái ba tuổi, nhưng không hề biết tên, biết họ của nàng! Hôm qua lúc ăn chiều, đã mấy lần anh hỏi nàng về điều ấy, nhưng lần nào nàng cũng chỉ cười và nói:

- Việc gì mà anh phải cần biết em là ai, em tên là gì?

Trong góc phố bên cạnh nhà bưu điện có một hiệu ảnh nhỏ. Anh đứng lặng nhìn chăm chú vào bức ảnh, một viên sĩ quan nào đeo lon viên tua, đôi mắt lồi ra, trán thấp lè tè, có một bộ râu quai nón rất oai vệ và một bộ ngực nở nang đầy mỡ dày... Cuộc sống đơn điệu hàng ngày trở nên thật kỳ quặc, thật ghê sợ khi mà trái tim bị trúng, đúng là "bị trúng", giờ đây anh mới hiểu điều đó, - một quả đấm khủng khiếp -

"quả đấm của mặt trời" - bị say nắng. Trái tim anh đang bị một tình yêu quá lớn, một hạnh phúc quá lớn đâm rạch! Anh nhìn lên tấm ảnh chụp một đôi trai gái mới cưới, - người con trai mặc chiếc áo vét dài cổ đeo cà vạt trắng, tóc cắt ngắn, đứng sòng đôi bên cô gái vận bộ đồ lụa trắng, tay cầm lấy tay cô... Anh đưa mắt nhìn sang bức ảnh một tiểu thư đội lệch chiếc mũ, 'gương mặt xinh đẹp, tươi tắn... Sau đó, lòng tràn đầy niềm khổ đau ghen tỵ với những người không quen biết vừa rồi, những người không phải chịu đau đớn, anh đắm đắm nhìn dọc theo dãy phố.

- Đi đâu đây? Làm gì đây?

Phố xá vắng tanh. Nhà nào cũng giống nhà nào, đều màu trắng, hai tầng, đều là những cửa hiệu kê bên những cái vườn rất rộng; có cảm giác rằng trong những ngôi nhà ấy không có lấy một người nào. Trên mặt đường, cát trắng lấp lánh sáng lên như đang bị rang dưới ánh mặt trời nóng bức, rực lửa, chói chang niềm vui mà cũng vô vị ở đây. Đằng xa con đường phố dốc thoải chạy cao dần lên phía bầu trời không gợn một đám mây nào và sáng xám. Có cái gì gợi lại những thành phố phương Nam như Xêvaxtôpôn, Kéc... Anapa. Hồi tưởng ấy làm viên sĩ quan không chịu nổi. Và anh vội vàng quay trở lại cúi đầu, nheo mắt nhìn chằm chằm những bước chân của chính mình. Anh loạng choạng bước đi va vấp, giày đá vào nhau.

Viên sĩ quan trở về khách sạn, người thấy một mối lạ lùng, tưởng chừng như vừa đi một đoạn đường dài vô tận ở Turokextan, ở sa mạc Xakhara. Cố thu hết sức còn lại, anh bước vào căn phòng rộng lớn vắng ngắt của mình. Người ta đã thu dọn xong phòng anh, những dấu vết cuối cùng của nàng không còn nữa, chỉ có chiếc cặp tóc của nàng là nằm sót lại trên bàn nhỏ đặt cạnh giường! Anh cởi bỏ bộ quân phục rồi nhìn vào gương: khuôn mặt anh, - như bao khuôn mặt sĩ quan bình thường khác, đen xạm đi vì nắng, có bộ ria mép khô cứng vì nóng, đôi mắt xanh biếc, dường như sáng thêm bên nước da sạm nắng, giờ đây lộ rõ những nét căng thẳng điên dại. Cái cổ đứng áo sơ-mi trắng mỏng gợi một cái gì trẻ trung mà cũng thật là bất hạnh. Anh nằm ngửa xuống giường và gác đôi giày xám đầy bụi lên thanh giường. Cánh cửa sổ mở rộng, rèm cửa rủ xuống và chốc chốc những làn gió nhẹ lại khẽ đung đưa tấm rèm, đem vào trong phòng cái hơi nóng hùng hực của những mái tôn đang bị thiêu đốt, cái hơi nóng của cả một bầu trời sông Vonga trống trải, lặng yên giờ đây đang chan hòa ánh sáng. Anh vòng đặt hai tay dưới gáy mình và chăm chú nhìn ra trước mặt. Một lát sau, anh mím chặt môi, từ từ nhắm đôi hàng mi và cảm thấy nước mắt trào ra ở đó, - anh ngủ thiếp đi và khi tỉnh dậy, đằng sau tấm rèm cửa, mặt trời chiều đã óng vàng đỏ rực. Gió đã ngừng thổi,

căn phòng trở nên nóng bí, khô rang như trong một cái lò... Anh nhớ lại ngày qua, sáng nay, và tưởng chừng như mười năm đã trôi qua.

Anh chậm rãi đứng dậy, chậm rãi tắm rửa, kéo tấm rèm cửa lên rồi gọi người hầu phòng đưa ấm trà đến và tính tiền. Anh lặng lẽ ngồi rất lâu uống cốc nước chè có bỏ những lát chanh. Sau đó, anh cho gọi người xà ích đến, mang đồ đạc ra ngoài. Anh ngồi lên chiếc ghế đệm đã vàng khè và cho hầu người hầu phòng nắm rúp.

- Thưa ngài, hình như cũng chính tôi chở ngài tối hôm qua thì phải! - người đánh xe cầm lấy dây cương vui vẻ nói.

Khi anh xuống bến, trên mặt sông Vonga màn đêm hè xanh biếc đã phủ xuống. Trên khắp dòng sông, lấp lánh những đốm sáng nhiều màu rực rỡ. Trên cột buồm con tàu đang cập bến ánh đèn lơ mờ rõ dần.

- Tôi đã chở ngài đến nơi đến chốn bình yên rồi nhé! - Người lái xe nói giọng xun xoe.

Viên sĩ quan cũng thưởng cho anh ta năm rúp, lại mua vé tàu và xuống bến... Cũng như hôm qua, tàu cũng khê chạm vào bến, người cũng hơi chóng mặt vì chân như bị hẫng xuống, tiếng dây cáp ném lên bờ, và sau đó là tiếng nước xối xả quanh bánh lái con tàu đã từ từ lùi lại... Có cái gì vồn vã niềm nở khác thường từ cái con tàu đông nghịt hành khách

mà tất cả đèn đã bật sáng và mùi thức ăn thơm phức từ nhà bếp đã bay ra.

Tàu thủy chạy ngược dòng sông cùng về phía mà chỉ mới sáng nay thôi nàng đã đi.

Ánh chiều hè đỏ sậm đang dần tắt từ một nơi xa lắm, để lại trên mặt sông gợn sóng lăn tăn phía chân trời xa tít tắp những vệt sáng mờ mờ, ảm đạm, khẽ lấp lánh. Những ánh lửa tản mạn giữa màn đêm chung quanh cứ lùi dần về phía sau.

Viên sĩ quan lặng ngồi trong căn phòng trống trải bốn phía trên boong tàu và anh cảm thấy mình già thêm chục tuổi.

Bờ biển Anpơ, 1925

Hơi thở nhẹ

NGOÀI NGHĨA ĐỊA, trên nấm mộ còn tươi màu đất sét có cắm cây thánh giá mới bằng gỗ sồi, trông nặng nề, phẳng phiu và chắc chắn.

Những ngày tháng tư, trời u ám; từ xa qua những hàng cây trơ cành trụi lá đã có thể nhìn thấy những lăng xây trong nghĩa trang thoáng đãng của một phố huyện, và gió lạnh réo lên từng hồi dài qua vòng hoa sứ đặt bên chân cây thánh giá.

Gắn với cây thánh giá là một tấm *mêđai-giông* khá to bằng sứ nổi vồng lên, hiện rõ ảnh chân dung một nữ học sinh với đôi mắt đầy vui sướng và vô cùng linh lợi.

Đó là Ôlia Mêserxkaia.

Khi còn nhỏ, cô bé Ôlia chẳng có gì nổi bật giữa đám nữ sinh mặc đồng phục màu nâu: có thể nói gì về cô, ngoài điều rằng cô thuộc loại xinh xắn, con nhà giàu có, sung sướng, rằng cô học khá, nhưng tinh nghịch và rất vô tâm trước những lời chỉ bảo mà bà giáo chủ nhiệm lớp đã nói với cô? Ít lâu sau cô bỗng đẹp rực rỡ như đóa hoa nở rộ đổi thay không

phải từng ngày mà là từng giờ. Năm mười bốn tuổi Ôlia đã có hình dáng thon thả, đôi chân thẳng, ngực tròn căng, cô đã có những đường nét mà vẻ đằm đỗi của chúng xưa nay ngôn ngữ loài người chưa bao giờ diễn tả được; năm mười lăm tuổi, Ôlia đã nổi tiếng là một cô gái xinh đẹp. Mấy đứa bạn gái của Ôlia thì lúc nào cũng chải chuốt kỹ càng, ăn vận sạch sẽ, chăm chút cho từng cử chỉ đáng điệu đầy ý tứ của mình! Còn Ôlia thì chẳng kiêng dè gì cả - cô không sợ các vết mực dính vào ngón tay, không sợ để má mình ửng đỏ, đầu tóc rối tung hay đầu gối lộ trần ra khi bị ngã. Chẳng cần cô phải quan tâm, cố gắng gì, những điều làm cô nổi bật lên trong trường hai năm gần đây cũng tự nhiên đến với cô - đó là vẻ yêu kiều, đằm dáng, uyển chuyển khoan thai và ánh mắt sáng long lanh... Trong các buổi vũ hội không ai nhảy đẹp như Ôlia, không ai trượt băng nhanh như cô, không ai được nhiều người theo đuổi tán tỉnh trong các dạ hội như cô, không hiểu vì sao bọn học trò các lớp dưới cũng ngưỡng mộ cô nhiều nhất. Ôlia trở thành thiếu nữ tự lúc nào không hay, và không biết từ bao giờ ánh hào quang đã bao quanh tên cô trong trường học. Người ta đã đồn đại rằng tính tình cô nông nổi, cô không thể sống thiếu người ngưỡng mộ, rằng cậu học trò Sensin phải lòng Ôlia đến mất trí, rằng hình như cô cũng yêu cậu ấy, nhưng cách đối xử của cô thay đổi luôn luôn, khiến cậu ta đã mấy lần tính kế quỳên sinh...

Vào mùa thu cuối cùng của mình, như người ta bàn tán trong trường, Ôlia đã hoàn toàn phát điên lên vì vui sướng. Đó là một mùa đông lạnh giá, tuyết rơi nhiều, mà chói chang ánh nắng; mặt trời khuất sớm sau tán cây vân sam cao mọc trong vườn trường phủ đầy tuyết, mặt trời trong sáng lóe lên muôn vàn tia nắng báo hiệu một ngày mai giá rét, chan hòa ánh sáng, hứa hẹn cuộc dạo chơi trên phố Nhà Thờ, trượt băng trong công viên thành phố, vào buổi tối hồng hồng, khi tiếng nhạc nổi lên, giữa đám người đang lướt nhẹ trên sân băng, Ôlia sẽ nổi bật như là người thanh thoát nhất, hạnh phúc nhất.

Có lần, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi Ôlia đang chạy như bay trong hội trường dựng lên bằng cách lắp ghép, đằng sau cô là đám nữ sinh lớp một vừa đuổi theo, vừa hò reo vui vẻ, thì người ta bất ngờ cho gọi cô lên gặp bà hiệu trưởng. Ôlia đang chạy, đứng sững lại, thở vào một cái rất sâu, rồi bằng một động tác nhanh nhẹn quen thuộc của người phụ nữ, cô sửa lại mái tóc, kéo dài áo yếm lên vai và chạy vội lên gác, mắt sáng long lanh. Bà hiệu trưởng gương mặt trông còn trẻ hơn tuổi thật, nhưng mái đầu đã bạc, bà điềm nhiên ngồi sau chiếc bàn viết đặt dưới tấm Sa hoàng, tay cầm cuộn len đan.

- Chào *m-lle Ôlia*, - bà ta nói bằng tiếng Pháp, mắt vẫn không rời mũi đan. - Rất tiếc là không phải

lần đầu tôi phải cho gọi cô tới đây để nói về cách ứng xử của cô.

- Em nghe đây, thưa *madame*, - Ôlia trả lời, bước lại gần bàn, đưa cặp mắt sáng linh lợi nhìn lên bà hiệu trưởng, gương mặt cô bình thản như không. Tiếp đó cô ngồi xuống một cách nhẹ nhàng và yếu điệu như thể chỉ có mình cô biết cách ngồi như thế.

- Cô sẽ bỏ ngoài tai những lời tôi nói, rất tiếc là tôi phải tin như vậy, - bà hiệu trưởng nói, tay kéo sợi đan làm cuộn len lăn đi trên nền gỗ bóng nhẵn, nơi Ôlia đang nhìn xuống đất với vẻ tò mò; bà đưa mắt nhìn lên và nói tiếp: - Tôi sẽ không nói lại, sẽ không nói nhiều.

Ôlia rất thích căn phòng rộng rãi và sạch sẽ như lau như ly này, nơi vào những ngày băng giá, chiếc lò sưởi kiểu Hà Lan vẫn tỏa hơi ấm áp và thoang thoảng hương hoa linh lan đặt trên bàn. Ôlia nhìn lên chân dung nhà vua trẻ tuổi được vẽ toàn thân giữa một gian phòng bóng loáng; nhìn lên đường ngôi đều đặn trên mái tóc trắng màu sữa được uốn rất khéo của bà hiệu trưởng và im lặng chờ đợi.

- Cô không còn bé bỏng nữa đâu, - bà hiệu trưởng nói bóng gió xa xôi, trong lòng đã bắt đầu cảm thấy bức bối.

- Vâng, thưa *madame*, - Ôlia đáp lại một cách thản nhiên, gần như là vui vẻ nữa.

- Nhưng cũng chưa phải là đàn bà, - bà hiệu

trưởng nói tiếp với ngụ ý xa xôi hơn nữa, gương mặt trắng nhờ nhờ của bà hơi ửng đỏ. - Điều trước tiên, - cô chải đầu kiểu gì vậy? Đó là kiểu đầu của đàn bà!

- Thưa *madame*, em không có lỗi gì, nếu em có bộ tóc đẹp, - Ôlia trả lời và hai bàn tay cô khẽ chạm vào mái đầu chải rất đẹp của mình.

- À ra thế, cô không có lỗi hả! - Bà hiệu trưởng nói. - Cô không có lỗi khi để đầu tóc như vậy, không có lỗi khi dùng những thứ lược đắt tiền, không có lỗi khi làm cha mẹ khánh kiệt vì phải sắm cho cô thứ giày cao gót giá những hai mươi rúp! Nhưng, tôi nhắc lại cho cô, cô đã hoàn toàn bỏ qua điều rằng cô đã là nữ học sinh...

Liên đó, Ôlia không còn giữ được vẻ giản dị và bình thản nữa, cô bất ngờ lịch sự ngắt lời bà hiệu trưởng:

- Xin lỗi *madame*, bà nhầm rồi; em đã là đàn bà rồi. Ai có lỗi trong chuyện này, - bà có biết không? Người đó là bạn, là hàng xóm của ba em và là em trai của bà: Ông Alécxây Mikhailôvích Maliuchin. Chuyện này xảy ra mùa hè năm ngoái ở làng quê...

Một tháng sau lần nói chuyện đó, một viên sĩ quan *kazác* xấu xí, chẳng có chút gì là mã thượng phong lưu, chẳng có chút gì tương đồng với môi trường của Ôlia, viên sĩ quan ấy đã bắn chết cô trên sân ga, giữa đám người đông đúc - khi tàu vừa đến. Và cái điều Ôlia tự thú vừa khó tin, vừa đã từng làm

bà hiệu trưởng kinh ngạc, đã hoàn toàn được xác nhận: Viên sĩ quan thông báo với viên dự thẩm của tòa án rằng Ôlia đã quyến rũ y, chung sống với y, đã hứa sẽ làm vợ y, thế mà ở ngoài ga, vào hôm xảy ra vụ án mạng, khi y tiễn Nôvôtrercát, cô bất ngờ nói rằng cô chưa hề bao giờ nghĩ tới chuyện yêu y cả, rằng tất cả những lời lẽ về chuyện hôn nhân chẳng qua chỉ là sự giấu cợt của cô đối với y. Tiếp đó Ôlia đã đưa cho Maliuchin đọc trang nhật ký ghi về y.

- Tôi liếc mắt xem mấy dòng ấy và liền sau đấy, ngay trên sân ga, nơi cô ta đang đi dạo chờ tôi đọc xong, tôi đã bắt cô ta, - viên sĩ quan nói. - Đây, xin mời ông xem, những gì đã được viết trong nhật ký ghi ngày mười tháng bảy năm ngoái.

Trong nhật ký có ghi những dòng sau:

"Bây giờ là hai giờ đêm. Tôi thiếp đi, nhưng một lúc sau thì tỉnh lại... Giờ thì tôi đã thành đàn bà rồi! Ba, mẹ và Tolia, tất cả đều vào thành phố, có mình tôi ở lại. Tôi đã cảm thấy thật hạnh phúc, khi còn lại một mình! Buổi sáng tôi dạo chơi trong vườn, ngoài đồng, tôi vào rừng, có cảm tưởng này trong cả thế giới này chỉ có một mình tôi, tôi cảm thấy đầu óc mình sáng khoái như chưa từng bao giờ gặp thế trong đời. Tôi ngồi ăn một mình, sau đó chơi đàn suốt một giờ liền, trong tiếng nhạc, tôi có cảm giác rằng mình sẽ được sống mãi mãi, sẽ được hạnh phúc hơn hết cả mọi người. Sau đó tôi ngủ thiếp đi

trong phòng làm việc của ba, nhưng đến bốn giờ thì Kachia đánh thức tôi dậy và bảo rằng có ông Maliuchin đến. Tôi rất mừng thấy ông tới chơi, tôi cảm thấy khoan khoái khi được tiếp, chuyện trò đầy thú vị với ông. Ông đến bằng cỗ xe song mã của mình, hai chú ngựa nom rất đẹp, chúng cứ đứng cạnh thêm mãi, còn ông thì lưu lại chưa về ngay được vì trời mưa, ông ấy mong sao cho tôi chập tối thì tạnh. Ông tiếc không gặp được ba, tỏ ra rất hoạt bát, đối xử với tôi như một hiệp sĩ, nói đùa nhiều lần rằng từ lâu ông đã phải lòng tôi. Trước lúc uống trà, chúng tôi dạo chơi trong vườn, thời tiết lại tuyệt vời, ánh mặt trời lấp loáng qua khu vườn còn đọng nước mưa. Tuy khí trời đã rất lạnh nhưng ông vẫn khoác tay tôi đi dạo và nói rằng ông là Phacxtơ đi bên nàng Macgrit. Ông đã năm mươi sáu tuổi, nhưng còn rất đẹp và ăn vận lúc nào cũng chỉnh chu - tôi chỉ không thích một điều là khi tới đây, ông đã mặc chiếc áo khoác thùng thình, - người tỏa ra mùi nước hoa Anh Cái Lợi, còn cặp mắt đen thì trông rất trẻ, bộ râu mềm mại tách ra làm hai phần dài và đã hoàn toàn bạc trắng. Chúng tôi ngồi uống trà ở ngoài hiên có kính ngăn, tôi cảm thấy mình hình như không được khỏe và nằm xuống chiếc divăng, còn ông thì hút thuốc, sau đó ngồi sang chỗ gần tôi, bắt đầu nói những lời êm ái, ngắm nghía rồi hôn lên tay tôi. Tôi lấy chiếc khăn lụa che mặt, còn ông thì mấy lần hôn

vào môi tôi qua lần khăn ấy... Tôi không hiểu sao điều ấy lại có thể xảy ra, tôi điên mất rồi, tôi không bao giờ nghĩ rằng mình lại như thế! Bây giờ tôi chỉ còn một lối thoát... Tôi cảm thấy ghê tởm ông ta đến mức không thể nào chịu nổi điều này!...".

Vào những ngày tháng tư ấy, thành phố trở lên khô ráo, sạch sẽ, những phiến đá lát đường như trắng ra, đi trên đấy thật nhẹ nhàng và dễ chịu. Mỗi chủ nhật, sau một tuần lễ cầu kinh buổi sáng, dọc theo phố Nhà thờ dẫn ra ngoài thị trấn; thường thấy một người phụ nữ nhỏ nhắn đang đi, và bận đồ tang, đi găng tay da mềm màu đen, cầm chiếc ô làm từ gỗ mun. Bà đi qua quảng trường bắn thủ, nơi có nhiều lò rèn ám khói và không khí trong mát ngoài đồng thối về; tiếp đó bà đi giữa nam tu viện và nhà lao, mây trắng vùn vụt ngang trời và cánh đồng mùa xuân ngả màu xám xám; sau đó, khi đi qua những vũng nước dưới chân tường tu viện và rẽ sang trái, bà thấy hiện ra trước mặt một khu vườn khá rộng, cây cối thấp có hàng rào màu trắng bao quanh, phía trên cổng vào đấy có đề dòng chữ Đức thánh Bà tạ thế. Người phụ nữ nhỏ nhắn vội làm dấu theo thói quen đi tiếp trên con đường chính giữa hai hàng cây xanh. Tới bên chiếc ghế đối diện cây thánh giá làm bằng gỗ sồi, bà ngồi xuống trong gió lạnh mùa xuân chừng một hai giờ, cho tới lúc đôi chân đi giày mỏng và tay đeo găng da chật nhỏ cảm thấy tê cóng. Lặng

nghe chim mùa xuân hót ngọt ngào cả giữa trời giá rét, nghe tiếng gió reo qua chiếc vòng hoa sứ, có lúc bà nghĩ rằng bà sẵn lòng hiến nửa cuộc đời mình chỉ để sao cho khỏi phải thấy trước mắt cái vòng hoa chết chóc này. Cái vòng hoa này, nắm đất này, cây thánh giá gỗ sồi này! Có thể nào tin được rằng dưới đó là cô gái với đôi mắt bất tử sáng long lanh từ tấm ảnh trong chiếc *médaigion* bằng sứ gắn vào cây thánh giá? Làm sao có thể nhập hòa làm một ánh mắt trong sáng ấy với cái điều khủng khiếp từ giờ đã gắn liền với tên tuổi Ôlia? - Nhưng tự trong đáy lòng, người phụ nữ nhỏ nhắn thấy mình hạnh phúc, như tất cả những người trung thành với một ước mơ nồng cháy của mình.

Người phụ nữ này là bà giáo chủ nhiệm của lớp Ôlia, một cô gái quá lứa, từ lâu đã sống bằng những thần tượng đó là người anh trai của bà, một viên hạ sĩ quan nghèo xác chẳng có gì nổi bật, - bà gắn bó cả tâm hồn mình với anh trai, với tương lai của anh mà không biết vì sao bà lại hình dung là xuất chúng. Khi anh bị giết ở gần Mukđen, bà tự coi mình là một viên chức có đầu óc tiên tiến. Cái chết của Ôlia thu hút ám ảnh bà bởi một niềm mơ ước mới. Giờ đây Ôlia trở thành đối tượng cho những ý nghĩ và tình cảm triền miên không dứt của bà. Ngày nghỉ nào bà cũng ra thăm mộ cô, ngắm nhìn hàng giờ liền cây thánh giá gỗ sồi, nhớ lại gương mặt nhợt nhạt của Ôlia nằm

trong quan tài giữa những vòng hoa. Bà nhớ lại có lần bà đã nghe lỏm được: Có lần, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi đi dạo trong vườn trường, Ôlia đã nói rất nhanh với Xúpbôchina, cô bạn gái thân cao to, đầy đà:

- Tớ đọc được trong một cuốn sách của ba tớ, - ba tớ nhiều sách cổ buồn cười lắm cơ, - phụ nữ phải có vẻ đẹp thế nào... Cậu biết không, trong sách ấy nói nhiều điều đến nỗi chẳng nhớ hết được đâu: này nhé, tất nhiên là cặp mắt phải đen, sồi lên như nhựa, - có trời mới biết được trong sách viết như thế: sồi lên như nhựa! - lông mi phải đen như trời đêm, má mịn màng phơn phớt hồng, eo lưng thon thả, cánh tay dài hơn bình thường, - cậu hiểu không, phải dài hơn bình thường! - Chân nhỏ nhắn, ngực đầy đặn vừa phải, bắp chân tròn đều, đầu gối màu vỏ hến, vai hơi xuôi, - tớ gần như thuộc lòng nhiều điều lắm nhé, điều nào cũng đúng cả! - Nhưng cái chính, cậu biết là gì không? - Là phải có hơi thở nhẹ! Tớ cũng có cái đó đấy, - cậu nghe xem tớ thở thế nào nhé, - đúng là tớ có phải không?

Giờ đây hơi thở nhẹ ấy lại lan tỏa đi trong thế giới này, dưới bầu trời đầy mây, trong gió xuân lành lạnh.

Chiếc cốc đời

I

BA MUỐI NĂM TRƯỚC, khi phố huyện Xtorêlét còn xơ xác và quang đặng, cậu học trò trường dòng tên là Kiro Iorơđanxki, con của một viên trợ tế đã về nghỉ hè tại đây và phải lòng cô Xanhia Điêxpêrôva, con gái một ông trùm đạo. Xêlikhốp, một nhân viên của hội đồng giáo chủ, về nghỉ phép không biết làm gì đã theo đuổi tán tỉnh cô Xanhia. Vào mùa hè năm ấy Xinhia thật nhẹ nhõm vô tư, có cảm giác thấy hạnh phúc một cách vô cớ; tối nào cũng dạo chơi trong vườn hoa thị trấn, trong khu rừng cạnh nghĩa trang: Cô mặc chiếc áo vải hoa, thắt chiếc lơ to bằng lụa đỏ lên đuôi sam tóc dày màu hạt dẻ; cô cảm thấy mình xinh đẹp, được mọi người chú ý đến nên lúc nào cũng khe khẽ hát, đầu hơi ngả về phía sau. Trong số những người hăm mộ cô chỉ thích một mình Iorơđanxki. Nhưng cô sợ anh. Anh làm cô kinh hãi bằng tình yêu lạnh lẽ của mình, bằng ánh mắt đen rực lửa và mái tóc màu sẫm; cô thấy người nóng ran mỗi khi bắt gặp cái nhìn của anh, nhưng bề

ngoài cô làm ra vẻ kiêu kỳ, không trông thấy anh. Còn Xêlikhốp thì lại là một chàng công tử tỉnh lẻ, ăn vận rất mộc, đối xử lịch thiệp hơn cả, nhanh nhẹn, sắc sảo, luôn pha trò cười cho các bạn gái của Xanhia; tay thường vung vẩy chiếc can, kênh kiệu nhìn Iorôđanxki vì y thấp bé. Ông trùm đạo cảm thấy Xêlikhốp là một chàng trai trẻ đáng mến, tháo vát, chứ không như cái cậu học sinh trường dòng Iorôđanxki cao to mà nghèo kiết. Có lần, vào một tối tháng bảy, khi mọi người trong thành phố đều ra đường dạo mát hay cưỡi ngựa đi chơi, và mặt trời lặn dần phía cuối phố Dài trong đám bụi vàng bốc lên bởi những đàn súc vật; khi Xanhia khoác tay Xêlikhốp đi về phía cánh rừng bên nghĩa địa, đằng sau là anh chàng Iorôđanxki mặt mày rầu rĩ đang đi giữa đám bạn gái Xanhia, cạnh đó anh chàng Gôridôntốp to như hộ pháp, cũng là học sinh trường dòng, đang ngật ngưỡng hát nghêu ngao; vào lần ấy Xêlikhốp đã quýt ngoái nhìn lại mấy người kia rồi ghé sát mặt Xanhia, dịu dàng nắm lấy tay cô và thì thào:

- Tôi ước ao mãi mãi được nâng niu bàn tay nhỏ này, cô Xanhia ạ.

II

Suốt ba mươi năm Iorôđanxki và Xêlikhốp tránh gặp mặt nhau, hầu như không bao giờ thấy nhau,

nhưng đã không quên nhau. Cả hai đều sử dụng sức lực, tài cán của mình để ganh đua với nhau trong việc đạt tới sự nổi tiếng, giàu có và sang trọng. Từ lâu lắm rồi cả hai đều sinh sống ở *Xtơrêlét*, họ ganh đua với nhau và cũng đạt được nhiều điều. Iordanaxki trở thành linh mục chánh xứ và làm cả huyện phải thán phục về trí thông minh, học vấn uyên bác và sự nghiêm khắc. Còn Xêlikhốp thì phát tài và nổi tiếng là một kẻ cho vay lãi cắt cổ. Iordanaxki mua một ngôi nhà ở phố Cát. Xêlikhốp cũng không chịu lép; như để chọc tức kẻ kình địch với mình, y mua một ngôi nhà to gấp đôi sát ngay bên cạnh. Gặp ngoài đường, họ không chào nhau, làm ra vẻ không còn nhớ, nhưng thực ra luôn nghĩ tới nhau với lòng khinh bỉ. Cả hai đều khinh bỉ và không thèm để ý đến vợ mình. Iordanaxki thì bỏ bà vợ xấu xí một cách dửng dưng mười năm sau khi cưới. Còn Xêlikhốp thì hầu như không bao giờ nói chuyện với Xanhia. Ít lâu sau ngày cưới, có lần y bắt gặp Xanhia khóc, nàng mặc chiếc áo hoa kiểu vùng Morôđốp, tết đuôi sam như thời con gái, đứng trong phòng ngủ bên chiếc tủ thấp, cạnh chiếc hộp đồ cưới mở nắp để mấy tấm ảnh - trong đó có cả ảnh của Iordanaxki; nàng đang thoa phấn nên mặt sưng húp, môi mím lại cố kìm lại cho khỏi khóc nữa. Y biết đó là những giọt nước mắt khóc thương cho tuổi trẻ, khóc thương cái mùa hè hạnh phúc thường chỉ đến một lần trong đời người

con gái; y biết Iordanaxki chẳng có nghĩa gì ở đây cả. Nhưng y đã không thể tha thứ cho những giọt nước mắt ấy của nàng. Và suốt đời y đã ghen ghét linh mục Kiro Iordanaxki; như tất cả những người có vóc dáng thấp bé, y là kẻ hay tự ái. Còn linh mục Kiro thì suốt đời nuôi dưỡng, trong lòng một mối hận thù nặng nề và lạnh lùng đối với nàng.

Ngày tiếp ngày trôi đi, năm tháng dần qua, và chỉ còn lại trong tâm trí bà Xanhia một ý nghĩ, một ước mơ duy nhất - đó là nỗi khao khát được quyền sở hữu ngôi nhà bà đang ở.

III

Bà Xanhia đã luống tuổi, người đầy đà và hay buồn, hay khóc. Xêlikhốp cũng đã già đi. Nhưng ông ta tuyệt nhiên không đả động gì đến ý muốn của mình sau khi chết. Ông ta tính tình điềm đạm, thận trọng da dẻ trắng bệch, lưng hơi gù, thường để những ngón tay lạnh giá luôn run rẩy vào túi quần may thẳng theo kiểu xưa và đi đi lại lại trong những căn buồng sạch sẽ trống trải bên những bộ bàn ghế bọc vải, theo đuổi ý nghĩ nào đó, chốc chốc lại cười khẩy. Cuộc đời đã qua đi, đã qua đi cả nỗi tức giận ngu xuẩn của người đời, - chỉ còn lại lòng khinh bỉ. Ông ta trông ngày một thêm khô khan, héo quắt lại; mỗi lần lấy cặp kính không gọng ra khỏi hộp không

còn cần thận như trước, cần nhìn rõ những đồ vật người ta mang tới để cầm ông ta cũng chỉ để cặp kính lên sống mũi rồi bỏ xuống ngay; bây giờ ông đã quá thạo giá của các thứ đồ đạc rồi! Xêlikhốp mua lại nhà của một viên điền chủ, ngôi nhà đã cũ, có những hàng cột gỗ và có vườn. Ông ta mua được ngôi nhà thật lạ lùng. Về mùa đông khi ngoài trời băng giá, mặt trời đỏ quạch thì trong nhà vẫn ấm áp. Về mùa hè khi bên ngoài nóng như thiêu thì bên trong vẫn mát rượi và hòa lẫn trong bầu không khí dịu mát ấy là mùi băng phiến yên bình. Mùa hè từ mười giờ sáng đến ba giờ chiều mặt trời hun nóng đúng cái hướng có ngôi nhà; nhưng những khung cửa sổ dùng cho mùa đông quanh năm không tháo ra đã giữ được mát mẻ cho ngôi nhà. Cả ngôi nhà rung lên, các chao đèn kêu leng keng khi các cỗ xe ngựa lao nhanh từ ga về hay chạy tới ga. Xe ngựa làm tung lên đám bụi sẫm vàng bám đầy các mái nhà, tường và cửa sổ trên phố Cát. Nhưng Xêlikhốp không bao giờ bước ra phố. Vừa đi đi lại lại trong các phòng, Xêlikhốp vừa suy tính và thay đổi chúc thư. Còn bà Xanhia thì ngồi trong buồng ngủ có cửa sổ hướng ra sân và đan tất. Bà nhớ lại tháng ngày qua, nghĩ tới mai sau và đôi khi dùng tay đan bật khóc như một thói quen. Trong tiếng đồng hồ kêu tích tắc đều đều, chồng bà cũng khoan thai đi đi lại lại từ phòng này sang phòng khác, đứng dừng chờ đợi khách hàng tới cầm

đồ, kẻ thì động một tý là khóc sụt mướt, kẻ thì suông sã quá mức; thỉnh thoảng ông ta lại mủm mỉm cười đầy bí ẩn nhìn lên cái kết sắt với đôi núm sắt treo trên - móc trông như cặp mắt to tướng. Cũng có lúc ngôi nhà hoàn toàn yên lặng; Xêlikhốp cho đồng hồ ngừng chạy rồi ngồi xuống bên chiếc bàn cổ nặng nề oai vệ - vào lúc ấy chỉ còn nghe thấy tiếng bút lông ngỗng sột soạt miệt mài, chậm rãi lê trên giấy... Xêlikhốp viết gì vậy? Khi đã về già, ông ta sửa soạn cái gì vậy?

Bà Xanhia chỉ biết một điều rằng Xêlikhốp chẳng ngần ngại gì mà không đẩy bà lâm vào cảnh nghèo túng, nhục nhã trước cả thị trấn, không những không để lại cho bà tiền bạc, của cải, mà cả cái nhà này nữa, nơi bà trú ngụ, cũng không thuộc quyền sở hữu của bà. Bởi vì ông ta đã không thèm để ý, không nhìn thấy bà nữa. Dạo đầu ông ta gọi bà bằng "cô", nhưng rồi sau thì cấm bà hoàn toàn không được nói chuyện với ông ta. Khi có khách, ông ta trở thành một người khác hẳn; lịch thiệp với tất cả, vui tính, nói năng sắc sảo, dễ mến và điềm đạm ngay cả khi tranh cãi lúc đánh bài. Nhưng khách thì cũng chỉ có hai, ba người và quanh đi quẩn lại cũng bấy nhiêu vị; viên trợ tá của ông trưởng cảnh sát huyện, viên thanh tra thuế và ngài chương lý - họ cũng chỉ tới nhà không quá hai, ba lần một năm.

IV

Cha Kiro Iordaxki nghiện rượu. Cha tự bào chữa cho cái trạng thái ngà ngà say của mình bằng trí thông minh và bằng cái điều ông đang sống ở Xtơrêlét, một thị trấn nằm ở vùng bán thảo nguyên, nơi chỉ có vài chiếc nhà của đám lái buôn lúa mì xây bằng đá trắng gần cái nhà thờ kiến trúc vụng về và cái bãi chợ, còn thì toàn là những túp nhà lụp xụp nghèo nàn khắp chung quanh.

Cha kiro là người cao lớn, vạm vỡ, trông giống như nhà quý tộc; cha giữ được sức lực và vẻ đẹp rất lâu. Ở trường nữ học nơi ông dạy, các cô gái xinh đẹp nhất đã phải lòng ông, đó là những cô gái thân hình chắc lẳn, dậy thì trước tuổi, cặp mắt hiền lành ươn ướt như mắt bò, mái tóc màu tro tuyết diệu, gương mặt với nước da mịn màng, đôi má hồng e lệ; các cô gái ấy đã không thể bình thản mà nhìn lên đôi mắt đen tinh anh như mắt chim ưng của cha Kiro, không thể đứng đưng mà thấy những món tóc xoắn màu sẫm xòa xuống vai, xuống chiếc áo thung dài màu nâu thoang thoảng mùi hương và mùi thuốc lá. Chỉ có hàm răng của cha là hơi xấu, nó bị ố vàng vì hút thuốc lá hơi nhiều.

Với tất cả mọi người, không trừ một ai, bất cứ lúc nào ông cũng gọi là "con"; bởi đã có những đức giám mục đã nói như vậy với các quan đại thần, các vị bá tước và thậm chí với cả nhà vua. Các đức cha đã từng

dạy dỗ, giáo huấn họ một cách nghiêm khắc, có khi còn ngắt lời họ:

- Hãy cầu phúc đi, hỡi người mục đồng, - có lần một viên quan đại thần đã nói với cha như vậy. - Cha đang cầu phúc đây, cầu phúc cho cha và cho con, cho đáng linh thiêng và cho cả con cừu cái ngu xuẩn nhất trong đám súc vật của cha, - vị giám mục đã trả lời như vậy⁽¹⁾.

Cha Kiơ đối xử thô bạo với đám lái buôn, ứng đáp nhanh nhẹn sắc sảo với các quan; với những người không tin đạo thì cha nói ngắn gọn, đầy lý lẽ khắt khe. Ở Xtorêlét các tấm bưu ảnh màu ít khi đến tay người nhận. Nhưng cha Kiơ thì vẫn đều đặn nhận được cả những tấm bưu ảnh đẹp nhất in phong cảnh Kápkadơ và vùng Krưm do một người cháu gửi lên, anh này tuy còn trẻ nhưng đã là một viên chức cao cấp bên cạnh ngài tỉnh trưởng; cha Kiơ đã dọa sẽ sa thải tay nhân viên bưu điện nếu anh ta làm thất lạc dù chỉ là một cái thư của cha. Cả thị trấn trầm trồ kể lại chuyện này. Cả thị trấn thán phục cha Kiơ là người có trí tuệ khác thường, có học vấn uyên thâm. Được tiếp đón, mời mọc cha đến nhà chơi là một

⁽¹⁾ . Trong tiếng Nga, chữ "mục đồng" đôi chỗ còn có nghĩa là "cha đạo", "giám mục". Ở đây viên đại thần hóm hĩnh gọi giám mục là "mục đồng", viên cha cố nhắc đến "con cừu cái ngu xuẩn" là để trả đũa lại (N.D).

vinh dự lớn. Nhưng cha Kiơ rất rề rặt khi nhận lời mời, còn về phía mình thì chẳng bao giờ mời ai đến nhà.

Ngôi nhà của cha không cao nhưng dài, gạch xây màu trắng, hiện rõ lên từ xa dọc theo đường phố rộng. Không thấy đâu có một cái cây nào - nếu không kể đến một cây túc cong queo trong vườn hoang của một nhà thường dân. Nhưng đằng sau mái nhà tôn của đức cha thấy thấp thoáng tán cây thông non xanh rờn. Bốn phía chung quanh khu cha ở lối vào nào cũng có cổng. Nhà cha còn có cửa vào mà xe có thể đỗ tận nơi (tuy nhiên, chưa bao giờ có ai tới đó cả).

Cổng nhà cha Kiơ lúc nào cũng đóng im ỉm, một thanh gỗ lớn chặn ngang qua khe cửa. Cổng này chỉ được mở khi có người chở nước tới, đó là một ông già thường mặc chiếc áo sơmi màu đỏ. Chỉ một mình ông là có thể tha hồ thốc mách về đời tư của cha Kiơ qua miệng mụ bếp vai to bè bè, chân đi ủng, khi mụ đưa thùng ra để ông đổ nước vào. Chỉ riêng đối với người chở nước là cha Kiơ tỏ ra dễ tính. Cha nói đùa với ông già, ông cũng đùa lại với cha; ông quả là một người lạ lùng, không hề biết sợ ai, không bao giờ buồn, lúc nào cũng cảm thấy hài lòng.

- Giólút đấy à? - Cha Kiơ vừa nghiêm giọng gọi to, vừa bước ra thêm.

- Cha gọi đấy à? Ông già đáp lại vô tư, ông đang

xe nước tới cổng và còng lưng thanh gổ chấn lên.

- Lại chở không đầy thùng hở?

- Vâng, lại không đầy.

- Coi chừng kéo ta đánh cho đấy!

- Thế cũng không sao! Ngu xuẩn thì ngay trên điện thờ cũng đánh...

Nhưng một lần được biết ông già Giólút đã mang thùng nước đến cho cả Xêlikhốp, cha không còn tỏ ra ưu ái với Giólút nữa - cha đã cấm tiệt ông già bước chân đến cửa nhà mình.

V

Về mùa đông, đường phố Cát đầy tuyết, trông ảm đạm và hoang vắng; về mùa hè thì đầy ánh mặt trời, trông vui mắt, đặc biệt là khi nhìn lên bức tường trắng của tòa nhà vị linh mục, những tấm kính trong suốt, những tán lá màu xanh lục của cây phong trên nền trời xanh biếc. Mùa hè trời rất nóng. Những đám bụi bay lên làm bầu trời vẫn đục. Giữa trưa chốc chốc lại có xe ngựa phóng nhanh về phía nhà ga ở chân đồi ngoài thị trấn. Khoảng một giờ thì những chiếc xe ấy chậm chạp quay trở lại, trên xe là dân từ nơi khác đến, thường gặp hơn cả là cánh lái buôn với những chiếc túi may bằng vải thảm mà bây giờ người ta quen gọi là "xắc du lịch", đôi khi còn có những chàng trai người Do Thái mặc bộ áo cánh theo

kiểu Anh, miệng phì phèo cái tẩu kiểu Anh, chuyên đi bán rao máy hát quay tay. Hình như gặp cha Kiro, chỉ có mấy người Do Thái này là dám nhìn không sợ sệt, mặc dù cha rất khó chịu với họ, nhất là với tiếng của họ: Có lần ở ngoài ga, cha Kiro đã cấm mấy người Do Thái nói bằng tiếng của họ. Cha nói:

- Đây không phải là nơi thờ đạo Judá của các người đâu.

Dáng vóc cao lớn, vẻ mặt nghiêm trang, cha Kiro đi dọc theo phố Cát, mình vận chiếc áo dài màu nâu, chiếc mũ rơm vàng rộm trên đầu, ngón tay vân về cây thánh giá đeo trên ngực, - tất cả đều kiêu ngạo. Chỗ bờ rào cạnh nhà bác thợ giày trước đây mấy cậu choai choai con nhà thường dân vô công rồi nghề thường tụ tập ngày này qua ngày khác đánh bài, đánh bạc; chúng cũng là loại táo tợn lắm thế mà vì sợ linh mục Kiro mà tránh xa, kéo nhau xuống đánh bạc ở cạnh mấy ngôi nhà nhỏ mé đầu gần ga. Bọn trẻ con khác thì chạy hàng đoàn thả diều, diều mắc lên dây thép, đuôi dính lại trên đấy. Bọn này mà thấy cha Kiro thì tan tác, mỗi đứa một ngã, mạnh ai nấy chạy. Men theo vỉa hè nham nhở ổ gà, phía bóng râm, có một bà đang đi bên những cánh cổng, những ô cửa sổ đặt chậu hoa; bà cụ lưng còng cúi gập xuống đất đến nỗi thật lấy làm lạ rằng vì sao cái thân hình thước thợ ấy lại có thể di động được. Nhưng hoàn toàn không phải vì có bóng râm mà bà cụ đi về phía

ấy, đó chẳng qua là cụ không muốn để cha Kiro bắt gặp; cha không thích nhìn các bà già vốn rất hâm mộ cái lão Iasa dở người sống trong ngôi miếu thờ nhỏ cạnh lăng mộ lớn trong cánh rừng nghĩa trang; cha Kiro thù ghét sự xấu xí của con người. Một người khách lạ da rám nắng, đầu đội mũ lưỡi trai màu đen, khoác chiếc áo dày, mồ hôi nhễ nhại, đứng đĩnh bước đi giữa phố, hai tay chấp đàng sau lưng. Bởi vì ông ta đâu phải người ở đây, ông ta mới từ ga ra.. Nhưng vừa nhìn thấy cha Kiro, ông ta vội vàng hoảng hốt bỏ mũ ra, bước nhanh về phía cha đạo. Tay trái cha Kiro cầm một chiếc can dài bịt bạc. Cha dừng lại, tay phải làm dấu với đầy vẻ quyền lực và phóng khoáng.

- Từ đâu đến thế? - Cha Kiro hỏi, giọng oang oang.

- từ Lipét ạ, - ông khách lạ lầu bầu đáp.

- Đội mũ lên đi. Đạo này vườn tược ở đây ra sao?

- Thưa cha, tươi tốt lắm ạ, nhưng gió mạnh, tiếc thay, làm rụng hết quả.

- Làm vườn mà lại kém khôn ngoan. Không thông thạo công việc của mình. Thôi, đi đi...

Cha Kiro cũng không chịu nổi cái đám lang thang vô gia cư, những người tứ chiếng giang hồ, chẳng mảnh giấy tùy thân. Phố Cát không phải nơi diễn ra nhiều cảnh lạ. Có lần khi ngoài phố này xuất

hiện một anh chàng người xứ Xécbi⁽¹⁾ tay cầm cái trống *lục lạc*, bên cạnh là chú khỉ, thì dân phố đã chen chúc đứng cả ra ngoài cổng. Anh chàng người Xécbi có bộ mặt mai mái màu chì, cặp mắt xanh xanh hoang dại, tai đeo khuyên bạc, cái cổ gầy ngẳng quàng chiếc khăn hoa sắc sỡ, mình khoác chiếc áo bành tô tơi tả rộng thùng thình, đôi chân khẳng khiu đi đôi giày phụ nữ rách bươm, thứ giày mà ở Xtorêlét người ta quẳng ra ngoài bãi hoang. Vừa vỗ vỗ bàn tay vào trống lục lạc, anh ta vừa kéo giọng buồn buồn da diết hát về quê hương như bao người khác từ trăm nghìn năm nay đã hát. Anh nhớ về xứ sở xa xôi nóng bức, hát cho dân Xtoerêlét nghe rằng ở nơi nào đó còn có những rặng núi đá màu xám xám:

Con tàu trắng bơi trên biển xanh...

Chú khỉ - bạn đường của anh khá là to và trông thật đáng sợ; vừa như ông già lồm khồm, vừa như đứa trẻ, một con vật với đôi mắt buồn buồn của người, đôi mắt trũng sâu dưới cái trán dô ra với đôi lông mày dướn cao. Chỉ có nửa mình phía trên của nó là lớp lông dài rậm, trông như lớp lông con gấu trúc. Nửa mình phía dưới trông nhẵn nhụi, vì thế mà chủ nhân đã mặc cho nó chiếc quần đùi vải phin hoa

(1) . Xứ Xécbi nay thuộc Nam Tư. (N.D).

hông để lộ ra đôi chân đen đũi khăng khiu và cái đuôi dài trần trụi. Nó dường như cũng đang theo đuổi một điều gì đấy xa lạ với cái xứ Xtơrêlét, vừa nghe chủ hát, vừa nhảy tung tung theo nhịp trống lục lạc; chốc chốc nó lại nhặt một viên sỏi trên hè đường, nhẩn mặt chăm chú ngắm nghía, đưa lên mũi ngửi rồi quẳng đi.

Bác thợ giày quần áo rách tươm chạy tới xem sau cùng, bác gào lên rằng cần phải đánh cả con khỉ lẫn anh chàng người Xécbi, vì anh chàng này chắc chắn là kẻ cắp. Mọi người đều tán thưởng lời bác, la ó ầm ĩ. Nhưng rồi từ đằng xa có bóng cha Kiơ xuất hiện. Phố xá lập tức vắng tanh; mọi người đều lẩn vào sau cổng. Còn cha Kiơ thì bước lại gần anh chàng Xécbi, cầm anh ta lại văng tới đường phố Xtơrêlét. Cha nghiêm giọng, rạch ròi ngắn gọn ra lệnh cho anh ta rời khỏi thị trấn, cố tìm đường quay về quê hương, trở lại làm ăn lương thiện.

VI

Bà Xanhia đôi lúc có cảm giác rằng trong đời bà đã từng gặp một tình yêu lớn, nhưng bà đã chôn cất nó trong lòng; số phận đã không ưu ái với bà, đã bắt bà phải nhẫn nhục sống với một kẻ khác, một người bà không yêu, số phận đã xui bẩy bà không đi cùng đường với người yêu và chỉ biết tìm hạnh phúc trong

sự nhẫn nhục. Nhưng có thể rằng không phải bà đã yêu cha Kiơ, mà chỉ là yêu cái bím tóc đuôi sam tời con gái của mình, yêu cái bộ trang phục kiểu miền Morôđốp, yêu những ngày tháng vô tư thanh thản của mình vào cái mùa hè ngắn ngủi xa xưa ấy. Cha Kiơ hành lễ ở đại giáo đường; nhưng bà Xanhia chẳng bao giờ đặt chân tới đây, bà chỉ đi lễ ở nhà thờ Nhicôn, - Xêlikhốp đã cấm bà tới đại giáo đường. Nếu cha Kiơ không phải là linh mục, bà đã có thể tư tưởng đến mối quan hệ tội lỗi thâm kín với ông, nhưng ông lại là người của Chúa, mọi bí mật của sự sinh thành, của hôn nhân, của lễ rước thánh ??? và cái chết đều ở trong tay ông. Có lần bà Xanhia đã nghe những lời đối đáp khủng khiếp, - hôm ấy cha Kiơ ôm yếu, mặt mày ử dột, ngà ngà say đã gặp Xêlikhốp ở gần nhà y và nói, tay vung chiếc can lên đe dọa:

- Này Xêlikhốp! Mi hãy nhớ cái giờ phút không một sinh linh nào tránh được. Mi có nghe thấy gì không, hử Xêlikhốp? Đến giờ phút ấy, ta sẽ vận đồ tang đứng ra làm lễ cầu hồn lần cuối cho mi trên thế giới này, ta sẽ để khói hương trầm bay quanh thi thể của mi, sẽ vấy lên mặt mi đất bụi của nấm mồ.

- Ai biết trước được đâu hử cha Kiơ? - Xêlikhốp nhếch mép cười đáp lại. - Ai biết được rằng liệu tôi có phải đứng cạnh linh cửu cha chẳng? đừng quên rằng cha là người nghiện rượu, cha Kiơ ạ.

Cuộc cãi vã đầu tiên và cuối cùng giữa hai người đã kết thúc như vậy. Bà Xanhia đã phải khó xử thế nào khi phải sống giữa hai con người suốt đời ganh đua với nhau, chỉ nhường nhau đường đi tới mộ! Bà chỉ còn ấp ủ một ý nghĩ - đó là ao ước được quyền sở hữu một ngôi nhà.

Có ngôi nhà riêng của mình, bất kể ở nơi nào, cho dù là ở đầu ô, ở dưới vùng đất trũng, bất kể rộng hẹp, đẹp xấu thế nào, - đó là ước mong sâu kín nhất của mỗi người công chức, của mỗi thường dân, mỗi anh thợ giày ở Xtơrêlét. Và tất cả đều đã có nhà, tất cả đều sang tên nhà cho vợ; gần như mọi ngôi nhà ở Xtơrêlét đều thuộc quyền sở hữu của phụ nữ. Chỉ một mình bà Xanhia là đã khóc một cách vô vọng.

Các bà hàng xóm đều nói: "Nhà của tôi", "trong nhà tôi". Thế còn bà? Đã bao lần khi đi lễ về, người mệt mỏi, mồ hôi lấm tấm trên ngực, bà đập đập ô xuống sàn, khóc nức nở đòi Xêlikhốp phải để lại cho bà ít ra là phần của hôn môn! Đã bao lần bà gào lên rằng họ hàng của Xêlikhốp sẽ đuổi bà ra ngoài nếu y qua đời.

- Bà đừng lo, - Xêlikhốp trả lời bà. - Bà chết trước tôi đấy. Đừng quên rằng bà mắc bệnh đau ngực.

Tính tình Xêlikhốp ngày càng trở lên khác thường. Đôi khi y tự ngắm mình hàng giờ trong gương, ngạc nhiên và sợ hãi nhú lông mày; có khi hai ngày liền y không động đến một món nào cả bữa

trưa lẫn bữa tối, y nói rằng người đầu cũng thấy mùi người. Y mua một cái máy hát, nhưng chẳng bao giờ thấy mở. Có lần bà Xanhia đi nhà thờ về sớm hơn thường lệ, không dự hết buổi lễ vì mệt mỏi; bà vào nhà từ lối cổng sau và nghe thấy tiếng nhạc nhảy ồn ào. Bà nhìn vào gian trong và ngó người ra: Xêlikhốp tuy tuổi đã già, nhưng thân hình còn nhẹ nhàng uyển chuyển đang nhảy một mình trong gian phòng mờ mờ tối, chân giơ lên trước loa máy hát, giọng khàn khàn vui vẻ gào lên: "Chà, chà, anh lính canh! Cha mẹ ôi, có cướp!..."

Chỉ mấy cây táo trong vườn, gần nhà hóng mát, mới biết bà Xanhia đã phải khóc hết bao nhiêu nước mắt, khóc nức nở, đầu lắc qua lắc lại. Và trên cổng của ngôi nhà Xêlikhốp vẫn để nguyên dòng chữ: "Ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của Piốt'rô Xemiônôvich Xêlikhốp. Không có chỗ trọ".

VII

Trong số những người ngày xưa đã từng say mê đeo đuổi cô Xanhia, lẫn lẩn theo cô vào vườn hoa thị trấn, còn có cả Gôridôntốp. Bây giờ, sau gần ba mươi năm sống ở trên tỉnh, đến hạn nghỉ hưu, ông ta cũng trở về Xtôrêlét. Khi về Xtôrêlét, ông ta nổi tiếng khắp thị trấn không kém gì cha Kiơ và Xêlikhốp.

Gôridôntóp đã từng tốt nghiệp trường dòng, rồi tốt nghiệp chủng viện. Hồi còn trẻ, ông ta đã từng có trí nhớ tuyệt vời, hết sức cần mẫn và tài giỏi khác thường. Giọng ông ta trầm vang đến nỗi mỗi lần hát bài dân ca ông yêu thích: "*Et tonát, et pluvium coelum dai...*"⁽¹⁾ là cửa kính rung lên. Người ông ta cao to đến mức khách ngoài đường trông thấy phải dừng lại nhìn kinh ngạc. Con người này có thể đi rất xa! Nhưng ông ta lại trọn con đường khiêm tốn - làm nghề dạy học. Dạy đủ số năm cần thiết, ông ta về lại quê hương và trở thành một thứ huyền thoại của thành phố; làm mọi người sửng sốt về hình dáng, diện mạo của mình, về thói phàm ăn, về những thói quen bất di bất dịch, thái độ bình thản phi thường và triết lý sống độc nhất vô nhị.

Ông ta mặc chiếc áo ngoài có lần vải kép trên vai, đôi mũ rộng vành, đi đôi giày mũi tù, một tay cầm nạng, một tay cầm chiếc ô lớn. Về già khung xương của ông ta như to thêm ra, trông cao lớn thêm, lưng hơi gù gù, dáng điệu nặng nề, vụng về - ở Xtorêlét người ta gọi ông ta là "ông Đười ươi". Mọi người nơi bên tấm đều ngơ ngác nhìn Gôridôntóp khi lần đầu tiên ông ta xuất hiện ở đấy. Ông ta chậm chạp bước vào, nhúu đôi lông mày xám xịt, hơi cúi

(1) . Lời dịch sang tiếng La Tinh của bài dân ca Ucraina: "Vừa âm ào, vừa gào rít, bầu trời như mở rộng ra...".

xuống, buông thông đôi vai to khổng khiếp và đôi tay dài như rễ cây sồi. Cúi đầu chào mọi người theo kiểu xưa xong ông ta từ từ cởi quần áo ngoài với vẻ điềm nhiên và cẩn trọng. Mọi người ở lên một tiếng kinh ngạc, khi nhìn thấy thân hình hộ pháp với nước da xám xám, đôi bàn chân quái dị, cong vẹo sang một bên, ngón chân quặp vào nhau, móng chân to như cái vỏ hến. Còn ông ta thì cứ thản nhiên như không, cứ đứng đĩnh cởi quần áo ra, chậm rãi ngâm mình xuống nước đúng mười lăm lần... Từ dạo ấy ngày nào người ta cũng thấy ông ở bến tắm. Cứ đều đều từng ngày như vậy cho đến tận lễ Pôkróp. Gió mùa thu đã thổi qua khe hở của mấy tấm gỗ chắn ngoài bến tắm trống trải, mây đã dâng đầy trên những cánh đồng bên sông, mặt nước lẫn lẫn gợi màu chì, thế mà Gôridôntốp vẫn tắm. Hai bờ sông đã trắng xóa màu tuyết, đàn sếu cuối cùng đã bay về phương Nam trên nền trời xanh nhợt nhạt, nhưng rồi khi chuông nhà thờ lớn điểm một giờ trưa, từ trên sườn đồi dốc thoải thoải, đã nhìn thấy người khổng lồ lưng gù gù đang chống nạng đi xuống bờ sông, trên mình vẫn khoác chiếc áo mầu xám có lần vải kép trên vai.

Ông ta ăn bằng mười người. Các bà chủ nhà nơi ông thuê đều không chịu nổi cái thói phàm ăn ấy và phải từ chối thôi để ông ta ở nhà mình. Nhưng ông ta đã nói trước cả rồi mà! Ông ta đã từng dẫn rõ từng

tiếng mà đặt điều kiện rằng:

- Canh bắp cải, canh củ cải đỏ, xúp mì dẹt đưa tôi ăn làm ơn không để vào đĩa, tôi thích ăn vào bát ô tô hơn. Thịt yêu cầu không thái nhỏ mà để nguyên cả miếng to. Các món rán rút khoát phải kèm khoai tây và rau. Cháo kiểu mạch cũng như cháo tiểu mạch thì dọn ra trong chảo gang...

- Ô, Đười ươi, Đười ươi, chúng mày ơi! - bọn trẻ con hô vang, từng đoàn chạy theo sau ông ta khắp thị trấn Xtorêlét. Nhưng ông ta thậm chí chẳng thèm ngoái lại nhìn, vẫn tiếp tục chậm chậm bước đi đều đều như trước đây đã từng đi như vậy, ngày này qua ngày khác tới lớp học ồn ào để rồi mở đầu bằng một câu cửa miệng:

- Vậy là đầu tiên chúng ta hãy nhắc lại bài học hôm trước. Chúng ta hãy cùng nhớ lại xem hoàng đế Xêda đã thi hành biện pháp gì sau khi được thám báo cho biết phía kẻ thù đang gây ra điều nguy hiểm...

Còn triết lý của ông ta thì được gói gọn vào một điểm là: Toàn bộ sức lực của mỗi người đều được tập trung hoàn toàn vào việc kéo dài tuổi thọ, và để làm được chuyện đó, cần phải tuyệt đối cách ly với đàn bà - những sinh vật đầy tất bật, ác độc và thấp kém về trí tuệ, cần phải thực hiện một cách chính xác mọi thói quen hợp lý của mình và chăm lo thật kỹ lưỡng cho cơ thể mình - trước tiên là dưới góc độ ăn uống và tắm rửa.

- *Nullus enim locus sine genio est ???* - có lần cha Kiơ ồm yếu, râu rĩ giễu cợt nói với Gôridôntốp, khi gặp ông này ngoài phố. - Này Gôridôntốp, từ lâu ta đã nghe nói về tính tình kỳ lạ của anh. Hãy trả lời cho ta: anh là kẻ lập dị hay là nhà thông thái? Anh sống trên đời này vì lẽ gì, nếu anh cứ sống như là vào thời kỳ xa xưa, khi chưa có người trên thế giới này?

Gôridôntốp đứng tựa vào chiếc nạng, tay vẫn giữ ô trên đầu, nghĩ ngợi một lúc, mắt nhìn xuống đất, nhíu đôi lông mày sâu róm của mình.

- Nhưng thưa cha Kiơ, xin cha cũng hãy nói cho tôi biết, - cuối cùng ông ta trả lời: - *cha* sống vì lẽ gì?

- Ta không hỏi anh về mục đích cuộc sống, - cha Kiơ nói. - Ta hỏi anh về cách sống thôi.

- Nhưng cách sống thì tương ứng với mục đích cơ mà?

- À ra thế! Mục đích à? Thì cứ cho là vậy đi. Vậy thì mục đích cuộc sống của anh ở đâu?

- Là sống lâu và hưởng lạc thú của cuộc đời.

- Nhưng anh có hưởng lạc thú không?

- Tôi hưởng lạc thú tùy theo sức và khả năng của mình. Tôi luôn giữ chặt và nâng niu chiếc cốc đời quý giá của mình.

- Chiếc cốc đời à? - Cha Kiơ nghiêm giọng ngắt lời Gôridôntốp và khướ rộng một vòng tay trước mặt. - Đời ở đây ư? Tại cái khu phố này ấy à? Ta

không thể bình tĩnh mà nói chuyện với anh được!
Anh xứng đáng với cái tên lóng của mình đấy!

- Ở dưới đất thì không thể phân biệt được xương người với xương súc vật đâu, - Gôridôntốp đáp và tiếp tục dựa vào nạng chậm chậm bước đi trên hè phố.

VIII

Thế rồi cuối cùng tiếng bước chân đi trong những căn phòng trống trải của ngôi nhà Xêlikhốp đã ngưng bật. Vào năm thứ ba mươi một trong cuộc đời làm vợ của bà Xanhia, vào buổi tối ngày lễ ăn chay, từ giữa đám đông tụ tập trong nhà thờ Nhicôn, người ta đã khiêng ra một ông già mặt trắng bệch, ăn vận nghiêm chỉnh, sạch sẽ, mặc áo sơ mi mới hồ với chiếc cổ bó khít, bên ngoài khoác chiếc áo lông đắt tiền, tay đeo đồng hồ vàng. Hai ngày sau người ta đã làm lễ cầu hôn cho ông ta.

Hôm đó là thứ sáu, đúng phiên chợ, mùa xuân đã bắt đầu, - thật là khổ sở cho đám xà ích phải đánh xe đi trên những đường phố gồ ghề, bẩn thỉu, ngập nước; thật là khổ sở cho các ông bà nhà quê phải ngồi trong những chiếc xe trượt kéo khắp chợ, trên những đống phân súc vật nhầy nhụa! Bà Xanhia cũng khó nhọc lần bước đi theo quan tài cho đến nhà thờ lớn: đỡ hai bên tay bà là mấy người họ hàng xa

của Xêlikhốp, - một vị người nhỏ nhắn, mắt sắc, đầu hói, mặc áo bành tô quân đội thời hoàng đế Nhicôlai và vợ của ông ta, một phụ nữ mặc đồ tang trông cao lớn, khỏe mạnh, không bao giờ biết buồn bã là gì. Bầu không khí chung quanh ẩm ướt, mùi ngai ngái. Bà Xanhia cảm thấy say say vì khí trời và nước mắt. Người ta đặt bên cửa cái nắp quan tài màu vàng bằng vải kết sợi kim tuyến có hình thập tự màu trắng, rồi đưa linh cữu người chết vào trong gian phụ thấp trần, cổ kính, ấm áp về mùa đông... Dân đồng ca đã òa lên tiếng khóc nức nở dưới vòm nhà thờ, nghe có gì thật náo nhiệt! Viên trợ tế vai to vạm vỡ hoa hoa cánh tay trông dễ sợ, báo cho mọi người biết về lễ cầu siêu cho người mới chết. Trong tiếng khóc nức nở của dân đồng ca, đoàn giáo sĩ vận đồ tang, đội mũ chòm hay mũ hình ống, đi vòng quanh, nhẩn nại nghiêng mình bên linh cữu. Cha Kiơ với vẻ mặt sầu não nghiêm trang, ngật ngưỡng như đang say, nặng nề bước rung cả sàn nhà. Cha đi vòng quanh quan tài và những bình hương đặt gần gương mặt trắng bệch của người đã khuất; cha đang thực hiện cái điều đã nói trước với Xêlikhốp từ lâu. Một năm trở lại đây chính cha cũng đã thay đổi nhiều quá. Giọng nói không còn sang sảng như trước, những động tác vung vẩy bình hương và nghiêng mình làm lễ của cha không còn gây cảm giác sợ hãi nữa. Cha đang đưa tiễn khỏi thế giới hữu hạn này cái

người mà số phận đã run rủi cha phải xung khắc trên ngưỡng cửa cuộc đời. Bản thân cha cũng gồm ghieác, - đôi chân phù thũng, cái bụng phệ nổi rõ sau lớp áo đại lễ; mặt sạm đen, phù nề chảy sệ; mắt lòa, tóc bạc dựng lên, bóng như bôi dầu, bàn tay run run... Bà Xanhia kiệt sức vì khóc nhiều, mỗi lúc một thêm dụi dàu và tha thiết nhìn lên thi thể người quá cố; bà dường như không thấy cha Kiơ. Và khi tiếng hát trang nghiêm về thế giới bên kia cất lên thì bà thắm như xoáy vào tim thì bà thét lên một tiếng rồi ngất đi.

Người ta đưa bà ra ngoài trời, chỗ mảnh sân kín trước lối vào nhà thờ. Còn Gôridôntốp đứng ở cửa vào lịch sự tránh sang một bên, rồi lại tiếp tục rống lên hòa vào giọng hát của dàn đồng ca, mắt đưa nhìn vòm trần nhà thờ thâm thấp vẽ đầy hình những thiên thần sáu cánh.

IX

Trong căn buồng ngoài rộng rãi, cũ kỹ mốc meo với ba bậc tam cấp và ba cái cửa sổ sơn bạc phếch dưới ánh mặt trời, đã thôi không bao giờ còn rung rung cái dây thép gỉ, cái chuông sứ đã thôi không bao giờ còn phát ra tiếng kêu nữa do bàn tay những người đến cầm đồ giật giật. Từ giờ, bà Xanhia có thể đi lại thoải mái trong những căn phòng rộng lớn,

trống rỗng, giữa những bộ bàn ghế bọc vải, những chiếc tủ chạm trổ. Từ giờ tất cả mọi thứ là của bà; những căn phòng này, những thứ đồ gỗ này, các đồ vật quý để trên giá sắt trong cái tủ không cháy với đôi lúm sắt trông như đôi mắt lồi ra, cái sân, con bò trong chuồng, mảnh vườn, bờ giậu xiêu vẹo bao quanh... - Tất cả đều là của bà. Lần thứ hai mươi mốt Xelikhốp đã viết lại di chúc, khi đầu óc còn tỉnh táo, trí nhớ còn nguyên vẹn. Cái tờ di chúc thứ hai mươi mốt ấy đã biến bà Xanhia thành chủ nhân của tất cả tài sản này, khiến bà phải kinh ngạc, bối rối. Mọi người trong thành phố đều nói rằng từ nay trở đi, bà có thể mặc sức mà hưởng lạc thú cuộc đời. Nhưng bản thân bà thì đã mất hết phương hướng, cuộc sống với bà trở lên nhạt thếch vô vị, như mẩu bánh thánh mà bà uể oải nhai mỗi lần uống nước chè sau lễ cầu kinh...

Đến lễ thánh Phôma, mấy ngày liền chuông nhà thờ đóng dả rung lên khắp thị trấn - có cảm giác rằng đó là những hồi chuông chào đón cuộc đời mới của bà, chào đón mùa xuân vui sướng. Thế mà niềm hứng thú sống thì đã cạn kiệt! Bà đi quanh các phòng, và có lúc nụ cười thỏa mãn làm miệng bà méo xệch. Đầu óc chao đảo, tay run run - bà biết làm gì bây giờ với những căn buồng này? Con bếp lên nhà, bà Xanhia tỏ ra dịu dàng với nó - bà cũng không biết phải đặt món ăn gì cho bữa trưa, bữa tối. Hầu

như ngày nào bà cũng đi lễ ở nhà thờ Nhicon - và lần nào cũng cảm thấy mệt bã người. Bà người thấp béo, tóc bạc màu tro, cặp mắt nhìn trong trong buồn bã. Ở nhà bà mặc áo, đi giày theo kiểu người nhà. Mỗi lần đi lễ sáng, bà sửa soạn rất lâu; ra khỏi nhà là mang ô, đội chiếc mũ nhỏ, có đeo vòng hạt xaphia. Mắt bên trái lúc nào cũng nhắm lại; trong buổi lễ chốc chốc bà lại lấy chiếc khăn mỏng chấm nước mắt, mệt mỏi nhìn lên tượng thánh đặt trên cửa chính. Hai chân bà nhúc nhối; trong nhà thờ nóng nực, oi bức, người chen chúc. Nến cháy sáng rực, ánh mặt trời sáng lóa vọt qua vòm trần chiếu xuống đám người hành lễ. Viên trợ tế vung mạnh tay, đôi vai vạm vỡ nhô cao, miệng gào lên lời cầu chúc trường sinh cho dòng họ nhà vua và hội đồng giáo chủ quốc gia. Nhưng mà hội đồng giáo chủ thì có liên quan gì tới bà. Bà buồn rầu cảm thấy rằng bà chẳng còn biết cầu nguyện cho điều gì. Chẳng lẽ chỉ cầu nguyện cho hồn siêu thoát trên thiên đàng sao? Cứ cho là thế, nhưng mà bà có quyền gì đối với thế giới bên kia? Bà đã làm gì? Vì lẽ gì mà bà được ban thưởng?

Có lần vào một ngày tháng tư, bà đi ra khu rừng bên nghĩa trang - bà muốn dạo chơi, tạm quên đi mọi thứ để nhớ lại thời trẻ trung xưa kia, nhưng bà lại nói với con bé là muốn đi thăm mộ chồng. Hôm đó trời ấm áp, thanh thoát, tất cả đều đem lại một cảm giác rộn ràng - từ làn không khí và bầu trời, từ những

đám mây trắng đến cánh đồng mùa xuân trái rộng. Đã mấy lần bà dừng lại giữa bãi cỏ xanh, trèo lên ngọn đồi thoai thoải đổ xuống cánh rừng mà ngắm nhìn thị trấn, nhìn những mái nhà và tháp chuông, nhìn những vùng đất trũng với những nếp nhà đơn sơ dưới làn khói xanh lăm mờ nhạt. Trong cánh rừng còn trống trải chỉ có những hàng cây mạn dưới là lá đã lên xanh, không khí còn ẩm thấp, ở lối đi giữa những bia mộ là lớp đất ướt át lầy lội. Trên các cây cỏ thụ vô số sáo bay và đậu chi chít, chúng đua nhau kêu ầm ĩ làm huyên náo khoảng trời mùa xuân thanh sạch, trẻ trung. Cần phải đi qua ngôi miếu thờ tường màu hồng hồng xây bên lăng mộ của thương nhân Erosóp, nơi có lão lasa thường ngồi và có thể thò đầu ra ngoài cửa sổ mà kêu lên một tiếng gì đó lạ lùng, dễ sợ... Lưng cúi cúi xuống, chân loạng choạng vấp chỗ đất mấp mô, tay giữ lấy vạt áo, bà Xanhia vội vã bước những bước ngắn về phía trước - rồi tự bà cũng không nhận ra ngay rằng bà đã tới bên mộ chồng! Bà chẳng hề mong muốn điều này, bà rời nhà vì một lý do khác, nhưng đã lại đến đây. Bà mệt mỏi ngồi xuống phiến đá ở mộ gần bên cạnh, mắt ngây dại nhìn lên nấm mộ còn chưa được sửa sang. Trong đầu chẳng có một ý nghĩ nào, một hồi ức nào. Chỉ có mỗi cảm giác của một ngày xuân dịu dàng pha chút đắng cay đối với một người nào đó - không hẳn là với

bản thân, không hẳn là với cha Kiro, hay Xêlikhốp... Phải rồi, cả với hẳn ta!

Khi trở về nhà, bà chỉ nghĩ một điều sao cho sớm gặp được người đánh xe! - lão Iasa thế nào cũng rình mò đón đợi bà. Từ trong ngôi miếu bước ra mấy bà nhà quê cùng mấy thường dân, tay làm dấu; một số người trong bọn họ nước mắt giàn giụa. Bất thành linh lão Iasa nhảy ra ngưỡng cửa. Lão người nhỏ bé, gầy gò, - lão đã tám mươi rồi, - mặc chiếc áo dài lưng thắt đai, đội mũ nhung đỏ lệch sang một bên. Lão vừa tĩa bộ râu cằm, râu mép, chúng mọc thành cụm tua tủa bên mép môi màu tro trũng sâu. Mắt lão bé tí, trông rất ranh mãnh. Nhìn lên bà Xanhia, lão giơ bàn tay chắn trước mắt và bước những bước ngắn nhanh về phía bà.

- Hãy vui lên đi hỡi nữ thần Aphorôđita với bàn tay hồng hồng! - lão kêu lên bằng cái giọng người nhà the thé như giọng trẻ con.

Nói xong lão chạy lại, nhổ toẹt một cái rồi dúi vào tay bà, - có vẻ như là giấu giếm và muốn làm đẹp lòng bà, - một chuỗi bốn mẫu gỗ buộc nối vào nhau bằng vỏ cây.

Bà Xanhia nổi cáu vì lão già đã làm bà sợ hãi; bà hất tay lão ra và gần như là bỏ chạy. Sau đó bà cứ nghĩ mãi: thế là thế nào, sao lão ấy lại gọi mình là nữ thần Aphorôđita và đưa cho mình bốn mẫu gỗ ấy? Mà lại còn buộc vào nhau nữa chứ!

Vào những ngày tháng tư này, bà hay sầu não về chuyện thương ế đã không cho bà có con; bà cứ luẩn quẩn nghĩ rằng giá như mình có một đứa con trai thì sẽ đặt tên nó thế nào; nhiều lần bà thường ngắm lại các bức ảnh để trong hộp đồ cưới. Thật là lạ lùng khi nhìn lên chân dung cô gái mặc áo hoa vùng Morđốp, ánh mắt dịu dàng thơ trẻ, vẻ kiêu kỳ chống khuỷu tay lên bờ giậu nhà ai đó; cạnh đó là bức ảnh chàng học sinh trường dòng, thân hình vạm vỡ, mái tóc xoăn xòa trên vàng trán rộng, cặp mắt sáng mà buồn buồn, gò má cao trông buồn bã và thậm chí còn có gì hơi ác, đôi môi mọng với đường nét mềm mại. Còn có cả ảnh Xêlikhốp nữa. Y chụp chung với mấy viên chức trẻ nào đó. Mấy đứa này ngồi thoải mái một cách cố ý trong ghế bành kê gần nhau, còn Xêlikhốp, - trông cũng rất trẻ và bảnh bao, - không hiểu sao lại ngồi xếp xuống sàn, bên cạnh chân lũ bạn.

Có lần bà gặp Gôridôntốp gần công viên thị trấn, bà khẽ gọi ông ta. Nhưng Gôridôntốp chỉ lịch sự cúi đầu chào, không đáp lại. Bà ngượng ngùng và kinh ngạc nhìn mãi theo ông ta.

Bốn mươi ngày sau khi Xêlikhốp mất, các tu sĩ ở nhà thờ Nhicôn đã đến tận nhà làm lễ cầu siêu. Trong các phòng đầy mùi hương lễ; bà Xanhia sợ nhức đầu vì ngửi cái mùi ấy nên đã sai đặt ấm xamôva dưới gốc táo ngoài vườn, nơi bà thích ngồi.

Đó là một ngày tháng năm, cây lá trong vườn xanh tươi, ẩm xamôva sáng loáng reo sôi, khăn dải bàn trắng tinh, cốc chén sạch bóng. Linh mục nhà thờ Nhicôn, một người đàn ông vui tính, khỏe mạnh, eo thắt lại, áo đại lễ màu bạc quàng dải vải rộng thêu hình hoa hồng. Bà Xanhia vừa nói chuyện với linh mục, vừa khe khẽ cười và rót nước chè. Nhưng rồi bóng cây táo dần dần chuyển dịch, mặt trời nóng bức chiếu thẳng xuống đỉnh đầu bà, - thốt nhiên tay chân bà thông xuống, một màng đỏ sậm bao phủ trước mắt... Người ta mở toang các cửa, khiêng bà vào phòng khách, đặt nằm lên divăng, nhưng bà cứ trườn ra khỏi ghế, bàn tay mập mạp bám vào tua vải màu vàng của chiếc khăn trải bàn đầy đặn cổ xưa, vừa thở hổn hển, vừa rên rỉ như cố nói điều gì. Nhưng hàm đã cứng lại, lưỡi không uốn được nữa, những giọt lệ long lanh trên đôi mắt không hồn trong suốt...

Tuy nhiên người ta đã lắc đầu tuyệt vọng hơi sớm, bà chỉ bị cảm nhẹ. Nói theo lời của Gôridôntốp thì chắc là chiếc cốc đời của bà hầy còn mật ngọt. Trái tim già nua của bà còn khao khát giọt mật ấy, - và bà dần dần bình phục. Ngọt ngào nhắm nháp hương vị cuộc sống trở lại, bà nằm trên giường và ngưỡng ngáp kể lại cho con bếp nghe rằng suốt đêm tháng năm, trước lễ cúng bốn mươi ngày, bà kêu lên, hay đúng hơn là cảm thấy mình đang kêu, nhưng rồi

không thể nào tỉnh dậy được mà triển miên trong một giấc mơ quái lạ; dường như có hai tu sĩ trẻ mò vào buồng ngủ của bà, bà phải vùng vẫy, chống cự lại... Khi kể lại chuyện này, bà cảm thấy lòng mình dịu dàng nhớ tới cha Kiơ. Bà tưởng như có thể sung sướng mà đánh đổi cả cuộc đời mới tìm lại được này để lấy một lần gặp gỡ, lần gặp gỡ cuối cùng với cha Kiơ... Không, không phải là lời nói của ông, những động tác nghiêng mình và lắc bình hương bên linh cữu người chết trong nhà thờ là đáng sợ. Điều đáng sợ khi ấy là phải nhìn lên cả hai người, phải nhớ lại niềm hạnh phúc xa xưa, nhớ lại cảm giác sợ hãi cùng tình yêu đã làm ửng hồng đôi má người thiếu nữ. Điều đáng sợ là cảm thấy tình yêu xa xưa còn chưa tắt hẳn. ấy vẫn còn vọng đến trái tim bà hôm nay, cái tình yêu đã hòa lại làm một cả người trước đây bà đã yêu lẫn kẻ bà khinh ghét nhưng phải chung sống một đời, kẻ đã từng mang ô và khoác áo cho bà, kẻ có lần đã nâng tay bà lên ngực mình và nói:

- Tôi ước ao mãi mãi được nâng niu bàn tay nhỏ này, cô Xanhia ạ.

XI

Một tháng liền bà sống với ước mơ thầm kín được nhìn thấy cha Kiơ vào ngày mười tháng sáu; vào ngày đó một quan chức rất cao sẽ đến thị trấn

Xtorêlét. Người ta đang chuẩn bị đón rước trọng thể, dựng cổng chào ở các ngã tư rồi treo đèn kết lá lên đấy. Cùng cô thợ may gầy gò, tóc màu hung, bà Xanhia đã vào cửa hiệu "Đồng Lợi" chọn một mảnh vải dạ màu hạt dẻ để may bộ váy áo mới. Có lần khi đang thử bộ váy áo này, bà bỗng nghe thấy qua cánh cửa sổ mở rộng tiếng trống lục lạc vọng lại, nghe thấy giọng hát buồn buồn, rồi tiếng ồn ào, la hét. Cả cô thợ may cùng bà Xanhia lúc ấy đang mặc chiếc áo có mỗi một ống tay, liền bỏ ra ngoài thêm; dân chúng đang đua nhau chạy ngoài phố, một đám đông đang ồn ào tụ tập gần cổng nhà cha Kiơ, bác thợ giày quần áo tả tơi đang đập cái trống lục lạc vào đầu anh chàng Xécbi mới xuất hiện lại trên đường phố Xtorêlét, anh này la hét ầm ĩ... Bà Xanhia cay đắng òa lên khóc; lạ Chúa, thế có nghĩa là cha Kiơ đã yếu lắm rồi!

Đến ngày mười trời nóng khủng khiếp. Bà Xanhia vận bộ cánh mới, cổ đeo vòng hạt, tay đeo nhẫn có mặt đá sắc sỡ, lên xe ngựa đi ra phía ga. Cũng trên chiếc xe đó viên cảnh sát thị trấn đã chờ thi thể bà về; bà bị đám đông chen lấn, đạp lên.

Trong buổi lễ tang không một ai khóc, trừ cô thợ may vốn biết rất ít về người quá cố. Cái ông vóc người nhỏ nhắn, mắt sắc lại đến; mọi việc trong nhà đều do bà vợ đầy uy quyền của ông ta cai quản. Họ mang theo cả hai đứa con - một đứa bé gái mồm to,

hiếu động và một cậu con trai học sinh trường trung học kỹ thuật không lúc nào chịu ngồi yên một chỗ. Thi thể bà Xanhia nằm lẫn vào bông dầy đặt nằm trên bàn ở gian phòng lớn; không ai cảm thấy sợ bà cả. Gương trong phòng được phủ vải làm dấu hiệu tang tóc. Một nữ tu sĩ vận áo dài ống tay rộng đang rành rọt đọc những điều không mấy rõ ràng trong kinh thánh. Đó là một bà già béo tốt, mặt mày tươi tỉnh, có họ hàng với bà Xanhia; bà đi từ tu viện ở nhà quê lên đưa tang. Bà đeo kính, da mặt trắng lớp, đội chiếc mũ đen. Trong nhà không có vẻ gì là tang tóc, nghiêm trang. Trẻ con vẫn nô đùa, ruồi và ong vẫn bay vo vo trong phòng khách qua cánh cửa sổ mở toang; ngoài trời là một ngày nóng bức, ánh nắng chan hòa soi rọi khắp nơi.

Sau lễ tang, ngôi nhà trở lên vắng ngắt. Mấy anh phu xe đã trở hết đồ gỗ trong nhà ra ngoài ga. Vài bà già ném là hoàn diệp liễu ướt xuống sàn để lau nhà, mở tung các cửa; gió lùa qua các phòng trống trải bây giờ trông như tối hơn và hẹp hơn. Người ta dán những miếng giấy nhỏ lên các ô cửa kính mỏng và cũ kỹ, và cuối cùng đã tìm được người thuê nhà. Đó là ông quý tộc phá sản tên là Khitorôvô, một người nghiện rượu, ria mép để vênh lên, đội mũ cứng hình ống, mặc áo cài khuy lệch một bên. Khi dọn đến nhà mới ông ta đi trên một cỗ xe, tuy cầm lấy cương buộc vào cổ con chó nòi lông đen mượt.

Phu xe chở đến hai chiếc ghế, một cái bàn để ở bếp và một cái tủ hồng sắc đồ sộ - tất cả đồ gỗ của ông quý tộc này chỉ có thế. Ông ta chỉ thuê một căn phòng, tất cả cửa sổ ở đây ông đều treo giấy báo. Dưới ánh mặt trời rọi thẳng, ít lâu sau giấy báo đã ngả màu vàng, bạc phếch.

XII

Một buổi chiều tháng sáu, trời mưa lất phất. Có một đoàn tàu đang chạy trên đường sắt vào thị trấn Xtơrêlét. Trong toa tàu tối tối hạng nhì thấy đủ các bậc mây râu đang ngồi và đàm đạo với nhau - một số nói về cái điều ai đi đâu về đâu, một số khác thì nói về những cái kém cỏi của hệ thống đường sắt Nga và về nước Nga nói chung, về tài nguyên giàu có cũng như sự thiếu văn hóa của nó. Toa xe âm âm chạy và lắc qua lắc lại, lỗ thông hơi trên nóc toa chốc chốc lại rít lên, nghe rõ tiếng mưa khi chiều hôm tắt vào đó.

Phía trước là cánh đồng mênh mông trống trải với những bãi cỏ ngập nước, dòng sông nhỏ uốn quanh, và đằng sau con sông, trên dải đất dốc thoải thoải là thị trấn Xtơrêlét - những ngôi nhà thấp lè tè mái tôn hay mái gỗ tấm, những tháp chuông và cánh rừng bên nghĩa địa... Qua cầu tàu hỏa chạy chậm lại, cả chiếc cầu rung lên, kêu cọt két. Dòng sông nhỏ

đục ngầu, thị trấn đầy bụi, trông thật tiêu điều. Những ngọn đèn thấp sớm trên ga lấp lánh qua màn mưa lay rẩy...

Tàu dừng lại mười lăm phút rồi lại chuyển bánh. Người phục vụ lần lượt châm các ngọn nến ngắn ngủn. Chúng sáng chói bừng lên, nhưng khi vừa được đặt vào trong đèn lồng với kính mờ mờ, chúng chỉ còn leo lét cháy. Đám hành khách làm quen nhau quá kỹ bắt đầu quay sang hút thuốc, kiểm chỗ ngả lưng qua đêm, hào hứng nói chuyện. Nhưng rồi cửa toa mở ra, Gôridônốp bước vào, một tay cầm cái xách to, một tay cầm cái ô dài. Thân hình cao to quá khổ và vụng về của ông ta làm mọi người sững sốt im bật, nhìn chằm chằm vào ông. Ông cúi chào mọi người theo lối cổ, rồi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ ở góc toa gần phía cửa.

Nói nhiều hơn cả là một vị gày gò đeo kính, đứng bên thành ghế divăng, tay giữ chặt nịt đeo quần luôn bên dưới áo gilê; theo lời ông ta thì đó là một nhân vật có tiếng ở Matxcova, thường giữ quan điểm cực đoan trong các vấn đề xã hội. Ông ta đã uống rượu ở ga Xtorêlét, bộ mặt nhăn nhúm đỏ gay, đầy kích động. Cặp kính loang loáng sáng, mái tóc bóng nhẫy xõa ra bù xù, giọng nói sang sảng, gay gắt. Ông ta chăm chú nhìn đầy kinh ngạc vị hành khách mới lên, nhưng lại làm ra vẻ không thèm để tâm tới người đó; cuối cùng không chịu được, ông ta bèn hỏi:

- Ông có đi xa không?

- Tôi đi Matxcơva, - Gôridôntốp chậm rãi trả lời, bàn tay họ pháp giữ chặt lấy cái ô để giữa hai đầu gối.

Vị hành khách đeo kính ngăm nghía Gôridôntốp và nghĩ ngợi.

- Chắc là ông sống ở cái thị trấn mà tàu vừa chạy qua phải không?

- Phải rồi, tôi là dân Xtơrêlét.

- Ông đi Matxcơva chắc là có công chuyện gì chắc?

- Có công chuyện đấy, - Gôridôntốp nói. - Tôi sẽ phải thương lượng với Phòng giải phẫu của Trường Đại học Tổng hợp hoàng gia Matxcơva. Trường đó sau khi nhận được tám ảnh chụp toàn thân tôi cùng lời tôi đề nghị Trường mua bộ xương của tôi sau khi chết, đã trả lời là hoàn toàn chấp nhận.

- Sao, sao? - vị hành khách đeo kính kinh ngạc thốt lên. - Ông bán bộ xương của chính mình ư?

- Nhưng sao lại không bán mới được? - Gôridôntốp nói. - Nếu vụ mua bán này làm tăng phúc lợi của tôi và chẳng hề phương hại gì đến tôi cả.

- Xin lỗi, cho tôi được phép... - vị hành khách đeo kính ngắt lời Gôridôntốp. - Thế ông không thấy quái dị... thậm chí tôi muốn nói là kinh tởm khi tiến hành một vụ mua bán như vậy sao?

- Không hề thấy sao cả, - Gôridôntốp trả lời. - Tôi cho rằng Trường Đại học Tổng hợp hoàng gia còn

lâu mới được sử dụng bộ xương của tôi. Tôi hy vọng rằng, cứ theo như sức lực tiềm tàng tôi hiện có, thì ít nhất tôi cũng còn sống đến chín mươi lăm tuổi.

Ông ta vừa trả lời, vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi ngọn nến cháy trong đèn treo bên thành toa đã in hình lên đấy; có cảm giác như ngoài trời kia đang có một ngọn nến cháy lơ lửng. Tàu chạy qua những dải đất thoải thoải phủ đầy lúa mì xanh tốt, bầu trời đầy mây sà xuống thấp. Ông thông hơi trên nóc toa rít lên từng hồi, - trong toa mọi người ồn ào cười nói... Còn ở phía xa, nơi thị trấn Xtơrêlét, bầu trời đêm yên tĩnh đã phủ xuống những con phố vắng tanh đen sẫm. Trên quây hàng gần túp nhà của bác thợ giày, lão Giôlút ở thuê đang ngồi hát nghêu ngao; lão mặc áo màu đỏ cờ, lưng gù gù gập xuống. Trong căn nhà mờ tối của mình, từ lâu cha Kiơ đã nằm liệt trên giường, tóc cha bạc trắng, da dẻ phù thũng, mắt lơ dờ lơ đãng. Ông quý tộc Khitơrôvô tỉnh táo không say, thận trọng đi sau con chó nòi của mình, sừng sần đeo trước ngực; ông ta đi qua đám kiêu mạch mọc gần nghĩa địa, bắn vu vơ lên khoảng không đã vào chiều, làm lũ chim cun cút hoảng hốt bay lên giữa trời mưa lất phất. Bà Xanhia và ông Xêlikhốp đang an giấc ngàn thu trong cánh rừng nghĩa địa, nắm mồ hai người nằm cạnh nhau. Còn lão Iasa vẫn trú trong cái miếu thờ xây bên lăng mộ thương nhân Êrôxốp. Suốt ngày cho khách đi qua, lúc nào lão cũng

khóc trước mặt họ, hôn tay họ; lão châm mẩu nến bằng sáp ong lên, ánh sáng mờ chiếu lên cái áo dài bóng mỡ của lão, cái mũ vải tròn úp toan hoen trên đầu, cái mặt râu ria bạc lốm chớm với đôi mắt sắc nhỏ tí, đầy tinh ranh. Lão ta đang miệt mài làm việc: đứng bên cạnh tường, nhổ vào đấy, rồi lại lau các vết nhổ bằng những quả mận mà mấy bà hăm mộ đã biếu.

2-9-1913

Trên biển đêm khuya

CON TÀU CHẠY TỪ ÔĐÉTXA đến Krưm dừng lại đêm khuya trước bến Êpatôria.

Trên tàu và bên cạnh nó bỗng hình thành một địa ngục thật sự. Tiếng dây tời quăng xuống tới tấp, đám người dỡ hàng từ dưới chiếc sà lan lớn và nhận hàng từ trên tàu đều kêu lên hỗn loạn; dân chúng địa phương vừa cãi cọ âm ỉ, vừa xô đẩy chen lấn nhau bu lấy cầu tàu, rồi với vẻ vội vàng điên rồ, khó hiểu, họ chạy lên tàu như lao vào một đợt xung phong với đủ thứ túi xách, bao bì linh kính quanh người; ngọn đèn điện mắc trên bãi cầu tàu soi rõ dòng người hỗn độn chen chúc đội những chiếc mũ phớt, mũ chòm, khăn xếp bản thủ, chiếu vào những cặp mắt như lồi ra, những đôi vai dướn về phía trước, những bàn tay run rẩy bám vào hàng lan can; tiếng rên la vọng lên cả từ phía mấy bậc thấp phía dưới chốc chốc lại bị sóng biển trào lên; phía đó người ta cũng đang chen lấn xô đẩy nhau, kêu gào, tiếng mái chèo khua lên, những chiếc thuyền chở đầy người va vào nhau, - chiếc trôi cao lên ngọn sóng, chiếc lại trụt thấp xuống

biến mất trong màn đêm dưới con tàu. Và con tàu có hình dáng như con cá heo lớn nhịp nhàng đung đưa như căng trên dây cao su, khi ngả sang phía này, lúc ngả sang phía kia...

Cuối cùng, im lặng đã trở lại.

Một người đàn ông sang trọng, dáng rất thẳng, vai ngang, bước lên boong tàu trong số người người sau cùng; ông đưa tấm vé và cái xác của mình cho người hầu ở bên cạnh buồng khu hạng nhất: khi biết trong các phòng riêng đã hết chỗ, ông đi về mạn đuôi tàu. Ở đây bóng tối nhờ nhờ, có mấy chiếc ghế tựa bằng vải, trên một chiếc ghế duy nhất hiện lên bóng đen đen của một người đang nửa ngồi nửa nằm, mình phủ chiếc chăn ấm. Vị hành khách mới lên chọn cho mình một chiếc ghế cách người kia mấy bước. Chiếc ghế tựa rất thấp, và khi ông ngồi xuống, tấm vải vồng xuống căng ra, tạo thành một chỗ ngồi rất thuận tiện và thoải mái. Con tàu dập dềnh lên xuống, từ từ trôi đi, ngả nghiêng theo dòng nước. Ngọn gió đêm miền Nam mềm mại thổi tới thoang thoang mùi biển cả. Đêm hè dung dị, bình yên với bầu trời lốm đốm những vì sao li ti, xung quanh bóng tối mịn màng, trong trong. Những ánh đèn xa nhợt nhạt, trông ngái ngủ khi trời đã về khuya lắm. Một lúc sau mọi chuyện trên tàu đã đâu vào đấy, đã nghe thấy những hiệu lệnh đều đều phát ra, tiếng xích neo tàu loảng xoảng... Sau đó mạn lái tàu rung

lên, nghe rõ tiếng bánh xe quạt nước xối xả. Những ánh đèn đăng thấp trên đường chân trời thấp thoáng từ bờ xa lùi dần lại phía sau. Con tàu không còn chòng chành nữa...

Có thể tưởng rằng cả hai hành khách đang ngủ, bởi họ ngả người nằm bất động trên chiếc ghế tựa của mình. Nhưng không, họ không ngủ, họ đang chăm chăm nhìn vào nhau qua màn đêm mờ tối. Và cuối cùng, vị hành khách lên trước, người phủ chăn ấm qua đôi chân, cất tiếng hỏi bằng giọng chất phác, điềm nhiên:

- Anh cũng đi Krum à?

Vị hành khách lên sau, người có đôi vai bằng, chậm rãi trả lời lại cũng bằng cái giọng như thế:

- Vâng, tôi đến Krum và đi xa hơn. Tôi sẽ dừng lại Alúpka rồi đến Gagra.

- Tôi nhận ra anh ngay, - người lên trước nói.

- Tôi cũng nhận ra anh tức thì, - người lên sau đáp.

- Thật là một cuộc gặp gỡ lạ lùng và bất ngờ.

- Không thể nào khác hơn thế được.

- Nói cho đúng ra, không phải là tôi đã nhận ra anh, mà trước đó trong tôi hình như đã tiềm ẩn một cảm giác rằng không hiểu vì lẽ gì anh thế nào cũng xuất hiện, thế cho nên tôi chẳng cần phải mất công nhận ra anh.

- Tôi cũng có cảm giác hoàn toàn giống hệt như vậy.

- Đúng thế ư? Là thật. Chỉ còn cách phải thừa nhận rằng trong cuộc đời vẫn có những phút, biết nói thế nào nhỉ, những phút phi thường, phải thế không? Có thể rằng cuộc đời thật ra không đến nỗi đơn giản như ta tưởng.

- Có thể thế lắm. Nhưng cũng có thể có khả năng khác: đó là vừa rồi chẳng qua chúng ta chỉ cùng tưởng tượng ra những cảm giác về cái gọi là niềm tiên cảm của chúng ta mà thôi.

- Có thể thế. Phải đấy, rất có thể như thế. Thậm chí hợp lý hơn cả là đúng thế.

- Đấy, anh thấy chưa. Chúng ta thì cứ lý sự cao siêu, mà cuộc đời có thể là rất đơn giản. Nó giống hệt cái cảnh hỗn loạn vừa diễn ra bên chân cầu tàu. Cái đám người ngu si nọ chen chúc, giẫm đạp nhau hấp tấp đi đâu vậy?

Hai vị hành khách cùng im lặng một lát. Tiếp đó họ lại nói chuyện.

- Bao nhiêu lâu rồi tôi và anh không gặp nhau nhỉ? Hai mươi ba năm phải không? - vị hành khách lên trước, người phủ tấm chăn ấm, hỏi.

- Phải rồi, gần như thế, - người lên sau đáp. - Mùa thu này là vừa tròn hai mươi ba năm. Tôi và anh có thể rất dễ dàng tính ra điều này. Hầu như là một phần tư thế kỷ.

- Một thời gian dài đấy. Cả một đời người chứ

còn gì. Ấy là tôi muốn nói rằng cả đời tôi, đời anh hầu như đều kết thúc.

- Đúng, đúng thế. Nhưng mà sao mới được? Chẳng lẽ chúng ta lại thấy sợ hãi vì nó đã chấm hết?

- Hừm, tất nhiên là không sợ. Hầu như chẳng sợ chút nào cả. Đấy chẳng qua toàn là chuyện lão toét, khi chúng ta tự nói với mình rằng "đáng sợ", tức là khi chúng ta cố tự dọa mình rằng đấy, cuộc sống thế là đã qua rồi, chỉ còn mười năm nữa là nằm dưới mộ. Mà anh cứ thử nghĩ xem: nằm dưới mộ - đó đâu phải chuyện đùa!

- Hoàn toàn đúng thế. Thậm chí tôi còn có thể nói nhiều hơn thế nữa. Chắc anh cũng biết rằng, như người ta nói, tôi cũng khá nổi tiếng trong giới y học chứ?

- Ai lại không biết điều này! Tất nhiên là tôi biết. Thế anh có biết rằng người bạn hèn mọn của anh cũng nổi tiếng không?

- Lẽ đương nhiên là thế. Có thể nói rằng tôi là một độc giả chuyên cần. Một người ngưỡng mộ anh, - người lên sau nói.

- Thế đấy, cả hai đều nổi tiếng. Nhưng mà anh muốn nói điều gì kia chứ?

- Tôi muốn nói rằng nhờ sự nổi tiếng của mình, tức là nhờ một số kiến thức chẳng phải là uyên thâm gì cho lắm nhưng cũng khá là có căn cứ, tôi biết gần như chính xác rằng tôi còn sống thậm chí không phải

là mười năm, mà là vài tháng nữa thôi. Hay lâu nhất thì cũng chỉ một năm. Chính tôi và các bạn đồng nghiệp của tôi đã xác định chắc chắn rằng tôi mắc một thứ bệnh vô phương cứu chữa. Tôi có thể đoán chắc với anh rằng tôi vẫn sống bình thường, hầu như không có chuyện gì xảy ra cả. Tôi chỉ tự cười giấu mình rằng: anh thử nghĩ mà xem, tôi muốn hiểu biết hơn mọi người về đủ thứ nguyên nhân dẫn đến cái chết để trở thành nổi tiếng, được sống đường hoàng, thế rồi lại nhận rõ ngọn ngành cái chết của chính mình. Nếu không thì người ta đã có thể giấu cọt, lừa gạt tôi, - này, ông bạn, chúng mình còn cố chữa chạy, không sao đâu! - Nhưng với tôi thì làm sao có thể đánh lừa hay nói dối được nữa? Đó là một việc làm ngu xuẩn và vụng về. Vụng về đến nỗi họ còn tỏ ra cởi mở thái quá, thứ cởi mở pha lẫn vẻ xúc động dửng dưng và nịnh bợ: "Biết nói thế nào nhỉ, ông bạn đồng nghiệp kính mến, chúng tôi không thể nói quanh co cùng ông được... *Finita la comedia!*"⁽¹⁾.

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ? - người hành khách lên trước hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, - người lên sau trả lời. - Nhưng mà điều chủ yếu là gì mới được? Nếu có một vị tân Cai nào đó là hữu hạn thì *ergo*⁽²⁾ tôi cũng

⁽¹⁾ Hài kịch đã kết thúc (tiếng Italia trong nguyên bản).

⁽²⁾ Ergo: Vậy là (tiếng Italia trong nguyên bản).

sẽ chết; điều này trước sau gì cũng tới! Nhưng đáng tiếc ở đây có chuyện hoàn toàn khác kia: không phải một lúc nào đó tôi sẽ chết mà là sau một năm. Một năm có phải lâu la gì không? Hè sang năm anh sẽ lại chụ du đâu đó trên sóng biển xanh, còn ở Matxcova, trong nghĩa trang Tân Nữ những mảnh xương cao quý của tôi sẽ được vùi sâu dưới đất. Rồi thì điều gì sẽ đến với tôi ư? Tôi hầu như chẳng có cảm xúc gì hết, khi nghĩ tới điều này, và tệ hại nhất là đó không phải kết quả của một thứ lòng dũng cảm nào như họ bệnh trạng của mình cùng diễn biến của bệnh đó như là một điều thú vị từ góc độ lâm sàng. Mà chỉ đơn giản vậy thôi - như là kết quả của một thứ vô cảm giác ngu ngốc nào đó. Và cả những người chung quanh tôi, cũng đều không cảm thấy gì hết. Như anh đây chẳng hạn, - lẽ nào anh lại sợ hãi thay cho tôi?

- Sợ hãi thay cho anh ư? Không, tôi xin thú nhận rằng quả tình tôi không hề có cảm giác đó.

- Và tất nhiên là anh cũng không xót thương gì tôi chứ?

- Không, cũng chẳng xót thương. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng, anh cũng chẳng tin chút nào vào cái chốn cực lạc, nơi không hề có nỗi buồn, không hề có sự than vãn mà chỉ có những quả táo thiên đường, phải thế không?

- Thì thế, tôi với anh đâu có đức tin như vậy...

Và cả hai lại im lặng. Sau đó họ rút hộp thuốc lá ra và hút.

- Anh cũng nên để ý điều rằng, - người lên trước, người phủ tấm chăn, nói, - tôi với anh không hề làm bộ làm tịch gì, không hề đóng kịch gì trước mặt nhau hay trước mặt một thính giả tưởng tượng nào cả. Quả tình là chúng ta nói với nhau rất thoải mái và không hề có vẻ trơ tráo cố ý nào, không hề có vẻ tự tăng bốc cay độc nào mà ở đó lúc nào cũng vẫn có sự bù trừ: đấy, các vị thử nhìn xem, chúng tôi đang ở trong tình trạng ra sao - không một ai giống thế cả. Chúng ta đàm đạo với nhau thoải mái và khi im lặng cũng chẳng ngụ ẩn ý nào, chẳng tỏ vẻ thâm thúy cao siêu nào. Nói một cách khái quát thì trên trái đất này không có động vật nào thêm khát lạc thú hơn con người; tâm hồn khôn ngoan của con người ở đâu và lúc nào cũng tìm được cách tự thỏa mãn. Nhưng trong trường hợp của anh và tôi đây thì thậm chí tôi cũng không nhận thấy cả điều này. Và điều còn kỳ dị hơn nữa, bởi còn phải cộng thêm vào cái trạng thái "vô cảm giác ngu ngốc" như anh vừa nói đến, tất cả tính chất đặc biệt của mối quan hệ giữa chúng ta. Bởi tôi và anh gắn bó hết sức mật thiết với nhau. Nói đúng hơn tức là chúng ta đã buộc phải gắn bó với nhau.

- Còn thế nào khác nữa! - người lên sau đáp. - Thật tình tôi đã gây ra cho anh một tai họa ghê gớm

thế nào. Tôi hình dung được những gì anh đã phải chịu đựng.

- Phải rồi, nhưng thực ra thì còn kinh khủng hơn nhiều so với điều anh có thể hình dung được. Nói gọn lại thì đó quả là ghê sợ, là cả một cơn ác mộng mà một người đàn ông, người tình, người chồng bị giành giật, bị cướp mất vợ đã phải trải qua, suốt ngày đêm này qua ngày đêm khác, hầu như liên tục, từng phút một, người đó phải quằn quại vì những cơn tự ái đau đớn, vì những điều tưởng tượng kinh hoàng đầy ghen tức về hạnh phúc mà kẻ kinh địch của anh ta đang được hưởng, vì tình cảm dịu dàng vô vọng, bế tắc, - nói đúng hơn là cái cảm giác khát khao dịu dàng về thể xác, - đối với người đàn bà vừa bị mất, người đàn bà mà anh ta vừa muốn sôi máu hằn thù bóp chết, vừa muốn phủ khắp thân thể màng những cử chỉ tự hạ mình tới mức hèn mọn nhất để tỏ bày sự ngoan ngoãn trung thành vô hạn của một con chó. Đó quả là điều khủng khiếp khôn tả. Thêm nữa, tôi không hẳn là người bình thường, mà là một kiểu người nhạy cảm, đầy trí tưởng tượng. Đây, anh cứ thử hình dung xem, những gì tôi đã phải nếm trải trong vòng mấy năm liền.

- Mấy năm liền kia ư?

- Tôi đoán chắc với anh rằng không ít hơn ba năm. Rất lâu sau đó chỉ cần nghĩ về anh và về cô ta, về sự gắn gũi chung đụng giữa hai người, là ý nghĩ

đó đã như thanh sắt nung đỏ làm rát bỏng thân xác tôi. Điều đó cũng dễ hiểu. Nếu ai đó cướp đi của anh giả dụ như là vợ chưa cưới - thì điều này còn có thể chịu được. Nhưng nếu lại cướp đi người tình, hay như trong trường hợp của chúng ta đây, là cướp đi người vợ! Người mà, anh tha lỗi cho lời nói quá bộc trực của tôi nhé, anh đã chung chăn chung gối, người mà anh biết hết mọi đặc điểm thân xác và tâm hồn như nắm ngón tay của mình! Anh cứ nghĩ mà xem, đây quả là một khoảng trống bao la cho trí tưởng tượng đầy ghen tuông. Làm sao chịu được cái cảnh người khác đã chiếm đoạt mất cô ta? Tất cả chuyện này quả là qua sức con người. Vì cái gì vậy mà thiếu chút nữa tôi đã thành thằng nghiện ngập, vì lẽ gì tôi đã tự phá hoại sức khỏe của mình, ý chí của mình? Vì lẽ gì tôi đã bỏ mất thời gian chín rộ nhất của sức lực và tài năng của mình? - Không một chút cường điệu, tôi có thể nói rằng quả là anh đã chặt đứt đôi con người tôi. Tất nhiên vết thương đã liền, nhưng thế thì có nghĩa gì? Dù thế nào thì con người trước kia của tôi đã chẳng còn và chẳng thể nào còn nữa. Bởi anh đã xâm phạm vào chốn thiêng liêng nhất trong cả sự tồn tại của con người tôi! Hoàng tử Gautam, khi tìm kiếm vị hôn thê cho mình, đã trông thấy nàng Iaxótkhara, người có "dáng vẻ óng ả của một nữ thần và đôi mắt của con hoẵng mùa xuân". Được nàng khích lệ, hoàng tử đã làm được những

việc phi thường trong cuộc đua tài với các chàng trai khác, - chẳng hạn, hoàng tử đã bắn cung mà xa tới bảy nghìn dặm còn nghe thấy, - rồi sau đó chàng tháo chuỗi ngọc trai quàng lên cổ nàng Iaxótkhara và nói: "Ta đã chọn nàng vì ta đã từng chơi với nàng trong rừng từ ngày xưa ngày xưa, khi ta còn là con của một người thợ săn, và nàng là bà chúa của rừng xanh: lòng ta chợt nhớ ra nàng!". Hôm đó, trên mình nàng khoác tấm khăn vàng pha lẫn màu đen; hoàng tử nhìn nàng và nói: "Nàng khoác tấm khăn vàng - đen, bởi hàng ức triệu năm trước đây, khi ta còn là người thợ săn, trong rừng ta đã gặp nàng dưới lớp áo: lòng ta chợt nhớ ra nàng!" - Anh bỏ quá cho tôi về cái chuyện đầy thơ mộng trên đây, nó chứa đựng một sự thật to lớn và khủng khiếp. Anh hãy suy ngẫm kỹ càng ý nghĩa của những lời nói đáng kinh ngạc về "tám lòng chợt nhớ", suy ngẫm về điều rằng thật là khủng khiếp thế nào khi cuộc gặp gỡ thiêng liêng nhất trên đời này đã bị một người ngoài phá hoại. Biết đâu tôi đã chẳng có thể giương cung bắn tên đến nỗi người ngoài xa vạn dặm còn nghe thấy. Thế rồi bất ngờ anh xuất hiện...

- Vậy thì bây giờ anh có cảm giác thế nào đối với tôi? - vị có đôi vai bằng hời. - Anh thấy giận dữ, ghê tởm, khao khát trả thù ư?

- Anh hình dung mà xem: tôi chẳng có cảm giác gì hết. Dù tôi cao giọng xổ ra hàng tràng dài như vừa

rồi thì quả là cũng chẳng có cảm giác gì hết. Kinh khủng, kinh khủng thật! Đấy, cái "tấm lòng chợt nhớ ra" là thế đấy! Mà chính anh chắc cũng biết rõ điều này, tức là biết rõ rằng tôi chẳng có cảm giác gì cả. Nếu không thế thì anh đã chẳng hỏi làm gì.

- Anh nói đúng. Tôi biết thế. Và điều này cũng rất đáng sợ.

- Tuy vậy, tôi và anh chẳng có gì đáng sợ cả. Cái sợ quá khủng khiếp rồi thì cũng chẳng còn đáng sợ.

- Phải rồi, quả là chẳng còn gì đáng sợ nữa. Người ta hay nói: quá khứ, quá khứ! Đó là chuyện láo toét. Nói cho nghiêm khắc ra thì con người chẳng có thứ quá khứ nào hết. Chỉ còn có một tiếng vọng yếu ớt nào đó của tất cả những gì ngày xưa đã sống qua...

Hai người lại im lặng. Con tàu rung rung, tiếp tục chạy; âm điệu mềm mại của làn sóng nước ngái ngủ trôi qua bên mạn tàu đều đều vang lên và tắt dần đi; chiếc máy đo tốc độ đặt sau mạn lái tàu đơn điệu quay nhanh, chốc chốc lại phát ra tiếng kêu thanh thanh, đầy bí ẩn: tinh, tinh... Sau đó người hành khách có đôi vai bằng cát tiếng hỏi:

- À mà anh hãy nói xem... Anh đã cảm thấy gì, khi biết tin cô ấy qua đời? Cũng không xúc động gì cả à?

- Vâng, hầu như không, - vị hành khách phủ tấm chăn đáp. - Đúng hơn cả là có đôi chút ngạc nhiên về

sự vô cảm của mình. Một buổi sáng giờ tờ báo ra xem - có một cái tin hơi đập vào mắt: vãng mệnh trời, bà gì đó đã... Do chưa từng gặp nhiều trường hợp như vậy nên tôi cảm thấy rất lạ lùng khi gặp tên người quen thân trong cái khung đen đặt ở cái góc bí hiểm của trang báo và được in bằng thứ chữ to đầy trang trọng... Tiếp đó tôi cố tỏ ra buồn rầu: phải rồi, đây chính là người phụ nữ mà mình đã... Nhưng -

Tôi đã nghe tin nàng ra đi từ miệng người lãnh đạm

Và tôi cũng đứng đờn đón nhận tin này...

Thậm chí tôi cũng không cảm thấy buồn. Chỉ có một cảm giác thương thương thoáng qua thôi... Mà đó chính là người con gái mà "lòng tôi đã chợt nhớ ra", là mối tình đầu, mối tình vật vã dai dẳng của tôi. Tôi đã gặp nàng vào thời kỳ nàng đáng yêu nhất, thời kỳ trong trắng, và thơ ngây như trẻ nhỏ cùng với vẻ ngập ngừng e lệ thường vẫn làm trái tim đàn ông xúc động khôn tả, có thể vì rằng nữ tính nào cũng hàm chứa một vẻ yếu ớt đầy tin cậy, một vẻ gì trẻ thơ, đó là thể hiện của điều rằng người con gái, người phụ nữ nào cũng tiềm ẩn trong mình một đứa bé tương lai. Mà chính tôi là người đầu tiên nàng đã trao hiến tất cả những gì thượng đế ban cho, trao hiến với nỗi niềm sợ hãi và hạnh phúc vô cùng. Chính tôi đã hàng triệu lần hôn lên tấm thân trinh trắng của nàng - cái đẹp nhất có thể có trên thế gian

này - hôn trong cơn xúc động run rẩy đến tận cùng mà suốt cả đời tôi chưa từng nếm trải. Chính vì nàng mà tôi đã mất trí từng ngày, từng đêm, suốt bao năm ròng. Vì nàng mà tôi khóc, tôi vò đầu, bứt tóc, đã mấy lần tỉnh chuyện quỳn sinh, đã uống rượu, rong ruổi trên những cỗ xe ngựa sang trọng, diên rồ hủy bỏ những tác phẩm có thể là hay nhất, quý giá nhất của mình... Thế rồi hai mươi năm qua đi - tôi ngây độn nhìn lên cái tên nàng trong khung đen cáo phó, đờ đẫn hình dung ra nàng nằm trong quan tài... Một hình ảnh không thú vị gì, nhưng rồi chỉ thế thôi. Tôi đoán chắc không với anh rằng, chỉ đến thế thôi. Còn anh nữa, anh bây giờ, tất nhiên là bây giờ thôi, - chẳng lẽ anh lại có cảm giác gì chẳng?

- Tôi ấy à? Không, có gì phải giấu giếm đâu? Tất nhiên là gần như chẳng có cảm giác nào cả...

Con tàu vẫn đi; phía trước sóng tiếp sóng trào sôi, ào ào lướt qua mạn tàu; một dòng nước trắng xóa rào rào đơn điệu trôi theo đuôi tàu. Làn gió ngọt ngào từ đâu thổi tới, những vì sao chi chít, đứng yên giữa bầu trời cao xa, phía trên ống khói tàu đen đen, trên cột buồm cao nhọn với vô số dây chằng...

- Mà này, anh có biết gì không? - bất ngờ vị khách lên trước hỏi như vừa chợt tỉnh. - Anh biết cái gì là điều chủ yếu không? Đó là điều tôi không sao có thể gắn liền lại người đã qua đời với cái người phụ nữ mà tôi vừa kể với anh. Không thể nào gắn

được. Hoàn toàn không thể. Người phụ nữ trước kia hoàn toàn khác hẳn. Nói rằng tôi không có chút cảm giác nào với người phụ nữ ấy là nói dối. Nghĩa là tôi đã nói không chính xác. Hoàn toàn không đúng thế, không phải thế.

Người lên sau ra chiều nghĩ ngợi.

- Vậy thì sao mới được? - ông ta hỏi.

- Vậy là cả cuộc nói chuyện của chúng ta trở nên vô nghĩa.

- Chà, có đúng là vô nghĩa không? - vị hành khách có đôi vai bằng nói. - Người phụ nữ trước kia, như anh nói ấy, chẳng qua chỉ là anh, là sự hình dung của anh, là cảm xúc của anh, nói gọn là một cái gì đó của anh. Vậy có nghĩa rằng chẳng qua anh chỉ tự làm xúc động chính mình thôi. Anh hãy thử bình tâm mà nghĩ kỹ xem.

- Anh cho là thế à? - Tôi không biết... Có thể... Vâng, có thể như thế lắm...

- Mà liệu anh có xúc động lâu với chính bản thân mình không? Chừng mười phút chẳng? Hay là nửa giờ. Hay cứ cho là một ngày đi.

- Đúng, đúng. Thật là đáng sợ quá, nhưng có lẽ anh nói đúng. Và bây giờ thì nàng ở đâu? Ở trên bầu trời đẹp đẽ kia sao?

- Chỉ có Đấng chí tôn mới biết được thôi, anh bạn của tôi ạ. Nói cho đúng ra thì chẳng ở đâu cả.

- Anh nghĩ thế sao? Phải đấy, phải đấy... Đúng hơn cả là như thế...

Mặt biển khơi bằng phẳng như hiện ra giữa một vòng đen bao la dưới vòm trời đêm mờ mờ, bàng bạc. Con tàu nhỏ như lạc giữa bình nguyên tròn tròn đen sẫm này và lặng lẽ miệt mài đi tiếp con đường của nó. Dòng nước mát nhờ nhờ màu sữa trào sôi ngái ngủ kéo dài mãi về phía xa, nơi trời đêm lẫn vào biển cả, nơi chân trời trở nên sẫm tối, ảm đạm tương phản với ánh nước màu ngà. Chiếc máy đo tốc độ vẫn đều đều quay đi, chốc chốc lại phát ra âm thanh mảnh mai, buồn buồn, bí ẩn: *tinh, tinh...*

Hai vị hành khách im lặng một lúc rồi khẽ khàng và bình thản nói với nhau:

- Chúc anh ngủ ngon.
- Chúc anh yên giấc.

Bờ biển Anpơ, 1923

Lần gặp gỡ cuối cùng

I

VÀO MỘT TỐI MÙA THU trăng sáng, khí trời lành lạnh và ẩm ướt, Xtoresnhép cho thắng ngựa.

Ánh trăng như làn khói xanh mờ nhẹ đổ thành vệt dài lên chiếc cửa sổ nhỏ hẹp của chuồng ngựa sẫm tối, làm đôi mắt con ngựa thiên tỏa sáng. Người hầu thắt dây cương và bộ yên cao nặng nề kiểu *kazác* lên mình ngựa, dắt nó ra khỏi chuồng, quay đuôi của nó. Con ngựa đã chịu khuất phục. Chỉ có điều nó căng sườn ra, thở phì phì khi cảm thấy trên mình dây đai bụng. Một chiếc đai bị đứt. Khó nhọc lắm người hầu mới luôn được dây đai vào khóa và đóng răng lại.

Dưới bộ yên cương, con ngựa mình ngắn trông sang đẹp hẳn lên. Dắt ngựa tới bên ngôi nhà, đến trước hiên, người hầu quấn dây vào cột gỗ đã mục rồi bỏ đi. Con ngựa mãi không chịu đứng yên, bộ răng vàng khè gặm gặm vào cột. Thỉnh thoảng nó lại tỏ vẻ tức tối, hí vang từng hồi dài. Vũng nước bên

cạnh nó in hình trắng nhợt nhạt chưa tròn, làn sương
đùng đục lớn vồn trên vườn cây thưa.

Tay cầm chiếc roi dài, Xtoresnhép bước ra hiên.
Mũi anh hơi khoằm, đầu nhỏ ngả ngả về đằng sau
trông khô khan, vai rộng. Dáng người anh cao và
uể uải chuyển trong bộ áo khoác màu nâu có dây đai
với đường trang trí bằng bạc thắt ngang lưng, anh
đội chiếc mũ *kazác* màu đỏ ở phía trên. Nhưng ngay
cả dưới ánh trăng cũng có thể thấy gương mặt anh
nhợt nhạt, thô tháp vì sương gió, bộ râu xoắn cứng
đôi chỗ đã điểm bạc, cái cổ gầy gân guốc, đôi ủng
cao của anh đã sờn cũ, và trên tà áo khoác còn vương
lại vết máu thỏ đen sẫm đã khô từ lâu.

Ô cửa nhỏ trên khung cửa sổ tối gần hiên bỗng
mở ra. Một giọng rụt rè khẽ hỏi:

- Andriusa, con đi đâu thế?

- Con không còn bé bỏng đâu mẹ ạ, - Xtoresnhép
nói, nheo lông mày và cầm lấy dây cương.

Ô cửa nhỏ đóng lại. Nhưng lại có tiếng cửa mở ở
buồng ngoài thông ra hàng hiên. Paven Xtoresnhép
lết xết lê dép bước ra, mặt trông như bị phù, đôi mắt
sưng húp, mái tóc bạc chải lật ra đằng sau, mặc bộ
đồ ngủ và chiếc áo khoác ngoài dùng vào mùa hè,
trông nửa tỉnh nửa say và lảm lờn như mọi khi.

- Con đi đâu thế, Andrây? - ông hỏi giọng khàn
khàn. - Con chuyển lời thăm hỏi thân thiết của bố tới

Vêra Aléchxépna nhé. Bố lúc nào cũng kính trọng cô ấy sâu sắc.

- Bố thì có thể kính trọng ai? - Xtôresnhép trả lời.

- Mà sao bố cứ hay can dự vào những chuyện không phải của mình thế?

- Bố có lỗi, có lỗi? - Ông Paven nói. - *Chàng trai trẻ vội đến nơi hò hẹn!*

Xtôresnhép nghiêng rặng lại để trèo lên yên. Khi chân anh vừa chạm phải bàn đạp, con ngựa bỗng như sực tỉnh, nặng nề quay mình. Chọn đúng lúc, Xtôresnhép nhẹ nhàng đu người lên rồi ngồi xuống chiếc yên kêu ken két. Con ngựa hất đầu lên, chân bước vào vũng nước làm tan biến hình trắng rồi nhịp nhàng lao nhanh.

II

Giữa cánh đồng ẩm ướt dưới ánh trăng, những hàng cây ngải nhờ nhờ trắng hiện lên trên các bờ ruộng. Những con cú mèo bất ngờ, không tiếng động từ bờ ruộng bay vụt lên - và con ngựa bỗng rống lên, chạy tránh sang một bên. Con đường bắt đầu dẫn vào khu rừng nhỏ, trông lạnh lẽo lặng yên như tờ dưới ánh trăng sương. Mặt trăng sáng và dường như mọng nước thấp thoáng hiện ra trên đỉnh cây cao trơ trọi, những cành cây không lá hòa lẫn vào ánh sáng trắng ướt át, biến mất đi trong đó... Ngai ngái thoáng

bay mùi vỏ cây dương, mùi lá mục từ những nơi đất trũng... Tiếp đó là triền đất thoải thoải thấp xuống đường như không có đáy tràn ngập một màn sương trắng mỏng. Con ngựa cũng thở làn hơi trắng ấy, nó lao qua những bụi cây lấp loáng ánh sương. Tiếng những cành cây khô gãy dưới móng ngựa vọng sang phía bên kia, nơi có rừng cây cao đen sẫm theo triền núi dốc... Bỗng con ngựa vểnh tai nghe ngóng. Hai con sói kéch sù chân cao đang đứng trên khoảng đất thấp trong màn sương trắng. Để cho Xtoresnhép lại gần rồi chúng mới vọt lên chạy như bay vào núi, băng qua bãi cỏ đọng sương lấp lánh.

- Biết đâu nàng còn ở lại đây thêm ngày nữa? - Xtoresnhép nói, đầu hơi ngả về phía sau, ngược nhìn lên trăng.

Mặt trăng soi xuống những cánh đồng cỏ trống trải bàng bạc màu sương nằm phía bên phải... Nét buồn và vẻ đẹp của mùa thu!

Chiếc yên trên lưng ngựa kêu ken két, con ngựa gắng sức thở phì phì leo lên cánh rừng cây cao rậm rạp, theo một đường trũng sâu ngập nước, bỗng nó vấp phải vật gì xuýt nữa thì ngã khụy xuống đất. Xtoresnhép mặt méo xệch đầy tức giận, anh thu hết sức quật roi vào đầu con ngựa.

- Đồ chó già! - anh gào lên, giọng buồn bực tức tối vang cả cánh rừng.

Sau cánh rừng hiện ra những cánh đồng trống

trái. Trên sườn dốc thoải thoải, giữa đám ruộng kiều mạch vừa thu hoạch chỉ còn trơ gốc rạ, là một trang ấp xơ xác, lác đác những khu nhà phụ, một ngôi nhà lợp rơm. Dưới ánh trăng cảnh vật này trong thật buồn! Xtoresnhép dừng lại. Có cảm giác rằng đã muộn rồi, khuya rồi, - chung quanh yên ắng quá. Anh đi vào sân. Ngôi nhà sẫm tối. Quăng dây cương ra, Xtoresnhép nhảy xuống khỏi yên. Con ngựa ngoan ngoãn đứng yên, đầu cúi xuống. Trên hiên nhà một con chó săn già đầu đặt lên chân nằm còng queo. Nó không nhúc nhích, mà chỉ nhìn ra, mắt dươn lên, khê phe phẩy đuôi chào khách. Xtoresnhép từ hàng hiên bước vào nhà, từ phía kho thoang thoang đưa lại mùi hôi. Căn buồng phía ngoài nhờ nhờ tối; kính cửa ám đầy hơi nước lạnh ngả màu vàng ố. Từ trong hành lang tối sẫm, một người phụ nữ nhỏ nhắn vận chiếc áo choàng mỏng mầu sáng chạy ra. Xtoresnhép cúi xuống. Rất nhanh, đôi cánh tay trần của nàng quàng chặt lấy cái cổ cao gầy của anh rồi lặng lẽ khóc nức lên vì sung sướng, đầu áp vào vạt áo khoác thô ráp của anh. Có thể nghe thấy trái tim nàng rộn ràng đập như con trẻ, cảm thấy được cây thánh giá nhỏ trên ngực nàng, cây thánh giá bằng vàng của bà để lại - báu vật cuối cùng.

- Anh ở đây đến mai chứ? - nàng thì thào hỏi nhanh. - Phải thế không anh? Em không tin vào hạnh phúc của mình!

- Vêra, anh đi tháo yên cương cho ngựa đây, - Xtóresnhép nói và khê gõ vòng tay nàng ra. Ủ, đến mai, đến mai anh mới đi, - anh nói và nghĩ: "Trời, càng ngày nàng càng đắm say thêm! Mà sao nàng hút thuốc nhiều thế, lúc nào cũng thèm được âu yếm!".

Gương mặt Vêra trông dịu dàng, làn da mịn màng thoa phấn. Nàng khê cọ má vào môi anh rồi hôn rất lâu lên môi anh bằng đôi môi mềm mại. Cây thánh giá nhỏ lấp loáng trên ngực nàng để hở. Nàng mặc chiếc áo mỏng tang - chiếc áo nàng rất quý, chỉ dành trong những dịp hệ trọng nhất, chiếc áo duy nhất...

"Trước đây mình đã biết rất rõ, - Xtóresnhép nghĩ, cố hình dung lại nàng khi còn trẻ trung, - biết rất rõ mười lăm năm về trước rằng không một chút phân vân nào sẵn sàng đánh đổi mười lăm năm đời mình để được một lần gặp gỡ với nàng!".

III

Trên sàn nhà bên cạnh giường, ngọn nến đang leo lét cháy khi trời sắp sáng. Xtóresnhép nằm dài trên giường, anh mặc chiếc quần rộng ống, chiếc áo sơmi cổ đứng cúc cài bên, gương mặt nhỏ với chiếc mũi khoằm đắm chiêu quay về phía tối, đầu gối lên hai cánh tay bắt chéo. Vêra ngồi bên cạnh anh,

khuyết tay tì lên đầu gối. Đôi mắt sáng của nàng đỏ hoe, sưng lên vì khóc nhiều. Nàng hút thuốc và lơ đãng nhìn xuống sàn nhà. Nàng ngồi vắt chân chữ ngũ. Nàng tự thích thú với bàn chân nhỏ nhắn xỏ trong chiếc giày mỏng sang trọng. Nhưng nỗi đau trong tim nàng quá nhức nhối.

- Em đã hy sinh tất cả vì anh, - nàng nói nhỏ và đôi môi nàng lại run lên.

Giọng nói của nàng chứa đựng biết bao nhiêu sự dịu dàng và nỗi khổ trẻ thơ! Nhưng Xtoresnhép mở mắt ra và lạnh lùng hỏi:

- Em đã hy sinh cái gì vậy?

- Tất cả, tất cả. Và trước tiên là danh dự, là tuổi trẻ...

- Có trời mà biết chúng ta trẻ thế nào.

- Sao anh thô lỗ và thiếu tế nhị thế! - nàng nhẹ nhàng trách móc.

- Phụ nữ trên khắp thế giới này cứ hay nói đi nói lại một điều. Họ thích nói vài chữ, chỉ có phát âm khác nhau thôi. Mới đầu thì với giọng say sưa, đầy thán phục: "Sao anh thông minh, tế nhị thế!". Rồi sau đó là: "Sao anh thô lỗ, thiếu tế nhị vậy!".

Nàng sụt sịt khóc và nói tiếp, dường như không nghe thấy gì:

- Dù em chẳng làm được việc gì ra hồn ở trên đời này... Nhưng em đã yêu âm nhạc, đang yêu nó say

đắm và tuy chỉ là một chút thôi em cũng đã có thể đạt được...

- Chắc, không phải yêu âm nhạc đâu. Khi Pôđarxki mới...

- Bây nào, anh Andriusa. Và bây giờ thì em đóng vai thảm hại của người đệm đàn pianô ở một trường nữ học, mà ở đâu mới được chứ! Ở chính ngay cái thành phố đáng nguyên rủa mà lúc nào em cũng căm ghét! Lẽ nào cả đến bây giờ em cũng không tìm được người có thể đem lại cho em sự bình yên, một cuộc sống gia đình đầm ấm, người đó yêu thương và tôn trọng em? Nhưng ký ức về mối tình của chúng ta...

Xtoresnhép châm thuốc hút và bắt đầu trả lời chậm rãi nói rành rọt từng chữ:

- Vêra ạ, cái ngữ quý tộc chúng ta ấy mà, không biết yêu với đúng nghĩa của tình yêu đâu. Đó là một thứ thuốc độc với chúng ta. Và chính anh chứ không phải em đâu đã tự hủy hoại đời mình. Mười lăm, mười sáu năm trước đây ngày nào anh cũng đến đây và sẵn sàng ngủ đêm ở ngoài ngưỡng cửa nhà em. Hồi ấy anh còn là một cậu thiếu niên, một anh chàng ngu si đầy dịu dàng và ngưỡng mộ...

Điều thuốc tắt. Anh quẳng nó ra xa, tay buông xuôi dọc thân mình, mắt nhìn lên trần nhà.

- Tình yêu của các bậc tổ tiên, chân dung của họ trong khung hình bầu dục với dải giấy nhũ vàng bào

quanh nền xanh... Hình ảnh Guri, Xamôn và Avíp, những người che chở cho các gia đình xưa của chúng ta... Tất cả những cái đó riêng dành cho ai nếu không phải là anh với em? Hồi đó anh đã viết mấy câu thơ:

Yêu em, anh ước mơ tới những người mơ ước

Đã yêu nơi đây trăm năm về trước

Đêm đêm anh đi trong vườn vắng,

Dưới ánh sao người xưa đã ngược nhìn...

Anh nhìn lên Vêra và nói gay gắt hơn:

- Vì lẽ gì mà em bỏ đi - và vì ai nữa chứ! - bỏ đi khỏi dòng họ của mình, khỏi lớp người của mình?

Anh nhòm người lên và cặp mắt giận dữ nhìn chăm chăm lên mái tóc khô đen của nàng.

- Anh bao giờ cũng đã nghĩ về em với niềm say mê, ngưỡng mộ như về một người vợ. Số phận đã ghép đời chúng ta lại từ bao giờ vậy? Và em đã là gì đối với anh? Chẳng lẽ đã là vợ sao? Đã có sự trẻ trung, niềm vui, lòng trong trắng, gương mặt chín đỏ và chiếc áo bằng vải mỏng tang... Đến với em từng ngày, nhìn thấy tấm váy áo em mặc cũng bằng vải mỏng, nhẹ nhàng, trẻ trung, nhìn thấy cánh tay em để trần đen sạm vì cháy nắng và vì dòng máu của tổ tiên chúng ta, cặp mắt sáng ngời về *táctac* của em - đôi mắt không nhìn thấy anh! - đoá hồng vàng cài trên mái tóc, nụ cười của em dạo ấy có vẻ gì như là ngây ngô, ngờ ngác mà thật là duyên dáng đáng yêu, thậm chí cả cái điều rằng em đi khỏi chỗ anh trên con

đường qua vườn, em nghĩ về một cái gì khác kia nhưng lại giả vờ như đang chơi *króket*, rằng anh phải nghe những lời mắng nhiếc của mẹ em vọng xuống từ phía ban công - tất cả những cái đó đối với anh đã là...

- Người có lỗi trong mọi chuyện là mẹ chứ không phải là em, - nàng thốt lên một cách khó nhọc.

- Không đâu! Em còn nhớ cái lần đầu tiên em đi Matxcova, em soạn dọn đồ đạc, lơ đãng hát bài gì đó, em không nhìn thấy anh và mãi mê với những mơ ước của mình, với niềm tin vào hạnh phúc? Anh đã đi ngựa đến tiễn em vào một chiều quang mây, lạnh lẽo. Cánh đồng lúa mì mới nhú lên mơn mớn, các gốc rạ trơ lại ngả màu vàng ối, rồi tấm rèm cửa trong cửa sổ toa tàu để mở... Chà! - Xtoresnhép thốt lên với vẻ giận dữ, nước mắt trào ra và anh lại ngả đầu xuống gối. - Hương thơm dầu cây *vécbera* từ tay em còn vương lại cả trên tay anh. Nó lẫn với mùi yên cương, mùi ngựa, nhưng mà anh vẫn cảm thấy nó khi đi về trong chiều tối trên con đường cái lớn - và anh đã khóc... Ô, nếu có ai đã hy sinh tất cả, hy sinh cả đời mình, thì đó là anh, một kẻ già nua nghiện ngập!

Cảm thấy trên môi mình vị mằn mặn của nước mắt đang trào ra trên má, trên râu mép, Xtoresnhép quẳng chân ra khỏi giường và bước ra ngoài phòng.

Trắng đã lặn. Làn mây trắng nhẹ xấp bóng bên

trên cánh đồng? dốc thoải thoải ngã màu sẫm chết chóc. Sau làn mây, từ nơi xa tím tắp, ánh hồng hồng ban mai đã lấp ló. Phía cánh rừng xa lạnh lẽo tối đen vọng lại tiếng gà gáy từ căn nhà của người gác rừng.

Xtòresnhép chân đi tất không, ngồi xuống bậc thêm, anh cảm thấy hơi lạnh ẩm đang ẩm vào thân thể anh dưới làn áo mỏng.

- Và sau đó, tất nhiên là chúng ta đã đổi vai cho nhau, - anh nói khẽ, giọng đầy vẻ góm ghềc. - Còn bây giờ thì đằng nào cũng thế thôi. Chấm hết rồi...

IV

Buổi sáng, họ uống nước chè và ăn bánh mì bện hình số 8 ở phòng ngoài lạnh lẽo, quanh một cái rương lớn. Chiếc ấm *xamova* đặt trên chiếc rương đã lâu không cọ rửa, ngã màu xanh cũ kỹ. Hơi nước lạnh bám trên cửa sổ chảy xuống từ ô kính trên. Qua khung cửa lấp lánh ánh mặt trời buổi sáng mùa đông, có thể thấy một cái cây cong queo, sần sùi lác đác còn sót lại ít lá. Một bà tóc hung, chân đi đất, mặt sưng húp vì ngái ngủ bước vào và nói:

- Ông Mítori đến rồi đấy ạ.

- Ông ấy sẽ chờ, - Xtòresnhép trả lời, mắt không nhìn lên.

Vêra cũng không nhìn ra. Sau một đêm gương mặt nàng gầy đi, mắt thâm quầng. Tắm váy áo màu

đen làm nàng trông trẻ và đẹp hơn, màu phấn xoa trên mặt trông như hồng hơn bên màu đen của mái tóc. Gương mặt khô khan, thô tháp của Xtoresnhép hơi ngả về phía sau, trông không chút sinh khí. Dưới bộ râu xoắn cứng mầu muối tiêu có thể thấy cục hầu nổi to trên cổ.

Ngoài sân mặt trời sáng lóa nhô lên trên đường chân trời. Sương giá bám trắng xóa ngoài hiên. Sương giá phủ như rắc muối trên cỏ, trên những lá bắp cải hình khum khum vương vãi khắp sân. Một người nhà quê mất màu chì vừa đi xe ngựa chắt đầy rơm đến đổ trước hiên. Áo ông ta cũng bám đầy sương trắng xóa. Ông đi quanh xe nhấn ngọn rơm xuống, miệng ngâm chiếc tẩu, một làn khói xanh dài bay lên từ phía sau vai ông. Vêra bước ra hiên, mình vận chiếc áo lông nhẹ đắt tiền nhưng may theo kiểu cổ và đã sờn cũ, nàng đội chiếc mũ dùng vào mùa hè bên bằng rơm nhuộm đen gắn hình những bông hoa cứng cáp, màu sẫm đỏ sặc sỡ.

Xtoresnhép tiến nàng trên con đường làng nhỏ ẩm ướt dẫn tới đường cái. Anh cưỡi ngựa theo sau xe. Con ngựa vươn dài cổ về phía rơm đặt trên xe. Anh quất roi vào mặt nó, con ngựa hất đầu lên và khó nhọc thở phì phò. Họ đi chậm rãi và im lặng. Phía sau Xtoresnhép, con chó săn già của trang áp cú lẳng nhẳng bám theo. Mặt trời ấm áp hiện dần lên, bầu trời sáng sủa, yên bình.

Gần đến đường cái người xà ích bỗng nói:

- Thừa tiểu thư, hè này tôi lại cho thằng bé nhà tôi đến nhà cô nhè. Tôi lại cho nó làm cái chân chân bò cho nhà cô đấy.

Vêra quay lại cười ngượng ngáp.

Xtôresnhép bỏ mũ ra, cúi xuống từ trên yên, cầm lấy tay nàng và hôn rất lâu. Nàng áp môi lên món tóc đã điểm bạc trên thái dương của anh và khẽ nói:

- Anh thân yêu, anh ở lại khỏe nhè. Đừng nghĩ xấu về em...

Người xà ích cho xe lao nhanh lên đường lớn - ngựa phi nước kiệu. Xtôresnhép quay lại, không cho ngựa đi trên đường mà băng qua cánh đồng còn trog gốc rạ. Con chó từ xa nhìn theo anh, có thể trông thấy nó đứng giữa cánh đồng màu vàng óng. Anh dừng lại vung roi dọa nó. Nó dừng lại và ngồi xuống. - "Mình biết đi đâu bây giờ đây?" - Dường như nó định hỏi thế. Và khi anh đi tiếp, nó lại từ từ chạy theo anh. Anh nghĩ tới nhà ga xa xôi, con đường sắt bóng loáng, khói con tàu lao về phương nam...

Trên những bãi cỏ trog đôi chỗ lẫn sỏi đá, nơi anh đi qua, trời hầu như đã nóng nực. Bầu trời mùa thu trong xanh yên tĩnh. Im lặng không cùng bao trùm lên những cánh đồng trog trái, những triền đất trũng và cả những miền thảo nguyên Nga mênh mông. Những sợi bông nhỏ từ cây *táctaca* và cây *rêpi*

khô bay lơ lửng trên không. Đàn chim kim oanh đậu trên cành cây *répi*. Chúng sẽ đậu như thế suốt ngày, chỉ thỉnh thoảng mới bay đi đây đó, mang theo cuộc sống bình yên, đáng yêu, đầy hạnh phúc.

Kapri, 31-12-1912.

Natali

I

VÀO MÙA HÈ NĂM ẤY, lần đầu tiên tôi được đội chiếc mũ lưỡi trai sinh viên và sung sướng cảm thấy hạnh phúc được bắt đầu sống một cuộc sống trẻ trung, đầy tự do phóng khoáng, cảm giác chỉ có ở lứa tuổi ấy. Tôi lớn lên trong một gia đình quyền quý ở nông thôn, một gia đình rất có nền nếp. Khi còn là một cậu học sinh, tôi đã khát khao mơ ước đến tình yêu, và lúc ấy cả tâm hồn cũng như thể xác của tôi còn trong sạch lắm, tôi thường đỏ mặt khi nghe các bạn bè bàn bạc đến những chuyện không đúng đắn, đến nỗi bọn chúng phải thốt lên rằng: "Này, Méserơxki, có lẽ cậu nên đi tu thì hơn!". Vào mùa hè năm ấy chắc tôi không còn đỏ mặt nữa, nếu phải nghe những chuyện tương tự. Trở về nhà để nghỉ hè, tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi, như tất cả những người khác, cần phải vứt bỏ cái trong sạch của mình; tìm kiếm một tình yêu không thơ mộng. Một phần vì nghĩ như thế, một phần nữa vì cũng muốn khoe

chiếc mũ mới màu xanh của mình, tôi bắt đầu đi sang các trang trại lân cận chơi hay ở lại nhà họ hàng, bạn bè để mong tìm những cuộc gặp gỡ yêu đương. Và thế là tôi lên đường đến trang trại của người cậu, em mẹ tôi là Tsêrokaxốp. Ông là một sĩ quan khinh quân về hưu và đã góa vợ từ lâu lắm. Ông chỉ có một người con gái duy nhất tên là Xônhia...

Tôi đến trang trại ấy khi đêm đã về khuya lắm. Cả nhà chỉ có một mình Xônhia ra đón tôi. Tôi nhảy ra khỏi chiếc xe ngựa và chạy vào hành lang dẫn đến các phòng. Xônhia vận một chiếc áo ngủ bằng vải mỏng bước ra, tay trái dơ cao một ngọn nến đang cháy đỏ. Nàng ngửa má cho tôi hôn và lắc đầu vừa nói với vẻ giễu cợt quen thuộc của mình:

- Ô, anh đúng là một chàng trai trẻ lúc nào và chỗ nào cũng đến muộn!

- Nhưng lần này thì không phải lỗi tại anh, - tôi trả lời, - không phải chàng trai trẻ đến muộn mà xe lửa đến muộn.

- Khê chứ, mọi người ngủ cả rồi. Cả nhà sốt ruột chờ anh suốt cả buổi tối, cuối cùng thì tất cả đều nói: Thôi kệ anh, muốn đến lúc nào thì đến. Ba em bức bối lên giường đi ngủ và chửi rủa anh là một kẻ nuốt lời hứa như không, còn Efrêm, người có lẽ sẽ ở lại ngoài ga cho đến sáng thì bị rủa là một thằng già ngu ngốc. Natali cũng giận dỗi bỏ đi, con hầu cũng bỏ đi,

chỉ có một mình em là kiên nhẫn chờ anh, trung thành với anh... Thôi, anh cởi áo ngoài ra, rồi ăn tối thôi...

Tôi ngắm nhìn đôi mắt xanh biếc của nàng và cánh tay để trần đến vai đang giơ cao lên và trả lời:

- Cảm ơn em, cô bạn đáng yêu của anh. Lúc này anh đặc biệt cảm thấy sung sướng vì tin vào lòng trung thành của em; em đã trở thành một cô gái xinh đẹp rồi, anh đã có những dự định thực sự với em trong tương lai. Tay em cổ em đẹp quá và cả cái áo ngủ mềm mại này cũng hấp dẫn cảm dỗ biết bao! Chắc là ở đằng sau tấm áo ấy chẳng có một cái gì hết!

Nàng bật cười:

- ... Gần như không có gì. Cả anh nữa, anh cũng lớn lên ghé lằm. Ánh mắt đầy sức sống và bộ ria mép đen thô thiển... Anh mới có những cái này đấy chứ? Chỉ mới hai năm, em không thấy anh, mà từ một cậu bé lúc nào cũng rụt rè e lệ, anh đã biến thành một chàng trai sỗ sàng, không biết ngượng là gì, nhưng lại rất hấp dẫn... Điều ấy chắc sẽ hứa hẹn với cả hai chúng ta nhiều chuyện yêu đương ngộ nghĩnh ly kỳ lắm, bà nội và bà ngoại vẫn nói với em như thế, chỉ có điều là nếu không có Natali bên cạnh. Bởi vì chỉ sáng mai thôi, anh sẽ yêu Natali, yêu cho đến chết...

- Natali là ai? - Tôi vừa hỏi, vừa đi theo Xônhia sang phòng ăn, ở đấy có một cây đèn treo đang tỏa

sáng và những cửa sổ mở rộng ra phía trời đêm hè ấm áp, yên tĩnh.

- Đó là Natasa Xtankêvich, bạn cùng trường với em. Nó đến chơi với em ở đây. Natali mới thật là người xinh đẹp, không phải như em đâu. Anh hãy tưởng tượng mà xem nhé: Natali có một cái đầu rất đáng yêu, mái tóc nó óng vàng như người ta vẫn thường nói và một đôi mắt đen láy. Thậm chí không thể gọi là mắt được, phải gọi là những mặt trời đen như cách nói của người Ba Tư. Hàng lông mi thì tất nhiên là rất dài và cũng đen, nước da trên mặt, trên vai đẹp lạ lùng và bao nhiêu cái đẹp khác nữa.

- Những cái đẹp nào khác nữa? - Tôi hỏi, và mỗi lúc một thấy say sưa hơn với cái cách nói chuyện của hai đứa.

- Sáng mai, em với Natali cùng nhau ra sông tắm - em khuyên anh lúc ấy hãy chui vào một bụi rậm nào đó thì sẽ biết được những cái đẹp khác ấy. Thân hình Natali đẹp như một nữ thần trẻ trung...

Trên bàn ăn có một đĩa thịt viên nguội, một miếng phomát, và một chai rượu mùi sản xuất tại Krum.

- Anh đừng giận nhé, chẳng có gì nữa cả, - nàng vừa nói vừa rót rượu cho mình và cho tôi. - Đến rượu trắng cũng không có. Thôi đành cầu trời mà chạm cốc với nhau bằng rượu mùi vậy.

- Em định cầu trời gì vậy?

- Mau, mau tìm cho em một chàng trai nào có thể đến đây "ở rể". Bởi vì em đã gần hai mươi một tuổi rồi mà lại không sao lấy chồng ở riêng được; nếu vậy thì ba em sẽ ở với ai?

- Ủ thì khấn trời thế vậy!

Chúng tôi chạm cốc với nhau. Xônhia chậm rãi uống hết cốc rượu và lại tiếp tục nhìn tôi bằng đôi mắt hóm hỉnh giấu cợt. Nàng nhìn tôi ăn và nói như tự nói với chính mình.

- Trông anh cũng được đấy, giống như một anh chàng Giêoócgi và cũng khá đẹp trai. Ngày trước, người anh gầy và mặt ánh xanh xao lắm. Nói chung là anh thay đổi nhiều lắm, trở nên hoạt bát và dễ chịu hơn nhiều. Chỉ phải tội đôi mắt là hay liếc ngang liếc dọc.

- Đó là vì vẻ đẹp của em làm anh lúng túng đấy thôi. Trước kia em cũng có thể này đâu...

Tôi vui vẻ ngắm nhìn nàng. Xônhia ngồi phía bên kia bàn, nàng ngả người trên ghế, chân bắt chéo lại và hai bắp đùi chắc lắn của nàng gối lên nhau. Nàng ngồi hơi nghiêng mình về phía tôi, dưới ánh đèn, tôi nhìn thấy cánh tay nàng rám nắng, đôi mắt nàng xanh xanh tím tím nhìn tôi giấu cợt và mái tóc màu hạt dẻ rất dày và mềm mại của nàng mà trước khi đi ngủ, Xônhia thường tết thành một đuôi sam rất to. Cổ áo ngủ mở rộng để hở cái cổ tròn trịa rám nắng và một cái hình tam giác cũng rám nắng như

vậy ở phía trên bộ ngực đầy đặn. Bên má trái Xônhia, tôi nhìn thấy một nốt ruồi nhỏ có vài sợi lông đen mọc rất đẹp.

- Đạo này cậu ra sao rồi?

Vẫn tiếp tục đưa cặp mắt giễu cợt nhìn tôi, nàng lặng lẽ rút trong túi ra một hộp thuốc lá bằng bạc và một bao diêm cũng bằng bạc như thế, rồi rất thoải mái và diêm nhiên châm lửa hút, khẽ nhích chân sang một bên và nói:

- Nhờ trời, ba em vẫn khỏe. Tính tình vẫn cứng rắn và bướng bỉnh như trước kia, vẫn phải chống nạng. Ba em thích chải bông lên bộ tóc bạc, dựng đứng của mình và bí mật bôi một thứ thuốc gì ấy làm cho bộ râu nâu xám đi. Ba em vẫn thường xuyên cầu Chúa. Chỉ có là đạo này hay lắc đầu phản đối hơn, lắc đầu một cách cương quyết hơn xưa. Gần như không bao giờ ba em chịu đồng ý với một cái gì... - Nàng nói và bật cười. - Anh có muốn hút thuốc không?

Tôi cũng lấy một điếu và hút, mặc dầu hồi đó tôi chưa nghiện thuốc lá, Xônhia lại rót thêm rượu cho mình và cho tôi. Nàng nhìn ra màn đêm ngoài cửa sổ và nói:

- Nhờ trời, mọi việc đều vẫn tốt lành. Mùa hè năm nay rất đẹp và đêm thì kỳ diệu biết bao! Chỉ có chim họa mi thôi không hót nữa. Được gặp anh, em mừng lắm. Em cho người đi đón anh từ lúc sáu giờ

chiều, em cứ lo ngay ngáy là lão già Efrêm mất trí thế nào cũng đánh xe đến ga muộn mất thôi. Em nóng lòng chờ anh hơn bất cứ ai hết. Và khi mọi người chán nản bỏ đi, em lại thấy thích thú hơn nữa cơ, bởi vì em nghĩ rằng anh sẽ đến muộn và như thế là chúng ta sẽ được ngồi một mình bên nhau. Không hiểu tại sao em cứ nghĩ rằng, thế nào anh cũng sẽ thay đổi nhiều lắm, những người như anh thường bao giờ cũng thế. Anh có biết không - thật là em thú vị biết chừng nào, khi được ngồi một mình trong gian nhà rộng thế này giữa một đêm hè thanh vắng để chờ đợi người thân từ ngoài ga sẽ tới, và cuối cùng thì đã nghe thấy tiếng chuông xe ngựa rung lên vang vào trong sân...

Tôi đưa tay qua bàn cầm lấy tay nàng và nắm chặt, lòng tràn ngập một niềm khát khao tới nàng. Xônghia khoan khoái, điềm nhiên, nhẹ nhẹ thở ra từng làn khói thuốc. Tôi bỏ tay nàng ra và nói với giọng đùa đùa:

- Thế mà em còn nói đến Natali... Chẳng có một Natali nào sánh được với em... À mà, Natali là ai, cô ta từ đâu tới?

- Natali cũng là người tỉnh Vônhesơ thôi. Natali lớn lên trong một gia đình quý phái, ngày xưa giàu có lắm, nhưng bây giờ thì gần như phá sản hoàn toàn rồi... Trong nhà ai cũng nói chuyện với nhau toàn bằng tiếng Anh, tiếng Pháp mà cái ăn thì lại

chẳng có... Natali là một cô gái rất hay xúc động; đáng người thanh thanh, rất cân đối, có một vẻ gì còn rất thơ ngây trong cái đáng người ấy. Cô ta rất thông minh, nhưng tính tình thì kín đáo lắm, mới gần, khó mà biết ngay được Natali là người sáng dạ hay ngu độn. Họ hàng Xtankêvic ở gần nhà người anh họ rất đáng mến của anh đấy, anh Alécxây Mêserôxki ấy mà. Natali kể là dạo này anh ấy hay đến chơi nhà cô ta luôn và thường than vãn thì cái cảnh sống cô đơn của mình. Nhưng Natali không thích Alécxây Mêserôxki. Anh ta là một người giàu sang, nếu có gì thì chắc mọi người sẽ nói ra nói vào là đấy, cô ấy đi lấy chồng chỉ vì ham tiền, chỉ vì chiều ý bố mẹ mà hy sinh thân mình đi.

- Thôi được rồi, - tôi nói, - Nhưng mà hãy trở lại chuyện của chúng ta xem, Natali, Natali, thế còn mối tình của anh và em thì sao?

- Tuy vậy Natali vẫn không cản trở gì cho mối tình của chúng ta cả, - nàng trả lời. - Anh sẽ gần như mất trí đi vì yêu Natali, còn hôn thì anh sẽ hôn em. Anh sẽ tựa đầu vào ngực em mà khóc, vì Natali quá tàn nhẫn, còn em, em sẽ an ủi anh.

- Nhưng mà chính em cũng biết rằng từ lâu anh đã phải lòng em cơ mà!

- Đó chỉ là sự phải lòng thường tình với một cô em họ thôi, hơn nữa, hơn nữa điều ấy lại rất nguy hiểm và lúc đó anh còn là một cậu bé khờ khạo, ngây

ngó. Nhưng mà thôi, em tha thứ cho tất cả những điều ngu ngốc của anh trước kia và sẵn sàng bắt đầu mối tình của chúng ta ngay ngày mai, mặc dầu có Natali bên cạnh. Còn bây giờ thì chúng ta đi ngủ thôi, ngày mai em phải dậy sớm để làm một ít việc trong nhà.

Xônhia đứng dậy, khẽ phủ chiếc áo ngủ rồi cầm lấy nến đã cháy gần hết đặt ở ngoài hành lang và dẫn tôi vào phòng dành riêng cho tôi. Tôi đứng lại trên ngưỡng cửa, trong lòng tràn đầy ngạc nhiên và vui sướng với cái điều mà suốt bữa ăn tôi đã ngạc nhiên và vui sướng, - tôi không ngờ rằng, ở nhà Tserokaxốp, những hy vọng yêu thương của tôi đã may mắn biến thành sự thực như vậy - và, lúc ấy, tôi tựa mình nài vào khung cửa rồi hôn lên môi nàng một cái hôn dài say đắm; còn nàng thì từ từ miễn cưỡng nhắm mắt lại, và dần dần hạ cánh tay cầm ngọn nến xuống. Gương mặt nàng ửng đỏ và trước khi trở về phòng mình, nàng giơ ngón tay lên dọa tôi và khẽ nói:

- Anh coi chừng đấy nhé: trước mặt mọi người ngày mai, anh đừng có mà chăm chăm đưa "cặp mắt đắm say" nhìn em đấy. Lạy trời cho ba em đừng nhận ra điều gì! Ba em rất sợ em mà em còn sợ ba hơn thế nữa kia. Em cũng không muốn cho Natali nghi hoặc điều gì. Bởi vì em xấu hổ lắm, anh đừng lên án cách đối xử với anh nhé. Nếu anh không chịu

làm theo lời em dặn, thì em sẽ ghét anh ngay đấy...

Tôi cởi bỏ quần áo và đặt phịch mình lên giường, trong người cảm thấy rất chóng mặt. Nhưng rồi chỉ một lát sau tôi đã ngủ thiếp đi, rã rời kiệt sức vì mệt nhọc và hạnh phúc, không ngờ rằng một điều bất hạnh lớn đang chờ tôi trong tương lai, không ngờ rằng những câu đùa của Xônhia sẽ hoàn toàn không phải là chuyện đùa.

Sau này, nhiều lần tôi còn nhớ lại cái diêm chẳng lành đã đến với tôi lúc ấy: khi tôi bước vào phòng mình và bật diêm lên để châm nến, thì một con dơi to bay lướt qua mặt tôi. Nó bay sát mặt tôi đến mức mà qua ánh diêm, tôi có thể nhìn rõ được bộ lông đen ghê tởm, đôi tai to, cái mũi hếch và bộ mặt hung dữ như thần chết của nó. Một lát sau, con dơi đó đảo qua đảo lại một cách thật đáng ghét rồi lao vào màn đêm bao trùm ngoài cửa sổ. Nhưng lúc ấy tôi đã quên ngay mất nó.

II

Sáng hôm sau, lần đầu tiên tôi nhìn thấy Natali và chỉ nhìn thấy loáng thoáng - nàng bất ngờ chạy từ ngoài hành lang đến và ngó mắt nhìn rất nhanh vào phòng ăn. - mái tóc còn chưa chải, chỉ vận mỗi một chiếc áo lụa mặc ngủ rộng không có khuy, màu vàng tơ, - chiếc áo lụa vàng tơ ấy, mớ tóc óng vàng và đôi

mắt đen láy chỉ thoáng hiện qua rồi biến mất ngay sau đó. Lúc ấy tôi đang ngồi một mình trong phòng ăn; vừa uống xong cốc cà phê - cậu tôi uống xong trước và đã bước ra nhà ngoài - tôi kéo ghế đứng dậy và tỉnh cờ ngoái đầu lại.

Hôm ấy tôi dậy khá sớm, khi cả nhà còn ngủ yên. Trong nhà nhiều phòng đến nỗi lắm lúc tôi bị lạc. Căn phòng tôi ngủ ở một góc của ngôi nhà, có những chiếc cửa sổ nhìn ra phía vườn rợp bóng cây. Ngủ dậy tôi thấy rất tỉnh táo và, tắm rửa xong, tôi mặc vào người toàn đồ sạch sẽ, thật là khoan khoái khi khoác lên mình chiếc áo lụa đỏ cổ chéo, - chải lại thật đẹp bộ tóc ướt nước, mới cắt ngày hôm qua ở Vôrônhesơ, rồi bước ra hành lang trước mặt, rẽ sang hành lang bên cạnh và đến trước cửa phòng làm việc đồng thời là phòng ngủ của cậu tôi. Biết rằng về mùa hè cậu thường dậy khoảng năm giờ, tôi bèn gõ cửa. Không thấy ai trả lời, tôi liền mở cửa ngó vào và lấy làm hài lòng vì thấy ở đây vẫn như xưa, trong căn phòng cổ kính rộng rãi có chiếc cửa sổ ba cánh gấp theo kiểu Ý Đại Lợi kê ngay bên cây phong trăm tuổi to lớn mình trắng toát nay vẫn chẳng có gì thay đổi cả: trên tường phía bên trái treo đầy những giá sách bằng gỗ sồi, giữa những giá sách ấy, ở một chỗ, là một chiếc đồng hồ vỏ gỗ hồng sắc, quả lắc bằng đồng bất động, ở một chỗ khác, là một đồng tửu hút thuốc xếp bên nhau, phía bên trên những chiếc tửu

ấy có treo một cái phong vũ biểu, ở một chỗ nữa kê một chiếc bàn làm việc cũ kỹ từ đời cụ cố để lại, bàn được phủ bằng một lớp dạ xanh lá cây nay đã bạc phéch, trên bàn để ngổn ngang những kim, những búa, đinh, ống nhòm bằng đồng; trên tường gần cửa ra vào, phía bên trên tấm đi văng nặng trăm *pút*⁽¹⁾, có treo rất nhiều bức ảnh đặt trong các khung hình bầu dục đã phai màu, bên dưới cửa sổ kê một cái bàn làm việc đồ sộ và một chiếc ghế bành sâu cũng đồ sộ như thế; bên phải phía trên chiếc giường rất rộng làm bằng gỗ sồi là một bức tranh vẽ che kín tường: trên nền đen bóng mờ mờ hiện ra những đám mây trắng trắng bông bông những hàng cây xanh đầy vẻ thơ mộng, phía đằng trước là hình một cô gái khỏe thân dáng vóc khỏe mạnh, nước da trắng như trứng bóc, hình vẽ to gần bằng người thật, cô gái đứng hơi nghiêng nghiêng quay về phía người xem bộ mặt kiêu hãnh và tất cả những đường nét đầy đặn của tấm lưng to lớn, cặp mông tròn và hai bắp đùi chắc nịch, những ngón tay dài xòe rộng của nàng đưa lên che lấy đầu vú một cách rất khêu gợi, còn tay kia thì hạ xuống bên dưới cái bụng đầy những ngấn mỡ. Vừa kịp ngấm nhìn căn phòng ấy xong, tôi bỗng nghe thấy giọng nói rất khỏe của cậu tôi từ phía sau lưng; vừa chống nạng từ hành lang bước vào, cậu tôi nói lớn:

(1) Pút: Đơn vị trọng lượng, trước đây. 1 pút = 16,38 kg.

- Ô, anh bạn, anh đến vào lúc này thì đừng hòng tìm thấy tôi trong phòng ngủ. Anh bạn ngủ khoèo trên giường đến ba cây số ấyl rồi còn gì.

- Cây số nào hở cậu?

- Nông dân họ vẫn thường nói thế đấy, - cậu tôi vừa trả lời vừa đưa tay vò vò mái tóc bạc dựng đứng của mình và nhìn tôi bằng đôi mắt màu vàng vàng, trông vẫn còn có vẻ tinh anh và nhanh nhẹn lắm. - Mặt trời đã lên cao bằng ba ngọn số mà cháu vẫn còn rúc đầu vào gối, nông dân họ hay nói như vậy. Thôi, cậu cháu ta cùng vào uống cà phê đi...

"Ông già này hay thật, cái nhà này hay thật!" - tôi vừa nghĩ thế vừa theo cậu bước vào phòng ăn, mà ở đó những cánh cửa sổ đã mở rộng hướng ra ngoài khu vườn xanh cây sáng sớm và tất cả cái vẻ yên lành của một trang ấp nơi thôn dã vào một ngày mùa hạ... Bà cụ hầu việc vốc người nhỏ bé, lưng gù đưa thức ăn tới, cậu tôi uống nước chè đặc từ chiếc cốc rất đầy đặt trong cái khung đỡ bằng bạc, những ngón tay mập mập của cậu giữ lấy chiếc thìa dài mạ vàng rất cổ đặt trong cốc; còn tôi thì quét bơ ăn hết lát bánh mì đen này đến lát khác, vừa ăn vừa rót thêm cà phê cho mình; cậu tôi chỉ thích thú với những chuyện của mình nên không hỏi tôi một điều gì cả, cậu kể đủ các thứ chuyện về các nhà điền chủ quanh vùng, vừa kể vừa chửi rửa giễu cợt họ.

Tôi nhìn lên ria mép, bộ râu quai nón, những

· món tóc xoa trên sống mũi và tỏ vẻ lắng nghe chuyện, nhưng trong thâm tâm thì nóng lòng chờ đợi Natali và Xônhia đến nỗi không sao ngồi yên được: Natali là người thế nào và tôi sẽ gặp lại Xônhia ra làm sao sau khi có những việc hôm qua?... Lòng tôi tràn ngập một niềm say mê và cảm ơn nàng, tôi nghĩ đến chiếc giường ngủ của Xônhia và Natali, tưởng tượng ra tất cả cái vẻ bừa bộn trên chiếc giường ngủ của con gái vào buổi sáng lúc chưa thu dọn. Có thể Xônhia đã kể lại cho Natali nghe một vài điều về mối tình bắt đầu từ hôm qua giữa hai chúng tôi? Nếu đúng vậy thì tôi cũng có một cảm giác gì giống giống như tình yêu đối với Natali, không phải vì nàng là người đẹp mà vì, như vậy, nàng đã trở thành một kẻ đồng lõa với tôi và Xônhia, - vì lẽ gì mà không thể yêu được hai người? Chỉ một lát nữa thôi cả hai sẽ cùng bước vào cái phòng này trong cái vẻ tươi mát của buổi sớm mai, sẽ nhìn thấy tôi, sẽ nhìn thấy vẻ đẹp Giêoócgi và chiếc áo lụa đỏ cổ chéo của tôi, cả hai sẽ cùng cất tiếng nói, cười, ngồi xuống bên bàn và sẽ yếu điệu rót cho mình cà phê từ cái bình nóng hổi này, - tôi sẽ thấy tất cả, thấy cái vẻ ngon miệng trẻ trung khi vừa qua một đêm, cặp mắt sáng long lanh sau khi ngủ đầy giấc, cái màu hồng phơn phớt trên đôi má tưởng chừng như non trẻ thêm ra vào buổi sáng sớm, tiếng cười sau mỗi lời nói không hoàn toàn tự nhiên và vì vậy mà thêm đáng yêu, hấp dẫn...

Trước khi ăn sáng, Xônhia và Natali sẽ đi qua vườn ra ngoài sông, sẽ đứng trên bến tắm mà cởi bỏ váy áo, tắm thân trần sẽ hiện ra lồ lộ dưới bầu trời xanh và soi bóng dưới dòng nước trong vắt... Trí tưởng tượng rất giàu trong tôi, tôi như nhìn thấy rõ Xônhia và Natali đang thận trọng vịn lấy lan can bến tắm, bước từng bước trên những bậc chìm dưới nước lạnh lạnh, ướt ướt, trơn trơn vì phủ một lớp rêu xanh nhợt nhợt, nhìn thấy rõ Xônhia, ngả ngả mái tóc dày ra đằng sau, rướn ngực lên và bỏ nhào xuống nước - và, dưới mặt nước, tắm thân nàng hiện ra trắng trắng xanh xanh một cách lạ lùng, tay chân nàng khỏa nước về bốn phía như một con ếch...

- Thôi, đến bữa trưa lại gặp nhau nhé, cháu nhớ chứ: đến 12 giờ sẽ ăn bữa trưa, - cậu tôi vừa lắc đầu vừa nói và đứng dậy.

Tôi nhìn thấy chiếc cằm vừa cạo nhẵn nhụi, chỉ còn để lại nguyên hàng râu mép tiếp liền với bộ râu quai nón màu nâu xám, dáng người cậu tôi cao lớn, có cái vẻ cứng cáp của tuổi già, cậu mặc chiếc áo lụa màu cát vàng rộng thùng thình, đi đôi giày mũi tây, bàn tay to lớn giữ lấy chiếc nạng. Cậu khẽ lay vai tôi rồi nhanh nhẹn bỏ ra ngoài.

Đúng vào lúc ấy, khi tôi cũng vừa đứng dậy định đi qua phòng bên cạnh để ra ngoài bao lơn thì Natali chạy tới nhòm vào phòng ăn, loáng thoáng trước mặt tôi rồi biến mất. Chỉ bằng từng ấy thôi,

nàng cũng đã làm tôi sung sướng đến sững sốt. Tôi bước ra bao lơn, lòng đầy xúc động: đúng là một người đẹp thực! - Tôi đứng ngoài đó rất lâu cố suy nghĩ cho thật rạch ròi. Lúc ngồi trong phòng ăn, tôi mong gặp Xônhia và Natali là thế, mà khi biết cả hai vừa bước vào phòng ăn, tôi bỗng chạy bỏ ra vườn vì tự nhiên thấy sợ hãi một cái gì, không hẳn vì sợ Xônhia, người con gái đang cùng tôi hưởng một điều bí ẩn đầy mê say, càng không hẳn vì sợ Natali, sợ cái giây phút thoáng qua mà nửa giờ trước đây nàng đã làm tôi choáng váng. Tôi đi dạo quanh khu vườn nằm ven bờ sông thâm thấp (cả trang ấp này đều ở ven sông); cuối cùng tôi đánh bạo, cố làm ra vẻ bình thản, và bước vào phòng. Tôi đón lấy thái độ vui vẻ, bạo dạn của Xônhia và câu đùa đáng yêu của Natali, - nàng mỉm cười, nhìn tôi bằng cặp mắt đen sáng dưới hàng mi đen dài hòa hợp một cách diệu kỳ với màu tóc vàng óng và nói:

- Mình với anh ấy đã gặp nhau rồi!

Sau đó cả ba chúng tôi cùng ra đứng ngoài bao lơn, tay dựa vào thành đá xây, trong người cảm thấy khoan khoái rằng ánh mặt trời hè buổi sớm đang chiếu trên đầu để trần không đội mũ; Natali đứng bên tôi, còn Xônhia thì dựa vào Natali, ôm lấy nàng, mắt nhìn đi đâu lơ đãng và cất tiếng hát, giọng đùa bỡn: "Giữa cái đêm dạ hội ồn ào, tình cờ... em đã gặp anh...". Một lát sau, Xônhia đứng thẳng lại và nói:

- Thôi, ta đi tắm thôi! Trước tiên là Natali và em, rồi mới đến anh...

Natali chạy vào lấy khăn tắm, còn Xônhia thì đứng lại và nói nhỏ bên tai tôi:

- Từ ngày hôm nay anh cứ giả vờ là phải lòng Natali rồi nhé. Coi chừng đấy, có khi anh lại chẳng cần giả vờ đâu.

Thiếu chút nữa thì tôi đã bùng đùa táo bạo mà đáp lại rằng đúng thế, đã đến lúc không cần phải thế rồi. Xônhia đứng dựa vào cửa và nhỏ nhẹ nói thêm:

- Sau bữa ăn trưa, em sẽ đến với anh...

Chờ đến lúc Xônhia và Natali từ ngoài sông trở về, tôi lững thững đi ra bến tắm. Tôi đi trên con đường dài hai bên có những hàng cây bạch dương, rồi bước dưới những bóng cây lâu năm rậm rì, trên đó, từng đàn quạ đang kêu quàng quạc. Trong tôi đang có hai ý nghĩ hoàn toàn trái ngược nhau, ý nghĩ về Xônhia và về Natali; tôi nghĩ rằng chỉ lát nữa thôi, tôi sẽ được tắm trên dòng nước mà lúc nãy Natali và Xônhia vừa tắm...

Giữa cái cảnh trời cao lồng lộng, cây cỏ xanh tươi và mặt trời rạng rỡ chiếu rọi, mang đến ngoài cánh cửa rộng mở những tia nắng tràn đầy hạnh phúc, vô tư, thanh bình, thoải mái, sau cái bữa ăn trưa kéo dài với món súp *akrôska*⁽¹⁾, gà giò quay và quả dấm

(1) Một thứ súp nguội gồm nước giải khát có bọt men trộn lẫn với rau xanh và thịt băm hay cá (N.D).

hương lẫn với mạn chín, mà suốt bữa ăn tôi đã lặng người đi vì Natali bên cạnh, vì chờ đợi cái phút giây mà, sau bữa ăn, khi cả nhà vắng ngắt, Xônhia sẽ lên đến phòng tôi (nàng bước vào phòng ăn, trên mái tóc cài một bông hoa hồng đỏ sậm mềm mại như nhung), để cùng tôi tiếp tục cái điều hôm qua một cách không đại khái, qua quýt như đã làm; tôi trở vào phòng mình và mở hé các cánh cửa sổ. Tôi nằm chờ Xônhia trên chiếc divăng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, lắng mình trong cái yên ắng nóng nực bao trùm trên trang trại và cái tiếng chim hót trong vườn đã bắt đầu khắc khoải mệt nhọc khi đã quá trưa. Từ phía khu vườn, làn không khí đậm đà hương vị ngọt ngào của cỏ cây và hoa lá nhẹ nhàng bay vào phòng. Còn tôi thì bế tắc nghĩ rằng: làm sao sống bây giờ đây, trong cái cảnh phân thân này - những cuộc hẹn hò vụng trộm với Xônhia và bên cạnh là Natali, người con gái mà chỉ cần thoáng nghĩ đến thôi là cả lòng tôi đã tràn ngập một tình yêu say mê trong trắng, một khát vọng mãnh liệt được nhìn thấy nàng chỉ để ngưỡng mộ thờ phụng, - cái cảm giác ấy đã đến với tôi ngay từ lúc tôi nhìn thấy tấm thân thon thả hơi cúi cúi về phía trước của nàng, nhìn thấy cái cùi tay nhón nhọn của nàng tựa lên thành đá ở ngoài bao lon chan hòa ánh nắng? Xônhia đứng bên cạnh nàng, một tay dựa lên thành bao lon, một tay bá lấy vai Natali. Xônhia vận tấm váy áo nhẹ mỏng, có những đường vải gấp

xếp lại, trông nàng giống như một người đàn bà vừa mới lấy chồng. Còn Natali? Nàng mặc một chiếc váy nhỏ bằng vải lanh và chiếc áo sơ mi cổ thêu kiểu Ucren, đằng sau tấm xiêm áo ấy như có thể đoán được tấm thân nàng thơ trẻ, hoàn thiện biết bao nhiêu, dường như còn là một cô bé. Dưới làn vải chiếc tay áo sơ mi có những đường chỉ thêu xanh đỏ bên vai, tôi nhìn thấy cánh tay yếu ớt thanh thanh của nàng, nhìn thấy những hàng lông tơ mịn màng trên nước da vàng vàng trắng trắng rất đẹp của nàng và nghĩ rằng: điều gì sẽ đến với tôi nếu tôi dám chạm đôi môi lên làn da ấy!

Natali cảm thấy cái nhìn của tôi, nàng quay lại phía tôi, cặp mắt sáng long lanh đen láy, cái đầu xinh xinh cuốn một cuộn tóc vàng óng to đầy. Tôi quay mặt đi, vội vàng cúi đầu xuống, và nhìn thấy hình bóng đôi chân nàng qua tấm váy mỏng được mặt trời rọi chiếu, nhìn thấy gót chân thon nhỏ hiện lên qua bit tất mỏng màu xám trong suốt...

Xônhia trên đầu cài một bông hồng, nhanh nhẹn mở cửa ra, bước vào đóng ngay cửa lại. Nàng khẽ kêu lên: "Ồ, sao anh lại ngủ?". Tôi chồm dậy - sao em lại nói thế, anh ngủ thế nào được! - Và cầm lấy hai tay nàng. "Khóa cửa lại đi anh...". Tôi đâm bổ đến bên cửa, còn rành thì ngồi xuống đơ đạng, mắt từ từ nhắm lại và nói: - "Nào, lại đây với em" - chúng tôi lập tức mất hết vẻ ngượng ngùng và lý trí. Những

phút ấy, chúng tôi không nói với nhau một câu nào hết; Xônhia cho phép tôi hôn tất cả cái tấm thân nóng hổi đắm say ngây ngất của nàng - chỉ hôn thôi - mỗi lúc nàng lại nhắm nghiền mắt hơn, mỗi lúc khuôn mặt nàng lại lại đỏ hồng thêm lên. Bước ra khỏi phòng, nàng vừa sửa lại mái tóc vừa nói giọng thì thầm đe dọa:

- Về chuyện Natali thì em nhắc lại là anh đừng có mà vượt quá ranh giới trả vờ yêu. Tính em hoàn toàn không hiền lành, dịu dàng như anh tưởng đâu!

Đóa hồng nằm rơi trên nền nhà. Tôi giấu nó vào trong ngăn bàn và đến chiều thì những cánh hồng đỏ sẫm mềm mịn như nhung ấy đã úa tàn và thâm tím.

III

Cuộc đời tôi bề ngoài đơn điệu trôi qua, nhưng trong thâm tâm, không bao giờ tôi được hưởng lấy một phút yên tĩnh. Một mặt, càng ngày tôi càng gắn bó với Xônhia hơn, gắn bó với những cuộc gặp gỡ ngọt ngào, đắm đuối, mệt nhọc về đêm với nàng, - bây giờ Xônhia chỉ đến với tôi vào ban đêm, khi mà mọi người trong nhà đã ngủ cả. Mặt khác, càng ngày tôi lại càng đau đớn hơn, say mê hơn và thậm kín theo dõi Natali, theo dõi từng cử chỉ, từng bước đi của nàng. Mọi việc cứ lảng lảng trôi qua theo cái thứ tự của một ngày hè; những cuộc gặp gỡ buổi sớm,

tắm sông trước bữa ăn trưa, ăn trưa, rồi nghỉ trưa ai ở phòng nấy; ngủ dậy xong ra vườn chơi, Xônhia và Natali ngồi dưới hàng bạch dương thêu thùa, khâu và vá bắt tôi đọc to lên một vài tác phẩm của Gônсарốp, hoặc là nấu mứt dưới gốc cây sồi cách nhà không xa bên khoảng rừng thưa ở mé phải bao lơn; khoảng năm giờ thì cùng nhau uống trà ở cánh rừng thưa bên mé trái bao lơn; lúc trời ngả bóng chiều thì đi dạo hay là chơi trò *crôkét*⁽¹⁾ ở sân rộng trước nhà, có khi tôi với Natali một bên, chống lại Xônhia; có khi thì Xônhia và Natali ở một bên chống lại một mình tôi - đến chập choạng tối thì ăn bữa cuối trong phòng ăn... Sau bữa tối, cậu tôi lên giường đi ngủ, còn chúng tôi thì ngồi chơi với nhau rất lâu ngoài ban công: Xônhia và tôi thì đùa cợt và hút thuốc, còn Natali thì lặng yên không nói. Cuối cùng Xônhia nói: "Thôi, đi ngủ thôi" - tôi chia tay với cả hai và trở về phòng mình. Bàn tay tôi lạnh toát, tôi chờ cái phút đầy mong ước khi mà cả ngôi nhà tối đen như mực và yên tĩnh đến mức có thể nghe thấy tiếng chiếc đồng hồ của tôi đặt trên đầu giường phía dưới cây nến đã tắt đều đều kêu tí tách. Mỗi lúc tôi lại càng thêm ngạc nhiên, thêm sợ hãi: vì lẽ gì mà ông trời trừng phạt tôi như vậy, vì lẽ gì mà cùng một lúc đem

(1) Trò chơi dân tộc Nga dùng gây gạt những quả cầu bằng gỗ vào lưới.

đến cho tôi hai mối tình rất khác nhau và cùng say đắm như nhau, - cái đẹp phụng thờ đầy đau đớn đối với Natali và cái đắm đuối về thể xác với Xônhia. Tôi cảm thấy rằng, đã sắp đến lúc mà tôi và Xônhia đều không thỏa mãn với cái cuộc gần gũi chưa hết mức của hai đứa, đến lúc ấy chắc tôi sẽ phát điên lên vì chờ đợi những cuộc gặp gỡ ban đêm, vì cái dư vị còn ám ảnh suốt ngày của những cuộc gặp gỡ ấy và, tất cả những điều ấy lại xảy ra bên cạnh Natali! Xônhia đã bắt đầu ghen rồi, có lúc nàng đã nổi nóng giận dữ, tuy vậy, những lúc ở bên nhau nàng lại nói với tôi:

- Em sợ rằng, khi ăn và khi có mặt Natali, chúng mình không được tự nhiên lắm. Em có cảm giác rằng hình như ba em đã bắt đầu nhận thấy điều gì, Natali cũng vậy, còn bà lão hầu thì tất nhiên là biết rõ mối tình của chúng ta rồi và có lẽ đã mách nhỏ với ba. Anh hãy ngồi trong vườn lâu hơn với Natali, hãy đọc cho cô ta nghe cái cuốn tiểu thuyết "Vực thăm"¹ chán ngấy ấy, chiều chiều hãy dẫn Natali đi chơi... Tất cả những điều ấy thật khủng khiếp bởi vì em đã thấy anh ngơ ngẩn ngẩn nhìn cô ta như thế nào, có lúc em cảm thấy căm thù anh, sẵn sàng nắm giật lấy tóc anh trước mặt mọi người, như một con Ođaroka², em còn biết làm thế nào nữa?

¹ Tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Nga Gônxtarốp (N.D.)

² Tên thường đặt cho chó bécgiê loại to và hung dữ (N.D.)

Điều làm tôi sợ hãi hơn cả là hình như Natali đã bắt đầu cảm thấy có một cái gì bí ẩn giữa tôi và Xônhia, không hẳn là đau khổ, cũng không hẳn là căm giận chúng tôi. Vốn tính đã lặng lẽ ít nói, Natali càng trở nên lặng lẽ, ít nói hơn, nàng thêu thùa hoặc chơi *crôkét* với một vẻ chăm chú quá mức. Nàng và tôi đã quen thân với nhau, đã gần gũi với nhau hơn, nhưng có một lần, trong khi ngồi với nàng một mình trong gian phòng khách, Natali hơi ngả mình trên divăng, tay lật lật mấy bản nhạc; tôi nói đùa với nàng:

- Natali này, tôi nghe đồn rằng, có khi biết đâu chúng ta lại thành họ hàng với nhau đấy.

Nàng quay phắt lại nhìn tôi:

- Sao lại thế?

- Người anh họ của tôi, Alécxây Nhicôlaiêvic Mêserơxki...

Nàng không để tôi nói nốt:

- À ra thế! Người anh họ của anh, xin lỗi nhé, một người phì nộn, toàn thân lông lá, người khổng lồ có cái miệng nói lấp, ướm nhèm, đỏ chót... Ai cho anh quyền nói với tôi những chuyện như vậy?

Tôi hoảng sợ:

- Natali, Natali, sao cô lại khó tính với tôi thế! Đến nói đùa cũng không được! Thôi, thì tôi xin lỗi vậy, - tôi vừa nói, vừa cầm lấy tay nàng.

Nàng không rút tay ra và nói:

- Đến hôm nay tôi vẫn chưa hiểu... chưa biết anh... Nhưng mà thôi, không cần nói đến điều đó nữa...

Để khỏi phải nhìn thấy đôi giày *tennít*¹ trắng đặt xiêu vẹo ở trên divăng, đôi giày thu hút tôi một cách ghê gớm, tôi bước ra ngoài bao lơn. Đám mây đen dày đặc dần dần hiện lên qua những ngọn cây trong khu vườn, bầu trời từ từ tối lại, cái vẻ ồn ào mềm mại của mùa hạ như đang lan tỏa rộng hơn, gần như trong khắp khu vườn, từng luồng gió đồng mang hơi mưa mát lạnh ngọt ngào thổi tới; bất giác, một cái gì vô cớ thật ngọt ngào, thật tươi trẻ, khoan khoái như một niềm hứa hẹn hạnh phúc choán lấy tâm hồn tôi; tôi bỗng cất tiếng gọi:

- Natali, ra đây một tí đi!

Nàng bước ra ngưỡng cửa:

- Natali, thử thở vào mà xem - làn gió thật diệu kỳ biết bao! Mọi cái đều có thể biến thành một niềm vui sướng to lớn đến thế nào!

Nàng lặng lẽ đáp:

- Đúng thế.

- Natali sao bao giờ cô cũng có vẻ gay gắt với tôi thế? Natali có điều gì ghét tôi lắm, phải không?

Nàng kiêu kỳ nhún vai:

¹ Giày tennit: giày vải mềm dùng để đi trong khi đánh tennit (N.D.)

- Việc gì mà tôi phải ghét anh?

Tối hôm ấy, chúng tôi ngả mình trong những chiếc ghế bành bên bằng mây đặt ngoài bao lơn và cả ba cùng lặng im trong bóng đêm yên tĩnh, trên trời lác đác một vài đốm sao lấp lánh sau màn đêm đen sẫm, một làn gió đã tàn héo yếu ớt từ phía bờ sông đưa lại, ở đó những con ếch đang miệt mài kêu ộp ộp mơ màng ngái ngủ...

- Khi trời sắp mưa, bao giờ cũng dễ buồn ngủ, - Xônhia vừa nói vừa cố nén để khỏi ngáp. - Bà lão hầu nói rằng trăng non đã xuất hiện và chỉ một tuần nữa mọi nơi sẽ "tắm" trong mưa. - Nàng dừng lại rồi nói thêm: - Này, Natali, cậu nghĩ thế nào về mối tình đầu?

Natali nói từ trong bóng tối:

- Mình tin vào điều là có một sự khác biệt ghê gớm giữa mối tình đầu của con gái và mối tình đầu của con trai.

Xônhia nghĩ rằng: "Con gái cũng có phải giống nhau cả đâu..." nhưng rồi nàng đứng bật dậy và nói:

- Thôi! Ngủ đi, ngủ thôi!

- Mình ngồi lại mơ màng ở đây lát nữa đã, cảnh đêm này mình rất thích, - Natali nói.

Lắng nghe tiếng chân Xônhia bước xa dần, tôi thì thầm nói với Natali:

- Hình như chúng ta vừa nói một điều gì không hay với nhau thì phải!

Nàng đáp:

- Phải rồi, phải rồi, chúng ta đã nói một điều không hay.

Sáng hôm sau chúng tôi dường như lại bình thản gặp nhau. Đêm qua mưa nhỏ hạt, nhưng đến sáng thì trời hừng nắng và đến sau bữa ăn trưa thì trở nên hanh khô, nóng nực. Trước lúc uống trà thường ngày vào lúc năm giờ, khi Xônhia đang tính toán sổ sách gì trong gian phòng cậu tôi, Natali và tôi cùng ngồi dưới rặng cây bạch dương và tiếp tục đọc cho nhau nghe tiểu thuyết "Vực thăm" - Nàng hơi cúi đầu lặng lẽ khâu một vật gì đó, cánh tay phải chốc chốc lại loáng thoáng đưa lên. Tôi cao giọng đọc và với nỗi buồn dịu ngọt thỉnh thoảng nhìn lên tay trái của nàng ẩn dưới ống tay áo, lên món tóc hung vàng xoã trên cánh tay và trên chỗ cổ gần giáp với vai. Mỗi lúc tôi lại càng háng hái hơn, đọc và chẳng hiểu một chữ nào hết. Cuối cùng, tôi nói:

- Thôi, bây giờ thì đến lượt cô đọc...

Nàng vươn thẳng mình dậy, bộ ngực cao cao của nàng nhô lên dưới tấm áo lụa mỏng, nàng để kim chỉ sang một bên và lại cúi mình xuống. Cái đầu xinh đẹp lạ thường của nàng cúi gập xuống, để lộ gáy và phía bên trên đôi vai, nàng đặt cuốn sách lên đầu gối và bắt đầu đọc bằng một giọng không rõ ràng, hấp tấp. Tôi nhìn lên đôi tay nàng, nhìn lên đầu gối đặt

dưới cuốn sách, toàn thân ngây ngất choáng váng vì một tình yêu đầy mê đắm đối với nàng, với giọng nói của nàng. Đây đó lác đác trong vườn trước buổi hoàng hôn, có tiếng chim vàng anh đang hát, một con gõ kiến màu đỏ xám đậu rất cao trên thân cây tùng lẻ loi mọc giữa những hàng bạch dương...

- Natali, mẫu tóc cô thật diệu kỳ đẹp đẽ! Đuôi sam thì mẫu lại đậm hơn một tí giống màu hạt ngô chín...

Nàng vẫn tiếp tục đọc:

- Natali, nhìn xem kia, con gõ kiến kia!

Nàng ngược nhìn lên:

- Vâng, vâng, tôi đã thấy nó rồi, bây giờ đã nhìn thấy, ngày hôm qua cũng đã nhìn thấy... Để yên cho tôi đọc.

- Natali hãy nhìn xem, trông cái kia có giống những con giun xám chết khô không?

- Cái gì, ở đâu?

Tôi chỉ cho nàng xem hòn đá bám đầy phân chim khô nằm bên cạnh hai đừa.

- Giống thật à?

Tôi bỗng cầm tay nàng, nắm chặt lấy, vừa lăm bắm trong miệng, vừa cười lên vì hạnh phúc:

- Natali, Natali!

Nàng lặng lẽ nhìn tôi rất lâu và nói:

- Nhưng anh yêu Xônhia cơ mà!

Mặt tôi đỏ bừng lên như một thằng mót túi bị bắt quả tang, nhưng tôi vội vã từ chối thẳng thừng quan hệ với Xônhia đến nỗi Natali phải hé môi hỏi:

- Thế điều đó không đúng sự thực à?

- Không đúng sự thực đâu, không đúng đâu! Tôi rất yêu Xônhia, nhưng chỉ yêu như một cô em gái thôi, bởi vì tôi và Xônhia đã biết nhau ngay từ hồi còn bé!

IV

Ngày hôm sau, Natali không ra ăn sáng và cũng không ra ăn trưa - "Xônhia, Natali nó làm sao thế? " - cậu tôi hỏi, và Xônhia trả lời, miệng cười gượng gạo:

- Nó cứ mặc chiếc áo ngủ vàng nằm trên giường suốt sáng, đầu tóc chẳng chải gì cả, nhìn mặt cũng biết được rằng nó vừa khóc dữ lắm; mang cà phê đến - nó uống được lưng cốc... "Cậu làm sao thế?" - "Mình đau đầu"... Chẳng hiểu có phải ốm tương tư không!

- Rất giản đơn thôi, - cậu tôi hơn hở nói, liếc mắt nhìn tôi đồng tình, nhưng tôi lại lắc đầu.

Gần đến buổi uống trà buổi chiều nàng mới ra khỏi phòng mình và nhẹ nhàng, nhanh nhẹn bước ra bao lơn. Nàng vui vẻ mỉm cười với tôi, trong nụ cười ấy có cái gì như muốn xin lỗi. Về hoạt bát, nụ cười vừa rồi cùng cái vẻ ăn vận hơi trau chuốt hơn ngày

thường làm tôi ngạc nhiên: mái tóc nàng vấn chặt, phía trước hơi quăn quăn, những cặp tóc bông bông lên, nàng vận một chiếc váy áo mới màu xanh xanh, rất đơn giản mà lại rất uyển chuyển, nhất là chỗ ngang lưng, nàng đi đôi gày cao gót màu đen, - trong thâm tâm, tôi thầm ngưỡng mộ vẻ đẹp mới của nàng mà tôi vừa biết thêm. Tôi đang ngồi ngoài bao lơn và đang đọc lướt mấy tập "Sử biên niên" mà cậu tôi vừa đưa thì Natali xuất hiện, dáng hoạt bát và vui vẻ có pha chút gì như ngượng ngập. Nàng nói:

- Chào anh. Chúng ta đi uống trà thôi. Hôm nay tự tôi phải đun ấm trà đấy. Xônhia ốm rồi.

- Sao? Khi thì cô, khi thì Xônhia ốm là thế nào?

- Tôi chỉ hơi bị đau đầu từ buổi sáng thôi. Nói ra thì cũng hơi ngượng, đến bây giờ tôi mới kịp trang điểm đấy...

- Màu áo xanh của cô thật là điệu kỳ bên ánh mắt đen và mái tóc vàng óng! - tôi nói. Và bất ngờ hỏi nàng mặt đỏ lên: - Hôm qua cô có tin lời tôi không?

Gương mặt nàng cũng đỏ lên, ửng hồng phơn phớt, nàng quay sang một bên và nói:

- Không tin ngay đâu, không tin cả đâu. Nhưng sau đó bỗng nghĩ rằng, tôi chẳng có lý do gì để không tin anh... Hơn nữa, thực ra tôi có liên quan gì đến tình cảm giữa anh và Xônhia đâu? Nhưng thôi, đi vào thôi...

Đến bữa ăn tối, Xônhia cũng bước ra và chọn lúc thuận tiện, khẽ nói với tôi:

- Em bị ốm rồi. Bệnh của em bao giờ cũng rất nặng, phải nằm trên giường hàng năm ngày. Bây giờ còn đi lại được, chứ ngày mai thì thôi đấy. Vắng em, anh phải liệu mà cư xử cho khôn khéo. Em rất yêu anh và ghen ghê lắm đấy.

- Không lẽ chốc nữa em không đến với anh được nữa à?

- Anh ngốc lắm...

Đây vừa là một niềm hạnh phúc, vừa là điều bất hạnh: năm ngày hoàn toàn tự do với Natali và năm đêm không được gặp gỡ với Xônhia ở phòng mình!

Gần một tuần, Natali cai quản mọi việc trong nhà, nàng khoác chiếc tạp dề trắng khi thì ra sân, khi thì vào bếp, - chưa bao giờ tôi thấy Natali tất bật ham việc như thế, rõ ràng là việc thay Xônhia trông coi mọi việc nội trợ trong nhà đem đến cho nàng một niềm vui khoan khoái, hình như nàng cũng được nhẹ nhàng hơn vì không phải theo dõi những câu nói, những cái nhìn giữa tôi và Xônhia. Trong những ngày này, trước bữa ăn, bao giờ Natali cũng lo lắng không biết mọi việc có đều tốt đẹp cả không, và sau đó thì sung sướng nhận thấy rằng, cả ông già đầu bếp, cả bà lão hầu Khritchka, tất cả đều bụng thức ăn ra kịp thời, không làm cho ba Xônhia nổi giận. Sau

bữa ăn trưa, nàng vào phòng với Xônhia và ở lại đó đến lúc uống trà buổi chiều, Natali không cho tôi vào đây. Sau bữa ăn chiều thì nàng ở lại với Xônhia suốt tối. Chắc là nàng tránh gặp mặt tôi một mình, và tôi sống trong day dứt, buồn rầu, tôi đau khổ trong cảnh cô đơn. Tại sao nàng trở nên dịu dàng với tôi nhưng lại tránh gặp tôi? Nàng sợ Xônhia, hay là sợ chính mình, sợ cái tình cảm của mình đối với tôi? Và tôi hết lòng mong sao cho nàng sợ chính mình, càng ngày tôi càng say sưa với một ước mơ lớn rằng: chẳng phải tôi gắn bó suốt đời với Xônhia, cũng chẳng phải tôi - và cả Natali nữa - sẽ ở lại trang ấp này mãi mãi, chỉ khoảng một hai tuần nữa thôi, chẳng nào tôi cũng rời khỏi chốn này và thế là chấm hết mọi đau khổ của tôi... Lúc ấy tôi sẽ tìm ra lý do để đến làm quen với gia đình Xtankêvic, khi Natali vừa mới trở về nhà mình... Xa Xônhia, hơn nữa lại xa rời với một sự lừa dối, với cái ước mơ thâm kín đến Natali, hy vọng vào tình yêu của nàng và cái ý thuận làm vợ mình, lẽ nào sự xa rời ấy lại không đau đớn - lẽ nào tôi chỉ hôn Xônhia với một cảm giác xác thịt, lẽ nào tôi lại không yêu cả Xônhia? Nhưng mà tôi biết làm sao, cái kết cục ấy sớm hay muộn cũng chẳng thể nào tránh được... Lúc nào tôi cũng nghĩ vậy, lúc nào lòng tôi cũng xúc động như thế. Trong cảm giác chờ đợi một điều gì sắp đến, những lúc gặp Natali, tôi cố đối xử

với nàng một cách dè dặt hơn, nhuần nhị hơn, - tôi tự nhủ, phải gắng chịu, gắng chịu một thời gian nữa thôi. Tôi buồn rầu, đau khổ - trời hình như cố tình mưa luôn ba ngày liên tiếp, nghìn vạn hạt nước mưa đều đều bay xuống và rơi lộp bộp trên mái nhà, trong nhà lúc nào cũng tối tối, những con ruồi yên lặng ngủ trên trần nhà, trên bóng đèn treo tại phòng ăn, - nhưng tôi vẫn gắng gượng cố tỏ ra rảnh rỗi, ngồi hàng giờ trong phòng ông cậu và lắng nghe đủ các thứ chuyện của ông...

Xônhia đã bắt đầu mặc chiếc áo ngủ dài và rộng bước ra ngoài phòng mình khi thì một, khi thì hai giờ đồng hồ. Nàng cười khó nhọc, mệt mỏi và ngả mình trên chiếc ghế bành bọc vải đặt ngoài bao lon. Điều làm cho tôi sợ hãi là, chẳng e dè một chút nào với sự có mặt của Natali, Xônhia nói năng với tôi rất đổng đánh, nũng nịu và dịu dàng quá mức:

- Ngồi lại đây với em, anh Vichia của em, em mệt lắm, em buồn lắm, anh kể cho em nghe một chuyện gì buồn cười đi... Trăng đã dần sáng rồi đấy, khắp nơi đã "tắm" trong mưa rồi; hương hoa tỏa ra thật ngọt ngào.

Tôi trả lời, trong lòng hơi bức bối:

- Nếu hoa sức mùi thơm nghĩa là trời sẽ lại mưa...

Nàng nắm vào tay tôi:

- Anh đừng có mà chống lại người ốm!

Ít hôm sau thì Xônhia đã tự mình ra ăn trưa và uống nước trà chiều, chỉ có điều là nàng vẫn còn xanh xao lắm và luôn đòi đem đến cho mình chiếc ghế bành. Nhưng, bữa tối thì nàng vẫn chưa ăn và cũng chưa bước ra bao lơn chơi. Có lần, sau buổi uống trà chiều, khi Xônhia đã trở về phòng mình và bà Khritxchia đã thu dọn vào bếp ấm trà đặt trên bàn.

Natali nói với tôi:

- Xônhia giận vì lúc nào tôi cũng ngồi với cô ấy và để anh một mình, Xônhia còn chưa khỏi hẳn và vắng cô ấy thì anh buồn.

- Tôi chỉ buồn khi không có cô thôi, - tôi trả lời. - Khi vắng cô...

Nét mặt nàng chợt thay đổi, nhưng sau đó vẻ mặt nàng lại trở lại bình thản điềm nhiên, nàng gắng gượng cười, nói:

- Chúng ta đã cam kết với nhau rằng không bao giờ cãi vã nữa... Tốt hơn hết là thế này: anh đã ngồi nhà chán chê rồi, bây giờ thì anh ra ngoài đi dạo chơi cho đến bữa ăn tối, sau đó tôi sẽ ngồi với anh trong vườn một lúc; nhờ trời, cái điều dự đoán về mặt trắng lúc này không thành sự thật, đêm hôm nay trời sẽ rất đẹp...

- Xônhia thương tôi, còn cô? Không thương tí nào có phải không?

- ... rất thương nữa ấy, - nàng trả lời, cất tiếng cười ngượng ngịu và đặt cốc trà lên tấm khay. - Nhưng nhờ ơn trời, Xônhia đã bình phục rồi, anh sắp khỏi phải buồn rồi...

Nghe những tiếng "buổi tối, tôi sẽ ngồi với anh", trái tim tôi bỗng tràn ngập một điều gì thật bí ẩn ngọt ngào, nhưng lúc đó tôi lại nghĩ ngay là: không! Đó chỉ là những chữ âu yếm đơn thuần mà thôi! Tôi trở về phòng mình, nằm ngấm nhìn lên trần nhà rất lâu. Cuối cùng tôi đứng dậy, cầm lấy chiếc mũ treo ở hành lang, vợ lấy một cái gậy không biết là của ai và đi ra khỏi trang trại như một người mất trí. Tôi bước lên con đường nối liền trang trại và một xóm làng nằm trên một khu đất cao trơ trọi những đồi cỏ. Con đường ấy dẫn tôi ra cánh đồng trống trải giữa buổi hoàng hôn. Nhìn đâu cũng thấy những quả đồi thoải thoải nối tiếp nhau, nhưng tầm mắt không bị che khuất, vẫn nhìn được rất xa. Phía bên trái tôi, bờ sông thoải thoải thấp xuống, đằng sau là những cánh đồng cũng trống trải mênh mông về phía tận chân trời, nơi mặt trời vừa lặn và ánh chiều còn đỏ rực. Phía bên phải, đối diện với ánh chiều tà, là những ngôi nhà nhỏ, tường vôi trắng vuông vắn đang nhuộm màu hoàng hôn đỏ rực gợi một cảm giác tiêu điều có quạnh; tôi buồn rầu đưa mắt nhìn về phía xóm làng, nhìn về phía mặt trời đang khuất bóng. Trên đường về, từng làn gió

khi ám áp khi hừng hực nóng phá vào mặt tôi, mảnh trăng non đã lơ lửng treo chênh chếch trên bầu trời tỏa ánh sáng nhờ nhờ không hứa hẹn một điều gì tốt lành cả: mảnh trăng còn lại cũng mờ mờ ảm đạm như nắp sau một tấm mạng nhện trong suốt, tất cả trông giống như hình một quả sỏi.

Trong bữa ăn tối - lần này chúng tôi lại ăn ở ngoài vườn vì trong nhà quá nóng bức - tôi nói với cậu tôi:

- Cậu ơi, cậu đoán thời tiết sắp tới thế nào? Cháu cảm thấy rằng ngày mai trời sẽ mưa.

- Sao vậy, anh bạn?

- Cháu vừa đi dạo chơi ngoài đồng và buồn bã nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa cháu đã phải xa cậu rồi...

- Vì lẽ gì thế?

Natali cũng nhìn về phía tôi hỏi:

- Anh định đi thật à?

Tôi gượng cười:

- Bởi vì tôi không thể...

Cậu tôi lắc đầu nguây nguẩy - lần này thì hợp thời:

- Nói nhảm, nói nhảm! Ba mẹ cháu hoàn toàn có thể chịu đựng sự xa cách với cháu một cách dễ dàng. Cháu chưa ở đây được hai tuần, cậu không để cháu đi đâu. À mà cô ấy cũng chẳng cho cháu đi đâu.

- Cháu chẳng có quyền gì đối với Vitalia Pêtrôvna cả, - Natali nói.

Tôi nhả nhó kêu lên:

- Cậu, cậu bảo Natali đừng có gọi cháu như thế đi¹.

Cậu tôi vỗ vào bàn nói:

- Cậu cảm đấy. Thôi không huyền thuyên đến việc cháu đi nữa. Còn về chuyện thời tiết thì cháu đoán đúng đấy, hoàn toàn có khả năng là trời sẽ lại mưa..

- Ngoài đồng, khí trời rất sạch, rất thanh, - tôi nói. - Trăng cũng rất trong và giống như một quả sồi, gió thì từ phương Nam thổi đến. Đấy, cậu thấy đấy, mây đã tới kia rồi...

Cậu tôi quay lại, nhìn ra vườn, nơi ánh trăng khi mờ, khi tỏ:

- Vitali, cháu sẽ trở thành một ông Bruýt thứ hai đấy...

Khoảng mười giờ Natali mới bước ra bao lơn, nơi tôi đã ngồi chờ nàng và buồn rầu nghĩ rằng mọi chuyện này đều dờ dẩn cả thôi: nếu Natali có chút cảm tình với tôi, thì chắc đó cũng chỉ là những tình cảm bông đùa, thoáng qua, dễ thay đổi... Mặt trăng mỗi lúc một lên cao hơn, rọi sáng hơn qua những làn mây trắng đục mỗi lúc một vẩn vù nhiều hơn hùng vĩ che lấp bầu trời; những lúc lách ra khỏi đám mây,

¹ Cách gọi ghép tên người và tên bố người ấy, biểu thị một thái độ trịnh trọng xã giao (N.D.)

trông mảnh trắng trắng ngời sáng ấy giống như mặt người nhìn nghiêng, nhợt nhạt và lặng lẽ. Vạn vật đều như được rọi chiếu, đều như tràn ngập trong cái ánh sáng phospho trắng xanh, nhờ nhờ, bạc bạc. Tôi bỗng ngoài đầu lại vì cảm thấy có gì khác lạ: Natali đứng trên ngưỡng cửa, tay chấp ra sau lưng, lặng lẽ nhìn tôi. Tôi đứng dậy, Natali bình thản hỏi:

- Anh chưa đi ngủ à?

- Nhưng mà cô đã nói với tôi là...

- Xin lỗi anh, bây giờ tôi rất mệt. Chúng ta đi dạo quanh hàng cây một lát rồi tôi về đi ngủ.

Tôi đi theo nàng, nàng dừng lại bên bậc tam cấp ngoài ban công rồi đưa mắt nhìn lên những ngọn cây cao trong vườn, những đám mây đen đang ùn ùn kéo đến, những ánh chớp lập loè không kèm theo tiếng sấm. Nàng đi vào dưới tán lá mong manh của hàng cây bạch dương chạy dài, chỗ tối chỗ sáng xen nhau. Tôi bước dần lên ngang bên nàng và nói để khỏi phải im lặng:

- Từ xa, bạch dương trắng toát như trong truyện thần thoại. Trên đời này không có gì kỳ lạ và đẹp hơn cảnh trong rừng dưới ánh trăng và màn lụa trắng phủ quanh thân cây bạch dương ở đó...

- Anh cũng định đi thật à?

- Cũng đến lúc phải đi rồi.

- Sao anh vội đi ngay thế? Tôi không muốn giầu

anh là, lúc này, việc anh bảo anh sắp đi, làm tôi choáng váng.

- Natali, khi cô trở về nhà, tôi có thể đến làm quen với gia đình được không?

Nàng im lặng. Tôi cầm lấy hai tay nàng, hôn lên bàn tay phải, lặng người đi.

- Natali...

- Phải, phải, tôi đã yêu anh, - nàng nói vội vã, giọng khô khan lãnh đạm, trở vào nhà. Tôi bước theo nàng như một kẻ mộng du.

- Anh hãy rời đây luôn ngày mai, - nàng vừa đi vừa nói không ngoái đầu lại. - Vài ngày nữa, tôi sẽ về nhà.

V

Trở về phòng mình, tôi không châm nén, ngồi xuống đi vắng và lặng người đi trong dư âm của cái điều vừa ghê sợ vừa diệu kỳ mà chỉ trong giây lát đã bất ngờ đến với đời tôi. Tôi ngồi đó và không còn nhận biết được không gian và thời gian. Cả căn phòng và khu vườn đã chìm trong trời đêm bị mây mờ che phủ, ngoài cửa sổ, những lùm cây xào xạc rung lên, những ánh chớp xanh lè vụt chiếu sáng lên, vụt tắt ngay đi mỗi lúc một nhiều hơn. Bỗng căn phòng thình lình được rọi chiếu rõ ràng một cách lạ thường, một luồng gió mát lạnh phả vào mặt tôi, tôi

nghe thấy tiếng động rào rào ở ngoài vườn, hệt như nó đang sợ hãi: đất, đất và trời đang bốc cháy! Tôi chồm dậy, nhảy đến bên cửa sổ và lần lượt đóng chúng lại, - khó nhọc lắm tôi mới đóng lại được vì những luồng gió mạnh bạt đến tới tấp. Tôi rón rén chạy ra ngoài hành lang dẫn đến phòng ăn: đúng ra, lúc ấy tôi cũng chẳng còn tâm trí nào mà nhớ đến những cánh cửa sổ đang mở toang trong phòng ăn mà gió có thể làm vỡ kính, nhưng tôi vẫn chạy vào đó với vẻ đầy lo lắng. Trong phòng ăn, tất cả các cửa sổ đều đã đóng kín - tôi nhìn thấy những cửa sổ ấy trong cái ánh chớp lòa mà màu sắc của nó không có ở nơi nào trên trái đất, ánh chớp trắng xanh nhờ nhờ bàng bạc lan đến khắp nơi, như một ánh mắt nào đưa rất nhanh về khắp phía, soi rõ từng đường nét trên các ô cửa sổ rồi lại vụt tắt ngay đi để lại trong mắt tôi những đốm đỏ đỏ vàng vàng vì vừa bị chói quá. Khi tôi vội vàng trở lại phòng mình, như lo sợ có điều gì xảy ra ở đó lúc vắng tôi, thì nghe thấy một giọng thâm thảo giận dữ từ trong bóng tối:

- Anh vừa đi đâu? Em sợ lắm, anh chầm nển lên đi...

Tôi đánh diêm và nhìn thấy Xônhia mặc mỗi chiếc áo ngủ đang ngồi trên di văng, nàng đi giày, chân để trần, không mang tất.

- Hay là không, không, không cần chầm nển đâu,

- nàng vội vã nói, - đến đây với em nhanh lên ôm lấy em đi, em sợ lắm...

Tôi ngoan ngoãn ngồi xuống bên cạnh Xônhia và ôm lấy đôi vai lạnh ngắt của nàng. Nàng thì thào:

- Hôn em đi, hôn em đi thôi, lấy hẳn em đi, cả một tuần em không gặp anh rồi!

Và Xônhia kéo mạnh tôi cùng ngã mình xuống tấm gối divăng.

Vừa lúc ấy, ngoài ngưỡng cửa rộng mở, thoáng hiện Natali, trong chiếc áo ngủ không khuy, tay cầm ngọn nến. Natali nhìn thấy chúng tôi ngay, nhưng bất ngờ với chính mình, nàng vẫn bật lên tiếng gọi:

- Xônhia, cậu ở đâu rồi? Mình sợ quá...

Natali lập tức biến mất. Xônhia chạy bổ ra ngoài theo nàng.

VI

Một năm sau, Natali lấy Aléxây Mêseroski. Họ làm lễ cưới nhau trong gian phòng trống trải của nhà thờ Blagadátstvi - cả chúng tôi cũng như họ hàng, bạn bè quen biết của hai bên đều không được mời dự. Những cuộc thăm viếng thường có sau lễ cưới đôi vợ chồng ấy cũng không tiến hành, họ đi nghỉ ở Krưm ngay.

Tháng giêng năm sau, vào ngày lễ Thánh

Tachiana, một cuộc dạ hội khiêu vũ của sinh viên được tổ chức ở Vôrônhesơ trong gian phòng Blagarôtưi. Lúc đó, tôi đã là một sinh viên Matxcova, đang nghỉ lễ tại nhà mình ở nông thôn, vào buổi chiều ấy đã đáp xe lửa đến Vôrônhesơ. Cả đoàn tàu bám đầy tuyết trắng xoá. Ngồi trên chiếc xe trượt tuyết chạy từ ngoài ga vào trong thành phố đưa tôi đến khách sạn "Quý tộc", tôi nhìn thấy những ngọn đèn lồng trong hộp kính mờ mờ ẩn hiện qua những làn bão tuyết trong thành phố và ánh lửa của những ngọn đèn phố làm lòng người phấn chấn, hứa hẹn một niềm vui khoan khoái khi anh sẽ bước vào căn phòng ấm áp, thậm chí quá ấm áp nữa, của khách sạn cũ kỹ ở một tỉnh lỵ, khi anh sẽ cho gọi người mang ấm trà nóng đến và bắt đầu mặc quần áo mới để chuẩn bị dự buổi khiêu vũ triển miên và ăn nhậu lu bù suốt đêm của đám sinh viên. Trong khoảng thời gian từ sau cái đêm khủng khiếp ở nhà Tserôkaxốp, nhất là từ sau khi Natali đi lấy chồng, vết thương lòng của tôi dần dần lành lại, - hay ít ra thì tôi đã quen với cái cảnh sống của một người trong lòng có điều uẩn khúc đau đớn, - với riêng mình, tôi đã là người như thế, nhưng bề ngoài tôi vẫn sống như mọi người khác.

Khi tôi đến, buổi dạ hội vừa mới bắt đầu thôi, nhưng trên lối vào chính có bậc lên và khoảng rộng ở

đó những người đến dự cuộc vui đã đến đông nghịt. Một đội quân nhạc nào đang ra sức dạo một điệu van trang nghiêm buồn buồn, vọng ra từ phía gian phòng chính. Toàn thân tôi còn ngưng đọng lại cái dư vị tươi mát của một trời đông lạnh. Tôi vận một bộ đồ mới nguyên và vì vậy cảm thấy bước đi của mình uyển chuyển quá mức. Tôi lách qua cái đám đông người đang đứng ở đó một cách lịch sự, bước theo tấm thảm đỏ trải dài trên bậc đi lên khoảng rộng cầu thang. Trước cửa vào gian phòng chính người đến dự dạ hội chen chúc đứng, hơi người hâm hấp nóng.. Không hiểu sao tôi lại miệt mài lách qua cái đám đông người ấy đến nỗi có lẽ tất cả đều tưởng tôi là một người đứng ra tổ chức cuộc vui và đang có một việc gì cần kíp lắm.

Cuối cùng, tôi đã len vào được, đứng lại trên ngưỡng cửa, lắng nghe tiếng nhạc trầm bổng đang vọng xuống từ ngay trên đầu tôi. Tôi nhìn lên những chùm đèn sáng choang treo dưới trần nhà rồi lại nhìn vào mấy chục cặp trai gái đang nhảy một điệu van dưới ánh đèn lấp lánh, - tôi bỗng đứng lì lại; giữa đám đông đang quay nhảy ấy, có một đôi trai gái nổi bật lên, bằng những bước đi rất nhanh, đôi trai gái ấy uyển chuyển lượn gần về phía tôi. Tôi đứng lẹ sang một bên và nhìn; người con trai trong cặp nhảy van đó là một người lưng hơi gù gù, to lớn lực lưỡng,

toàn thân đen vì lông tóc đen nhánh và mặc một cái áo vét dài cũng có màu đen như vậy; cách nhảy nhẹ nhàng của anh ta làm tôi nghĩ đến cái vẻ nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên của những người nặng nề phì nộn. Người con gái có cái dáng thanh thanh, tóc cuốn cao lên theo kiểu dạ hội, nàng mặc chiếc váy áo khiêu vũ trắng toát, đi đôi giày gót nhỏ nhắn, màu vàng óng ánh, nàng vừa quay mình theo tiếng nhạc, vừa hơi nghiêng nghiêng đầu về một bên, mắt nhìn xuống, cánh tay đeo chiếc găng trắng dài mịn màng đẹp như cổ một con thiên nga đặt lên vai người con trai. Trong giây lát, hai hàng lông mi đen dài trên mắt nàng hướng thẳng về phía tôi, ánh mắt đen láy của làng long lanh lướt thoáng qua tôi, nhưng ngay lúc đó người con trai liền khéo léo đưa mũ giày bóng loáng lùi lại phía sau, với cái vẻ nhẹ nhàng của một người nặng nề, to béo, và quay nàng đi, đôi môi nàng hé mở bật lên một tiếng thở dài; chiếc váy trắng của nàng loáng thoáng đung đưa và hai người lại tiếp tục đi những bước nhảy lùi ra xa dần. Tôi lách qua cái đám đông người đứng trước cửa ấy và bước ra ngoài, rồi đứng lặng người đi ít phút...

Bên gian phòng đối diện còn vắng bóng người và mát lạnh, qua cánh cửa mở rộng, tôi nhìn thấy một quầy điểm tâm có bán rượu sâm banh, đằng sau quầy là hai cô sinh viên bán hàng ăn vận theo kiểu

Ucren đang đứng chờ đợi khách hàng, - một cô tóc hung hung vàng rất xinh và một cô người *kazắc* mặt đen sạm đáng gầy gầy và gầy như cao gấp đôi cô kia. Tôi bước đến bên quầy hàng và cúi mình đưa ra một tờ giấy bạc một trăm rúp. Hai cô gái khẽ chạm đầu vào nhau và cất tiếng cười rồi cúi xuống lấy từ trong chiếc thùng có để nước đá chung quanh một chai rượu rất to. Hai cô bỗng ngáp ngừng nhìn nhau - chưa có chai rượu nào mở nắp cả. Tôi bước vào sau quầy và chỉ một lát sau đã nhẹ nhàng mở được nắp. Tôi vui vẻ rót rượu mời hai cô gái - *Gaudeamus igitur*⁽¹⁾ - phần còn lại một mình tôi chậm rãi uống hết cốc này sang cốc khác. Hai cô mới đầu ngạc nhiên nhìn tôi, sau thì ra chiều thương hại:

- Ôi, mặt anh trông tái đi thế kia kìa!

Tôi uống nốt cốc cuối cùng và đi ngay. Trở về khách sạn, tôi lại gọi người mang đến phòng mình một chai rượu *kônhắc* hiệu "Côcazo" và lại tiếp tục uống bằng những cốc đựng nước chè, vừa uống, vừa hy vọng rằng trái tim mình sẽ bị vỡ ra...

Một năm rưỡi nữa qua. Có lần vào cuối tháng năm, khi tôi tới Matxcơva trở về quê, người đưa thư ngoài ga cấp tốc đem đến nhà tôi bức điện của nàng

(1) "Hãy cùng nhau vui lên nào!" (Tiếng Latinh). Câu đầu tiên trong một bài hát của sinh viên thời trung cổ.

gửi từ Blagadátnui: "Sáng nay, Alécxây Nhicôlaiêvich đã chết bất ngờ vì chảy máu não". Ba tôi làm dấu và nói:

- Lay trời! Thật là khủng khiếp. Trời hãy tha thứ cho tôi, tôi chưa bao giờ yêu mến anh ta cả, nhưng điều đó vẫn thật là khủng khiếp! Bởi vì anh ta chưa đầy bốn mươi tuổi. Và cô ấy thì đáng thương biết bao - góa chồng vào cái tuổi như thế, trên tay lại còn một đứa con nhỏ... Ba chưa bao giờ thấy cô ấy cả - anh ta có nhĩa ý đến mức là không dẫn cô ấy đến đây một lần nào! - Nhưng nghe nói cô ta đẹp lắm thì phải. Bây giờ thì làm sao? Cả ba, cả mẹ đều già rồi, không ai có thể đi xa một trăm năm mươi vécxta⁽¹⁾ mà đến đấy được, con phải đi thôi...

Không thể từ chối được, - vì lẽ gì mà tôi có thể từ chối? Hơn nữa tôi cũng không thể khước từ được trong cái tâm trạng nửa tỉnh nửa điên mà cái tin bất ngờ ấy thành linh đem lại cho tôi. Chỉ biết một điều là sẽ nhìn thấy nàng! Cái cơ để gặp nàng thật ghê sợ nhưng lại hoàn toàn hợp lý.

Chúng tôi đánh điện trả lời, và ngày hôm sau, vào một buổi hoàng hôn tháng năm, chiếc xe ngựa từ Blagadátnui sau nửa giờ đã đưa tôi từ ga về trang trại. Khi xe đi qua những đám đất đồi thoải thoải bên

⁽¹⁾ Vécxta: Đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga. 1 vécxta - 1,06km.

cạnh những đồng cỏ nước lấp xấp, từ đằng xa, tôi đã nhìn thấy những cánh cửa đóng kín mít trên bức tường phía tây hướng về phía ánh mặt trời chiều; tôi rùng mình với ý nghĩ rằng đằng sau những cánh cửa đóng kín mít kia, có anh ta đang nằm và có nàng! Trong sân, cỏ non mọc rậm rì, bên cạnh nhà xe có hai cỗ tam mã của ai đang dừng ở đó, cái chuông buộc trên cổ ngựa kêu leng keng. Ngoài sân không có một ai, trừ những người đánh xe đang ngồi yên trên đệm ghế, - cả khách từ xa đến, cả đám người hầu hạ trong nhà đều đang đứng bên thi hài người chết. Chung quanh là cái vắng lặng của một buổi chiều tà tháng năm nơi thôn dã, cái tươi mát trong lành của mùa xuân, cái mới lạ của tất cả, - của những làn gió từ cánh đồng và mặt sông, của những đám cỏ non mọc rậm rì ngoài sân, của những vườn cây rậm rạp nối liền với ngôi nhà từ phía sau đang rực rỡ màu hoa, và trên cái thềm nhà thấp chính giữa, cạnh cánh cửa rộng mở, có một cái nắp quan tài rất to phủ vải vàng lốm đốm kim nhũ đang dựng đứng trên tường.

Trong cái ớn lạnh của khí trời khi mặt trời đã tắt, ngào ngạt mùi thơm của những đóa hoa lê đang nở rộ trên những lùm cây phía đông nam khu vườn - cái màu hoa lê trắng ngát ấy như hòa lẫn vào chân trời xa mờ mờ trắng nhạt, nơi chỉ có một đốm sao, sao Jupite hồng hồng đang lấp lánh. Vẻ đẹp và tươi mát

của tất cả những cảnh ấy, ý nghĩ về nàng đẹp đẽ, trẻ trung và mối tình ngày xưa của nàng, bỗng đem đến cho tôi một nỗi buồn vô hạn, một hạnh phúc to lớn, một nỗi khao khát được yêu làm tim tôi như bị tan nát, tôi nhảy ra khỏi xe bên cạnh thêm và cảm thấy mình hết như đang đứng kể miệng vục - sẽ ra sao đây khi tôi bước vào ngôi nhà này, thấy lại nàng sau ba năm xa cách và nàng đã thành quả phụ, thành mẹ! Mặc dầu vậy, tôi vẫn bước vào căn phòng ghê sợ tôi tới, ngát tỏa mùi hương, mờ mờ những ngọn nến sáng vàng. Có những người cầm trên tay những ngọn nến đang cháy dở đứng trước chiếc quan tài đặt chênh chếch hơi cao ở góc tường được rọi sáng từ chiếc đèn dầu to màu đỏ đặt trước khung vàng ảnh chúa leo lét cháy, phía dưới có thấp ba ngọn nến cao, thường thấy trong các nhà thờ tỏa ánh sáng bạc. Tôi bước vào gian phòng đó giữa giọng hát cầu nguyện đều đều của đám tu sĩ đang kính cẩn nghiêng mình đi vòng quanh thi hài; ngay lúc đó, tôi bỗng cúi đầu xuống để khỏi phải nhìn thấy những tấm kim nhũ phủ bên quan tài, nhìn thấy khuôn mặt người đã chết và nhất là để khỏi phải nhìn thấy nàng. Có ai đưa đến cho tôi một cây nến đã thấp, tôi đỡ lấy cây nến ấy và giữ trên tay. Cây nến cháy leo lắt, và tôi cảm thấy ánh sáng yếu ớt của nó đang chiếu lên khuôn mặt nhợt nhạt của tôi. Tôi nhẩn lại lắng nghe

tiếng hát cầu nguyện, tiếng nhựa thơm nổ tí tách. Tôi ngược mắt lên và nhìn thấy những làn khói thơm tho ngào ngạt đang tư tư bay về phía trần nhà; bất ngờ, tôi ngẩng mặt lên và nhìn thấy nàng, - nàng đứng trước mọi người, nàng vận đồ tang đen và tay cầm ngọn nến đang cháy soi rõ đôi má và mái tóc óng vàng của nàng, - đến lúc ấy thì tôi không còn có thể rời mắt khỏi nàng nữa, như thể không rời mắt khỏi bức ảnh Chúa.

Gian phòng đã trở lại thanh tĩnh, phảng phất mùi những cây nến vừa tắt, mọi người nhẹ nhàng chậm rãi bước theo nhau đến hôn tay nàng. Tôi để mọi người đến trước để tới sau cùng. Bước lại bên nàng, lòng đầy sợ hãi, tôi say mê và nhìn chiếc áo dài đen tu sĩ bó sát tấm thân thon thả đem lại cho nàng một dáng vẻ trắng trong, nhìn lên gương mặt nàng xinh đẹp, trẻ trung, thanh khiết. Khi thấy tôi bước đến, hàng lông mi của nàng khẽ hạ xuống và nàng cúi đầu không đưa mắt về phía tôi. Tôi cúi gập người xuống và vừa hôn tay nàng, vừa nói rất khẽ tất cả những điều gì mà tôi phải nói theo phép xã giao và vì là họ hàng của người đã khuất. Tôi xin phép nàng cho tôi rời khỏi gian nhà này ngay và đêm thì ngủ lại ngoài vườn, trong ngôi nhà nhỏ tháp tròn cổ kính, hồi còn là học sinh, mỗi lần đến Blagadát nur chơi, tôi đã từng ngủ ở ngoài ấy; ở đấy có đặt chiếc giường

ngủ của Alécxây Mêserôxki trong những đêm hè nóng bức.

Nàng trả lời, mắt không nhìn lên:

- lát nữa tôi sẽ cho người dẫn anh đến đó và mang bữa ăn tối cho anh.

Sáng hôm sau, dự lễ rửa tội cho người chết và mai táng xong, tôi vội vã rời khỏi Blagadát-núi.

Lúc chia tay, chúng tôi lại chỉ nói với nhau vài lời và vẫn không nhìn vào mắt nhau.

VI

Tôi tốt nghiệp trường đại học và chẳng bao lâu sau thì ba và mẹ tôi đều mất gần như đồng thời. Tôi trở về quê, cai quản việc đồng áng và chung sống với Gasa, một cô gái nông dân mồ côi lớn lên trong nhà tôi và chuyên hầu hạ mẹ tôi lúc còn sống... Bây giờ thì Gasa cùng với ông bà Ivan Lukít, nguyên ngày xưa cũng là người hầu hạ ba mẹ tôi - ông có mái tóc bạc phơ và tấm lưng to bè bè, cả hai người cùng làm mọi việc trong nhà cho tôi. Bề ngoài trông Gasa còn như một đứa bé - nàng nhỏ nhắn, gầy gò, có mái tóc đen và một đôi mắt màu khói ám bầu như không biểu hiện một điều gì cả. Gasa lặng lẽ, kín đáo, có cảm tưởng rằng nàng thờ ơ lãnh đạm với mọi cái ở trên đời này, nước da mịn màng của nàng đen đen,

đến nỗi ngày trước, có lần ba tôi đã nói "Chắc nàng Agarô xưa cũng giống thế này". Nàng đối với tôi thật đáng yêu vô hạn, tôi thích bế nàng trên tay và vừa hôn nàng vừa nghĩ: "Đó, tất cả những gì còn lại trong đời tôi là thế đó!", và hình như Gasa hiểu rằng tôi đang nghĩ gì. Khi nàng sinh nở - nàng đẻ ra một đứa con trai nhỏ bé, nước da đen đen - nàng thôi không làm những việc lặt vặt trong nhà nữa và vào ở căn phòng hồi bé của tôi; tôi muốn làm lễ cưới nàng. Nàng trả lời:

- Không, em không cần lễ cưới, em sẽ chỉ thấy xấu hổ trước mặt mọi người, sao em lại có thể thành "bà" được! Còn anh thì việc gì phải cưới? Làm thế, anh chỉ càng chóng chán em hơn thôi. Anh nên đi lên Matxcova, không thì ở đây với em anh sẽ buồn đấy. Còn em thì sẽ không buồn đâu, - nàng nói và nhìn lên đứa bé bế trên tay đang bú sữa mẹ. - Anh nên đi và cứ sống thế nào cho thỏa thích, em chỉ mong anh nhớ một điều: nếu anh thực sự đi yêu người khác và định lấy người ấy thì em sẽ không ngập ngừng đắn đo gì đâu, em sẽ nhảy xuống sông cùng với đứa bé này.

Tôi nhìn Gasa - không thể không tin vào lời nàng nói được. Tôi hơi cúi đầu xuống: Ừ, mà mình cũng chỉ mới hai mươi sáu tuổi... Yêu và lấy vợ - điều đó lúc ấy tôi không sao hình dung được nữa, nhưng

những lời nói của Gasa gọi lại cho tôi nhớ rằng cuộc đời của tôi thế là xong.

Vào đầu mùa xuân năm ấy, tôi đi ra nước ngoài và sống ở đó chừng bốn tháng. Đến cuối tháng 6 thì tôi đi qua Mátxcova trở về nhà. Tôi dự tính: mùa thu này sẽ ở thôn quê, đến mùa đông sẽ lại đi du ngoạn ở một nơi nào đó. Trên đường từ Mátxcova đi Tula, tôi thấy lòng mình buồn buồn: mình lại sắp về nhà rồi, à mà để làm gì? Tôi nhớ đến Natali - và nghĩ: đúng, mối tình "đến khi chết" mà Xônhia đùa bỡn tiên đoán cho tôi, vẫn canh cánh trong lòng tôi bấy lâu nay, chỉ có điều là tôi đã quen với mối tình ấy như người ta, dần dần, qua năm tháng, quen với cái điều là ngày xưa, chân hay tay họ đã bị người nào chặt mất... Và, trong khi ngồi đợi chuyến tàu ở ga Tula, tôi bỗng gửi đi một bức điện: "Tôi từ Mátxcova qua chỗ cô, chín giờ tối tàu sẽ đến ga Blagadátnei, cho phép tôi ghé vào trang trại thăm viếng cô".

Nàng đón tôi ở ngoài thêm, - đằng sau nàng, ánh đèn trên tay con hầu tỏa sáng - nàng hơi khẽ mỉm cười và đưa cả hai tay về phía tôi:

- Tôi rất mừng.

- Dù cho điều này nghe lạ tai thế nào đi nữa, cô vẫn lớn thêm một tí đấy, - tôi vừa nói vừa hôn tay nàng, lòng đã bắt đầu cảm thấy đau đau.

Tôi nhìn lên toàn thân nàng đang hiện rõ trên

ánh đèn mà con hầu đứng đằng sau đang cầm: chung quanh tấm kính che ngọn đèn, trong khi trời êm êm mềm mại sau một cơn mưa, có những con bướm hồng bé li ti đang chập chờn bay liệng; đôi mắt đen láy của nàng giờ đây nhìn tôi một cách bình thản hơn, rấn rỏi hơn, nàng như đang trong cái thời nở rộ của vẻ đẹp đầy đặn ở một người đàn bà thực thụ; dáng người nàng vẫn thon thả, nàng vẫn ăn vận rất trau chuốt nhưng không cầu kỳ, trên mình nàng là chiếc váy áo lụa màu xanh.

- Vâng, tôi vẫn còn lớn thêm lên, - nàng đáp, miệng nở một nụ cười buồn buồn.

Trong căn phòng, đằng phía góc tường, chiếc đèn đĩa to màu đỏ vẫn đặt ở trước tấm ảnh Chúa, chỉ có điều là không thắp sáng. Tôi vội vàng rời mắt khỏi góc tường ấy và đi theo nàng vào phòng ăn. Ở đây, trên một tấm khăn trải bàn trắng toát, có đặt ấm trà nóng và mấy cái tách uống trà rất mỏng. Con hầu bưng tới đĩa thịt bò nguội, đĩa dưa chua, một bình rượu trắng và một chai rượu mùi. Nàng cầm lấy ấm trà:

- Tôi không ăn tối đâu, chỉ uống nước chè thôi, nhưng mà anh cứ ăn đi... Anh từ Matxcơva tới à? Sao lại thế? Vậy thì mùa hè anh làm gì ở đây?

- Tôi trên đường từ Pari về.

- À ra thế! Anh ở bên ấy có lâu không? Ô, nếu tôi

cũng có thể đi đâu được một thời gian! Con bé gái của tôi mới được gần bốn tuổi... Nghe nói anh chăm lo việc đồng áng lắm phải không?

Tôi uống cạn một chén rượu vodka không kèm theo thức nhắm, và xin phép nàng cho hút thuốc.

- Ô, không dám, anh cứ hút đi!

Tôi châm thuốc hút và nói:

- Natali ạ, cô không cần phải đối đãi với tôi trang trọng kiểu cách như vậy, đừng quá quan tâm đến tôi, tôi chỉ ghé thăm cô ít lúc rồi lại ở ẩn thôi. Cô đừng e ngại điều gì - bởi vì tất cả những gì trong quá khứ đã bị thời gian che lấp đi, đã trôi qua không bao giờ trở lại.

Cô không thể không thấy rằng cô lại làm tôi say mê choáng váng như xưa, nhưng bây giờ niềm say mê của tôi không thể làm cô e ngại nữa - niềm say mê ấy giờ đây rất bình thản và vô tư trong tôi...

Nàng khẽ cúi đầu và hàng lông mi đen dài của nàng từ từ hạ xuống, - chưa bao giờ tôi lại có thể bình thản mà nhìn lên mái đầu xinh xinh và hàng mi tuyệt đẹp của nàng, - mặt nàng dần dần ửng hồng.

- Điều đó là hoàn toàn đúng, - tôi tiếp tục nói, mặt tái đi, bằng một giọng rần rỗi như cố làm cho chính bản thân tin rằng mình đang nói sự thực. - Bởi vì mọi cái trên đời này đều trôi qua. Còn về cái tội khủng khiếp của tôi đối với cô, thì tôi tin rằng, từ lâu

nó đã biến thành một cái gì không đáng kể đối với cô; bởi vì không phải tôi hoàn toàn tự giác khi mắc lỗi và cái tội đó ngay từ lúc ấy cũng đã có thể được châm chước, nếu tính đến cái tuổi còn quá trẻ của tôi, tính đến cái hoàn cảnh kỳ dị mà tôi đã mắc vào. Và, hơn nữa, tôi cũng đã tự trừng phạt mình một cách đích đáng - tôi đã tự kết liễu đời tôi.

- Kết liễu đời anh?

- Còn có thể nói thế nào khác nữa? Đến cô cũng vẫn chưa biết, chưa hiểu tôi, như ngày xưa cô đã nói ư?

Nàng im lặng một lát.

- Tôi có nhìn thấy anh trong cuộc dạ hội ở Vôrônhesơ. Hồi ấy tôi còn rất trẻ và cũng thật là bất hạnh! - tuy rằng làm gì có tình yêu nào bất hạnh? - nàng vừa nói, vừa ngẩng mặt nhìn tôi, cả cặp mắt đen láy mở rộng, cả hàng mi dài cong cong lên cũng như muốn hỏi tôi câu ấy - có lẽ nào điệu nhạc buồn nhất trên thế giới này lại không đem đến cảm giác hạnh phúc hay sao? - Nhưng mà thôi, anh hãy kể cho tôi nghe những chuyện của anh, anh định sống ở thôn quê mãi mãi thật à?

Cố gắng lắm tôi mới hỏi được:

- Thế nghĩa là dạo ấy cô vẫn còn yêu tôi ư?

- Đúng thế?

Tôi im lặng và đã cảm thấy mặt mình bắt đầu nóng bừng.

- Tôi nghe nói rằng... anh đã có một mối tình, đã có một đứa con, đúng thế không?

- Đó không phải là tình yêu, - tôi nói. - Một tình thương hại dịu dàng sâu xa... và chỉ thế thôi.

- Kể lại tất cả cho tôi nghe đi.

Tôi kể lại hết cho nàng nghe - cho đến cả cái đoạn mà Gasa khuyên tôi "Hãy đi, hãy sống thế nào cho thỏa thích". Và tôi kết thúc câu chuyện:

- Bây giờ thì cô thấy đấy, đời tôi quả đã kết thúc rồi...

- Anh đừng nói thế! - Nàng vừa nói, vừa đeo đuổi một ý nghĩ gì đó của riêng mình. - Cả đời anh còn ở phía trước. Nhưng mà, một cuộc hôn nhân chính thức đối với anh là khó có thể có được. Gasa tất nhiên là thuộc loại người đến con mình cũng không tiếc nữa là đến thân mình!

- Chuyện không phải ở chỗ cưới xin, - tôi nói. - Trời! Tôi mà lấy vợ ư!

Nàng nhìn tôi ra chiều nghĩ ngợi và nói:

- Đúng, đúng. Kể ra cũng thật là kỳ lạ. Cái lời tiên đoán của anh thế mà thành sự thực - chúng ta thế là có họ với nhau đấy. Anh có cảm thấy rằng bây giờ anh là em họ của tôi không?

Nàng đặt tay mình lên vai tôi:

- Anh đi đường mệt lắm phải không, đến nỗi anh chẳng đựng đến một thứ gì trên bàn cả. Trông anh bơ phờ lắm. Thôi, hôm nay nói chuyện đến đây

thôi, anh đi nghỉ nhé, giường ngủ trong phòng dành cho anh đã soạn dọn cả rồi...

Tôi ngoan ngoãn hôn tay nàng, nàng gọi con hầu cầm nến đến, mặc dầu trắng mọc chênh chếch trên khu vườn đang rọi sáng đường đi; nàng đỡ lấy ngọn nến ấy rồi dẫn tôi qua con đường chính nằm giữa những hàng cây lớn, đến con đường nhỏ hơn, rẽ ra chỗ những đám cây thưa, nơi có ngôi nhà nhỏ thấp tròn cổ kính, có những hàng cột gỗ.

Tôi ngồi trên chiếc ghế bành đặt gần cửa sổ, rút thuốc ra hút, nhìn ra vườn và nghĩ ngợi: thật là sai lầm mà làm cái việc bất ngờ ngu ngốc này, thật là ngớ ngẩn mà ghé vào đây, vì đã quá tin vào cái gọi là nghị lực, cái gọi là sự điềm tĩnh của mình... Đêm yên ắng quá, trời đã về khuya lắm. Chắc là vừa có một cơn mưa nhỏ hạt nào - không khí hình như trở nên ẩm áp hơn, mịn màng hơn. Trong sự hài hòa kỳ diệu với cái yên tĩnh này, cái ẩm áp lắng xuống này, có tiếng gà gáy đầu tiên từ phía xóm làng xa dè dặt kéo dài...

Mặt trăng tròn trặn mọc chênh chếch bên mái nhà như đứng lặng vào một chỗ, như đang chăm chú ngắm nhìn một cái gì, trắng sáng trên những ngọn cây xa, trên những lùm cây táo mọc gần trong vườn, trắng trộn lẫn ánh vàng của mình với bóng những hàng cây xao xác... Những chỗ nào ánh trăng rọi tới thì long lanh sang sáng như những mặt kính, còn

dưới bóng cây thì có những lốm đốm sáng pha với những lốm đốm đen, trông thật là huyền bí... Và nàng, mặc một bộ đồ lụa trắng dài, cũng bước đến bên cửa sổ nhẹ nhàng và huyền bí như thế...

Một lúc sau, trăng đã lên trên đỉnh đầu, rọi thẳng vào ngôi nhà nhỏ có tháp tròn; và chúng tôi lần lượt nói với nhau - nàng nằm trên giường, còn tôi thì quỳ xuống bên cạnh và cầm lấy tay nàng:

- Từ cái đêm giông chớp kinh khủng đó anh đã yêu một mình em thôi, trong lòng anh không còn một khát vọng nào khác, ngoài cái khát vọng say sưa nhất, trong sáng nhất tới em.

- Vâng, với thời gian dần dần em cũng hiểu. Tuy nhiên, em vẫn chẳng quên ánh chớp khủng khiếp ấy, khi vừa nhớ tới cái điều đã xảy ra trước đó một giờ dưới hàng cây.

- Không nơi nào trên thế giới này lại có ai đẹp như em cả. Lúc này, khi anh nhìn lên tấm áo lụa xanh của em, nhìn lên chiếc đầu gối tròn tròn của em thấp thoáng dưới làn vải mỏng, anh cảm thấy rõ rệt rằng anh sẵn sàng đổ cả đời mình lấy một cái hôn nhẹ lên tấm áo ấy.

- Trong những năm qua, không lúc nào, không bao giờ anh quên em chứ?

- Nếu anh có quên thì chỉ như người ta quên rằng mình đang sống, mình đang thở. Em nói đúng đấy; không có tình yêu nào bất hạnh. Ôi, anh nhớ

mãi cái áo dài vàng tơ của em và cả bóng hình em còn đang như một cô bé gái thoáng hiện qua trước mắt anh vào buổi sớm, buổi sớm đầu tiên của mỗi tình anh với em! Anh nhớ cánh tay em trong ống tay áo rộng kiểu Uren. Anh nhớ dáng đầu em cúi xuống khi em đọc quyển "Vực thăm", và anh thì thầm khẽ gọi: "Natali, Natali!".

- Thế, thế...

- Anh nhớ em trong buổi dạ hội, dáng em cao cao, thanh thanh, em đẹp quá, cái đẹp đáng sợ của người con gái đã trở thành thiếu phụ, - đêm ấy anh muốn chết biết bao, muốn chết trong niềm say mê của tình yêu và tuyệt vọng! Anh nhớ hôm em cầm ngọn nến, em vận đồ tang đen và cái vẻ trong trắng diệu kỳ mà bộ đồ tang đã đem đến cho em. Anh có cảm tưởng rằng, cả ngọn nến em cầm cũng trở nên linh thiêng, huyền bí.

- Bây giờ thì anh lại bên em và bên em mãi mãi. Nhưng chúng mình sẽ ít gặp nhau thôi anh nhé - làm sao mà em, người vợ không ai biết của anh, lại có thể trở thành tình nhân của anh trước mắt mọi người?

Tháng mười hai năm ấy nàng đẻ non và chết ở bên hồ Gionevơ.

4-4-1941

Nàng Lika

I

NHỮNG NGÀY LANG BÁT đầu tiên vào mùa xuân năm ấy là những ngày cuối cùng của thời niên thiếu đầy chay tịnh của tôi.

Ngày đầu tiên ở Ôrion, khi tỉnh dậy, tôi cảm thấy mình y hệt như lúc còn trên đường đi - vẫn cô đơn, bình thản, chẳng bị ràng buộc gì và xa lạ với khách sạn, với thành phố. Tôi tỉnh dậy vào cái giờ khác thường đối với cuộc sống thị thành, lúc ấy trời chỉ vừa rạng tảng sáng. Nhưng sang ngày hôm sau thì tôi đã dậy muộn như mọi người. Tôi chăm chút ăn vận quần áo, nhìn ngắm mình trong gương... Hôm qua, ở tòa soạn, tôi đã cảm thấy ngượng ngùng với cái nước da digan ngăm ngăm, với vẻ mặt gầy gò sương gió của mình, tóc tai tôi xoa xươi. Cần phải nghiêm chỉnh tân trang cái hình thể của mình, bởi tình thế của tôi hôm qua bỗng bất ngờ được cải thiện. Không những tôi được mời cộng tác mà còn được ứng trước một số tiền; tôi đã đỏ bừng mặt khi họ đưa, nhưng rồi vẫn nhận. Thế rồi tôi đi ra đường phố chính, ghé vào hiệu thuốc lá mua một bao loại

đất tiên, rồi vào hiệu cắt tóc. Tôi bước ra khỏi đó với mái đầu gọn lại đẹp đẽ, thơm tho với cảm giác phấn hứng đặc biệt thường thấy ở người đàn ông vừa ngồi ở hiệu cắt tóc. Ngay lúc đó tôi muốn trở lại tòa soạn, để sớm được hưởng tiếp những ấn tượng hào hứng, tươi mới mà hôm qua số phận đã hào phóng dành cho tôi. Nhưng không thể nào đi ngay được: "Sao, anh lại đến à? Lại đến từ sáng sớm à?!" - Tôi đành dạo quanh thành phố. Cũng giống như hôm qua, tôi bắt đầu xuôi theo phố Bônkhốpkaia, từ đó rẽ sang phố Maxcốpkaia, một phố buôn bán khá dài dẫn ra nhà ga, tôi cứ đi tiếp trên phố đó cho tới cái cổng khái hoàn bám đầy bụi, bên kia cổng thì con phố trông đã trống trải, hoang tàn; từ đây tôi rẽ sang đầu ô Puskarnaia trông còn xơ xác hơn, rồi lại trở về phố Maxcốpkaia.

Khi xuôi từ phố ấy sang vùng Orolích, tôi phải qua một cái cầu gỗ rung lên kéo kẹt dưới bánh xe ngựa, rồi lên phía các công sở. Chuông các nhà thờ đổ dồn, và dọc theo đại lộ, ngược lại trước mắt tôi là một cỗ xe với hai con ngựa lớn màu đen đều nhịp vó chạy nhanh, tương phản một cách xứng đáng với những hồi chuông rung. Trên xe là Đức giáo chủ luôn giơ tay chào ban phát vinh hạnh cho mọi hành khách hai bên đường.

Ở tòa soạn rất đông người, nhộn nhịp không khí làm việc; chị Avilôva nhỏ nhắn ngồi sau chiếc bàn to

tướng của mình đang say sưa đọc cái gì đó, chỉ khẽ mỉm cười dịu dàng với tôi rồi lại cúi xuống bàn.

Bữa ăn sáng kéo dài vui vẻ, sau đấy tôi ngồi nghe nàng Lika sôi nổi chơi bài dương cầm, rồi cùng nàng và chị Ôbôlenxkaia đánh đu trong vườn. Uống trà xong, chị Avilôva đưa tôi đi xem các phòng trong nhà.

Tại phòng ngủ, tôi nhìn thấy trên tường một tấm chân dung - từ trong khung nhìn ra là một người với gương mặt đầy râu ria, đeo kính, với đôi vai bè bè xương xẩu. "Ông chồng quá cố của tôi đấy" - Avilôva nói thoáng qua, - và tôi cảm thấy hơi sững sờ; tôi ngạc nhiên trước sự quái dị của mối quan hệ mật thiết giữa người đàn ông ốm o kia với người phụ nữ linh lợi, xinh đẹp vừa bất ngờ gọi ông ta là chồng mình. Tiếp đó Avilôva lại ngồi làm việc, Lika sang sửa lại trang phục rồi nói với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ có nét đặc biệt làm tôi phải ái ngại thay cho nàng: "Thôi nhé, các con ta ơi, ta biến đây!" - rồi nàng ra khỏi tòa soạn đi đâu đó, còn tôi thì đi cùng Ôbôlenxkaia về việc của chị. Chị ta tỏ ý muốn tôi cùng đi tới phố Kalatriốpxkaia, và nói rằng chị cần ghé chỗ bà thợ may đồ lót; tôi cảm thấy thích thú về sự gần gũi vừa bất chợt hình thành do đề nghị đầy tính chất riêng tư kín đáo của cô. Cũng với cảm giác như vậy tôi đi với cô ngoài phố, nghe giọng nói rành rẽ của cô, ở chỗ bà thợ may tôi đặc biệt khoan khoái

kiên nhẫn đứng chờ cô bàn bạc thương lượng xong mọi chuyện. Khi chúng tôi quay lại phố Kalatriópxkaia thì hoàng hôn đã xuống. "Anh có thích Turghenhép không?" - Cô hỏi. Tôi im lặng lúng túng, - biết tôi sinh ra và lớn lên ở làng quê, nên ở đâu người ta cũng hỏi tôi như vậy với hàm ý rằng thế nào tôi cũng yêu Turghênhép. - Thế nào thì thế, - cô nói, - điều này cũng sẽ làm anh thú vị đấy. Cách đây không xa có trang ấp của nhà văn ấy đấy, nghe đâu đã được mô tả lại trong cuốn "Tổ ấm quý tộc". Anh có muốn xem không?" - Và chúng tôi đi đâu đó ra phía ngoại ô, tới một con phố vắng vẻ lẫn giữa những khu vườn, nơi trên bờ đất cao ven sông Orolích, trong khu vườn ra ngôi nhà bỏ hoang từ lâu màu sẫm xám với những ống máng xiêu vẹo mà qua đã đến làm tổ. Chúng tôi đứng nhìn vào đấy qua hàng dâu thấp, qua cả một khu vườn lơ thơ cây cối, in trên bầu trời hoàng hôn trong sáng... Lida, Lavretski,

Lemmo⁽¹⁾... và tôi bỗng cảm thấy khao khát tình yêu.

Buổi tối tất cả chúng tôi đều tới công viên thành phố, nơi có sân khấu ngoài trời; tôi ngồi trong bóng tối mờ mờ bên cạnh Lika, thích thú cùng nàng

(1) Tên các nhân vật chính trong tiểu thuyết "Tổ ấm quý tộc" của nhà văn cổ điển Nga I. Turbênháp (1???? - N.D.).

thường thức tất cả cái ngu xuẩn ồn ào diễn ra vừa dưới dàn nhạc, vừa trên sân khấu, một khoảnh nhỏ được chiếu sáng từ phía dưới, nơi mà theo tiếng nhạc khiêu vũ âm ĩ các cô gái thành thị xinh xắn cùng đám lính hoàng gia đua nhau nện gót giày xuống sàn và lách cách chạm những chiếc cốc bằng thiếc. Xem kịch xong, chúng tôi ăn tối ngay ở trong công viên; tôi ngồi ngoài hiên rộng rãi, đông đúc người, bên cạnh mấy phụ nữ cùng đi và uống rượu lẫn với đá lạnh. Chốc chốc lại có những người quen đến chỗ mấy phụ nữ ngồi cạnh tôi; họ giới thiệu tôi làm quen, tất cả đều tỏ ra rất thân mật với tôi. - trừ một vị chỉ khẽ nghiêng mình quay về phía tôi chào rồi sau đó không hề để ý gì đến tôi nữa: đó là một người sau này - cũng với vẻ vô ý như thế - gây ra cho tôi nhiều nỗi đau tinh thần. Anh ta là một sĩ quan đáng người cao lênh khênh, gương mặt dài ngoẵng với nước da mai mai ngăm ngăm, đôi mắt đen bất động, bộ râu quai nón đen tía gọn, mặc chiếc áo đẹp xẻ tà dài quá gối, quần chặt bó sát chân, có đính nẹp bằng mầu. Nàng nói cười luôn miệng, để lộ hàm răng tuyệt đẹp; nàng biết mọi người đang nhìn ngấm mình, còn tôi thì đã không thể bình tâm mà nhìn bọn họ, tôi ớn lạnh sống lưng khi thấy viên sĩ quan trước lúc đi khỏi bàn chúng tôi đã giữ bàn tay nàng hơi lâu trong bàn tay to tướng của mình.

Vào ngày tôi ra đi, đã nghe thấy những tiếng

sấm đầu tiên. Tôi còn nhớ tiếng sấm ấy, nhớ cái xe ngựa nhẹ nhõm đơn sơ đưa tôi cùng Avilôva ra ga, nhớ cái cảm giác hân diện về chiếc xe và về sự gần gũi với Avilôva, cùng cảm giác lả lả về sự chia lìa với nàng. Lúc này tôi đã hoàn toàn tin vào mỗi tình tưởng tượng của mình đối với nàng, một cảm giác bao trùm lên tất cả là cảm giác dường như tôi đã tìm gặp được niềm hạnh phúc của mình ở xứ Ôrion ấy. Ngoài sân ga tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy những người quý phái, sang trọng trông thật cao to, họ đang đứng chờ tàu ở đấy; còn những vị chức sắc nhà thờ thì dù ăn vận cầu kỳ, trông nét mặt vẫn bình dị, họ cầm thánh giá và bình hương trong tay và đứng trước tất cả mọi người. Vào cái giây lát, khi đoàn tàu của Đại công tước nặng nề tiến vào ga và làm mọi người lóa mắt vì tám vãi đỏ vắt ngang chiếc đầu máy khổng lồ màu nâu bóng, thì mọi thứ dường như rồi ren, lẫn lộn, - tôi không còn nhớ thêm gì nữa, ngoài cái không khí chẳng lành, ảm đạm, trang nghiêm của một lễ tang. Tiếp đó chiếc đầu máy to lớn cầm những lá cờ đen lại thở phì phò, gầm gào, kéo giạt nhịp nhàng để lộ những thanh thép sáng loáng nơi ống đẩy, đưa cả đoàn tàu với những toa sơn xanh bóng loáng in hình chim đại bàng... Tôi nhìn theo những chiếc bánh xe đúc mỗi ngày một quay nhanh hơn dưới các toa tàu, nhìn lên những đệm díp và guốc hãm, - và chỉ còn thấy một điều rằng: tất cả đoàn tàu

này phủ đầy bụi trắng, thứ bụi kỳ lạ của con đường dài từ phương nam, từ Krım. Con tàu âm âm chuyển động, khuất dần sau tầm mắt, tiếp tục cuộc hành trình tang tóc trang nghiêm của mình qua suốt nước Nga, đi về nơi đầu não của nó, còn cả con người tôi thì đã đến với xứ Krım huyền ảo, trong những ngày đầy sức cuốn hút của nhà thơ thần thoại Puskin.

Con tàu đơn sơ khiêm nhường chạy trong huyện của tôi đang chờ tôi ở tuyến đường xa trên mép rìa sân ga, tôi đã cảm thấy vui thú sắp được hưởng cảnh nghỉ ngơi còn lại một mình trên con tàu đó. Avilova đứng bên tôi cho tới tận khi tàu chuyển bánh, nàng luôn miệng cười nói, hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa sẽ lại gặp tôi ở Ôrion. Nàng mỉm cười như thế cho tôi hiểu rằng nàng đã thấy rất rõ cái nỗi khổ ngộ nghĩnh vừa xảy ra với tôi. Khi hồi chuông thứ ba rung lên thì nàng khẽ thơm vào má tôi. Tôi nhảy vội lên toa tàu vừa giật mạnh rồi chuyển bánh. Tôi ló đầu ra ngoài cửa sổ nhìn theo bóng nàng đang đứng trên sân ga khẽ vẫy vẫy tay chào tôi, dần dần lùi lại phía sau...

Sau đấy, trên đường đi, tất cả đều gây cho tôi niềm xúc động: cả con tàu ngắn ngủn này, con tàu khi thì ì ạch chạy, khi thì bỗng lao vun vút lắc mạnh và kêu lên âm âm, cả quang cảnh những nhà ga vắng tanh, những ga xếp nơi con tàu chẳng biết vì sao dừng lại rất lâu, và cả những gì thân quen hiện ra

ngay quanh tôi: những cánh đồng với gò đất thoải thoải lùi lại ngoài cửa sổ, những cánh đồng còn trơ trọi và vì thế mà trông mờ mờ không rõ, những mảnh rừng bạch dương trơ cành trụi lá đang lặng lẽ chờ mùa xuân, và chân trời tẻ ngắt... Buổi chiều tà cũng nhuộm màu vắng vẻ, lạnh lạnh tiết xuân, với bầu trời thâm thấp nhàn nhạt.

II

Từ Ôrion ra đi, tôi ấp ủ một ước mơ: làm sao có thể tiếp tục, càng sớm càng tốt, những gì đã bắt đầu ở Ôrion, tôi càng ít nhớ về thành phố đó hơn, khi nhìn qua cửa sổ, nhìn ánh chiều tháng tư mãi không tắt hẳn. Thế rồi bóng tối đã buông xuống, trong toa, ngoài cửa sổ, trên cánh rừng sồi phía bên trái con tàu, - cánh rừng trụi lá, cành khẳng khiu, phía dưới gốc ngập đầy những lá mẫu sấm từ năm trước vừa lộ ra khỏi lớp tuyết mùa đông. Tôi đã đứng dậy, tay cầm chiếc túi, lòng mỗi lúc một thêm hồi hộp, đây đã là rừng Xúp-bô-chin, qua đó là tới ngay ga Pixarevô. Con tàu tung vào khoảng không trống rỗng một hồi còi dài buồn bã như cảnh tỉnh cho ai đó; tôi vội bước ra đầu toa: mưa bay lất phất như từ buổi nguyên khai ẩm ướt, trước ga là một toa hàng đơn độc. Con tàu chạy vòng tránh nó; tôi nhảy xuống đất ngay khi tàu còn chưa dừng bánh. Sau đó tôi chạy dọc theo

sân ga, đi qua nhà ga tiêu điều, ánh đèn chớp choạng, đẩy những người dân quê, rồi bước ra một cái cổng tối tối. Trong khoảng sân tròn tròn trước đó là một mảnh vườn nhỏ bản thủ sau mùa đông, thấp thoáng hiện ra giữa bóng tối mờ mờ là một con ngựa của người xà ích thôn quê. Ông này có khi cả tuần không kiếm ra khách đi, ba chân bốn cẳng chạy về phía tôi, trầm trồ tán thưởng từng câu nói của tôi, sẵn sàng đưa tôi đi đến cùng trời cuối đất và với giá cả thế nào cũng được. - "Chắc ông không làm tôi phật ý đâu!" - một phút sau tôi đã ngồi trên chiếc xe nhỏ của ông ta: mới đầu đi dọc qua một làng tối tăm, hoang sơ, tiếp đó xe mỗi lúc một đi chậm hơn qua những cánh đồng tối sẫm, lặng im, xa lạ với cả thế giới, giữa một biển đất đen; phía chân trời xa tít tắp cuối biển đất ấy có cái gì đó thấp thoáng màu xanh lục dưới những đám mây nhỏ mạn tây bắc. Con gió đồng ban đêm thổi tới, ẩm ướt mùi mưa tháng tư, đâu đó xa xa có con chim cun cút nào vỗ cánh bay như lượn theo chiều gió. Dưới bầu trời thâm thấp đầy vẻ nước Nga, ẩn h.ện sau màn mây lác đác mấy vì sao. Rồi lại có tiếng chim cun cút bay, mùa xuân, mặt đất - Vẫn là tuổi trẻ trước đây của tôi, âm thầm, xơ xác! Con đường dài khổ ải: mười dặm đi qua đồng với một người dân quê Nga đâu có ngăn ngại gì. Người xà ích im lặng, đầy bí ẩn, tỏa ra mùi áo da cừu sồn cũ; ông ta chẳng trả lời gì khi tôi yêu cầu đi cho

nhanh, gặp chỗ đường dốc lên là ông ta nhảy từ chỗ ngồi phía trước xuống rồi thông thả đi bên cạnh con ngựa chậm chạp bước một của mình, tay cầm dây cương, mắt ngoảnh sang bên... Khi xe vào tới làng Vaxilépxkôlê, có cảm tưởng rằng đêm đã về khuya lắm: chẳng thấy một ánh đèn nào, chung quanh yên lặng như tờ. Mắt đã quen với bóng đêm, có thể nhìn rõ từng căn nhà, từng bóng cây thùy liễu trụi mọc trước nhà trên con đường rộng đi sâu vào làng, tiếp đó tôi nhìn thấy và có cảm giác đang dần dần đi xuống vùng đất bằng thâm thấp đầy mùi vị ẩm ướt của tháng tư; bên trái là cây cầu bắc ngang sông, còn bên phải là con đường dẫn lên một trang ấp mầu tối sẫm chẳng có vẻ gì rộn rã chào đón. Lòng tôi lại bỗng rộn lên niềm xúc động: quang cảnh chung quanh vừa thật là thân quen, vừa có gì mới mẻ bởi cái đêm mùa xuân giữa làng quê xơ xác, đứng dừng này! Người đánh xe đã hầu như kiệt sức, uể oải bước lên đồi. Bỗng từ phía sau hàng thông trong khu vườn nhỏ thấy loé sáng ánh đèn. Nhờ ơn trời, thế là còn người thức! Lòng cảm thấy nôn nao, mừng rỡ, và cả cái cảm giác ngưỡng ngừng của đứa con trai mới lớn chợt ập đến, khi cuối cùng chiếc xe ngựa dừng lại bên thềm và đã đến lúc phải bước xuống mở cửa phòng ngoài, vào trong nhà rồi nhìn thấy cảnh mọi người mỉm cười ngấm nghĩa mình ra sao...

Hôm sau tôi lên ngựa rời làng Vaxilépxkôlê

trong một buổi sáng yên lành, trời mưa lất phất, đôi lúc tạnh rồi lại mưa, qua những cánh đồng mới cày vỡ, sương mù còn bao phủ. Dân quê đang cày và gieo hạt. Bác thợ cày đi chân đất, bước theo sau chiếc cày, mình nghiêng ngả, bàn chân giẫm lên đường đất mịn mới vỡ, chú ngựa đi đằng trước gò lưng ra kéo. Một con quạ lông đen mượt đang nhảy nhót trên đường cày, chốc chốc lạ vớ được một chú giun đất màu mận đỏ; phía sau con quạ là một ông lão đầu để trần, đều đều bước từng bước dài, vai đeo bình hạt giống, tay phải nhịp nhàng vung vãi hạt giống xuống luống đất.

Ở Baturinô tôi bàng hoàng xúc động cảm nhận tình yêu, niềm vui của người thân gặp gỡ đón tôi. Điều tôi sung sướng nhất thậm chí không phải là niềm vui của mẹ, mà là sự mừng rỡ của em gái, - tôi lặng người sung sướng đến tình thương, niềm vui trên nét mặt cô em gái vừa thoáng nhìn thấy tôi qua cửa sổ, đã chạy bỏ ra thêm đón. Cả con người cô thật là đáng yêu - toàn thân toát ra sự trinh trắng, trẻ thơ, tươi mát kể từ bộ váy áo mới lần đầu tiên cô mặc vào hôm ấy để đón tôi. Cả ngôi nhà cũng làm tôi cảm mến bởi vẻ đẹp thô sơ cổ kính của nó. Trong buồng tôi mọi thứ đều vẫn nguyên như cũ, chẳng khác nào tôi chỉ vừa mới ra khỏi đó; đồ đạc vốn ở đâu vẫn ở đấy, thậm chí trên chiếc đèn bằng sắt vẫn còn nửa cây nến cháy dở trên bàn viết của tôi từ ngày tôi rời

nhà mùa đông năm ngoái. Tôi bước vào đưa mắt nhìn quanh; những tấm ảnh thánh khung đen đặt ở góc tường, ngoài khung cửa sổ cổ xưa (kính phía trên màu tím và màu đen), có thể nhìn thấy cây cối và bầu trời xanh nhàn nhạt, mưa bụi đang rơi trên những cành lá xanh mới nhú, - trong phòng thì hơi tối, rộng rãi, thâm nghiêm... Trần nhà màu sẫm làm bằng gỗ phẳng phiu, tường nhà cũng ghép bằng những súc gỗ sẫm màu, nhẵn nhụi như thế... Chiếc giường bằng gỗ sồi với những chân tròn tròn nặng nề bóng nhẵn.

III

Để có một chuyến đi mới tới Ôrion, bỗng xuất hiện một lý do công việc: cần phải chuyển lợi tức lên nhà băng. Và tôi đã chuyển, nhưng chỉ trả cho ngân hàng một phần, còn lại thì tiêu mất. Đây không phải là việc có thể đùa bỡn, nhưng không biết có điều gì đã xảy ra với tôi mà tôi chẳng coi trọng chuyện này. Tôi luôn luôn hành động với thái độ cả quyết đầy vô tâm, nhẹ nhõm. Trên đường đi Ôrion, tôi bị nhỡ tàu khách tôi bèn nhảy ngay lên tàu hàng. Tôi còn nhớ mình trèo lên cái bậc sắt cao chui vào một chỗ bẩn thỉu, thô ráp rồi đứng nhìn. Mấy người thợ máy quần áo dính đầy dầu mỡ, đen bóng; mặt họ cũng lấm lem bóng láng như vậy, cặp mắt trắng dã lạ lùng

như của người da đen, lông mi đều bị tô đen như các diễn viên cố ý trang điểm. Anh thợ trẻ xúc mạnh xẻng vào đồng than đá nằm trên sàn tàu, gạt tấm che cửa lò xuống nơi ngọn lửa hồng rực rực lộ cả ra ngoài, anh hất mạnh than vào cái địa ngục lửa ấy; còn bác thợ cả thì lau lau tay bằng một cái giẻ gồm ghiếc đầy dầu mỡ, quẳng khăn đi rồi giật giật, xoay xoay cái gì đó... Một tiếng còi xé tai vang lên, hơi nước trắng xóa nóng hổi từ đâu đó tỏa ra, tiếng máy bơm gầm gào át hết mọi âm thanh - đầu tàu chậm chậm kéo đoàn toa đi... Sau này âm thanh chát chúa đó còn dữ dội vang lên mãi, sức mạnh và tốc độ của chúng cứ mỗi ngày một tăng lên thêm, mọi thứ chung quanh đều như rung lên, quay tít, nhảy chồm! Thời gian như ngưng đọng lại, hóa đá, như có con rồng lửa đang chạy làm rung con đường sắt được tôn cao, từng khoảng cách giữa hai ga tàu vượt qua thật mau! Mỗi lần tàu dừng lại, giữa ga đêm yên bình tĩnh mịch, có thể cảm thấy rõ hương rừng ban đêm, và từ khắp các bụi cây tiếng họa mi bay đi dónг dả, thanh bình...

Ở Ôrion tôi ăn vận không được nghiêm trang cho lắm, - đôi ủng sang trọng bằng da mỏng, áo khoác ngoài mỏng màu đen, áo sơ mi lụa đỏ, chiếc mũ lưỡi trai đen quý phái viền đỏ, - tôi mua bộ yên hiệp sĩ tuyệt hảo còn thơm mùi da đến nỗi, đi đêm về, mãi tôi không ngủ được vì niềm vui có cái yên

đặt bên cạnh. Tôi lại đến Pixarêvô - với dụng ý mua thêm một con ngựa - vào dịp đó ở đây đang có hội chợ bán ngựa trong làng. Tại hội chợ, tôi đánh bạn với mấy chàng trai trẻ tuổi tôi, họ cũng mặc áo khoác, đội mũ lưỡi trai viền đỏ, là những khách thăm thường xuyên từ lâu của các hội chợ; được sự mách bảo của họ, tôi mua được một con ngựa nòi cái còn ít tuổi (mặc dù một tay digan đã ra sức thuyết phục tôi mua con ngựa thiến già nua - "ông chủ ơi, mua chú ngựa Misa này đi, suốt đời ông sẽ yêu quý tôi vì có con ngựa này!").

Mùa hè tiếp đó là cả một chuỗi ngày vui liên tục của tôi - suốt ba ngày liền tôi không về Baturinô mà làm khách ở nhà những người bạn mới quen, và khi nàng từ Ôriôn trở về, tôi lại mất tâm trong thành phố. Liên sau khi nhận được mảnh giấy của nàng ghi hàng chữ ngắn ngủi: "Em đã về, khao khát gặp anh", tôi vội phi ngựa ra ga, mặc dù cảm thấy hơi khó xử trước vẻ khôn ngoan ngổ ngỗ của hàng chữ đó, mặc dù trời đã tối, mây đang ùn ùn kéo tới; và khi đã vào trong toa rồi, tôi cảm thấy mình như say say thích thú với nhịp tàu lao đi vun vút, con tàu như lao nhanh hơn trong cơn giông đang nổi lên, trong tiếng bánh xe rầm rập chan hòa lẫn với tiếng sấm, tiếng mưa ào ào đổ trên nóc toa, ánh chớp xanh lè chốc chốc lại hắt lên kính cửa tôi đen soi rõ những dòng nước mưa sủi bọt chảy ròng ròng.

Dường như chẳng còn gì khác ngoài cảm giác thỏa thuê về những lần gặp gỡ đầy vui thú. Thế rồi, - chuyện này xảy ra đã vào cuối hạ, - một trong số những người bạn ấy sống cùng với em gái và ông bố già ở một trang ấp cách thành phố không xa trên bờ cao dòng sông Ixta, anh này cũng đã từng đến nhà nàng, anh đã mời khá đông bạn bè đến dự tiệc nhân ngày thánh lễ của mình. Anh ta đích thân đi đón nàng, cùng nàng đi trên chiếc xe nhỏ một ngựa kéo, còn tôi thì cưỡi ngựa phía sau. Tôi cảm thấy lòng mình khoan khoái giữa một ngày đầy ánh mặt trời, cánh đồng khô ráo mênh mông, những cánh đồng khoáng dãng dường như toàn đất cát lơ lửng vô số những đống rạ hình chóp nón. Tự nhiên tôi thêm được làm một điều gì đó khác lạ, phi thường. Tôi thúc ngựa phi như điên, rồi kìm nó lại, sau đó lại lao như bay qua những đống rạ, móng sắc cứa vào cổ chân ngựa đến toé máu.

Bữa tiệc ngoài ban công cũ kỹ kéo dài đến tối, đêm tới lúc nào không biết, cảnh tượng thật vui - với ánh đèn sáng, rượu mùi, những bài hát hòa lẫn tiếng đàn ghita. Tôi ngồi bên nàng, và chẳng còn chút e dè gì, tôi đã cầm lấy tay nàng, nàng để yên không rút ra. Khi đêm đã khuya, hết như thỏa thuận ngầm với nhau, chúng tôi đứng dậy, rồi ban công xuống vườn tối sẫm. Nàng dừng lại giữa khu vườn đêm ẩm áp, lưng tựa vào thân cây, hai tay đưa về phía tôi, - tôi

không thể nào trông thấy nhưng ngay lập tức tôi cảm nhận được cử chỉ đó của nàng... Đêm trôi qua nhanh, vườn cây dần ngả màu xanh xám, khắp trang ấp vang lên tiếng gà gáy khàn khàn, nghe xa vắng êm đềm; và chỉ ít lúc sau cả khu vườn đã hừng sáng trong vùng đông đỏ rực hiện lên từ mái cuối cánh đồng vàng thoai thoải trải rộng bên kia sông... Chúng tôi đi ra phía bờ cao trên sông và đứng lại, nàng nhìn chân trời như đang bốc cháy; không còn để ý đến tôi, nàng khe khẽ hát bài "Bình minh" của Traicóp-xki. Đến một nốt cao, giọng nàng không lên được, bài hát bị đứt ở đây; nàng nâng gấu váy bằng vải mỏng màu xanh sẫm rồi chạy về nhà. Tôi đứng lại sững sờ, chân không còn đứng vững, chưa nói tới chuyện nghĩ ra được điều gì. Tôi đi đến gốc bạch dương già mọc giữa đám cỏ khô ráo trên sườn dốc thoai thoải bên bờ sông, rồi nằm xuống đấy. Một ngày mới đã đến, mặt trời đã lên; vào cuối mùa hè bao giờ cũng thế, hễ thời tiết đẹp là nắng chói chang ngay từ buổi sáng. Tôi gối đầu lên rễ bạch dương và thiếp đi ngay. Nhưng mặt trời mỗi lúc một gay gắt hơn, - ít lâu sau thì tôi tỉnh dậy giữa bầu không khí oi nồng, nắng tràn lúa mấp, tôi đứng dậy ngật ngưỡng đi tìm bóng râm. Ngôi nhà hiện ra giữa nắng chói loà, mọi người trong nhà vẫn còn đang ngủ. Chỉ một mình ông già chủ trang trại là còn thức. Từ phía cửa sổ phòng ông mở toang, nơi cạnh đó có cây xi-ren

đơn độc cảnh lá sum sê, vọng ra tiếng ho khan của ông, tiếng ho dường như toát ra cái thú được hút tẩu thuốc đầu tiên buổi sáng, được uống cốc trà đặc buổi sáng trộn với mứt quả. Nghe tiếng chân tôi và tiếng đàn chim sẻ bay rào rào lên từ bụi cây xi-ren lóa nắng, ông già nhìn qua cửa sổ, khép lại trên ngực tà áo dài cũ kỹ bằng lụa hoa Thổ Nhĩ Kỳ, có thể trông rõ gương mặt già nua nhăn nhúm của ông với đôi mắt sưng húp và bộ râu xồm xoàm bạc trắng. Ông già nở một nụ cười thật hiền hậu. Tôi nghiêng mình chào như có lỗi, đi qua lối hiên vào phòng khách cửa rộng mở; căn phòng này trông thật hấp dẫn đáng yêu với cảnh vắng vẻ, tĩnh mịch buổi sáng, với mấy chú bướm đang bay lượn; tường trong phòng dán giấy trang trí màu xanh đã cũ, ghế bành, đi-văng kê ngay ngắn. Tôi nằm xuống một chiếc đi-văng rất không thuận tiện vì quá trũng, rồi lại ngủ thiếp đi rất say. Nhưng dường như liền sau đó, - đấy chỉ là cảm giác, thực ra giấc ngủ của tôi khá lâu, - có ai bước lại gần, khẽ cười, miệng nói nói điều gì đó, lấy tay xoa xoa vào mái tóc tôi. Tôi choàng tỉnh - trước mắt tôi là hai người trẻ tuổi trong gia chủ, anh trai và em gái, cả hai nước da đều ngăm ngăm, mắt sáng, đẹp theo kiểu Tácta; người anh mặc áo lụa vàng, người em cũng mặc áo lụa vàng như vậy. Tôi chồm lên và ngồi dậy: hai người cùng nói với giọng thật hiền hòa rằng đã đến lúc phải dậy và ăn sáng, rằng nàng đã rời

trang trại, không phải một mình mà với Kuzmin. Họ chuyển lại cho tôi mảnh giấy của nàng. Tôi liền nhớ ngay tới đôi mắt của Kuzmin, - đôi mắt sôi nổi dữ dội, màu ong. Tôi cầm lấy mảnh giấy, đi sang phòng cổ kính dành riêng cho các cô, - ở đây một bà già vận toàn đồ đen đang thong thả ngồi chờ tôi trên chiếc ghế đầu đặt cạnh một cái chậu, bàn tay gầy guộc lấm tấm hạt kê đang cầm chiếc bình đựng nước. Vừa đi tôi vừa đọc lời nàng ghi: "Đừng cố tìm gặp em nữa". Tôi tới chỗ rửa mặt. Nước lạnh như băng, giá buốt - "nước ở đây từ mạch nguồn, từ giếng lấy lên mà", - bà già nói và đưa cho tôi một chiếc khăn rất dài bằng vải lanh. Tôi đi vội ra phòng ngoài, cầm lấy mũ và chiếc dây da, chạy qua sân nắng chang chang vào chuồng ngựa... Con ngựa khê cất tiếng hí rầu rĩ đón tôi từ trong bóng tối, - nó vẫn mang bộ yên trên lưng, đứng bên cạnh máng ăn rỗng không, bụng hóp lại, - tôi nắm lấy dây cương, nhảy lên yên, trong lòng vẫn còn tự kìm giữ mình một cách đầy hoang dại say sưa, rồi quất ngựa lao vút qua sân.

Ra ngoài trại, tôi rẽ quặt sang cánh đồng, để ngựa muốn đi đâu thì đi giữa ruộng chỉ còn tro gốc rạ; gặp đồng rơm đầu tiên, tôi cho ngựa đứng lại, tôi rút khỏi yên rồi ngồi xuống bên cạnh. Con ngựa nhe răng kéo từ đồng rơm những sợi vàng óng, châu châu nhảy lách tách trên những gốc rạ, trong rơm; cánh đồng sáng lóa chung quanh trải dài như một

biển cát - còn tôi thì chẳng nghe thấy gì, nhìn thấy gì, trong đầu chỉ ám ảnh một ý nghĩ rành rẽ: hoặc là nàng sẽ trả lại cho tôi con người của mình, trả lại cho tôi cái đêm này, buổi sáng này, màu xanh sẫm của làn vải mỏng khế xao xác, thấp thoáng trên đôi chân nàng bước trên bãi cỏ, hoặc là cả hai đều không sống nữa!

Với cảm giác điên loạn ấy, với niềm tin rõ rệt vào những điều ấy, tôi lao nhanh vào thành phố.

IV

Sau lần ấy tôi ở lại thành phố rất lâu, suốt bao ngày ngồi cạnh nàng trong khu vườn nhỏ đầy bụi nằm sâu trong sân nhà của người bố góa vợ - bố nàng (là một bác sĩ sống vô lo, có đầu óc tự do) chẳng hề gò ép nàng điều gì. Kể từ cái phút khi tôi phi ngựa từ sông Ixta đến với nàng, và nhìn thấy mặt tôi, nàng áp hai tay lên ngực, từ phút ấy đã không thể nào biết được rằng tình yêu của ai mãnh liệt hơn, hạnh phúc hơn, mất trí hơn, - tình yêu ở tôi hay ở nàng (không biết bất ngờ từ đâu xuất hiện). Cuối cùng, để cho cả hai cùng được sống bình thường dù chỉ một chút thôi, chúng tôi quyết định xa nhau một thời gian. Điều này là cần thiết còn vì lý do rằng thuê chỗ ở trong khách sạn "Quý tộc", tôi bị rơi vào cảnh nợ nần không trả được. Thêm nữa trời mưa

dầm dề. Tôi cứ trì hoãn mãi bằng mọi cách cuộc chia tay - cuối cùng thì tôi đã thu hết nghị lực, đợi trời mưa tầm tã mà lên đường về nhà. Đạo đầu ở nhà tôi chỉ ngủ, lặng lẽ đi từ phòng này sang phòng khác, không làm gì, không nghĩ ngợi gì. Dần dần một câu hỏi cứ xoáy vào óc tôi: điều gì vậy đã xảy ra với tôi và rồi nó sẽ kết thúc ra sao? Có lần anh trai tôi là Nhicôlai đến, vào phòng tôi, ngồi xuống, không bỏ mũ ra và nói:

- Thế này, chú em ạ, cảnh sống thơ mộng của chú vẫn đang tiếp tục đấy. Mọi chuyện vẫn như xưa: "Cáo đưa tôi vào chốn rừng sâu, qua bao núi cao", điều gì sẽ đến sau khu rừng, dãy núi ấy - chẳng ai biết được đâu. Anh biết cả rồi, nghe nhiều rồi, phần còn lại thì tự đoán ra - những chuyện này nói chung đều na ná như nhau cả mà. Anh cũng chẳng biết bây giờ thì chú chẳng thể suy nghĩ tỉnh táo được đâu. Tuy nhiên, anh vẫn muốn hỏi: vậy thì những dự định sắp tới của chú là thế nào?

Tôi đáp lại đùa đùa:

- Ai cũng bị một chú cáo nào đó dẫn đi. Còn đi đâu, để nhằm mục đích gì thì tất nhiên không ai biết. Điều này trong sách "Pixanhi" đã nói: "Hỡi chàng trai, chàng hãy đi đi trong tuổi trẻ của chàng, đi đâu trái tim chàng mách bảo và đôi mắt chàng nhìn tới!".

Người anh tôi im lặng nhìn xuống sàn nhà như đang lắng nghe tiếng mưa rơi lao xao trên mảnh

vườn thu xơ xác; một lát sau, anh buồn bã nói:

- Nào thì đi đi, đi đi...

Tôi cứ tự hỏi mình mãi một câu: biết làm gì bây giờ? Có thể biết rõ ràng phải làm gì. Nhưng tôi càng cố tự thuyết phục mình rằng ngay ngày mai phải viết ngay một bức thư dứt khoát vĩnh biệt - khả năng này vẫn còn vì chúng tôi vẫn chưa bước qua ranh giới của sự gần gũi cuối cùng, - thì lòng tôi tràn ngập tình cảm dịu dàng tới nàng, niềm thán phục nàng, cảm giác hàm ơn sâu nặng trước tình yêu của nàng đối với tôi, trước vẻ đẹp tuyệt vời của đôi mắt nàng, của gương mặt, tiếng cười, giọng nói... Và hôm sau, vào buổi chiều tối, trước sân trang ấp, bỗng xuất hiện một người cưỡi ngựa ướt sũng từ đầu đến chân, đưa cho tôi một bức thư hỏa tốc ướt nhem: "Em không thể chịu được nữa, chờ anh". Suốt đêm cho tới sáng, tôi không thể nào ngủ được, bàng hoàng với ý nghĩ chỉ vài giờ nữa thôi là tôi lại được nhìn thấy nàng, nghe được nàng...

Cả mùa thu của tôi đã trôi qua như thế, lúc ở nhà, khi lên thành phố. Tôi đã bán yên, bán ngựa; đến thành phố, tôi không ngủ lại ở khách sạn "Quý tộc" nữa, mà ở nhà trọ của bà Nhiculina tại quảng trường Sépnaia. Thành phố bây giờ đã khác xa cái thời tôi sống ở đó khi còn thơ ấu. Cảnh sắc chung quanh vẫn bình thường, dung dị, - chỉ có đôi lúc, khi đi trên phố Uxpenxkaia qua chỗ khu vườn và nhà

trường, tôi cảm nhận được một điều gì gần gũi thân thiết mà tôi đã từng nếm trải. Từ lâu tôi đã quen hút thuốc, quen cạo râu trong hiệu, nơi ngày xưa tôi đã từng là đứa bé ngoan ngoan ngồi yên, mắt liếc nhìn những món tóc vàng tơ của mình lá tả rơi xuống sàn dưới tiếng lách cách của kéo.

Nàng và tôi suốt ngày ngồi trên chiếc đi văng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ trong phòng ăn, chung quanh không có một ai: ông bác sĩ thì vắng nhà từ sáng sớm, cậu em trai nàng là học sinh thì đến trường. Sau bữa ăn sáng bác sĩ ngủ một lúc rồi lại lên xe đi đâu đó, còn cậu em trai thì đùa nghịch đuổi nhau với chú chó Vôntrơi màu hung vừa sủa, vừa giả vờ cắn xé, hết chạy xuống rồi lại chạy lên gác hai theo cầu thang gỗ. Một thời gian, cái cảnh ngồi đơn điệu trên đi-văng và có thể là cả sự âu yếm cuồng nhiệt thái quá đã làm nàng chán ngấy - nàng bắt đầu kiếm có đi ra khỏi nhà, thăm các cô bạn gái, thăm người quen; còn tôi thì ngồi một mình trên đi-văng, nghe tiếng hát, tiếng cười hô hố của cậu học sinh và tiếng sủa giả vờ của con Vôntrơi đang lăn lộn trên cầu thang. Mắt nhòa lệ, tôi nhìn qua cửa sổ rèm che một nửa ra ngoài bầu trời trong xám xám, hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác... Ít lâu sau có điều gì đó lại xảy ra với nàng: nàng lại bắt đầu ngồi lì ở nhà, lại dịu dàng nường nhẹ vớ tôi như trước, khiến tôi không thể nào hiểu được nàng là người thế nào.

"Anh thân yêu - có lần nàng nói với tôi, - biết thế nào được, chắc là phải thế thôi!" - nàng mếu máo cười rồi khóc thút thít. Lần đó là sau bữa ăn sáng, khi mọi người trong nhà đều rón rén đi lại cốt giữ yên lặng cho ông bác sĩ nghỉ ngơi. "Em chỉ thấy rất thương ba thôi, với em trên đời này chẳng còn ai thân quý hơn!" - nàng nói, và lại một lần nữa tôi ngạc nhiên trước tình yêu thái quá của nàng với bố. Và liền sau đó, hết như là sắp đặt trước, cậu em trai chạy tới, lơ đãng lâu bầu rằng bác sĩ cho gọi tôi lên gặp ông. Mặt nàng bỗng tái nhợt. Tôi hôn tay nàng và định đặc bước ra.

Bác sĩ đón tôi bằng vẻ mặt dịu dàng vui vẻ của người vừa ngủ dậy giấc và mới rửa mặt xong; ông vừa hút thuốc, vừa khe khẽ hát.

- Anh bạn trẻ thân mến, - ông vừa nói, vừa đưa thuốc mời tôi, - từ lâu tôi đã muốn nói chuyện với anh, - chắc anh hiểu là về điều gì. Anh biết quá rõ tôi là người không có đầu óc cổ hủ gì. Nhưng tôi rất quý hạnh phúc của con gái tôi, nên cũng rất thương anh. Vì vậy tôi muốn nói thẳng với anh như giữa hai người đàn ông. Dù điều này có lạ lùng chẳng nữa thì tôi vẫn phải nói rằng quả là tôi không biết gì về anh cả. Anh hãy nói cho tôi biết: anh là ai? - Ông nói, miệng nở nụ cười.

Mặt tôi đỏ bừng nóng ran rồi lại tái nhợt đi, tôi cố kéo dài thời gian. Tôi là ai vậy? Tôi muốn trả lời một cách kiêu hãnh như Gótv (dạo đó tôi vừa đọc

xong cuốn sách của Échkécman). "Tự tôi không biết mình là ai, ôi, lạy Chúa, xin đừng để tôi tự biết mình!". Tuy nhiên tôi lại đáp một cách khiêm nhường:

- Thưa bác, cháu viết văn ạ... cháu sẽ còn viết nữa, sẽ trau dồi thêm trong công việc này...

Và bất ngờ nói thêm:

- Có thể là cháu sẽ chuẩn bị thi vào trường đại học tổng hợp...

- Trường tổng hợp à, điều này tất nhiên là tuyệt quá rồi, - bác sĩ trả lời. - Nhưng chuẩn bị thi vào đấy đâu phải là chuyện đùa. mà anh dự định tương lai sẽ hoạt động trong lĩnh vực nào mới được? Anh sẽ chỉ hoạt động văn học hay là tham gia cả vào lĩnh vực hoạt động xã hội, phụng sự nhà nước?

Một ý nghĩ lẩn thẩn lại len vào đầu tôi - tôi lại muốn nhắc lại lời Gớtơ: "Tôi sống giữa thời đại với cảm giác về sự hữu hạn đầy ghê sợ của mọi thứ trên đời... Chính tôi không bao giờ lại có thể là việc của thi ca...".

- Hoạt động xã hội không phải là việc của nhà thơ, - tôi trả lời.

Bác sĩ nhìn tôi với vẻ hơi ngạc nhiên:

- Thế như Nhêkraxốp chẳng hạn theo anh không phải là nhà thơ sao? Mặc dù vậy chắc anh vẫn có theo dõi ít nhiều đời sống xã hội đương diễn ra, anh có biết vào thời điểm này mọi người Nga trung thực, có văn hóa quan tâm tới điều gì chứ?

Tôi ngẫm nghĩ và hình dung ra những gì tôi đã biết: Tất cả đều nói đến sự hà khắc, đến thủ lĩnh các hội đồng tự quản, nói đến "sự suy sụp hoàn toàn từ những ý định tốt đẹp ban đầu của thời kỳ cải cách vĩ đại"... nói rằng Tônxtôi đang kêu gọi mọi người ẩn mình vào "biệt phòng dưới bóng cây vân sam"... rằng quả là chúng ta đang sống trong "Hoàng hôn" của Sêkhốp... Tôi chợt nhớ tới cuốn sách mỏng gồm những câu châm ngôn của Mắc Avrêli do những người theo thuyết "tự hoàn thiện" của Tônxtôi truyền bá: "Tôi được dạy rằng tâm hồn của những người quý phái thật là cạn hẹp..." - Tôi nhớ đến ông già buồn bã người Ucraina, người đã cùng tôi mùa xuân vừa qua đi tàu dọc sông Dnêp. Ông già này là một người theo đạo, thường hay đọc lại cho tôi theo cách riêng của mình lời nói của thánh Paolô: "Nếu tạo hóa đã tôn Đức Chúa Krixtô lên thiên đàng, lên cao hơn hết thảy mọi chức vị, quyền lực, mọi tên tuổi không chỉ trong quá khứ mà còn cả trong tương lai, thì chúng ta không giao chiến chống lại con người mà chống lại các nhà cai trị vốn là thế lực hắc ám của mọi thời đại..." - Từ lâu tôi đã tự thấy mình là môn đệ của học thuyết Tônxtôi, vừa giải thoát khỏi mọi ràng buộc xã hội, vừa tuyên chiến với các "thế lực hắc ám" mà tôi căm ghét, - và lúc này tôi bèn đứng ra truyền bá học thuyết của Tônxtôi.

- Vậy là theo anh, con đường duy nhất cứu thoát

khỏi mọi điều ác và bất hạnh là nằm trong cái gọi là "bất hành động", "bất bạo loạn" chẳng? - bác sĩ hỏi lại bằng giọng thờ ơ một cách cố ý.

Tôi vội trả lời rằng tôi ủng hộ việc hành động và cả việc chống đối, chỉ có điều, đó là sự chống đối "rất đặc biệt". Thiện cảm của tôi với học thuyết Tônxtôi được hình thành từ nhiều cảm xúc trái ngược gợi ra từ các nhân vật Pie Bêdukhốp và Anatôli Kurakin, công tước Xécphukhốpxkôi trong truyện "Người đo vãi" và Ivan Ilích, từ những lời đại loại như "Vậy thì chúng ta phải làm gì đây" và "Con người có cần nhiều đất không?", từ những cảnh tượng bán thủ nghèo nàn của cuộc sống thành phố được mô tả lại trong bài báo về cuộc thống kê dân số ở Mátxcova, từ ước mơ đầy thi vị về cuộc sống giữa thiên nhiên, giữa dân chúng mà truyện "Những người Kadắc" và ấn tượng của riêng tôi về vùng Tiểu Nga đã đem đến cho tôi.

Thật là hạnh phúc biết bao khi có thể đoạn tuyệt hoàn toàn với cuộc đời vô nghĩa lý và thay bằng một cuộc sống lao động trong sạch tại một làng nào đó giữa thảo nguyên, trong một ngôi nhà tường trát bằng đất sét quét vôi trắng bên bờ sông Đơnhép! Tôi đã nói lại với bác sĩ ít nhiều từ những cảm nghĩ trên, tránh nhắc đến cái "ngôi nhà đất sét". Có cảm giác rằng ông chăm chú nghe, nhưng với thái độ kẻ cả lộ quá rõ. Có lúc tôi thấy đôi mắt sùm sục của ông hơi

lờ đờ ngái ngủ, cảm ông run run vì cố kìm giữ cho khỏi ngáp, ông đã tránh được cử chỉ đó, cho hơi thoát ra ngoài qua đường mũi. Ông nói:

- Vâng, vâng, tôi nghe anh đây... Có nghĩa rằng anh không tìm kiếm cho mình những tiện nghi bình thường của cuộc sống trần tục ư? Nhưng mà ngay cả chuyện ăn dẫu có phải chỉ là việc riêng. Như tôi đây chẳng hạn, tôi không lấy gì làm ngưỡng mộ dân chúng cho lắm, rất tiếc là tôi hiểu biết dân chúng cho lắm, rất tiếc là tôi hiểu biết dân chúng quá kỹ, và tôi rất ít tin rằng dân chúng là ngọn nguồn của mọi điều thông thái, rằng tôi có nghĩa vụ phải cùng với họ dựng xây trái đất này, nhưng chẳng lẽ thế là tôi không cần mang ơn, không mắc nợ họ điều gì cả sao? Tuy nhiên, tôi không dám bảo ban anh về phương diện này. Bây giờ tôi muốn trở lại điều tôi đã nói tới lúc đầu. Tôi sẽ nói ngắn, và xin lỗi anh, sẽ nói hoàn toàn dứt khoát. Vô luận tình cảm giữa anh và con gái tôi sâu nặng đến thế nào, bất kể tình cảm ấy đang ở giai đoạn phát triển nào, tôi muốn nói trước rằng: Lika tất nhiên là một cô gái hoàn toàn tự do, nhưng nếu giả thử như nó muốn gấn bó mật thiết đời mình với anh và hỏi ý kiến tôi thì nó sẽ nhận được sự từ chối thẳng thừng. Tôi rất có cảm tình với anh, tôi mong muốn cho anh gặp mọi điều tốt lành, nhưng ý tôi là như vậy. Vì sao? Tôi xin trả lời một cách hoàn toàn thực dụng: tôi không muốn thấy anh

và Lika bất hạnh, sống leo lắt trong cảnh nghèo túng, vô định. Và sau nữa, cho phép tôi được nói một cách hoàn toàn thẳng thắn: anh và Lika tính nết có gì giống nhau đâu! Lika là một cô bé xinh xắn, và chẳng nói giấu gì anh, tính tình nó khá thất thường, - hôm nay nó say mê điều này, mai lại thay đổi rồi, - tất nhiên là nó không mơ ước được sống trong cái "biệt phòng dưới bóng cây vân sam" của ông Tônxtôi, - anh cứ để ý mà xem nó ăn mặc thế nào, mặc dù đây là chốn hẻo lánh. Tôi hoàn toàn không muốn nói rằng nó là đứa con gái hư hỏng, tôi chỉ nghĩ rằng nó hoàn toàn không xứng đôi với anh đâu...

Nàng đứng dưới chân cầu thang chờ tôi, nàng đón nhìn tôi bằng cặp mắt dò hỏi, sẵn sàng đón nhận điểm dữ. Tôi hấp tấp truyền đạt lời nói cuối cùng của bác sĩ. Nàng cúi đầu xuống:

- Đúng thế đấy, chẳng đời nào em lại đi ngược lại ý muốn của ba em đâu, - nàng nói.

V

Sống ở nhà trọ của bà Nhiculina, thỉnh thoảng tôi ra khỏi đây lang thang dạo chơi trên quảng trường Sepnaia, rồi tới cánh đồng trống trải phía sau tu viện, nơi có một nghĩa trang lớn bao bọc bởi bức tường cũ kỹ. Ở đây chỉ có gió thổi - buồn bã và hoang vắng, những cây thánh giá, tấm bia vĩnh viễn

đứng yên bị mọi người bỏ rơi, quên lãng, có cái gì trống rỗng tựa như một ý nghĩ mơ hồ, đơn độc về một điều gì đó. Trên cổng nghĩa trang có vẽ một bãi đất bằng mênh mông màu xanh xám lổ nhố những ngôi mộ bị đào xới, các tấm bia đổ nghiêng, phía dưới đó lộ ra những bộ xương răng nhe ra và hình những ông bà già chẳng còn biết tự thuở nào nằm trong vải liệm nhờ nhờ xanh lục. Một nữ thần cầm ống tiêu đang bay và thổi tiêu trên bãi đất bằng ấy, những dải áo dài màu xanh nhạt bay phấp phới, đôi chân trần thiếu nữ co lại, để lộ phía sau bàn chân trắng trắng...

Ở nhà trọ vẫn là cái cảnh mùa thu ở một huyện lẻ, chung quanh cũng vắng vẻ - người làng quê lên hầu như không có. Tôi trở về, bước vào trong sân - đi ngược lại phía tôi là bà đầu bếp chân đi ủng đàn ông, tay cầm con gà trống: "Tôi mang vào nhà đây, - bà ta nói, rồi cười không biết vì điều gì, - con gà này già quá hóa ngớ ngẩn rồi, thôi cho nó ở ghé với tôi trong nhà vậy...". Tôi bước lên bậc thềm rộng bằng đá, đi qua phòng ngoài, rồi vào gian bếp ấm áp với tấm gỗ kê trên sàn nhà, rồi vào phần nhà dành để ở - một phòng nơi ngủ của bà chủ, một phòng để hai chiếc divăng lớn dùng làm chỗ ngủ cho các khách trọ ít ỏi là thường dân và chức sắc nhà thờ, thường thì chỉ có mình tôi. Chung quanh vắng lặng, trong thanh vắng nghe rõ tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo

thức từ trong buồng ngủ của bà chủ... "Anh đi chơi về đấy à?" - bà chủ bước ra khỏi buồng cất tiếng hỏi dịu dàng, nhoẻn miệng cười với vẻ độ lượng. Thật là một giọng nói hài hoà, tuyệt diệu! Bà ta người đầy đà, khuôn mặt tròn tròn. Có lúc tôi không thể bình thần nhìn bà - nhất là vào những buổi tối, khi bà vừa từ nhà tắm nước nóng trở về, da dẻ hồng hào ửng đỏ, bà ngồi uống trà rất lâu, mái tóc đen còn chưa khô, đôi mắt nhìn mệt mỏi, lặng lẽ, mặc chiếc áo ngủ màu trắng, thân hình thoải mái ngả trong chiếc ghế bành: con mèo trắng với những khoang vàng tơ được chủ yêu nằm gọn trên đầu gối đầy đặn mà kêu gừ gừ. Từ phía ngoài vọng vào tiếng lạch xạch: đó là bà đầu bếp đang cài then ngoài cổng, rồi lại vào trong phòng đóng chặt lại các cửa sổ - điều này có gì gợi nhớ tới thời xưa nguy hiểm. Bà Nhiculina đứng dậy cài thêm chốt sắt vào cánh cửa rồi lại ngồi xuống trà tiếp; không khí trong phòng càng trở nên ấm cúng hơn...

Những ý nghĩ, tình cảm rõ đại chột hiện ra trong đầu tôi lúc ấy: thôi thì vứt bỏ hết và mãi mãi ở lại đây, trong căn phòng trọ này, trong tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức! Phía trên một chiếc đi văng có treo bức tranh: một cánh rừng xanh rì rậm rạp, phía dưới là túp nhà lá bằng các súc gỗ tròn, bên cạnh nhà là một ông già hiền lành đang cúi lom khom, tay đặt lên đầu một chú gấu màu nâu

xám trông cũng hiền lành, ngoan ngoãn như thế; phía trên chiếc đi văng còn lại treo một thứ hoàn toàn quái gở đối với ai phải ngồi hay nằm ở đấy: đó là tấm ảnh chụp thi hài một ông già nằm trong quan tài, mặt trắng nhợt, oai vệ, áo màu đen, - ông già là người chồng quá cố của bà Nhiculia. Từ phía bếp, hòa trong buổi tối mùa thu dài dặc, vọng lại tiếng dao thớt và giọng hát ô a: "Xe ngựa đỗ trước nhà thờ, đám cưới ồn ào vừa cử hành trong ấy..." - Đó là mấy cô gái làm công vừa thái bắp cải để dành mùa đông vừa hát. Và trong tất cả những điều ấy, - trong bài hát dân gian này, trong tiếng dao thớt đều đều, trong bức tranh lờ lợc, thậm chí cả trong tấm hình người quá cố mà cuộc đời dường như vẫn còn đang tiếp diễn trong quang cảnh yên bình vô nghĩa của một nhà trọ, - toát ra một nỗi buồn ngọt ngào, cay đắng...

VI

Đến tháng mười một, tôi trở về nhà. Khi chia tay, chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp lại nhau ở Ôriôn: nàng đi lên đó ngày 1 tháng Mười hai, còn tôi thì giữ ý chừng một tuần sau mới lên. Thế rồi đúng ngày mừng một, vào một đêm trăng sáng, tôi vội lên xe ngựa tới ga Pixarêvô để kịp lên đúng chuyến tàu đêm mà nàng phải đi. Tôi như còn nhìn được, còn cảm thấy rõ môn một cái đêm tuyết với huyền diệu

ây! Tôi thấy mình trên đường đi từ Baturinô đến Vaxilépxcôie, giữa cánh đồng tuyết bằng phẳng. Sương mù bay bay, con ngựa đi nước kiệu mà cứ như là chạy tại chỗ, những mảnh tuyết bị hất lên từ móng sắt bóng loáng... có lúc ngựa đi chệch khỏi đường, sa vào chỗ tuyết dày, nó lúng túng chồm lên, dây choàng ách trùng xuống, nhưng rồi nó dướn mạnh lên, vượt qua chỗ tuyết lún... Tất cả như đang bay đi, lao tới - nhưng đồng thời lại cứ như đứng nguyên một chỗ mà chờ đợi: Lớp tuyết trắng bất động lấp loáng dưới ánh trăng bằng bạc, trắng nhợt nhạt mờ ảo suamàn sương giá lạnh thâm thấp bất động phía chân trời, một quãng mây ngũ sắc bí ẩn buồn bã bao quanh trăng, còn tôi thì như lặng đi trong chiếc xe đang lao trên đường, trong cái cảnh bất động chung quanh, như hóa đá trong tâm trạng nôn nóng đợi chờ. Tôi chìm đắm trong một hồi ức xa xưa: cũng vào một đêm thế này, trên con đường như vậy dẫn tới Vaxilépxcôie, nhưng dạo đó là mùa đông đầu tiên của tôi ở Baturinô, tôi còn trong trắng, thơ ngây, vui niềm vui của những ngày trẻ trung đầu tiên, vui niềm say mê thi ca trong thế giới của những tập sách cổ kính chuyển đến từ Vaxilépxcôie, với những bài thơ tứ tuyệt, những bản bi ca và *ba-lát*:

Ngựa đang phi. Bốn bề trống trải,

Thảo nguyên in trong mắt Xvétlana...

"Bây giờ những cái đó còn đâu!" - tôi thầm nghĩ

thế, tuy vậy vẫn không phút nào rời tâm trạng bao trùm là đợi chờ, tê tái. "Ngựa đang phi. Bốn bề trống trải", - tôi thầm nhắc lại câu thơ theo nhịp ngựa phi (theo cái nhịp điệu bao giờ cũng có sức cuốn hút tôi lạ lùng) và tự cảm thấy mình giống như một hiệp sĩ cổ xưa nào đang lao đi, đầu đội mũ chòm cao, mình khoác áo lông gấu. Chỉ có người xà ích ngồi phía trước mặc chiếc áo dài bằng vải thô đầy tuyết bám là bắt tôi nhớ rằng tôi đang ở giữa cuộc đời thực, bên cạnh đồng rom kiều mạch mùi ngai ngái lấm tấm bụi tuyết chất đầy dưới chân tôi tê lạnh...

Đến quá Vaxilépxcôie, hụp xuống một cái hố trên đường dốc, ngựa bị ngã làm gãy càng xe, - lúc ấy, khi người xà ích buộc lại càng, tôi bàng hoàng hoảng sợ bị lỡ tàu. Vừa đến ga, tôi liền rút hết số tiền còn lại để mua vé hạng nhất, - nàng thường đi trong toa hạng nhất, - rồi chạy vội vào sân ga. Tôi còn nhớ ánh trắng mờ mờ hòa trong màn sương phủ quanh những ngọn đèn vàng vàng và ô cửa nhỏ của phòng điện báo. Tàu đã sắp vào ga, tôi nhìn quanh: trải dài tận chân trời là một màu tuyết trắng mờ ảo, trong lòng cảm thấy lạnh băng mà run rẩy, bồi hồi, tiếng các cửa đóng dập lại âm âm, tiếng chân của những người ra khỏi ga bước thành thịch - thế rồi đã thấy đầu tàu đen đen hiện ra từ xa qua màn khói, ánh lửa đỏ lù ghê sợ đang tiến dần lại trong tiếng thổi phì phò nặng nề của đầu máy... Đoàn tàu khó nhọc vào ga,

mình bám đầy tuyết, bánh xe nghiêng ken kết lên đường ray... Tôi nháy vội vào đầu toa, mở toang cửa vào trong toa - nàng ngồi trong bóng tối mờ mờ, vai khoác chiếc áo lông, dưới chiếc đèn treo bị tấm rèm phủ che, cả toa tàu chỉ có một mình nàng, mắt chăm chăm nhìn tôi...

Toa tàu cũ kỹ, nóc cao, chạy trên ba đôi bánh xe, cửa và thành tàu rung lên lộc xộc, băng bám thành vân hoa trên cánh cửa... Chúng tôi như đang ở một nơi nào rất xa, đêm đã về khuya lắm... Chuyện đã xảy ra như tự nó đến, ngoài ý muốn, ngoài lý trí của chúng tôi... Nàng đứng dậy với gương mặt đỏ bừng, ngơ ngác; nàng sửa lại mái tóc, nhắm mắt lại rồi thu mình ngồi vào góc toa, không thể nào với tới...

VII

Suốt mùa đông, chúng tôi sống ở Ôriôn.

Làm sao có thể diễn tả được cảm xúc của chúng tôi, khi sáng sớm bước ra khỏi tàu, về tòa soạn, khi giữa hai chúng tôi đã có sự gần gũi gần bó thăm kín!

Tôi đến ở một khách sạn nhỏ, còn nàng thì vẫn ở nhà Avilôva. Gần như suốt ngày chúng tôi ở đây, còn vào những giờ chúng tôi hằng mong đợi thì ở bên nhau trong khách sạn. Đây là một niềm hạnh phúc không dễ dàng, đầy nhọc nhằn cả về tinh thần lẫn thể xác.

Tôi còn nhớ: có lần vào buổi tối, nàng ở ngoài sân băng, còn tôi thì ngồi làm việc ở tòa soạn, - ở đây, người ta đã bắt đầu giao việc cho tôi, tôi đã nhận được một khoản tiền thù lao, - cả ngôi nhà trống không, vắng lặng, Avilôva đi dự một hội nghị ở đâu đó, buổi tối kéo dài gần như vô tận. Ngoài cửa sổ, trên con phố vắng, có ngọn đèn đường nào hiu hắt sáng, chẳng biết cần cho ai. Tiếng bước chân người qua đường, khi gần lại, khi xa dần, tiếng băng vỡ lạo xạo dưới giày của họ hết như đã đem đi, lấy đi mất cái gì đó của tôi; lòng tôi se lại vì buồn bã, vì giận hờn, ghen tị, - đây, tôi phải ngồi một mình thế này, tự hạ mình làm cái việc vô nghĩa, ngô nghê chỉ cốt vì nàng, còn nàng thì đang ở đâu đó ngoài hồ đóng băng, chung quanh là những đồng tuyết trắng và hàng thông sẫm tối, vang tiếng nhạc của đàn kèn hơn, chan hòa ánh sáng màu tím ngát và nhón nháo những bóng người lướt qua lướt lại, - ở đây chắc nàng thật vui...

Bỗng có tiếng chuông rung, rồi nàng bước vào rất nhanh. Nàng mặc bộ váy áo màu xám, đội chiếc mũ bằng lông sóc màu xám, tay cầm đôi giày trượt băng bóng loáng; cả căn phòng như bỗng sáng lên bởi sự trẻ trung tươi mát, bởi vẻ đẹp của gương mặt nàng ửng hồng vì lạnh. "Ôi, - nàng thốt lên, - em mệt quá!" - rồi đi sang phòng của mình. Tôi bước theo nàng, nàng gieo mình ngồi xuống đi vắng, với nụ

cười mỗi một ngả đầu ra đằng sau, tay vẫn cầm đôi giày trượt. Với cảm giác khắc khoải quen thuộc tôi nhìn lên mu bàn chân cao cao, nhìn đôi chân nàng đi tất xám lơ ra dưới chiếc váy ngắn màu xám, - chỉ một làn vải dạ dày dày đó thôi đã khiến tôi khổ sở, nôn nao cả người. Tôi bắt đầu trách móc nàng, - suốt một ngày rồi tôi có được gặp nàng đâu. - Sau đó, bất ngờ tôi lặng người đi trong cảm giác dịu dàng, thương mến, khi chợt thấy nàng đã thiếp ngủ... Choàng tỉnh dậy, nàng trả lời với giọng hiền hoà, buồn buồn: "Em hầu như nghe thấy hết đấy. Anh đừng giận, em rất mệt anh ạ. Năm vừa rồi em đã gặp phải bao nhiêu là điều trắc trở!".

VIII

Để kiếm cơ sống ở Ôrion, nàng bắt đầu học nhạc. Tôi cũng tìm được lý do là làm việc ở tòa báo "Tiếng nói". Đạo đầu điều này thậm chí làm tôi cảm thấy vui thú, tôi mừng vì cuộc sống của tôi đã đi vào nền nếp, tôi yên tâm vì đời tôi trước đây vốn vô nghĩa, thì nay đã phần nào có nghĩa vụ rõ ràng. Nhưng rồi dần dần một ý nghĩ thường hay thoáng qua đầu tôi hơn: có đúng là mình mơ ước một cuộc đời như vậy không? Đấy, như tôi đây có thể đang ở thời kỳ đẹp đẽ nhất của đời mình, khi mà cả thế giới chung quanh dường như phải thuộc về tôi, thì tôi thậm chí

lại không có được một đôi giày cao su! Tình trạng này chỉ là tạm thời bây giờ thôi ư? Vậy thì cái gì sẽ đến sắp tới?

Tôi bắt đầu cảm thấy rằng không phải tất cả đều xuôi xẻ, êm thấm trong sự gần gũi của chúng tôi, trong sự hòa hợp những cảm xúc suy nghĩ, ý thích của chúng tôi, trong tình yêu của nàng đối với tôi. "Sự xung khắc cố hữu giữa ước mơ và hiện thực", cái cảm giác thường trực không thỏa mãn về sự hoàn thiện, đầy đặn của tình yêu đã giày vò tôi suốt mùa đông ấy với tất cả sức mạnh mới mẻ, với tình trạng bất hợp pháp của tôi trước mắt mọi người.

Tôi thường bị dẫn dắt hơn cả là những khi cùng nàng dự các buổi vũ hội, hay đi làm khách ở nhà ai đó. Khi nàng nhảy với người nào trông điển trai, uyển chuyển, vẻ mặt nàng đầy linh hoạt, phấn hứng, tà váy áo nàng loáng thoáng đung đưa theo nhịp chân bước; tiếng nhạc êm đềm khiến lòng tôi rưng rưng. Mọi người đều nhìn ngắm nàng nhảy với Turotranhinốp, - chính là cái anh chàng sĩ quan cao quá khổ, để râu quai nón, mặt dài ngăm ngăm đen, đôi mắt đen bất động. Nàng cũng khá cao mà đứng chưa đến vai y; y ôm mình nàng sát lại, nhịp nhàng mềm mại quay nàng theo tiếng nhạc, cặp mắt chăm chăm nhìn từ trên xuống gương mặt nàng ngược lên; trông vẻ mặt nàng vừa sung sướng vừa bất hạnh, vừa xinh đẹp lại vừa đáng ghét đối với tôi. Lần đó tôi

đã thăm khẩn ông trời sao cho một chuyện dị thường sẽ xảy ra, - sao cho anh chàng sĩ quan bất chợt cúi xuống và hôn nàng; chỉ điều đó mới giải thoát, chấm dứt mọi đợi chờ, lo âu pháp phông của trái tim tôi!

- Anh chỉ nghĩ tới mình anh thôi, anh chỉ muốn mọi việc diễn ra theo ý anh, - có lần nàng nói với tôi.
- Chắc là anh sẵn sàng thích thú tước bỏ của em quyền có cuộc sống riêng, quyền được giao thiệp với mọi người, ngăn cách em với tất cả như đã tự ngăn cách mình...

Và đúng thế: như tuân theo một thứ luật lệ bí ẩn đòi hỏi phải có tình thương, tình đồng cảm dịu dàng trong mọi tình yêu, nhất là trong tình yêu với phụ nữ, tôi rất không ưa - đặc biệt là ở chỗ đông người - những phút nàng vui vẻ, hoạt bát, nàng tỏ ra muốn nổi bật lên, muốn mọi người phải thích mình. Ngược lại tôi rất yêu những lúc nàng sống giản dị, lặng lẽ, khiêm nhường, yếu đuối, những lúc nàng thút thít khóc, môi nàng mọng lên như con trẻ. Ở chỗ đông người quả tình tôi thường tách biệt, thu mình lại, đóng vai người quan sát đầy khe khắt, lại còn thầm thích thú với vẻ xa lánh, nghiêm nghị của mình; nhờ đó mà tôi như nhạy cảm hơn, tinh tường hơn, thấu suốt hơn đối với những khiếm khuyết của người đời. Tuy nhiên tôi luôn luôn khát khao được gần gũi nàng và chịu bao đau khổ, dằn vặt vì không đạt được điều ấy!

Tôi hay đọc thơ cho nàng nghe.

- Em nghe xem nhé, thật là đáng kinh ngạc em ạ!

- Tôi thốt lên. - "Hãy đưa hồn anh về chốn xa xăm. Nơi nỗi buồn như trắng treo rừng vắng!".

Nhưng nàng chẳng thấy kinh ngạc chút nào.

- Câu thơ hay thật đấy anh ạ, - nàng nói, ngả người thoải mái trên di văng, hai bàn tay đặt lên bên má, nàng lặng lẽ nhìn nghiêng, vẻ lãnh đạm. - Nhưng sao lại "như trắng treo rừng vắng"? Đây là giọng của Phết⁽¹⁾ phải không? Nói chung ông ấy mô tả thiên nhiên quá nhiều.

Tôi đại lại: mô tả là thế nào! - Tôi cố chứng minh cho nàng rằng chẳng bao giờ có một thiên nhiên nào tách biệt khỏi con người, rằng mỗi chuyển động li ti nhất của làn không khí xung quanh cũng chính là chuyển động của cuộc đời chúng ta. Nàng cười:

- Anh yêu ơi, chỉ có lũ nhện mới sống như thế!

Tôi đọc mấy câu thơ:

*Buồn làm sao! Con đường xanh bóng lá
Từ tỉnh mơ lại biến mất trong sương
Và rấn bạc lại trườn qua gò tuyết...*

Nàng hỏi lại:

- Con rấn nào vậy?

Tôi phải giải thích cho nàng rằng đó là nói ví von tới bão tuyết, tới những làn gió thổi tuyết chạy đi.

⁽¹⁾ Phết A. - thi sĩ Nga (1820 - 1892).

Tôi xúc động đọc:

Đêm giá lạnh, sương mù bao phủ

Trên túp lều phiêu bạt của tôi

Sau cánh rừng, sau núi, qua mây

Thấp thoáng hiện ánh trăng mờ run rẩy.

- Anh yêu quý ơi, - nàng nói, - cảnh này em có thấy bao giờ đâu!

Tôi đọc tiếp, trong lòng thâm trách móc:

Tia nắng mặt trời xuyên mây nóng bỏng

Bên ghế, em ngồi vạch hình trên cát trắng...

Nàng tán thưởng lắng nghe, nhưng chắc chỉ vì tưởng tượng ra mình đang ngồi trong vườn lấy đầu ô nhọn vẽ hình trên cát.

- Mấy câu này quả là dễ thương lắm anh ạ, - nàng nói. - Nhưng thôi, thơ thế là đủ rồi, anh lại gần đây với em... Anh lúc nào cũng không vừa ý về em!

Nhiều lần tôi kể lại cho nàng nghe về thời thơ ấu của mình, về tuổi thiếu niên, về vẻ đẹp đầy thi vị nơi trang ấp của gia đình tôi, về bố, mẹ và em gái tôi. Nàng nghe với vẻ dửng dưng đến ghê sợ. Tôi mong mỗi đón nhận từ nàng nổi buồn thương cùng sự đồng cảm, khi kể cho nàng nghe về cảnh nghèo túng có lúc đã đến với cuộc sống gia đình tôi, - chẳng hạn như có lần chúng tôi phải tháo dỡ hết các khung ảnh thánh cổ kính của mình và mang lên thành phố cầm tại hiệu của bà Mêsêrinôva, một bà già độc thân với khuôn mặt phương đông đáng sợ, mũi khoằm, có ria

mép, lòng mắt trắng lồi ra, mặc đồ lụa, quàng khăn voan, mấy ngón tay đeo nhẫn; ngôi nhà rộng của bà để ngổn ngang các thứ đồ cổ bảo tàng, suốt ngày trong nhà đều có tiếng vệt kêu khăn khăn man dại. Thay vì nỗi buồn thương và sự đồng cảm, tôi được nghe nàng đáp lại bằng giọng lơ đãng:

- Ồ, ờ, kinh thật đấy.

Tôi càng sống lâu hơn ở thành phố, càng cảm thấy mình lạc lõng hơn ở đó. Thậm chí đến cả Avilova không hiểu sao cũng trở nên khô khan giễu cợt đối với tôi. Cuộc sống thành phố của tôi càng trở nên u ám, buồn tẻ bao nhiêu thì tôi lại càng khao khát được một mình bên cạnh nàng nhiều hơn để đọc sách, để kể chuyện, bày tỏ cho nàng nghe mọi cảm nghĩ của mình. Căn phòng tôi ở khách sạn hẹp vanh vách, thiếu ánh sáng, tôi tự thấy thương hại mình ghê gớm khi nhìn lên chiếc vali nhỏ bé và mấy cuốn sách mỏng là tất cả gia tài của tôi; tôi buồn cho những đêm dài đơn độc trong căn buồng nghèo nàn, lạnh lẽo; không phải tôi đã ngủ qua đêm mà đúng hơn là khắc khoải chịu đựng cảnh đêm thâu dài đặc ấy, chấp chờn qua cơn mơ mà chờ đợi ban mai, chờ đợi tiếng chuông đầu tiên từ tháp chuông gần đây tản ra, ngân nga giữa sáng mùa đông băng giá. Căn buồng nàng cũng chật hẹp, ở tận cuối hành lang gần cầu thang đi lên căn gác nhỏ, tuy vậy cửa sổ trong phòng hướng ra phía vườn, căn phòng tĩnh mịch, ấm

áp, đồ đạc gọn gàng ngăn nắp, chiều chiều lò sưởi trong phòng nằng được nhóm lên, còn nằng thì có thể nằm gọn hết sức thoải mái trên divăng, thân mình co lại. Tôi nói với nằng:

Nửa đêm bão tuyết gào

Giữa rừng sâu thanh vắng

Anh cùng em bên nhau

Lửa bập bùng lóe sáng...

Nhưng tất cả những cảnh bão tuyết, rừng đêm, ánh lửa và niềm vui ấm áp hoang sơ đầy thi vị ấy đối với nằng đều xa lạ.

Một thời gian dài tôi cứ tưởng rằng chỉ cần nói với nằng: "Em có biết những con đường mùa thu in dấu chân ngựa lấp lánh hiện lên dưới ánh chiều vàng rực?" là đã có thể gợi được niềm mê say cho nằng. Tôi kể cho nằng nghe chuyện có lần vào cuối thu tôi đã cùng anh Ghêorghi đi mua gỗ bạch dương: trần nhà bếp của gia đình tôi bỗng sọt xuống, suýt giết chết ông già ngày xưa đã từng nấu ăn cho nhà tôi, ông già chuyên nằm ngủ trên lò xây trong bếp. Thế là chúng tôi phải vào rừng để mua bạch dương làm cột đỡ. Dạo ấy trời mưa liên miên, ngày này qua ngày khác (những hạt mưa li ti rơi nhanh dưới ánh mặt trời); chúng tôi ngồi trên xe ngựa đi nước kiệu cùng mấy người dân quê mới đầu thì theo con đường lớn, sau đó qua một cánh rừng nằm bên bãi cỏ rộng còn xanh mầu nhưng sũng ngập nước mưa

lấp lánh ánh mặt trời trông đẹp như tranh, đầy vẻ 'khoáng dang và lặng lẽ. Tôi kể lại rằng tôi đã thương xót thật lòng cái cây bạch dương cành lá sum sê ấy, khi mấy người dân quê chậm chạp, ngật ngưỡng đi vòng quanh gốc ngắm nghía, rồi nhổ toẹt một cái vào lòng tay chai sần của mình, cầm lấy búa rìu và nhip nhàng dẫn vào gốc cây loang lổ trắng đen... "Em không thể hình dung được lúc ấy rừng cây ẩm ướt đáng sợ thế nào, tất cả đều lấp lánh ánh nắng!" tôi thốt lên như vậy rồi thú nhận rằng tôi ấp ủ ý định viết một truyện ngắn về chuyện đó. Nàng nhún vai:

- Anh yêu ơi, chuyện đó thì có gì đáng viết đâu! Sao lại cứ đi tả thiên nhiên mãi thế!

Một trong những nỗi đam mê bí ẩn và đầy khắc khoải của tôi là âm nhạc. Khi nàng chơi một bản đàn nào tuyệt diệu, tôi yêu nàng xiết bao! Lòng tôi như lặn đi ngây ngất trong tình thương đầy dịu dàng ngưỡng mộ đối với nàng! Tôi ước ao được sống thật lâu, thật lâu! Nghe nàng chơi đàn, tôi thường nghĩ: "Nếu một lúc nào đó chúng mình phải sống xa nhau, anh làm sao có thể nghe được bản nhạc này mà thiếu vắng em! Làm sao anh có thể yêu được một cái gì đó, vui mừng về một điều gì đó mà không chia sẻ được với em tình yêu này, nỗi vui này!". Nhưng nếu gặp bản đàn nào tôi không thích thì tôi chê bai cũng rất gay gắt khiến nàng nổi nóng:

- Chị Nadia! - Nàng gọi tên Avilôva, rời tay khỏi

phím đàn và quay ngoắt về phía buồng bên cạnh. - Nadia, chị sang mà xem anh ấy nói bừa.

- Và sẽ còn nói bừa nữa đấy! - Tôi thốt lên. - Ba phần tư bản xô-nát này là tầm thường, lộn xộn, nhảm nhí! Chỗ này thì nghe như có tiếng xẻng đào mồ! Chỗ kia thì các tiên nữ đang nhảy múa trên đồng cỏ, chỗ nọ thì thác nước réo ầm ầm! Cái gọi là "tiên nữ" là một trong những từ anh khó chịu nhất! Tôi tệ hơn cả các từ khuôn sáo của báo chí!

Nàng tự cho là mình phải có tình yêu say mê đối với sân khấu, còn tôi thì lại căm ghét thứ nghệ thuật đó; càng ngày tôi càng tin rằng tài năng hơn người của phần lớn các nam nữ diễn viên là giỏi biến thành tầm thường, giỏi bắt chước theo những mẫu người tồi tàn nhất mà các nhà sáng tác, các nghệ sĩ đã dựng nên. Đó là các cụ mỗi vấn khăn màu xanh dưới lần khăn san Thổ Nhĩ Kỳ, với vẻ mặt đáng điệu xun xoe, giọng nói ngọt ngào nịnh bợ khúm núm trước bọn người đại loại như Tít Titút; bọn này thế nào cũng kiêu hãnh thái quá vênh mặt lên, bàn tay trái xòe ra áp vào tim cạnh chiếc túi bên của cái áo vạt dài. Đó là đám cảnh sát ngu si dần dộn, bọn hoạt đầu như kiểu Kholétxtacóp, bọn mặt mày ử ử giọng khàn khàn như Ôxíp, kẻ thì đê mạt như Rêpêchilốp, hăng hái băng nhắng như Trátxki; hay bọn Phamuxốp tay đeo dây nhẫn, môi dày mọng như quả mận chín trề ra. Rồi đủ thứ Hăm lét khoác áo bọn rước đuốc trong

lễ đám ma, đầu đội mũ cài lông chim, đôi mắt tô đen
 đây về mặt mũi, trác táng, quần nhung đen bó sát
 đùi, bàn chân bèn bẹt như vẫn thấy ở đám bản dân, -
 Tất cả những cái đó khiến tôi rùng mình ghê tởm.
 Lại còn ca kịch nữa chứ! Nào là anh chàng Rigôlétô
 lưng khom khom, chân gioăng ra một cách quái dị,
 hai đầu gối chập vào nhau! Còn Xuxanhin thì râu rí
 và sùng kính ngược mắt nhìn lên bầu trời, cất giọng
 hát ngân nga: "Ôi bình minh, người sẽ đến!". Anh
 xay bột trong vỏ "Nàng tiên cá" thì tay dài khẳng
 khiu như que củi, run rẩy giơ ra (trên ngón tay còn
 quên chưa tháo nhẫn cưới!), quần thì rách như xơ
 mướp tựa hồ như vừa bị một đàn chó điên cắn xé!

Trong những cuộc cãi vã về sân khấu chúng tôi
 không bao giờ đạt được sự thỏa thuận nào: chẳng ai
 chịu nhượng bộ ai, chẳng thể nào hiểu nhau được
 nữa. Có lần một diễn viên tỉnh lẻ nổi tiếng đến biểu
 diễn ở Ôrion, sắm vai trong vở "Nhật ký người điên".
 Tất cả khán giả đều chăm chăm thán phục dõi theo
 anh ta ngồi trên một chiếc giường bệnh viện, khoác
 áo dài, gương mặt đàn bà, đôi mắt nhìn đăm đăm
 đầy đau khổ, mỗi lúc một lộ thêm vẻ ngạc nhiên dần
 dần đầy vui thú; sau đó anh ta từ từ giơ ngón tay lên,
 rồi với cử chỉ chậm rề rề, điệu bộ diễn cảm lộ bịch,
 cầm dưới dề ra như một con thú và cất tiếng nói rành
 rọt từng âm một: "Kể-từ-ngày-hôm-nay...". Thế rồi,
 sang ngày hôm sau, anh ta lại giới giang hơn trong

việc đóng giả là Liubim Torxốp; đến ngày thứ ba thì đóng Mácmêlát mặt mày nhem nhuốc, mũi xám ngoét: "Thưa ngài, xin ngài cho phép tôi được thưa chuyện đứng đắn với ngài". Một nữ diễn viên nổi tiếng đóng cảnh viết thư trên sân khấu - bất thành linh bà ta quyết định viết một lá thư đầy bất hạnh. Bà ta ngồi thoát xuống bên bàn, chấm bút khô vào lọ mực khô, rồi trong nháy mắt gạch ba dòng thẳng trên giấy, gấp lại cho vào phong bì, giật chuông gọi cô hầu gái xinh đẹp khoác chiếc tạp dề trắng rồi với giọng khô khốc vắn tắt ra lệnh cho cô hầu: "Cho người mang bức thư này đi ngay!". Mỗi tối đi xem kịch về như thế là chúng tôi lại to tiếng tranh luận đến ba giờ đêm làm Avilôva mất cả ngủ. Lúc ấy tôi không chỉ nguyên rủa nhân vật điên của Gôgôn, dè bủ Torxốp và Mácmêlát mà còn chê bai cả Gôgôn, Ôxtorốpxki, Đôxtôépki nữa...

- Ừ thì cứ cho là anh đúng đi, - nàng gào lên, mặt tái nhợt, đôi mắt tối sầm và vì thế mà trông càng hấp dẫn, - vậy thì vì lẽ gì mà anh nổi xung lên thế? Chị Nadia, chị hỏi anh ấy đi!

- Vì rằng, - tôi hét lên đáp lại, - chỉ cần diễn viên phát âm từ "*arômát*"⁽¹⁾ lại ê a kéo dài thành "*a-rô-mát!*" là tôi đã sẵn sàng vạ cổ anh ta!

Cũng những lời hét na ná như vậy nhiều lần nổ

(1) *Arômát*. hương thơm - N.D.

ra giữa chúng tôi sau mỗi dịp gặp gỡ tiếp xúc với đủ loại người ở Ôriôn. Tôi rất muốn chia sẻ với nàng cảm giác thích thú với những quan sát của mình, với những nhận xét ngày càng tỉ mỉ của tôi; tôi muốn truyền sang cho nàng thái độ khe khắt với thế giới chung quanh nhưng lại thất vọng thấy rằng mọi chuyện diễn ra hoàn toàn ngược lại với ý tôi muốn nàng trở thành người cùng chung cảm xúc và suy nghĩ với mình. Có lần tôi nói:

- Giá như em biết rằng anh nhiều kẻ thù thế nào!

- Kẻ thù nào? Ở đâu? - Nàng hỏi.

- Đủ loại kẻ thù, khắp nơi: ở khách sạn, ở cửa hàng, ngoài phố, ngoài ga...

- Ai là những kẻ thù đó?

- Tất cả mà, tất cả! Vô số những bộ mặt và thân hình tởm lợm! Chính sứ đồ Paven đã nói: "Không phải xương thịt nào cũng như nhau, ở người là một kiểu, ở súc vật lại là kiểu khác...". Một số trông thật phát khiếp! Có những người đặt bàn chân một cách quái dị, thân mình đổ về phía trước, hết như hôm qua mới từ bỏ thời kỳ đi bằng bốn chân. Đấy, như hôm qua, trên phố Bônkhốpxcaia, anh vừa đi theo sau rất lâu một viên cảnh sát trưởng vai ngang bệ bệ thân hình vạm vỡ; anh không thể rời mắt khỏi tấm lưng béo ú ních trong tấm áo dạ dài, chân đi ủng căng tròn bóng loáng; chà, anh cứ phải ngấm mãi cặp giò đó, mùi giày da, tấm dạ xám làm áo, mấy cái cúc

tên dây đai đeo sau lưng, và cả con vật bốn mươi tuổi thu mình trong bộ quân phục ấy!

- Anh không thấy lương tâm cắn rứt à! - Nàng nói với vẻ ghê tởm. - Chẳng lẽ anh quả thật là một kẻ xấu xa độc ác như vậy sao? Nói chung là em không thể nào hiểu anh được. Con người anh như được kết bằng toàn những gì kỳ quặc, trái ngược!

IX

Tuy vậy, mỗi buổi sáng đến tòa soạn, càng ngày tôi càng sung sướng hơn, thân thiết hơn khi thấy trên mắc chiếc áo lông màu xám mà trong đó như ẩn chứa con người nàng, - chiếc áo như đã thành cái phần rất mềm mại của nàng. Phía dưới mắc áo là đôi ủng xinh xinh màu xám mà chỉ thoáng nhìn thấy thôi lòng tôi đã nồn nao một niềm xúc động. Vì nồn nóng sớm được nhìn thấy nàng nên tôi đến sớm hơn tất cả, ngồi vào bàn làm việc của mình, - đọc và sửa những tin bài từ các tỉnh về, đọc các báo thủ đô, dựa vào đó mà sáng tác các "tin điện của bốn báo", hầu như phải chép lại hoàn toàn một truyện ngắn của các tác giả tỉnh lẻ. Vừa làm tôi vừa lắng nghe chờ đợi - và thế rồi cuối cùng đã nghe thấy tiếng chân nàng rảo bước, tiếng váy áo sột soạt! Nàng chạy vào, toàn thân trông thật là mới mẻ, với đôi tay thơm thơm mát lạnh, với cặp mắt trẻ trung, sáng long lanh, tươi tỉnh sau một

giấc ngủ ngon lành. Nàng vội vã nhìn quanh rồi hôn tôi. Nhiều lần nàng cũng chạy đến như vậy với tôi ở khách sạn, cả người toát lên mùi lạnh giá của chiếc áo lông mặc giữa mùa đông. Tôi hôn lên gương mặt lạnh ngắt, ôm tấm thân nàng ấm áp, mềm mai sau chiếc áo lông. Nàng cười khanh khách, cố né người đi, - "Bỏ em ra, em đến anh có việc cơ mà!" - nàng gọi người phục vụ tới bảo ông ta dọn dẹp căn phòng tôi ở rồi góp một tay vào dọn...

Có lần tôi tình cờ nghe được cuộc chuyện trò giữa nàng với Avilôva, - một buổi tối hai người ngồi trong phòng ăn và cời mở nói về tôi vì tưởng rằng tôi đang ở nhà in. Avilôva hỏi:

- Này Lika, cô em yêu quý, sắp tới mọi chuyện sẽ ra sao? Chắc em biết thái độ của chúng tôi với anh ta; anh ta tất nhiên là rất dễ mến, chị hiểu là em mê anh ta... Nhưng rồi sẽ ra thế nào chứ?

Tôi như rơi xuống một vực thẳm. Ra thế, tôi chỉ là người "rất dễ mến" thôi, không hơn, còn nàng thì chỉ "mê" chút đỉnh thế thôi!

Câu trả lời còn kinh khủng hơn:

- Nhưng em có thể làm gì được? Em chẳng thấy có lối thoát nào...

Nghe những lời đó tôi như phát điên, tôi đã định lao vào phòng ăn mà kêu lên rằng có lối thoát đấy - đó là sau một giờ nữa thì tôi sẽ biến mất khỏi Ôrion, - thì bỗng nghe thấy giọng nàng nói tiếp:

- Chị Nadi ạ, sao chị lại không thấy rằng quả tình em yêu anh ấy ghê lắm! Sau nữa, lẽ nào chị không biết rằng thực chất anh ấy ngàn lần tốt hơn cái vẻ bề ngoài mà ta tưởng...

Phải rồi, tôi đã có thể xấu hơn nhiều so với con người thực của mình.

Tôi sống trong niềm lo âu, căng thẳng, thường xử sự gay gắt khinh khi với mọi người, dễ lâm vào tâm trạng buồn nản, tuyệt vọng; tuy nhiên tôi cũng dễ dàng thay đổi, giả dụ như nếu thấy rằng không có gì đe dọa quan hệ xuôi xẻ của tôi với nàng, không có ai định mon men chiếm đoạt nàng thì cái bản tính nhân hậu, giản dị, chân thành lại trở lại với tôi. Nếu tôi biết rằng một buổi dạ hội nào đó mà chúng tôi sửa soạn cùng dự sẽ không đem tới cho tôi điều gì bức bối, đau đớn, thì tôi sẽ chuẩn bị với đầy sự phấn húng; tôi tự hài lòng với chính mình, khi nhìn vào gương, tự ngắm nghía đôi mắt mình, nước da ngăm ngăm, chiếc áo sơ mi trắng toát! Các buổi vũ hội đã là niềm hạnh phúc thế nào với tôi, nếu ở đáy lòng ghen tuông của tôi không bị dần vặt! Trước mỗi lần vũ hội tôi phải trải qua những phút kinh khủng, tôi phải mặc chiếc áo đuôi tôm của người chồng quá cố của Avilôva, tuy thực ra chiếc áo này hoàn toàn mới, chưa lần nào được mặc, nhưng nó vẫn như châm buốt vào cơ thể tôi. Nhưng những phút ấy cũng bị quên nhanh - chỉ cần bước ra khỏi nhà, thở hít bầu

không khí lạnh giá, nhìn lên bầu trời chỉ chít những vì sao, rồi vội vàng ngồi lên chiếc xe trượt...

Có trời mà biết được vì sao người ta lại đi trang hoàng cổng vào nơi vũ hội bằng mái hiên phủ những tấm vải sọc đỏ, vì sao trước cửa lại có mấy ông cảnh sát ra oai nạt nộ điều khiển các xe cộ đưa khách đến! Dù thế nào thì đây cũng là vũ hội với cổng vào lạ lùng, đèn chằng sáng choang soi rõ bãi tuyết trắng lóa trước cửa, với tiếng hô rành rọt của mấy vị cảnh sát có ria mép vênh lên, những đôi ủng bóng loáng giẫm lên tuyết, những đôi găng tay trắng toát để hờ bên mép túi.

Hầu như gần hết số đàn ông đến dự là mặc đồng phục, - hồi đó ở nước Nga còn rất nhiều loại đồng phục khác nhau với những thứ chức tước trang phục của mình. Ngay từ dạo ấy tôi đã có nhận xét rằng những người thậm chí suốt đời chiếm giữ những vị trí và tước hiệu cao nhất cũng không thể quen với cái đó. Những kẻ mới đi xe đến đó bao giờ cũng như chọc tức tôi và ngay lập tức trở thành đối tượng của sự quan sát sắc sảo đầy khó chịu của tôi. Ngược lại, các khách phụ nữ thì hầu hết là xinh đẹp, dễ thương. Họ yếu điệu cởi bỏ ngoài hành lang áo mũ của mình và chỉ lát sau đã có cái bề ngoài lộng lẫy của những người đáng được bước trên tấm thảm đỏ trải trên lối đi lên rộng rãi giữa đám khách sang trọng như đông thêm lên vì được soi mình trong những tấm gương

lớn. Trước giờ vũ hội bắt đầu, căn phòng lộng lẫy rộng thênh thang còn trống rỗng, mát lạnh thanh khiết, với những chùm đèn treo tỏa sáng lấp lánh, những khung cửa sổ lớn không rèm che, nền nhà phẳng lì bóng loáng, thoang thoảng mùi hương hoa, mùi phấn son. Người đến dự mỗi lúc một đông thêm, tất cả đều đang nôn nóng chờ đợi tiếng nhạc nổi lên rồi cặp trai gái đầu tiên bất ngờ xuất hiện giữa căn phòng trắng lộng lẫy, - đó thường là cặp khiêu vũ uyển chuyển nhất, tự tin nhất.

Tôi đến chỗ vũ hội bao giờ cũng sớm hơn tất cả. Khi tôi đến nơi rồi, mọi người còn lục tục đến, dưới hàng lang người ta còn tới tấp đưa áo lông, áo bành tô cho các nhân viên phục vụ cất giữ. Tôi mặc chiếc áo mượn của người, đầu chải mượt, tôi cảm thấy mình như gầy đi, trở nên thanh thoát hơn, đơn độc, xa lạ với mọi người. Tôi như một chàng trai trẻ nào đó kiêu hãnh một cách lạ thường, đóng một vai mờ nhạt trong tòa báo, mới đầu tự cảm thấy tỉnh táo, rõ ràng khác nào một tấm gương lạnh giá. Sau đó người đến mỗi lúc một đông thêm, cười nói ồn ào, tiếng nhạc vang vang đều đều, mọi người đã chen chúc ngoài cửa, số phụ nữ đông thêm, không khí trở nên ấm áp hơn, bớt thoáng hơn. Tôi như ngấm hơi men, nhìn phụ nữ táo bạo hơn, nhìn cánh đàn ông với vẻ kênh kiệu hơn, lách qua đám đông người một cách khéo léo hơn nhờ chạm phải sống áo ai là lịch sự xin lỗi ngay.

Thế rồi tôi bỗng thấy họ, - họ đã đến, miệng hé nở nụ cười ngượng ngáp, thân trọng đi giữa đám đông, - tim tôi bỗng dịu dàng se lại, một cảm giác thân thiết pha chút ngáp ngừng, lạ lẫm: đúng là họ mà không còn là họ nữa. Đặc biệt là nàng - hoàn toàn không còn giống nàng nữa! Lần nào cũng vậy, tôi đều sững sốt bàng hoàng trước vẻ đẹp trẻ trung thanh khiết của nàng: nàng thắt đáy lưng ong, bộ váy áo vũ hội trinh trắng, cánh tay để trần từ găng đến vai lộ những vết tím tím vì bị rét cồng, gương mặt ngượng ngừng e ấp... Chỉ có mái tóc chải cao lên như ở các phụ nữ quý phái, trông vừa hấp dẫn lại như vừa ẩn chứa ý muốn thoát khỏi tôi, sẵn sàng thay lòng đổi dạ với tôi để sống một cuộc sống tội lỗi thâm kín. Lát sau có một anh chàng nào đó chạy đến gần nàng, vội vã cúi mình chào theo dáng điệu thường thấy trong vũ hội; nàng đưa quạt cho Avilôva, rồi giả như lơ đãng, yếu điệu đặt tay lên vai chàng kia, quay người nhẹ lướt đi mất hút vào đám đông đang quay cuồng nhảy múa trong tiếng nhạc ồn ào. Tôi nhìn theo nàng như vĩnh biệt, với cảm giác ớn lạnh thù hận.

Nàng Avilôva nhỏ nhắn, linh hoạt, lúc nào trông cũng vui vẻ đĩnh đạc, cũng làm tôi ngạc nhiên trong buổi vũ hội bởi dáng điệu trẻ trung, gương mặt rạng rỡ xinh xắn. Đến đêm vũ hội lần này tôi mới chợt hiểu rằng nàng mới hai mươi sáu tuổi, và cũng lần

đầu tiên, không dám tin hẳn vào ý nghĩ của mình, tôi đã thâm đoán ra cái lý do mà nàng đã có thái độ khác lạ với tôi mùa đông năm ấy, - có thể rằng nàng đã yêu tôi và ghen tức với Lika.

X

Sau đó chúng tôi xa nhau rất lâu.

Mọi chuyện bắt đầu từ sự xuất hiện bất ngờ của vị bác sĩ.

Có lần, trong một buổi sáng mùa đông lạnh giá, đây ánh mặt trời, tôi bước vào hành lang tòa soạn; tôi bất chợt ngửi thấy mùi thuốc lá khét nặng quen thuộc, nghe thấy tiếng cười nói ồn ào từ phía phòng ăn.

Tôi dừng lại - cái gì thế này? Hóa ra đó chính là ông bác sĩ đang hút thuốc nhả khói đầy nhà, đó chính là ông đang nói, - với vẻ hoạt bát của loại người, khi đã có tuổi rồi, tính tình vẫn chẳng hề thay đổi gì liên bao năm trời, tự vui thú thưởng thức trạng thái tinh thần khỏe mạnh khoan khoái, hút thuốc liên miên và chuyện trò luôn miệng. Tôi sống người lại - chuyển đi bất chợt này có ý nghĩa gì vậy? Ông đặt yêu cầu gì mới với nàng? Tôi vào đây thế nào đây, xử sự thế nào đây? - Tuy nhiên, trong những phút đầu tiên cũng đã không có chuyện gì ghê gớm xảy ra. Tôi tự trấn tĩnh lại rất nhanh, bước vào và tỏ vẻ

ngạc nhiên vui mừng... Vốn tính đôn hậu, bác sĩ thậm chí còn hơi lúng túng nữa là đằng khác, ông cười cười như tỏ ra xin lỗi, rồi vội nói rằng ông lên đây "để nghỉ chừng một tuần thoát khỏi cuộc sống tỉnh lẻ". Tôi nhận ra ngay lúc đó rằng nàng đang bị xúc động. Không hiểu vì sao Avilôva cũng xúc động. Dù thế nào thì cũng có thể phỏng đoán rằng bác sĩ là nguyên nhân của mọi chuyện. Ông đã xuất hiện như một vị khách bất ngờ, như một người vừa ở huyện lên tỉnh và bởi vậy, sau một đêm ngồi trên tàu hoả, đã tỏ ra hào hứng uống trà nóng trong phòng ăn của một người xa lạ. Tôi bắt đầu cảm thấy yên tâm. Nhưng liền ngay sau đó tôi bị một đòn bất ngờ: qua những lời trò chuyện của bác sĩ, tôi chợt hiểu ra rằng ông không đi một mình mà với Bôgômôlốp, một người trẻ tuổi, giàu có và thậm chí còn là một nhà sản xuất đồ da nổi tiếng ở thành phố này. Anh ta từ lâu đã để ý tới nàng. Sau đó tôi nghe thấy tiếng cười của bác sĩ:

- Anh ta nói là phải lòng con đến mất trí, Lika ạ. Anh ta đã tới đây với những dự định dứt khoát nhất! Cho nên bây giờ số phận của anh chàng bất hạnh ấy là hoàn toàn tùy thuộc vào ý con: nếu con muốn thì con ban phát hạnh phúc cho anh ta, nếu không muốn thì sẽ làm đời anh ta tan nát...

Bôgômôlốp không phải chỉ giàu có: anh còn thông minh, tính tình linh hoạt dễ chịu, tốt nghiệp

trường đại học tổng hợp, từng sống ở nước ngoài, biết hai ngoại ngữ. Mới thoạt nhìn, hình thù của anh có thể làm người ta phát khiếp: mái tóc hung hung đỏ, chải mượt rẽ ngôi giữa, mặt tròn vành vạnh, béo tròn trũng trục, - trông không hẳn như một đứa trẻ được chăm sóc thái quá nên phát phì một cách trái tự nhiên, không hẳn như một con lợn *Y-oóc-sai* to tướng, nung núc những mỡ. Tuy nhiên cái thân hình phì nộn ấy lại toát ra một vẻ thanh sạch, khỏe mạnh, dễ chịu, khoan khoái: đôi mắt xanh biếc mầu xanh da trời, nước da mịn màng trắng hồng như con trẻ, một cái gì đó ngượng ngập dễ thương lộ ra trong cách cư xử, trong tiếng cười, giọng nói, trong khoe mắt, đôi môi. Chân tay anh ta lại nhỏ bé xinh xắn, trang phục may bằng vải Anh; áo sơ mi, tất chân và cà vạt đều bằng lụa. Tôi thoáng nhìn sang nàng và nhìn thấy nụ cười thiếu tự nhiên của nàng... Bỗng nhiên mọi cái chung quanh tôi đều trở nên lạ lẫm, xa xôi, tôi tự xấu hổ thấy mình trở nên thừa, không cần thiết với cả cái nhà này; một nỗi thù ghét nàng bỗng choán lấy tâm trí tôi...

Sau buổi sáng đó tôi không thể ngồi một mình cạnh nàng dù chỉ một giờ; bên nàng lúc nào cũng có bố hoặc có anh chàng Bôgômôlốp. Còn Avilôva thì lúc nào cũng tùm tùm cười nụ, nàng đối xử với Bôgômôlốp vốn vãi, hồ hởi đến nỗi ngay từ ngày đầu tiên anh ta đã trở thành người thân trong nhà; anh ta

đến đó từ sáng sớm, ngồi lì ở đó cho tới tối rồi mới về khách sạn ngủ.

Thêm nữa đạo ấy bắt đầu những buổi tập của nhóm kịch nghiệp dư mà Lika là một thành viên, - nhóm kịch chuẩn bị diễn một vở vào dịp lễ tổng tiên mùa đông. Qua Lika người ta còn mời Bôgômôlốp và cả bác sĩ nữa tham gia đóng các vai phụ. Nàng nói nàng tiếp nhận sự tán tỉnh của Bôgômôlốp chỉ vì để vừa lòng bố, không muốn làm méch lòng với Bôgômôlốp vì thái độ gay gắt với anh ta. Tôi luôn tỏ ra vui vẻ, làm như thể tin vào lời nàng, thậm chí còn tự buộc mình phải dự những buổi tập kịch, bằng cách đó cố giấu đi nỗi ghen tuông ghê gớm và cả những nỗi khổ sở mà tôi phải chịu đựng những lúc ấy: tôi không biết đưa mắt nhìn đi đâu vì gương thay cho nàng, gương thay cho cố gắng thăm hại của nàng, nhằm "nhập vai" cho nhuễn. Và nói chung đấy quả là sự trưng bày ghê gớm sự bất tài của con người!

Các buổi tập do một diễn viên nhà nghề thất nghiệp chỉ đạo; anh ta tất nhiên là tự huỷ hoại coi mình là một tài năng lớn, hãnh diện về kinh nghiệm sân khấu xấu xa của mình; trông anh ta không rõ thuộc lứa tuổi nào, mặt bì bì mai mái, với những nếp nhăn hằn sâu đến nỗi có thể tưởng đấy là do anh ta cố ý tạo ra. Chốc chốc anh ta lại nổi nóng chỉ ra cách cần phải đóng vai này vai nọ thế nào. Anh ta chửi

rửa thô lỗ, đầy bực bội đến nỗi gân xanh nổi hẳn to trên thái dương: khi thì anh ta đóng vai nam, khi thì đóng vai nữ, và mọi người ra sức bắt chước anh ta, chọc tức tôi bằng từng giọng nói, từng cử chỉ, hành động: dù vị diễn viên chuyên nghiệp kia có đáng ghét đến đâu, thì những kẻ bắt chước y còn đáng ghét hơn. Vì sao, vì lẽ gì họ lại sắm những vai ấy? Trong bọn họ có bà vợ viên sĩ quan đồn trú thường thấy ở mọi thành phố tỉnh lẻ - đó là một bà xương xẩu, tự phụ, trợn trạo; còn có một chị quá lứa, ăn mặc đom đàng, lúc nào cũng lo âu chờ đợi điều gì đó, học được cách đánh môi đỏ chót; lại còn có hai chị em mà cả thành phố đều biết vì lúc nào cũng kè kè bên nhau và giống nhau như tạc: cả hai đều cao to, mái tóc đen thô, lông mày đen rậm rì, mặt mày nghiêm nghị; phải kể đến một viên chức chuyên nhận nhiệm vụ đặc biệt của ngài tỉnh trưởng, viên chức này còn rất trẻ nhưng đầu đã hói, cặp mắt xanh lồi ra, hàng mi mỏng đỏ, người cao lêu đêu, cổ áo cũng dựng cao, điệu bộ thì lịch sự và sang trọng một cách khó chịu; khó bỏ qua vị luật sư nổi tiếng thân hình to béo phì nộn, ngực nở, vai bè bè vạm vỡ, bàn chân nặng nề, - khi có lần tôi trông thấy ông ta trong bộ áo đuôi tôm ở buổi vũ hội, tôi cứ nhầm tưởng ông ta là người hầu chính tại đây; cũng không thể kể thiếu chị họa sĩ trẻ vận chiếc váy nhung đen, mái tóc đen dài, cặp mắt ti hí đượm vẻ

hư hỏng, đôi môi đỏ mọng mịn màng mà ngấm nhìn thật mất tự nhiên...

Rồi đến lúc vở kịch được diễn. Trước giờ mở màn, tôi ra sau hậu trường: ở đấy mọi người tất tả như điên, kẻ thay trang phục, người hóa trang, tiếng cãi vã hò hét âm ỉ, kẻ chạy ra khỏi phòng hóa trang, người này va phải người kia, không nhận ra nhau, - lúc này ai cũng ăn vận khác hẳn thường ngày, - có người còn mặc áo đuôi tôm màu nâu và quần màu tím, những mái tóc giả, râu giả trông thật ngô nghê, những bộ mặt trát phấn hóa trang vụng về, mắt tô đen, cặp mi cũng tô đen trông dài như vẫn thấy ở đám ma-nơ-canh. Tôi và phải nàng và cũng không nhận ra nàng. Tôi ngạc nhiên trước vẻ búp bê của nàng - nàng vận chiếc váy áo hồng hồng kiểu cổ, mái tóc giả màu hung sáng, gương mặt đẹp như vẽ... Bôgômôlốp sắm vai một anh quét sân tóc vàng, - người ta hóa trang anh một cách thật diễn cảm, sao cho giống với một kiểu "người bình thường". Còn bác sĩ thì sắm vai một ông già là vị tướng về hưu: chính ông mở đầu vở kịch. Ông ngồi tại nhà nghỉ ngoại ô trong chiếc ghế mây đan, dưới bóng cây xanh dựng ngay giữa sân trống trơn, mặc chiếc áo lụa dày mới. Mặt ông cũng trát đầy phấn hồng, bộ ria mép màu trắng sữa. Ông ngả người trên ghế, cau có nhìn lên tờ báo rộng mở. Mặc dầu lúc đó là cảnh trí một sáng mùa hè đẹp trời, cả người ông vẫn được

chiếu sáng bởi nhiều ngọn đèn đặt phía dưới sàn. Đầu tuy bạc trắng, nhưng vẻ mặt ông trông trẻ hơn tuổi nhiều. Theo kịch bản thì ông phải cất tiếng nói lâu lâu một câu gì đó khi đọc báo; nhưng rồi ông cứ nhìn mãi lên tờ báo mà không thể nói được lời nào, mặc dù từ hốc bên sân khấu người nhắc vở đã mấy lần tuyệt vọng nhắc ông: "Xuyt, xuyt!". Chỉ đến khi nàng lao ra từ sau cánh gà (với tiếng cười lạnh lót, thơ trẻ, đáng yêu), và choàng tay từ phía sau bịt lấy mắt ông, miệng kêu lên: "Ai nào? Ai nào" - chỉ đến lúc đó ông mới kêu lên, rành rọt từng tiếng một: "Bỏ ra, bỏ ra, ta biết rõ là ai rồi!".

Dưới gian người xem tranh tối tranh sáng, còn trên sân khấu thì sáng loá, đầy ánh mặt trời. Tôi ngồi trên hàng đầu, lúc nhìn lên sân khấu, khi nhìn ra chung quanh: hàng ghế này gồm toàn những người giàu có nhất, tự gò bó mình trong đủ thứ sắc phục của các quan chức dân sự cao cấp cũng như các sĩ quan quân đội và cảnh sát; tất cả bọn họ đều bị thu hút hoàn toàn vào những gì đang diễn ra trên sân khấu, dáng vẻ đầy căng thẳng, nụ cười đang dờ trên miệng...

Tôi không thể ngồi xem đến hết màn một. Khi tôi vừa nghe có tiếng gõ khe khẽ trên sân khấu, - đó là dấu hiệu sắp hạ màn, - tôi bèn đứng dậy bỏ ra. Trên sân khấu lúc ấy các diễn viên đều ủa ra cả, tiếng các diễn viên tranh cãi om sòm vọng xuống phía

hành lang sáng ánh đèn, nơi ông già phục vụ đã quen với cảnh này giúp tôi mặc lại áo bành tô.

Lát sau tôi đã đâm bổ ra ngoài phố. Một cảm giác cô đơn như sắp đến giờ tận số khiến tôi ngây ngất. Chung quanh quang quẻ, vắng tanh, những ngọn đèn đường lặng lẽ tỏa sáng. Tôi không về nhà, - ở đây căn buồng chật hẹp trong khách sạn của tôi thật đáng sợ, - mà tới tòa soạn. Tôi đi qua các công sở, rẽ sang quảng trường vắng ngắt, nơi có ngôi nhà thờ hiện ra sừng sững với tháp tròn mạ vàng lấp lánh dưới trời sao... Tôi nghe trong tiếng tuyết băng rạn vỡ dưới chân tôi một cái gì huyền bí, ghê sợ...

Ngôi nhà ấm áp quen thuộc nằm yên trong tĩnh vắng, từ phía phòng ăn sáng ánh đèn vọng ra tiếng đồng hồ đều đều gõ nhịp. Đứa con trai nhỏ của Avilôva đã ngủ; bà vú em ra mở cửa cho tôi, ngái ngủ nhìn tôi rồi bỏ đi. Tôi vào ngay căn buồng vừa quen thuộc vừa đặc biệt khác thường đối với tôi nằm ở góc cầu thang, trong bóng tối tôi ngồi xuống chiếc đi văng quen thuộc giờ đây chỉ còn gợi cho tôi nỗi buồn đau ngang trái... Tôi vừa chờ đợi vừa kinh sợ cái phút giây mà mọi người sẽ về, tiếng chân bước dồn dập vào nhà, ồn ào cười nói. Họ sẽ ngồi xuống bên ấm trà *xamôva*, trao đổi cảm tưởng về vở kịch vừa diễn, - và tôi sợ hãi nhất là cái thoáng lát mà tiếng cười, giọng nói của nàng sẽ vang lên... Căn phòng đầy ắp bóng hình nàng, khi có nàng cũng như

khi nàng vắng mặt, mùi hương thân quen phảng phất trong phòng, từ mùi nước hoa nàng dùng đến mùi chiếc áo khoác mềm mại đang để trên chiếc gối tròn bên cạnh tôi... Ngoài cửa sổ, đêm mùa đông tối sẫm đầy hoang vắng, những vì sao lấp lánh sau bóng cây trơ cành trụi lá...

Vào tuần lễ ăn chay đầu tiên nàng rời thành phố cùng bố và Bôgômôlốp (sau khi đã từ chối anh ta). Đã lâu tôi không chuyện trò gì với nàng nữa. Nàng sửa soạn ra đi, mất lúc nào cũng rân rấn lệ; nàng pháp phủng hy vọng rằng bất ngờ tôi sẽ giữ nàng ở lại, không cho nàng đi.

XI

Đang là những ngày lễ ăn chay ở tỉnh lẻ. Đám xà ích ế khách uể oải đứng rét cóng ở góc phố, thỉnh thoảng lại tuyệt vọng giơ tay làm dấu, rứt rứt mời mọc vị sĩ quan qua đường: "Thưa ngài, ngài hạ cố dùng xe chứ ạ?". Đàn quạ khoang như cảm thấy mùa xuân sắp đến, chúng riu rít kêu lên loạn xạ; bọn quạ đen thì còn phát ra những âm thanh quàng quạc chói tai.

Đêm đêm tôi càng thấm thía hơn nữa nỗi ghê sợ của sự chia ly. Bừng tỉnh giấc giữa đêm, tôi bàng hoàng tự hỏi: sống làm sao bây giờ đây, biết vì lẽ gì mà sống? Chẳng lẽ tôi mà lại là cái kẻ chẳng biết vì

sao lại nằm giữa bóng tối của cái đêm vô nghĩa này, giữa cái thành phố tĩnh lặng với hàng nghìn vạn người xa lạ, trong căn buồng nhỏ với khung cửa hẹp đen sẫm suốt đêm như hình một con quỷ câm lặng dài ngoẵng! Trong cả thành phố này người gần gũi duy nhất chỉ còn lại có Avilôva. Nhưng có đúng là gần gũi không? Một sự gần gũi đầy trắc trở và khó xử...

Bây giờ thì tôi đến tòa soạn muộn hơn. Từ trong phòng khách Avilôva nhìn thấy tôi bước vào hành lang, nàng mỉm cười vui vẻ, - nàng lại đối xử thân mật, dịu dàng với tôi, thỉnh thoảng vẫn cười giấu tôi. Giờ đây tôi đã thấy rõ một tình cảm thương mến bình yên của nàng đối với tôi, nàng luôn tỏ ra quan tâm, săn sóc tôi, thường cùng tôi ngồi chơi nhiều buổi tối, - nàng chơi đàn cho tôi nghe rất lâu, còn tôi thì ngả người tựa lưng vào thành đi văng lẩy tay che đôi mắt nhắm lệ vì niềm hạnh phúc mà bản đàn đã đem tới cho tôi, cùng với cảm xúc ấy bao giờ tôi cũng thấy càng thêm đau đớn, lòng tràn ngập niềm dịu dàng đầy nường nhẹ, bao dung. Bước vào phòng khách, tôi hôn lên bàn tay nhỏ, đầy đặn của nàng rồi sang phòng dành riêng cho các cộng tác viên thường xuyên. Bên phòng ấy đang có một vị tư tưởng cấp tiến, vẻ mặt trầm ngâm; anh bị chuyển đến Ôrion cư trú dưới sự quản thúc của cảnh sát. Hình dáng anh ta khá dị kỳ: râu ria xồm xoàm như thường dân, mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu xám bằng vải mộc thô,

đi ủng bôi mỡ hải cầu tỏa mùi dễ chịu. Anh thuận tay trái, cánh tay phải bị mất một nửa, nửa còn lại giấu sau tay áo anh dùng để giữ tờ giấy xuống bàn, còn tay trái thì viết: anh ngồi rất lâu, nghĩ ngợi, nhả thuốc khói um, rồi bỗng nhiên anh ghi giữ chặt tờ giấy, tay trái viết rất nhanh, rất nhanh với vẻ mạnh mẽ và khéo léo của khí.

Sau đó một ông già thấp bé đeo kính bước vào; ông là một quan sát viên nước ngoài, ông cởi bỏ áo khoác ngoài bằng lông thỏ và chiếc mũ Phần Lan che kín cả tai ở ngoài hành lang, rồi đi nguyên đôi ủng của mình, mặc chiếc quần rộng và chiếc áo sơ mi bỏ ngoài quần, thắt dây lưng, trông rất bé nhỏ và linh lợi như một chú bé mười tuổi. Mái tóc dày xám bạc của ông dựng lên trông rất dữ tợn tỏa ra mọi phía khiến ông giống một kẻ dị dạng, cặp kính lạ lùng của ông trông cũng đáng sợ. Ông thường đến tòa soạn với hai cái hộp trong tay, một hôm giấy cuộn thành ống nhỏ và một hộp thuốc lá; suốt thời gian làm việc lúc nào cũng nhồi thuốc.

Tiếp đến người thợ lên khuôn và thợ sửa bản in đến. Người thợ lên khuôn đi vào với dáng điệu bình thản, tự tin: trông ông thật khác thường bởi vẻ lịch sự, im lặng, kín đáo; ông rất gầy và khô héo, tóc đen như người di-gan, mặt tái xanh, ria mép đen, môi thâm xám. Ông ăn vận lúc nào cũng hết sức chỉnh tề, sạch sẽ: quần đen, áo sơ mi màu xanh với cái cổ cao

hồ cứng. Thỉnh thoảng tôi có nói chuyện với ông trong nhà in: lúc đó ông bỏ cái kính kín đáo im lặng, ông bình thản nhìn thẳng vào mặt tôi bằng cặp mắt đen nháy và đều đều nói như một cái máy về một đề tài cố hữu không đổi: về sự bất công ngự trị trên thế giới, - mọi nơi, mọi lúc, mọi lĩnh vực.

Thỉnh thoảng người sửa bản in cũng ghé sang - khi thì gặp chỗ không hiểu, khi thì tỏ sự bất đồng với một bài báo nào đó mà anh ta đang sửa. Anh yêu cầu tác giả bài hoặc phải giải thích thêm cho rõ, hoặc phải thay đổi đi: "Xin lỗi ông, chỗ này diễn đạt chưa được nhuyễn lắm". Anh ta thân hình to béo, đáng điệu vụng về, mái tóc xoắn xoắn trông như hơi bị ướt, lưng cúi lom khom vì lo sợ mọi người nhận thấy anh ta bị nghiện rượu nặng; khi đề nghị ai nói rõ thêm điều gì, anh ta đều phải né mình, nín thở, từ xa run run chỉ tay lên dòng chữ mà anh ta không hiểu và cho là chưa đạt. Ngồi trong căn phòng này, tôi lơ đãng sửa đủ thứ bản thảo của những người xa lạ, nhiều khi tôi chỉ đưa mắt nhìn ra cửa sổ và nghĩ: chính mình rồi sẽ viết thế nào đây?

Bây giờ tôi lại chịu thêm một nỗi dằn vặt thậm kín mới, một sự "không toại nguyện" đầy cay đắng. Tôi lại bắt đầu viết cái gì đó, - bây giờ thì phần nhiều là văn xuôi, - rồi lại bắt đầu gửi đăng những gì đã viết. Nhưng tôi không nghĩ về những cái đã viết và đã in. Tôi day dứt với nỗi khát khao viết một cái gì

đó hoàn toàn khác, không giống những gì tôi có thể viết và đã viết: muốn viết cái gì đó ngoài khả năng của mình. Từ những gì cuộc sống đã mang tới định hình cho được trong mình điều gì đó thật sự đáng ghi lại - đó quả là một hạnh phúc hiếm hoi, một việc đòi hỏi bao sức lực tinh thần! Và thế là đời tôi càng ngày càng biến thành một cuộc xung đột mới liên tục với điều "không toại nguyện", biến thành sự tìm tòi, nắm bắt cái hạnh phúc vô hình đó, biến thành nỗi ám ảnh, thường xuyên rượt đuổi hạnh phúc ấy.

Gần đến trưa thì người ta mang bưu phẩm đến. Tôi bước ra phòng khách, lại nhìn thấy mái đầu chải chuốt rất đẹp lúc nào cũng cúi xuống bàn, gập lại cảm giác dễ chịu được gọi lên từ đôi giày da đen bóng dưới gầm bàn của nàng còn vương lại phản quang của một ngày đông u ám với bầu trời âm u, lạnh giá ngoài khung cửa sổ.

Tôi chọn ra từ gói bưu phẩm một số tạp chí mới xuất bản ở thủ đô, vội vã rọc ra... Một truyện ngắn mới của Sêkhốp! Chỉ mới nhìn thấy cái tên này thôi, trong lòng tôi đã thấy nao nao, tôi chỉ liếc qua truyện ngắn mà không đọc nổi mấy dòng đầu bởi một linh cảm vừa như đau đớn ghen tị vừa như khoan khoái say mê.

Ngoài phòng khách hết người này vào, lại đến người khác ra: nào là những người đến xin đăng rao vặt, nào là đủ các kiểu người cũng mắc cái chứng

đam mê viết văn. Ở đây có thể gặp một ông già đẹp lão, cổ choàng khăn lông, đi găng tay lông, mang tới cả một xếp dày toàn giấy rẻ tiền khổ to bên ngoài có đề chữ "Bài ca và trầm tư" viết nắn nót bằng bút lông ngỗng. Có thể gặp một anh chàng sĩ quan trẻ, mặt đỏ hồng ngượng ngập; anh ta đưa bản thảo kèm theo lời đề nghị ngắn ngủi, lịch sự, rõ ràng là đọc giùm anh và nếu đăng được thì tuyệt đối không đề tên thật - "Xin chỉ đề tên tắt, nếu nguyên tắc của tòa soạn cho phép". Tiếp theo chàng sĩ quan là một viên trợ tế đứng tuổi, mặt lấm tấm mồ hôi vì hồi hộp và mặc áo lông, muốn đăng "Những bức tranh quê" dưới bút danh *Speculator*. Sau ông ta là một nhân viên tòa án huyện... Ông này là một người cẩn trọng khác thường; với những động tác chậm rãi một cách lạ lùng, ông ta cởi bỏ ngoài hành lang đôi giày cao su còn mới, tháo đôi găng tay lông mới, cởi chiếc bành tô lông chôn với chiếc mũ mới sang trọng. Trút bỏ lớp vỏ ngoài, ông ta hiện ra với thân hình gầy gò, cao lêu đêu, gương mặt đầy vẻ giễu cợt, sạch sẽ. Ông ta lấy chiếc khăn mùi soa trắng như tuyết lau đi lau lại bộ ria mép có lẽ đến nửa giờ đồng hồ, trong khi đó thì tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông ta và tự nhăm nháp cái thói quen quan sát của người viết văn.

- Phải rồi, phải rồi, ông ta trông phải sạch sẽ cẩn thận, chậm chạp, hết sức chăm chú đến mình, nếu

hàm răng ông ta thưa thớt kia và ria mép dày như vậy... nếu cái trán dô của ông ta đã bắt đầu hói, đôi mắt sáng quắc, lưỡng quyền cao ửng đỏ như bị lao, bàn chân to bèn bẹt, bàn tay cũng to và dẹt như thế với những móng tay dài cắt tròn!

Đến gần bữa sáng bà vú em dẫn đứa bé trai đi dạo về. Avilôva chạy ra lối vào nhà, dịu dàng ngồi xuống gót chân nhón lên, nàng cởi chiếc mũ lông cừu trắng trên đầu đứa bé, cởi cúc chiếc áo khoác màu xanh với cổ lông cừu trắng rồi hôn lên đôi má mịn màng ửng hồng của nó. Còn tôi thì lơ đãng nhìn sang phía khác, theo đuổi một ý nghĩ nào đó xa xôi, của riêng mình, bất chợt nhận ra mình đang ghen tị với cảnh diễn ra trước mắt - ghen tị, với vẻ vô tư đầy sung sướng của đứa bé, với hạnh phúc làm mẹ của Avilôva, với tuổi già bình yên của bà vú em. Tôi ghen tị với những ai có cuộc sống đầy ắp những việc, những điều quan tâm thường xuyên lặp lại chứ không phải đợi chờ, nghiền ngẫm, tưởng tượng ra điều này điều nọ cho một cái nghề lạ lùng nhất của loài người được gọi là nghề viết văn. Tôi ghen tị với tất cả những ai có việc làm đơn giản, cụ thể, rõ ràng mà nếu hôm nay hoàn thành nó có thể hoàn toàn tự do và yên tâm đến mai.

Sau bữa sáng tôi ra ngoài phố. Những bông tuyết mơ màng rơi lả tả trên bầu trời thành phố, thứ tuyết hay gặp vào dịp lễ ăn chay, vẫn thường làm

người ta lầm tưởng rằng mùa xuân đã sắp đến bởi vẻ mịn màng, sắc màu trắng toát. Trên con đường ngập tuyết, một chiếc xe êm nhẹ lao vút qua bên tôi, người xà ích dường như mới uống rượu qua loa ở đâu đấy, vẻ mặt điềm nhiên vô tâm như đang sắp sửa gặp một điều gì tốt lành, may mắn... Cảnh đó có gì khác thường đâu? Nhưng lúc này dường như mỗi ấn tượng thoáng qua đều làm tôi xúc động, trong giây lát gợi cho tôi niềm khát khao không để cho ấn tượng đó bị bỏ qua, biến mất đi; lóe chớp trong đầu tôi ước muốn biến nó thành sở hữu của mình, rút ra được một cái gì đó. Đấy, như người xà ích này, anh ta hiện thoáng qua trước mắt tôi, khắc sâu vào ký ức tôi, biến thành một hình ảnh lạ lùng chốc lát, khiến tôi còn vương vấn rất lâu!

Tiếp đó là cái cổng của một ngôi nhà giàu có, bên hè trước cổng là một chiếc xe mui màu đen bóng đang đổ hiện ra dưới làn tuyết trắng, đôi bánh xe sau to tướng phần ngập trong tuyết cũ, phần bám đầy những bông tuyết mịn mềm mới rơi. Tôi lững thững đi qua, liếc mắt nhìn cái thân hình vạm vỡ của người xà ích đang ngồi trên ghế trước, đầu đội chiếc mũ vuông to bè bè như cái gối. Tôi bỗng thấy đằng sau cửa kính xe, trong chiếc hộp kết bằng vải lụa có một con chó xinh nhỏ đang ngồi, run run chăm chú nhìn ra như muốn nói điều gì đó, tai nó dài đẹp như một cái nơ to. Cảnh tượng đó lại thoáng hiện qua như

ánh chớp, như niềm vui vụt sáng: đừng quên, hãy đừng quên con chó nhỏ với đôi tai kỳ lạ!

Tôi ghé vào thư viện. Đây là một thư viện cổ, rất ít nơi có kho sách phong phú như ở đó. Nhưng trông thật tiêu điều, chẳng ai cần đến nó cả! Một ngôi nhà cũ kỹ hoang tàn, với những hành lang rộng trống trải, cầu thang lạnh lẽo dẫn lên tầng hai, cánh cửa bọc da loang lổ lộ ra sau lớp vải nhựa. Từ trên gác xuống dưới nhà có ba phòng lớn xếp đầy những sách đã sờn gáy nhàu nát. Một cái bàn thấp dài, một căn buồng nhỏ, nơi làm việc của bà phụ trách thư viện, người thấp bé, ngực lép, vẻ mặt thờ ơ lãnh đạm, mặc bộ đồ đen, bàn tay gầy gò nhợt nhạt, vấy mực ở ngón giữa. Còn có một cậu bé nhếch nhác, mặc áo sơ mi xám, đầu nhỏ như đầu chuột, tóc bờm xồm lâu không cắt; cậu ta thừa hành những việc bà kia giao cho...

Tôi vào phòng đọc, một căn phòng hình tròn ám đầy mùi khói, ở giữa kê một chiếc bàn tròn trên đặt mấy tờ báo "Tin giáo xứ", "Người hành hương Nga". Bên cạnh bàn có một chàng học sinh gầy gò đang ngồi, lưng cúi xuống, với vẻ như giấu giếm lật lật các trang một cuốn rất dày; cậu ta mặc chiếc áo dạ ngắn sờn cũ, luôn tay cầm khăn mùi soa cẩn thận lau mũi... Còn ai ngồi ở đấy nữa đâu, ngoài hai chúng tôi, hai kẻ kỳ dị như nhau về sự cô độc, cũng như về những gì chọn đọc. Chàng học sinh đọc một cuốn

sách hoàn toàn là quái gở đối với lứa tuổi đó - cuốn "Eường cày". Phần tôi, bà phụ trách thư viện cũng nhiều lần nhìn với đầy vẻ ngạc nhiên khó hiểu: tôi hỏi mượn các báo cũ như "Con ong phương Bắc", "Tin Matxcơva", "Sao Bắc đẩu", "Bông hoa phương Bắc", "Người đồng thời" của Puskin... Tuy nhiên, tôi cũng có mượn cả những cái mới in nữa - tí dụ như là đủ các loại sách "Tiểu sử các danh nhân": tôi đọc những sách này để cố tìm trong đó sự nâng đỡ tinh thần, để với cảm giác đầy ghen tị tự so sánh mình với các danh nhân kia... Ôi các danh nhân! Trên trái đất này đã có vô số những nhà thơ, nhà tiêu thuyết, thế rồi còn là nguyên vẹn được bao nhiêu người? Quanh đi quẩn lại vẫn gặp bấy nhiêu cái tên bất tử qua thời gian, năm tháng! Hôme, Hôraxơ, Viécginlơ, Dantơ, Pét'racca... Sếchxpia, Bairơn, Senli, Gơrơ... Raxin, Môlie... Rồi vẫn thấy tiểu thuyết "Đôn Kihôtê", rồi vẫn là truyện "Nàng Manông Lexcô"... Tôi còn nhớ trong căn phòng này lần đầu tiên tôi được đọc Radisép với cảm giác đầy khâm phục: "Tôi nhìn ra xung quanh - lòng tôi bỗng đau như cắt trước nỗi thống khổ của nhân loại!".

Đến chập tối tôi rời thư viện, lững lờ đi dọc những con phố đang sắp vào đêm. Đó đây vang vang từng hồi chuông chậm chậm điểm. Lòng nặng trĩu những ý nghĩ buồn rầu về mình, về nàng, về ngôi nhà thân thiết ở quê xa, tôi ghé vào nhà thờ. Ở

đây cũng có cái gì đó mà không ai thiết đến. Bên trong trống trải bóng tối mờ mờ, leo lắt vài ngọn nến, thấp thoáng bóng vài ông già, bà già. Sau cái bực đặt mấy ngọn nến là viên trụ tế nhà thờ đang đứng yên bất động, nhẵn nại, mái tóc màu xám rẽ ngôi giữa như kiểu người dân quê, mắt nhìn qua nhìn lại với vẻ nghiêm nghị của một thương nhân. Lão gác nhà thờ lê đôi chân mệt mỏi đến chỗ này thì sửa lại ngọn nến bị đặt nghiêng quá cháy tỏa ra mùi khói và mùi sáp, sau đó bàn tay già nua của ông lão vo vo lại những mẩu nến thừa thành cục sáp to. Có thể thấy rằng ông lão chán ngấy đến tận cổ tất cả sự tồn tại khó hiểu trên trần gian này của chúng ta, ngán ngẩm với tất cả sự bí ẩn của nó: nào là lễ khai sinh đặt tên, nào là lễ uống rượu vang cùng bánh thánh, nào là lễ kết hôn rồi lễ cầu hôn, cùng bao ngày lễ khác quanh năm suốt tháng lần lượt nối tiếp nhau. Vị linh mục mặc chiếc áo thụng, mái tóc dài như phụ nữ, quay mặt về phía đặt tượng chúa, cúi gập người khiến chiếc vòng thánh giá đeo trên cổ cũng thông xuống; giọng ông lên bổng xuống trầm lan đi trong khoảng không trống rỗng mờ mờ ảm đạm: "Giêsuma, lay chúa tôi...".

Lặng lẽ bước ra khỏi nhà thờ, tôi lại thở hít khí trời lành lạnh cuối đông, nhìn thấy chiều hoàng hôn u ám. Với vẻ nhẵn nhụi đầy cố ý, một kẻ hành khất đầu bạc trắng cúi mình xuống trước tôi, lòng bàn tay

khum khum chìa ra. Khi nhận được đồng năm xu, lão ta liền nắm tay lại, nhìn thoáng qua tôi và bất chợt làm tôi ngạc nhiên: lão ta có đôi mắt xanh ươn ướt, đôi mắt của một kẻ nghiện ngập từ lâu, và một cái mũi to như trái cà chua hằn lên ba mũi lớn... Tôi lại vớ được một chi tiết kỳ thú đầy sức ám ảnh: cái mũi cà chua hằn lên ba mũi!

Tôi đi xuôi theo phố Bônkhốpxcaia, mắt nhìn lên bầu trời đang ngả màu xám sẫm - trong tầm mắt tôi là hình thù, đường nét của những mái nhà cũ kỹ chứa đựng một vẻ đẹp êm đềm khó hiểu. Một mái nhà xưa cũ của con người - ai đã từng viết về điều này? Đèn đường đã thấp lên, ánh sáng ấm áp tỏa ra từ các cửa hiệu, những bóng đen lẫm lẫm đi trên vỉa hè, bóng tối đã trùm lên thành phố ngọt ngào, êm dịu... Tôi như nhìn lên lưng họ, giày ủng họ, cổ hiệu, cố đoán ra, cố hóa thân vào họ... Phải viết thôi! Cần phải viết về những mái nhà, những đôi ủng, những cái lưng...

Tôi rảo bước đi tới bờ sông Orolích. Hoàng hôn đã nhường chỗ cho bóng đêm, ngọn đèn đường thấp bằng khí đốt bên cầu tỏa sáng. Dưới cột đèn là một người lang thang, trên mình mặc mỗi chiếc áo vải rách bươm, quần cộc màu hồng, bàn chân không giày cước đỏ giẫm trên tuyết, mặt phù lên sần sùi, đôi mắt bé đùng đục, lạnh băng; người này cúi mình xuống, hai tay cặp vào dưới nách, run như cây sậy

liếc nhìn tôi với đầy vẻ khúm núm sợ sệt và ngọng nghịu cất tiếng: "Dạ thưa ngài!...". Rất nhanh, như một tên trộm, tôi túm lấy anh ta, kéo anh ta nép bên mình rồi dúi hẳn cho anh ta một hào... Cuộc sống thật ghê sợ! Nhưng liệu có đúng là ghê sợ không? Có thể rằng nó là một cái gì đó hoàn toàn khác hơn nhiều so với cái gọi là "ghê sợ"? Cách đây vài ngày tôi chẳng đã dúi năm xu cho một kẻ chân đất rách rưới như thế và ngây ngô kêu lên: "Dù sao thì người sống thế này cũng đáng sợ quá đấy!". Và thật là lạ, anh ta đã bất ngờ táo tợn mà đáp lại sự ngô nghê của tôi với giọng khàn khàn, rần rở, đầy bức bối: "Hoàn toàn không có gì đáng sợ đâu, anh bạn trẻ ạ!". Bên kia cầu, ở tầng dưới một ngôi nhà lớn, ánh đèn sáng choang tỏa ra từ tủ kính trưng bày của một cửa hiệu chuyên bán giò chả, những khúc giò, những súc thịt giảm-bông lớn đủ các loại treo đầy trong đó. "Những nghịch cảnh của xã hội!" - Tôi chưa chat nhĩ lắm, rồi bước theo ai đó qua ánh sáng lộng lẫy của tủ kính bày hàng... Ở phố Maxcốpxcaia tôi ghé vào một quán trà, nơi những người xà ích thường lui tới; tôi ngồi lại ở đây trong tiếng chuyện trò âm ào, trong cảnh chật chội đầy hơi ẩm, tôi nhìn lên những gương mặt đỏ au, đầy đặn với bộ râu màu hung, nhìn lên cái khay hoen rỉ, mố meo trên đó có đặt hai chiếc ấm trắng với sợi dây ướn buộc từ nắp xuống quai... Đó là sự quan sát cảnh sinh hoạt dân già chăng? Không đâu,

tôi chỉ quan sát cái khay này, cái sợi dây ướt nhèm này thôi!

XII

Có lần tôi đi ra ga. Phía ngoài cổng khái hoàn là bắt đầu một vùng tối đen, cảnh đêm hoang vu của vùng hẻo lánh. Tôi tự hình dung ra cho mình một thị trấn nhỏ bé nào đó, không ai biết tôi, chưa từng tồn tại, chỉ có trong trí tưởng tượng của tôi nhưng lại là nơi mà cả cuộc đời tôi đã trôi qua. Tôi nhìn thấy những con phố rộng phủ đầy tuyết, những ngôi nhà tối tàn sẫm tối hiện ra trên tuyết và một ánh đèn đỏ quạch sau cửa sổ một ngôi nhà... Và với niềm cảm hứng say sưa tôi dứt khoát tự nhủ mình: phải rồi, phải rồi, phải viết như thế, chỉ cần ba chữ: tuyết, ngôi nhà và ngọn đèn trong đó... không cần thêm gì nữa! Ngọn gió đông mùa đông đưa lại tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa đang chạy ở đâu đó và cái mùi than đá đang cháy, gợi lên một cảm giác ngọt ngào đầy náo nức về những khoảng trời xa. Những chiếc xe đen sẫm chở đầy hành khách lao ngược chiều về phía tôi - chuyến tàu đưa thư báo từ Matxcova đã tới chăng? - Đúng thế. Phòng điểm tâm nóng bức đầy người, đầy mùi xào nấu, mùi trà từ ấm *xamôva*; đám hầu bàn người *tácta* chạy đi chạy lại, tà áo choàng phơ phất, trông anh nào chân cẳng cũng vòng kiềng,

da dẻ sẫm nâu, gò má cao, mắt to như mắt ngựa, cái đầu tròn vo với mái tóc màu chì cắt ngắn. Sau chiếc bàn dài là cả một đám lái buôn; bọn quan thị thì ngồi ăn cá chiên nguội với củ cải *khoren*. những bộ mặt trông như mặt đàn bà to bè bè và vàng như nghệ, những cặp mắt ti hí, những chiếc áo lông chồn...

Quán sách ngoài ga bao giờ cũng có vẻ hấp dẫn kỳ thú đối với tôi, - và thế rồi tôi như con sói đói đi vòng quanh quán, vươn mình nhìn ngó những đầu đề trên gáy sách màu vàng, màu xám của nhà xuất bản Xuvôrin.

Những cái đó làm thức dậy trong tôi niềm khát khao vĩnh cửu mơ tới những toa tàu, những con đường xa lạ, khiến tôi bỗng trào lên nỗi nhớ nàng, người con gái mà nếu được cùng nàng đi đâu đó tôi đã có thể cảm thấy mình hạnh phúc khôn tả. Tôi vội vàng rời khỏi ga, nhảy lên một chiếc xe ngựa, trở vào thành phố, đến tòa soạn. Sự pha trộn giữa cảm giác về tốc độ và nỗi đau nhói nhói trong tim bao giờ cũng thật dễ chịu! Ngồi trên chiếc xe trượt lúc lao xuống chỗ trũng, lúc lại trồi lên gò cao, tôi ngẩng đầu lên - đêm nay hóa ra lại có trăng: vầng trăng mờ nhạt trắng trắng loáng thoáng hiện ra sau màn mây lạnh giá đang trôi đi. Vầng trăng sao cao xa, sao lạnh lẽo với mọi người! Mây vẫn lững lờ trôi đi, lúc để lộ vầng trăng, khi che khuất nó - còn nó thì vẫn đứng đưng, dường như chẳng thèm để ý gì đến mây! Tôi

ngửa cổ ra phía sau, không rời mắt nhìn trăng và cố tìm hiểu, nhận biết nó mỗi khi nó vụt hiện ra khỏi mây và tỏa sáng: trăng là cái gì vậy? Là tấm mặt nạ trắng của một thiên thể đã chết ư? Nó tỏa sáng từ bên trong nhưng là thế nào mới được. Nó như là sáp trắng chẳng? Phải rồi, phải rồi sáp trắng! Một lúc nào đó sau này tôi sẽ nói như vậy!

Ở hành lang tòa soạn tôi bắt gặp Avilova với vẻ mặt đầy ngạc nhiên: "Ồ, anh đến đúng lúc quá! Chúng ta đi nghe hòa nhạc nhé!". Nàng mặc bộ váy áo màu đen viền đăng ten rất đẹp, làm thân hình nàng như thon nhỏ lại, để lộ đôi vai, cánh tay và phía trên ngực mịn màng, nàng chải đầu trong hiệu, da đỏ hơi đánh phấn một chút, vì thế mà đôi mắt trong sáng thêm, đen thêm. Tôi khoác cho nàng chiếc áo lông, cố gắng lắm tôi mới tự kiềm chế được để bất ngờ cúi xuống hôn lên đôi vai trần gần gũi thân thiết, mái tóc quăn quăn thơm ngát mùi hương...

Trên sân khấu của Lễ đường quý tộc với những chùm đèn treo sáng rực là các diễn viên nổi tiếng từ Thủ đô tới. Một nữ ca sĩ xinh đẹp và một chàng danh ca tóc đen cao lớn; như hầu hết các nam ca sĩ khác, anh này làm mọi người ngạc nhiên về sức lực cường tráng khác thường, có vẻ gì thô thô như gợi nhớ đến một chú ngựa nòi. Anh ta đi đôi giày da đen bóng loáng to tướng, chiếc áo đuôi tôm may rất đẹp, áo sơ mi trắng toát với chiếc cà-vạt cũng màu trắng; anh ta

cất giọng hát khỏe vang, đầy vẻ táo tợn, cương nghị và nghiêm khắc đáng sợ. Còn nàng lúc thì hát theo một giai điệu riêng, lúc thì hòa cùng giọng hát, vội vàng đối đáp lại anh ta, ngắt giọng hát của anh ta bằng những lời trách móc dịu dàng, lời than vãn buồn buồn tha thiết cùng niềm vui đầy mê say với những nốt luyến láy nhanh nhanh, ngây ngây...

XIII

Tôi thường choàng tỉnh dậy khi trời còn chưa sáng. Liếc nhìn lên đồng hồ nhiều lần thấy chưa tới bảy giờ. Tôi rất thèm chui vào chăn trở lại, nằm thêm một lúc mà hưởng cái ấm áp: căn buồng tôi ở vừa lạnh vừa tối tối, giữa cảnh yên lặng của khách sạn mà mọi người trong đấy còn đang ngủ chỉ nghe thấy tiếng động nào đấy rất sớm sủa - ở tận cuối hành lang người phục vụ đang lau cọ sàn nhà. Nhưng một nỗi sợ ghê gớm chợt đến với tôi, - nỗi sợ lại tiêu phí vô bổ thêm một ngày nữa; tôi nóng ruột được sớm ngồi vào bàn, sớm chừng nào hay chừng ấy, để bắt tay vào việc viết một cách nghiêm chỉnh! Tôi bỏ ra rung chuông, tiếng chuông dai dẳng lan đi dọc theo hành lang. Mọi thứ chung quanh tôi thật xa lạ và đáng ghét - cái khách sạn này với người hầu phòng nhếch nhác đang lép nhép cọ sàn, với cái bồn rửa bằng sành nhem nhuốc có vòi nước lạnh buốt tóe lên

mặt! Thân hình trẻ trung mà gầy gò trong chiếc áo ngủ mỏng của tôi sao mà thấm hại thế, còn chú bồ câu đậu trên bậu cửa sổ đầy tuyết ngoài lớp kính thì co ro thu mình lại không nhúc nhích. Một ý nghĩ táo tợn đầy vui thú bỗng lóe lên trong đầu tôi: thôi, bây giờ thì trở về ngay Baturinô thôi, về với ngôi nhà êm ấm, thân yêu! Tuy nhiên, sau khi uống qua quýt cốc nước chè, nhặt nhanh mấy cuốn sách nằm trên chiếc bàn thấp nhỏ đặt cạnh bồn rửa mặt gần cửa dẫn sang căn buồng khác, nơi có một phụ nữ vẻ mặt xanh xao, buồn buồn xinh đẹp sống với đứa con tám tuổi, tôi lại bị cuốn hút vào cái việc vẫn thường diễn ra sáng sáng: chuẩn bị cho mình tâm trạng để viết - tôi cố tách bạch những ý nghĩ, tình cảm đang ẩn chứa trong lòng, cố tìm ra trong mình điều gì đó đang định hình, đang rõ nét... Tôi chờ đợi cái phút ấy tới - nhưng cảm thấy sợ rằng mọi chuyện rồi sẽ lại kết thúc bằng chờ đợi, bằng nỗi lo âu mỗi lúc một thêm bồn chồn, bằng đôi tay lạnh giá rồi tiếp đó là sự tuyệt vọng hoàn toàn đến nỗi phải bỏ chạy ra ngoài phố, tới tòa soạn.

Mọi ý nghĩ trong đầu lại xáo trộn lên tất cả, có cái gì đó dần vật đầu đốn chẳng có gì mạch lạc, lẫn lộn giữa bao tình cảm, suy tư khác biệt nhau nhất... Luôn luôn ám ảnh tâm trí tôi chủ yếu là một điều gì đó rất riêng tư, - lẽ nào quả tình tôi đã bị thu hút bởi những người khác, cho dù tôi có quan sát họ chăm

chú đến đâu? Được rồi, có thể là tôi cứ bắt đầu viết một cái truyện về chính mình chẳng? Nhưng mà viết thế nào? Hay là đơn giản hơn thế nữa? "Tôi sinh ra ở đâu đó, vào ngày nào đó...". Nhưng mà, lạy chúa, thế thì khô khan, vô nghĩa lý - và chẳng đúng gì cả? Bởi tôi cảm thấy một điều hoàn toàn khác kia! Nói ra điều này thật bất tiện và đáng xấu hổ, nhưng đúng là như thế: tôi sinh ra trong vũ trụ, giữa cái vô tận của thời gian và không gian, nơi vào một lúc nào đó ngày xưa một thái dương hệ đã hình thành, rồi sau đó có cái được gọi là mặt trời, có cái được gọi là trái đất... Nhưng thế là thế nào? Tôi biết gì về điều này ngoài những từ trống rỗng? Trái đất mới đầu là một vật thể dạng khí tỏa sáng... Hàng triệu triệu năm sau, vật thể khi đó hóa thành dạng lỏng, rồi từ lỏng chuyển sang thể rắn; từ đấy hình như lại thêm hai triệu năm nữa trôi qua, trên trái đất bắt đầu xuất hiện những sinh vật đơn bào như các loại tảo, trùng cỏ,... Rồi tiếp đến là động vật không xương sống: giun, sứa... Rồi đến loài lưỡng thể... Sau đó là những loài bò sát khổng lồ... Rồi xuất hiện một thứ người ăn lông ở lỗ, rồi người đó tìm ra được lửa... Tiếp đó xuất hiện những miền văn minh Khandây, Átxiri, một nước Ai Cập dường như chỉ lo mỗi việc xây kim tự tháp và ướp xác... Một vị tên là Actácxa nào đó ra lệnh đánh Genlêxpôn... Rồi còn Pêrich và Axpadia, trận giao chiến ở Phéc-mô-pin, trận Maratông... Tuy

nhiên rất lâu trước khi các sự kiện đó xảy ra là những ngày kỳ diệu, khi Avoraam đứng lên cùng đàn súc vật của mình đi tới miền đất hứa... "Với niềm tin, Avoraam tuân theo thiên chức đi tới miền đất mà ngài được thừa hưởng, và ngài cứ lên đường không biết đi đâu...". Đúng là không biết! Giống hệt như tôi lúc này đây! "Với niềm tin, tuân theo thiên chức...". Nhưng mà tin vào cái gì? Tin vào lòng nhân hậu chan chứa tình yêu mà Thượng đế ban phát. "Và cứ lên đường, không biết đi đâu...". Không, tôi có biết đấy: tôi đang khao khát kiếm tìm hạnh phúc, tức là đang hướng tới cái gì tốt đẹp, êm dịu, cái gì đem lại niềm vui, tức là tình yêu, là cuộc sống... Vậy thì tôi lúc nào cũng đã sống như vậy - đã chỉ sống bằng những cái gì gợi được tình yêu và nỗi vui...

Từ phía sau cánh cửa gần chiếc bàn nhỏ đã vang sang giọng nói của đàn bà và con trẻ, tiếng tháo nước xối xả. Ấm trà đã pha xong và có tiếng nài ép: "Kôxchenca, con ăn bánh mì đi này!". Tôi đứng dậy và đi đi lại lại trong căn buồng. Lại còn cái cậu Kôxchenca này nữa chứ... Người mẹ, sau khi cho con uống nước chè xong, thường bỏ đi đâu đó tới trưa. Trở về nhà, bà đun nấu gì đó trên bếp dầu, cho con ăn rồi lại đi. Và cũng thật là khổ sở khi phải chứng kiến cái cảnh cậu Kôxchenca, - cái cậu bé đường như đã thành một thứ con chung của khách sạn, - suốt ngày tha thần lân la khắp các buồng, lúc ghé vào chỗ

người này, khi tới chỗ người kia; gặp ai ngồi ở nhà, cậu ta rụt rè nói câu gì đó, đôi lúc cố nói điều gì đó cốt làm vừa lòng người này, người nọ, nhưng chẳng ai thèm nghe nó cả, có người còn vội đuổi nó đi: "Này, cậu bé, cậu đi chỗ khác đi, đừng quấy nhiễu như vậy nhé!".

Trong một phòng có một bà già nhỏ nhắn ở thuê; bà này trông rất nghiêm nghị, đường hoàng, bà ta tự coi mình cao sang hơn hết thấy những người cùng ở thuê; ngoài hành lang bà ta bao giờ cũng đi mà không thèm nhìn ai, thường rất hay khóa trái cửa nhà vệ sinh và ở trong đó rất lâu, trước khi ra khỏi đó thì xối nước ào ào. Bà này có một con chó lông xù rất to, béo núc ních thành ngấn nơi cổ, đôi mắt lồi trong trong, cái mũi héch tẹt gí, cái hàm dưới dô ra đầy vẻ hợm hĩnh, cái lưỡi thè ra giữa hai chiếc răng nanh như lưỡi cóc. Con chó này hầu như lúc nào cũng có vẻ chăm chú đầy xác xược, nó tỏ ra rất dễ bị kích động. Chẳng hạn như nếu cậu Xôxchenca bị ai đó đuổi ra khỏi phòng và gặp phải con chó này ngoài hành lang, thì liền ngay đó nghe thấy tiếng chó kêu ăng ẳng như bị ngạt thở, rồi chuyển sang thành tiếng sủa vang to, dữ tợn như điên khiến cậu bé Xôxchenca khóc thét lên hoảng hốt...

Tôi lại ngồi vào bàn và tự giãi vờ với sự nghèo nàn của cuộc sống cùng tính phức tạp ghê gớm của nó ẩn đằng sau cái vẻ bình thường dung dị. Bây giờ

thì tôi muốn chuyển sang nói cái gì đó về cậu bé Kôxchenca, về một điều gì na ná như vậy. Chẳng hạn như ở quán trọ của bà Nhiculina có lần một bà thợ may đứng tuổi đến làm thuê chùng một tuần; bà ta pha cắt vải trên bàn thành những mảnh rời, rồi sau đó đặt vào máy khâu và đập máy... Thật đầy thú vị mà quan sát bà ta: khi cắt vải, mồm bà luôn luôn méo mó tựa như cố lựa theo đường kéo; khi ngồi thưởng thức nước chè bên chiếc ấm *Xamôva*, bà ta luôn cố nói điều gì đó làm đẹp lòng bà Nhiculina; khi giả vờ hào hứng nói chuyện thu hút bà chủ quán trọ, bà ta làm như vô tình giơ bàn tay to bè bè về phía cái làn đựng những miếng bánh mì trắng và liếc nhìn chiếc bình lục lẳng đựng mứt quả! Lại còn người phụ nữ chống nạng mà mấy hôm trước tôi gặp ngoài phố Kalatriópxcaia nữa thì sao? Thường thì những người thọt hay gù lưng đều đi với vẻ kênh kiệu, khiêu khích. Còn người phụ nữ này thì khập khiễng đi về phía tôi, hai tay chống hai chiếc nạng đen, mỗi lần nhấc chân là một lần nhịp nhàng tì hai tay vào nạng, hai bả vai nhô cao lên; chị ta chăm chú nhìn tôi, chiếc áo lông ngắn ngắn như của một cô bé, đôi mắt màu nâu trong sáng, linh lợi như mắt trẻ thơ nhưng đồng thời lại có vẻ hiểu biết cuộc đời với tất cả nỗi buồn vui bí ẩn của nó... Đôi khi ta gặp những con người bất hạnh với gương mặt thật đẹp như vậy, cả tâm hồn họ dường như lộ ra qua đôi mắt!

Sau đó tôi lại trầm ngâm nghĩ ngợi xem thử nên viết về đời mình bắt đầu từ đâu. Phải rồi, từ đâu chứ! Dù sao trước tiên nếu không nói đến vũ trụ, nơi mà tôi đã xuất hiện vào một giờ phút nào đó, thì ít ra cũng phải nói về nước Nga: cần làm cho độc giả hiểu rằng tôi thuộc về đất nước nào, do kết quả của một cuộc sống thế nào mà tôi đã ra đời. Tuy nhiên, tôi đã biết được cái gì cả về điểm này cơ chứ? Sinh hoạt dòng họ của người *Xlavơ*, mối bất hòa giữa các dòng họ *Xlavơ*... Người *Xlavơ* thường có tầm vóc cao, tóc màu nâu nhạt, tính tình dũng cảm, mến khách; họ thờ mặt trời, sấm chớp, kính nể thần rừng, tiên cá, nói chung là trọng thị "mọi thế lực và hiện tượng của thiên nhiên"... Còn gì nữa? Còn việc mời mọc các công tước về kinh, các sứ thần từ kinh đô tới chỗ công tước Vladimia, việc hất đổ Pêrun xuống dòng sông Đơnhép trong tiếng kêu khóc của dân chúng... Rồi công tước Iaroxláp uyên thâm và cuộc tranh chấp giữa đám con cháu của ngài... rồi còn Voxévôlốt Tổ lớn nữa... Nhưng cần nói thêm rằng, - thậm chí chẳng biết gì về nước Nga hôm nay! Đại khái là có thể nói tới các vị thần chủ đang phá sản, đám dân quê nghèo đói, các bậc thủ lãnh hội đồng địa phương, đám sen đầm, cảnh sát, các chức sắc nhà thờ ở nông thôn, những người mang nặng gánh gia đình, - nói theo từ ngữ của các nhà văn... Tiếp đó là cái gì? Đấy, như cái xứ Ôriôn này, một trong những thành

phố Nga chính cống, - lẽ ra thì phải hiểu rõ ngọn ngành cuộc sống và con người thành phố ấy, nhưng mà tôi đã biết được gì? Phố xá, xe cộ, đường phủ đầy tuyết hằn những vết bánh xe, các cửa hàng và các tấm bảng hiệu, - chỗ nào cũng thấy bảng hiệu... Đức giáo chủ, ngài tỉnh trưởng... ngài cảnh sát trưởng Rasépki to như hộ pháp, đẹp trai và dữ tợn. Còn ngài Palixun nữa chứ: đó là niềm vinh quang của Ôrion, một trong những nhân vật rường cột của thành phố, một trong những người kỳ dị mà từ lâu nước Nga vẫn thường nổi tiếng là hay có: ông ta tuổi đã cao, dòng dõi quý phái, bạn của các nhà văn Ácxacốp, Lexcốp, sống trong ngôi nhà theo kiểu lều trại của người Nga cổ xưa, trên tường nhà xếp bằng gỗ nguyên súc treo đầy những bức tranh thánh cổ hiếm gặp; ông ta thường mặc chiếc áo dài rộng thùng thình có đính những miếng da mỏng nhiều màu, mái tóc cắt trông như cái nôi úp trên đầu, gương mặt răn rỏi, đôi mắt ti hí nheo nheo, trí tuệ rất sắc sảo, theo lời đồn đại thì ông ta học vấn uyên thâm, đọc thiên kinh vạn quyển... Nhưng rồi tôi biết gì hơn nữa về cái ông Palixun này? Hoàn toàn mù tịt!

Nhưng liền ngay đó tôi cảm thấy tức tối: vì sao mà tôi buộc phải hiểu hoàn toàn đầy đủ về một điều gì đó, về một ai đó; tại sao tôi không viết như mình biết, như mình cảm nhận! Tôi lại đứng phắt dậy, đi lại trong phòng, thích thú với cảm giác tức giận của

mình, níu vào đấy như níu vào tấm lan can nường tựa... Và bất ngờ tôi nhớ lại tu viện Xviatôgo, nơi mùa xuân năm ngoái tôi đã đến; tôi như nhìn thấy trước mặt đám người đi lễ từ khắp nơi đến đứng cạnh tường tu viện bên bờ sông Đôn-xc, nhìn thấy anh chàng trợ tế mà tôi đã phải săn đuổi một cách vô ích khắp sân tu viện rồi cuối cùng cũng không nhờ được anh ta thu xếp cho một chỗ ngủ qua đêm; anh ta nhún vai, chạy khỏi chỗ tôi đứng, tay chân vung cao, mái tóc cùng vạt áo đều phơ phất bay; cái eo lưng của anh ta thật thon thả và mềm mại như ở trẻ thơ, mặt đầy tàn hương, đôi mắt xanh đầy sợ hãi, và mái tóc dày vàng vàng óng ả, sợi mảnh mai nhẹ như tơ...

Rồi tôi lại nhớ tới những ngày xuân khi tôi có cảm giác mình đang trôi xuôi vô tận theo dòng sông Đơ-nhép... Rồi bình minh tới giữa một thảo nguyên nào đó... tôi bừng tỉnh trên chiếc ghế băng ở một toa tàu, toàn thân tê cứng vì cái lạnh buổi sớm, cửa kính bám đầy hơi nước đóng băng trắng xóa không nhìn thấy gì bên ngoài, - hoàn toàn không biết rằng tàu đang chạy qua đâu! - Tôi cảm thấy rằng chính sự bí ẩn đó mới thật là kỳ thú... tôi chồm dậy mở cửa sổ, chống khuỷu tay lên đó: bên ngoài là buổi sáng, mờ mờ sương trắng đục phảng phất hương vị mùa xuân, tàu chạy nhanh, hơi lạnh buốt nhói phả lên mặt, lên tay...

XIV

Có lần tôi không hiểu vì sao tôi ngủ quá giờ định sẵn. Tỉnh dậy rồi, tôi vẫn nằm yên ở tư thế đã nằm - nhìn ra cửa sổ, nhìn cái ánh sáng trắng trắng nhờ nhờ buổi sớm mùa đông, lòng cảm thấy bình yên vô cùng, đầu óc thật là tỉnh táo, thế giới chung quanh thật bé nhỏ, dung dị. Tôi cứ nằm như thế một lúc lâu với cảm giác căn phòng tôi ở sao mà nhẹ nhõm thế, - nó dường như nhỏ hơn cả tôi, không hề gấn bó chút nào với tôi cả. Sau đó tôi rời khỏi giường, đi rửa mặt, mặc quần áo vào rồi làm dấu trước bức ảnh thánh treo phía đầu chiếc giường sắt rẻ tiền tôi nằm. Kể cũng lạ, chính bức phù điêu đó giờ đây đang được treo trong phòng ngủ của tôi: đó là một tấm gỗ nhỏ màu nâu sẫm viền khung bạc khá thô, trên đó tạc hình nổi ba vị thiên thần ngồi sau chiếc bàn của Avơraam. Bức phù điêu này là di vật khách lệ tôi bước lên đường đời, đưa tôi bước vào thế giới từ những năm tháng ấu thơ có gì giống giống như cảnh tu hành, cái thời giờ đây dường như đã thành một thời khác thường, kỳ diệu như trong huyền thoại; cái thời ấy đã lùi xa đến nỗi dường như nó đã trở nên một mảnh đời riêng biệt, xa lạ với cả chính tôi...

Làm dấu xong, tôi đi mua mấy thứ mà tôi đã nghĩ ra khi còn đang nằm. Trên đường đi, tôi nhớ lại giấc mơ đêm qua: vào dịp lễ tổng tiễn mùa đông, tôi lại sống ở nhà Rôxtốp-xép, ngồi cạnh bố trong rạp

xiếc, nhìn lên vũ đài, một đàn sáu con ngựa thấp lè tè chạy ra, chúng đều được thắt yên cương nhỏ có đính chuông, chúng phi chậm chậm, thành hàng lối đều đặn, chuông rung leng keng, đầu cúi xuống đầy vẻ dử tợn, ngang ngược; các chú ngựa này, lông giống nhau như tạc, dáng vóc bằng nhau chẵn chẵn, hai bên hông đều phình ra, chân ngắn cùn cùn; chúng chạy ra vũ đài được một lúc thì bỗng đứng sững lại, nhai nhai hàm thiếc, rung rung gù lông buộc trên cổ... Vị chủ gánh xiếc mặc áo đuôi tôm quát tháo một hồi, quát roi vun vút, cuối cùng mới bắt được mấy chú ngựa ấy quỳ chân trước xuống chào khán giả, sau đó một điệu nhạc rộn rã vang lên với nhịp điệu rất nhanh thúc cả đàn ngựa chạy thành hàng dài quanh vũ đài như rượt đuổi nhau... Tôi rẽ vào cửa hàng giấy bút, mua một cuốn vở dày bọc trong bìa nhựa đen. Trở về nhà, tôi ngồi uống trà và nghĩ: "Thôi, được rồi. Từ giờ mình chỉ đọc thôi, thỉnh thoảng nếu hứng lên thì ghi chép ngắn gọn đôi điều về mọi suy nghĩ, tình cảm, quan sát...". Tôi chấm bút vào lọ mực rồi nắn nét viết rành rẽ:

- *Aléxây Ácxénhép. Ghi chép.*

Sau đó tôi ngồi rất lâu nghĩ xem nên ghi lại cái gì, hút thuốc nhả khói đầy phòng, nhưng tôi không cảm thấy bị dẫn dắt mà chỉ buồn buồn, lặng lẽ. Cuối cùng tôi hạ bút ghi:

- Vị công tước N., một môn đồ nổi tiếng của giáo

thuyết Tônxtôi, đã tới tòa soạn yêu cầu đăng báo cáo của ông ta về việc quyên góp và chi tiêu trợ giúp cho những người bị đói ở vùng Tula. Ông ta không cao, thân hình khá béo. Ung da mềm như kiểu miền Kapcadơ, mũ lông cừu, bành tồ với cổ lông cừu, - mấy thứ này đều thuộc loại sang trọng đắt tiền, tuy sờn cũ nhưng rất sạch sẽ, - chiếc áo sơ mi vải mềm mại, màu xám, thắt dây lưng hằn rõ cái bụng căng tròn, đeo kính vàng. Thái độ ông ta tỏ ra rất khiêm nhường, nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu với cái bộ mặt bảnh bao, nhẵn nhụi, trắng trợt và đôi mắt lạnh tanh của ông ta. Ngay lập tức tôi ác cảm với ông ta. Tất nhiên tôi không phải là môn đệ của giáo thuyết Tônxtôi. Nhưng dù sao thì tôi cũng hoàn toàn không giống như mọi người khác nghĩ. Tôi mong sao cho cuộc sống và con người trở nên chật hẹp, gợi được tình yêu, niềm vui, và tôi căm ghét những gì ngăn cản điều đó.

- Cách đây không lâu. Tôi đi ngược lên theo phố Bônkhốpxcaia, và trông thấy cảnh tượng thế này: mặt trời đã xuống, giá lạnh, khoảng trời phía tây như thoáng đang thêm ra, và từ phía chân trời lạnh giá đang ngả màu xanh lục trong trong ấy một ánh chiều thanh thản đang trườn lên thành phố, một ánh chiều ảm chứa một nỗi buồn khôn tả; và trên vỉa hè là ông già rách rưới, mặt mày lạnh tím tái đang đứng quay quay chiếc đàn hộp, âm thanh trầm bổng nghe như

tiếng sáo lan đi giữa bóng chiều lạnh lẽo, một giai điệu mơ màng du dương vừa cổ kính, vừa xa xôi, xa lạ làm tê tái lòng người, tiếng đàn như đang giải bày một nỗi ước mơ, một niềm trắc ẩn...

- Ở đâu tôi cũng nếm trải nỗi buồn và sợ hãi. Cho đến giờ trước mặt tôi như vẫn hiển hiện cái cảnh tôi đã nhìn thấy từ hai tuần trước. Đó là một buổi tối, trời u ám, không trăng sao. Tình cờ tôi ghé vào một ngôi nhà thờ nhỏ, qua bóng tối tôi nhìn thấy những ngọn nến leo lét cháy cạnh cái bệ cách sàn nhà rất thấp; tôi lại gần và lặng người đi: ba ngọn nến nhỏ đặt phía trên đầu chiếc quan tài hồng hồng với đường hoa văn bằng giấy dán quanh mép và gương mặt đứa trẻ nằm trong đó với nước da bánh mật, cái trán nghiêng nghiêng. Hoàn toàn có thể tưởng rằng nó đang ngủ, nếu không để ý tới vẻ mặt cứng đờ bất động của nó, nếu không thấy vết quầng tím tím dưới mi mắt đã khép lại và bên cái miệng nhỏ chúm chím hình tam giác, nếu xung quanh nơi nó nằm không phải là cái cảnh vô cùng tĩnh lặng, vĩnh viễn cách xa với cả thế giới bên ngoài!

- Tôi đã viết và in hai truyện ngắn, nhưng mọi điều trong đó đều giả tạo và nhạt thếch: một truyện viết về những người dân quê bị đói mà thực ra tôi cũng không nhìn thấy; truyện kia đề cập tới một đề tài nhàm cũ về sự phá sản của các nhà điền chủ cũng thông qua sự hư cấu thế mà tôi đã rất muốn chỉ viết

về cái cây dương tán lá sum sê, thân cành trắng bạc mọc trước ngôi nhà của vị điền chủ nghèo R. và về cái con chim ưng nhồi bất động đặt trên tủ trong buồng riêng của ông ta, đôi mắt màu vàng trong trong của nó cứ mãi mãi nhìn xuống, đôi cánh màu nâu sặc sỡ dang rộng ra. Nếu viết về sự phá sản thì tôi muốn chỉ thể hiện cái khía cạnh thi vị của nó. Những đồng ruộng xác xơ, những gì tiêu điều còn sót lại ở một trang trại nào đó, ở một mảnh vườn, góc sân, chuồng ngựa, mấy ông già bà già này đã là "những ông chủ cũ" sống tạm bợ trong các phòng xếp phía sau, còn tòa nhà phía trước thì đã nhượng lại cho đám người trẻ tuổi - những chuyện đó thật đáng buồn rầu, xúc động. Tôi cũng muốn nói tới cả các vị "chủ nhân trẻ tuổi" ấy: bọn này xuất thân đều là kẻ bần tiện, vô học, vô công rồi nghề, tất thấy chúng đều nghĩ rằng chúng thuộc hạng người cao quý duy nhất. Chúng đội mũ lưỡi trai kiểu quý tộc, áo sơ mi cổ chéo, quần rộng ống, đi ủng da... Mỗi khi tụ tập, thì đều tổ chức ăn nhậu, hút thuốc, tăng bốc nhau. Uống rượu trắng bằng những cái cốc lớn xưa kia vẫn dùng để uống sâm banh, vừa hô hố cười vừa nạp đạn vào súng săn và bắn vào những ngọn nến, làm tắt nến bằng cách đó. Một tay trong số "ông chủ trẻ" ấy có tên là P. chuyển hẳn chỗ ở từ trang ấp tiêu điều ra nơi đặt cối xay nước của mình, chiếc cối này từ lâu đã không hoạt động nữa; gã sống trong túp

nhà đó với một mù nhân tình mũi tẹt dí. Gã ngủ với mù ta trong hang đất, trên ổ rơm, hoặc ở "trong vườn", tức là dưới gốc cây táo cạnh túp nhà. Trên thân cây táo có treo một mảnh gương vỡ in hình những đám mây trắng. Gã râu rì ngồi không, chốc chốc lại ném đá vào đàn vịt của dân làng đang bơi lội trong cái ao gần nơi đặt cối xay nước; mỗi lần đá rơi xuống là một lần cả đàn vịt hốt hoảng kêu văng lên và bơi tán loạn.

- Ông lão mù Ghêraxim, trước đây ở cho nhà tôi, giống mọi người mù khác, lúc đi, mặt hơi ngửa lên, tai như đang cố lắng nghe cái gì, tay cầm gậy quờ quạng tìm được bằng một thứ bản năng nào đó. Ông già sống một mình trong túp nhà ở rìa làng, chỉ nuôi một con chim cun cút trong chiếc lồng gỗ, suốt ngày nó nhảy nhót trong đó, như muốn chui qua cái nắp bằng vải thô, lông trên đầu nó xác xơ ra vì chạm vào nắp hết ngày này sang ngày khác. Buổi sớm mùa hạ, dù đã mù loà, lão Ghêraxim vẫn ra đồng bằng chim cút, thường thức tiếng chim hót đối đáp với nhau thoảng đi trên cánh đồng theo làn gió hè ấm áp đang phả vào mặt lão. Lão nói rằng trên đời này chẳng có gì bồi hồi sung sướng hơn cái phút mà chim bước lại gần lưới bắt và chỉ lát sau là thấy nó vùng vẫy mỗi lúc một dữ dằn hơn trong đó. Đấy, ông lão này mới thật đúng là một chân thi sĩ đầy trong sáng, vô tư!

XV

Tôi không muốn đến tòa soạn ăn sáng. Tôi tới một quán nhỏ ở phố Maxcốpxcaia. Tại đây tôi uống mấy chén rượu *vốtca* nhắm với cá trích; chiếc đầu cá nhỏ nằm trên đĩa, tôi liếc nhìn và nghĩ: "Cả điều này nữa cũng nên viết - cá trích có cái mang mầu vỏ trai". Sau đó tôi ăn món bắp cải xào như với thịt đặt luôn trong một cái xanh nhỏ. Khách ăn khá đông, mùi bánh tráng, mùi cá ướp rán thơm phức; ở gian bếp đầy khói bay, đám đầu bếp, hầu bàn mặc áo trắng chạy đi chạy lại, lưng cúi xuống, cổ hơi ngả về phía sau. Ông chủ quán, một kiểu người khá tiêu biểu cho cái gọi là "chất Nga", đảo mắt soi mói liếc nhìn từng người trong đám làm thuê; ông ta đứng rất kiểu cách sau quầy hàng, thuần thục đóng cái vai ông chủ đầy nghiêm khắc và công minh. Có mấy nữ tu sĩ vận đồ đen đi hài xỏ thô kệch như những con quạ lạng lẽ qua các dãy bàn khách ăn ngồi đây, khẽ khàng cúi chào họ và chìa ra cuốn sách màu đen kèm theo tấm thánh giá nhỏ bằng bạc đặt trên bìa, đám khách nhả mặt lục tìm trong ví mấy đồng xu xấu xí nhất... Cảnh này trông như là đoạn tiếp giấc mơ của tôi; hơi ngà ngà say vì rượu uống với món bắp cải xào như và ám ảnh bởi những hồi ức thời thơ ấu, tôi cảm thấy nước mắt sắp trào ra... Trở về nhà, tôi nằm xuống giường và thiếp đi. Trời đã ngả về chiều khi tôi tỉnh dậy với tâm trạng buồn rầu và ân hận; tôi chải đầu, ngắm

nghia mình trong gương, chợt thấy khó chịu với cái vẻ nghệ sĩ thái quá của mái tóc dài, tôi liền đi tới hiệu cắt tóc. Trong hiệu cắt tóc có ai đó thấp bé đang ngồi dưới tấm áo choàng trắng, đầu trọc lóc, tai vểnh ra như tai dơi. Bác phó cạo bôi rõ nhiều xà phòng trắng xóa trên mép và má. Bác khéo léo đưa dao cạo hớt đi cái đám bọt màu sữa ấy, bôi thêm một ít xà phòng lên phía dưới cằm rồi lại cạo đi bằng những động tác giật giật qua loa. Cái ông "dơi" đó khệnh khạng đứng dậy, kéo theo trên mình cả tấm áo choàng, rồi cúi xuống, mặt đỏ gay, một tay giữ lấy áo choàng phía trước ngực, một tay thì rửa mặt.

- Ngài cho xúc nước hoa chứ ạ? - Bác phó cạo hỏi.

- Cứ việc, - ông "dơi" đáp

Và bác phó cạo bóp xì xì bình nước hoa, rồi lấy chiếc khăn nhỏ khê xoa xoa lên mặt lấm tấm nước hoa của ông ta.

- Xong rồi đấy ạ, bác phó cạo rành rẽ nói, tay cởi chiếc áo choàng trên mình khách, Ông "dơi" đứng dậy và bây giờ mới thấy rõ diện mạo ông ta gồm ghiếc thế nào: đôi tai to tướng vểnh ra trên cái đầu trọc lóc, mặt to bè bè và xương xấu, da dễ đỏ au, đôi mắt mở to sáng như mắt trẻ, mồm miệng thâm đen, dáng vóc thì lùn tè, vai u, cổ ngắn, cặp chân khẳng khiu và khuỳnh khuỳnh như vẫn thấy ở người *Tácta*. Thưởng thêm cho bác phó cạo ít tiền, ông ta mặc lại

chiếc áo bành tô đen rất đẹp, đội chiếc mũ hình ống, châm lửa hút điếu xì gà rồi bước ra, bác phó cạo nói với tôi:

- Anh biết ai đấy không? Một người giàu có bậc nhất, nhà buôn Eromacốp đấy. Anh có biết lần nào cũng như lần nào ông ta thưởng thêm cho bao nhiêu không? Ngần này này!

Bác phó cạo xòe bàn tay ra, phá lên cười vui vẻ và nói:

- Đúng hai xu!

Sau đó theo thói quen, tôi đi lang thang trên các phố. Nhìn thấy mảnh sân trước nhà thờ, tôi ghé vào đấy rồi bước vào trong nhà thờ, - tôi đã bắt đầu có thói quen ấy vì cảm giác cô đơn, trống trải. Bên trong nhà thờ ấm áp, một khung cảnh buồn buồn trang nghiêm gợi lên từ ánh sáng lung linh của hàng chùm nến cháy trên những giá đỡ đặt vòng quanh chiếc bàn cao, trên mặt bàn dốc nghiêng có đặt cây thánh giá bằng đồng đính những hạt ngọc giả. Trước cây thánh giá là mấy nhà tu hành râu rì kéo dài giọng ê a: "Chúng con xin nghiêng mình trước thánh giá của Người, hồi đấng Chi tôn...". Trong bóng tối mờ mờ cạnh lối vào có một ông già cao lớn đang đứng, mình khoác chiếc áo dạ dài, chân đi giày da, trông ông lão vạm vỡ, thô kệch như một con ngựa già; lão cất giọng ồm ồm hát theo như cố ý giấu cợt ai.

Trong đám người đứng trước chiếc bàn cao còn

có một bản đạo hành hương; ánh sáng nền vàng soi rõ thân hình ông. Ông ta trông gầy gò một cách thê thảm, gương mặt xương xương khắc khổ như mặt một ông thành tông đồ nào đấy bị những món tóc dài đen sẫm che đi gần hết, mái tóc xõa xượi như tóc đàn bà thời tiền sử phủ đầy bên má; tay trái ông cầm một chiếc gậy chống đã trơn bóng lên vì dùng lâu năm, phía sau vai đeo một chiếc túi da đen; ông đứng đơn độc, bất động, tách biệt với mọi người. Tôi nhìn người hành hương và nước mắt lại chực trào ra, ngực tôi bỗng ứ nghẹn dâng lên một tình cảm dịu nhẹ, buồn rầu về tổ quốc, về nước Nga với cái vẻ xa xưa u tối.

Có ai đó từ đằng sau khẽ đập cây nến vào vai tôi: Tôi quay lại - đằng sau tôi là một bà già lưng còng mặc áo bông dài, quàng tấm khăn san lớn, có một chiếc răng khểnh trông hiền lành: "Cậu cầm lấy này!" Tôi sung sướng ngoan ngoãn đón nhận cây nến từ bàn tay bà lão gầy guộc lạnh giá với những cái móng thâm tím, tôi bước lại gần chiếc giá đặt nến đang tỏa sáng, tự cảm thấy ngượng ngùng với sự vụng về lóng ngóng của mình, tôi đặt qua quýt cây nến của mình xuống bên cạnh những cây nến khác. Bất chợt một ý nghĩ lóe lên trong đầu tôi: "Đi khỏi đây thôi!" Tôi lùi lại một bước, cúi mình xuống, lát sau tôi thận trọng lần đi trong bóng tối về phía cửa, để lại đằng sau mình ánh sáng gần gũi, ấm cúng của nhà thờ. Ngoài mái hiên che trên cửa vào, bóng tối đen kịt

lạnh nhạt đón tôi, gió réo lên đầu đó trên cao... "Đi thôi!" - Tôi tự nhủ mình, đội mũ vào và quyết định đi Xmôlenxơ.

Sao lại đi Xmôlenxơ? Trong mơ ước của tôi trước kia thường vẫn hiện ra cái xứ Brianxơ... Đến một hẻm phố tôi ghé vào một quán rượu. Trong quán một anh chàng bán thủ, đầu rũ xuống bàn, giả làm như say gào giống lên: "Bối lỗi lắm ghê gớm, ta rơi vào cảnh khổ sai!". Từ phía một chiếc bàn khác có một kẻ nào đó đang khinh bỉ nhìn sang, tay này để ria mép đen lơ thơ, đầu hơi ngả về phía sau, - cứ trông vào cái cổ dài ngoẵng với cái cục xương yết hầu nhòn nhọn nhô cao dịch lên dịch xuống sau làn da mỏng có thể đoán rằng đó là một tên trộm. Cạnh chiếc bàn hẹp có một mục đàn bà say đang ngật ngưỡng đứng đấy, bộ váy áo dài ướt nhèm dán sát vào đôi chân gầy gò, chắc mục là thợ giặt. Mục đang kể lể cho người bán hàng về sự đồn mạt của ai đó, mục đập đập những ngón tay xương xẩu trắng nhợt xuống mặt bàn; chiếc cốc nhỏ vát cạnh đựng đầy *vótca* đặt trước mặt mục, chốc chốc mục lại cầm lên một lúc, không đưa lên miệng uống rồi lại đặt xuống, nói huyền thuyên một hồi, bàn tay đập đập xuống bàn. Tôi muốn uống bia, nhưng không khí âm thấp trong quán quá hơi hám, ngọn đèn cháy quá leo lét, nước nhỏ tong tỏng từ bầu cửa sổ nhỏ, từ đám giẻ lau bán thủ đặt ở đó...

Thật không may là ở nhà Aliôva có khách ngồi trong buồng ăn. "A, a! - nàng thốt lên. - Nhà thơ đáng yêu của chúng ta đây rồi! Các anh không quen nhau phải không?". Tôi cất tiếng chào nàng và cúi mình chào khách. Bên cạnh Aliôva là một vị khách già nua, mặt đầy nếp nhăn, ria mép tĩa gọn nhuộm màu hạt dẻ, mái tóc già màu hạt dẻ, mặc áo gilê lụa trắng, áo đại lễ màu đen; ông ta đứng dậy rất nhanh, cúi mình chào lại tôi một cách vô cùng lịch sự với một dáng điệu quá uyển chuyển so với lứa tuổi của ông; vạt áo đại lễ của ông ta có viền một cái đai đen mà bao giờ tôi cũng thấy thích. Tôi ghen tị và ao ước có một bộ cánh như thế. Ngồi chính giữa bàn là một bà luôn mồm nói rất khéo; bà ta chìa bàn tay đầy đặn trông như chân con hải cẩu, trên mu bàn tay còn in lại những hình ô trám của găng tay. Bà ta nói rất nhanh và lưu loát, chốc chốc có thể thấy bà ta dừng lại lấy hơi: bà ta hoàn toàn không có cổ, thân hình đầy đà, béo lẳn, đặc biệt là phía sau, gần bả vai, eo lưng tròn căng và chắc nịch, trên vai bà ta quàng dải lông màu xám, mùi của nó trộn lẫn với mùi nước hoa ngọt ngào, mùi váy áo bằng dạ và hơi người gây một cảm giác ngọt ngọt.

Lúc mười giờ các vị khách đứng dậy, nói mấy lời đưa đẩy xã giao rồi ra về.

Avilôva bật cười:

- Chà, bây giờ mới được thoát đây! - Nàng nói. -

Thôi, sang phòng tôi ngồi đi. Ở đây phải mở cửa sổ nhỏ cho đỡ bí... Nhưng mà này anh bạn thân mến của tôi, trông anh làm sao ấy? - nàng dịu dàng trách tôi, chìa cả hai tay cho tôi.

Tôi cầm tay nàng và đáp:

- Ngày mai tôi đi rồi...

Nàng sợ hãi nhìn tôi:

- Đi đâu?

- Đi Xmôlenxơ.

- Để làm gì?

- Tôi không thể sống tiếp thế này mãi được...

- Ở Xmôlenxơ thì có gì mới được chứ? Nhưng mà ngồi xuống đây đã... Tôi chẳng hiểu gì cả...

Chúng tôi ngồi xuống đi văng phủ lớp vải sọc dùng vào mùa hè.

- Chị có thấy thứ vải này không? - tôi nói. - Chính là thứ vải vẫn thường thấy trên toa tàu. Thậm chí tôi cũng không thể bình thản mà nhìn thứ vải này được, thoạt thấy nó là muốn lên đường rồi.

Nàng ngồi lùi vào phía thành ghế, chân nàng để sát cạnh tôi.

- Nhưng sao lại đi Xmôlenxơ? - nàng hỏi và nhìn tôi bằng cặp mắt khó hiểu.

- Sau đó tôi sẽ đến Vitép... đến Pôlốt...

- Để làm gì?

- Tôi cũng không biết nữa. Điều trước tiên là tôi rất thích cái tên: Xmôlenxơ, Vitép, Pôlốt...

- Không, nói nghiêm chỉnh thì sao?

- Tôi không đùa đâu. Chẳng lẽ chị không biết rằng có một số từ nghe rất thú vị sao? Ngày xưa Xmôlenxơ vô số lần bị cháy, luôn luôn bị vây hãm. Thậm chí tôi còn có cảm giác gần gũi thân thiết với thành phố đó - chính ở đây xưa kia, một vụ cháy khủng khiếp đã thiêu hủy cả một số văn bản của thành phố chúng ta vì thế mà chúng ta mất đi những quyền thừa kế nào đó và không còn được hưởng ưu tiên này nọ về dòng họ...

- Thế thì mỗi lúc lại một chán hơn thôi! Anh buồn lắm phải không? Cô ta không viết thư cho anh à?

- Không. Nhưng chuyện đâu phải ở đây. Cả cái cuộc sống ở Ôriôn này chẳng hợp với tôi. "Hươu lang thang biết nơi rừng của nó...". Thêm nữa chuyện viết lách của tôi cũng chẳng đâu vào đâu. Ngồi nhà suốt buổi sáng mà trong đầu toàn những chuyện vớ vẩn, cứ hết như là tôi đã hóa điên rồi. Tôi sống bằng cái gì vậy? Đây như ở Baturinô quê tôi, một ông hàng xén có cô con gái lỡ thì, cô ta hết hy vọng lấy chồng vì thế mà chỉ còn sống bằng cái thói thóc mách, soi mói người đời. Hình như tôi cũng đang lâm vào cảnh như vậy.

- Chao ơi, anh còn trẻ con quá! - Nàng dịu dàng nói và xoa xoa tóc tôi.

- Chỉ những sinh vật thấp kém mới phát triển

nhanh thôi - tôi đáp lại. - Thêm nữa, có ai lại không trẻ con? Đây có lần, trên đường đi Ôrion, tôi ngồi cạnh một ông ủy viên tòa án vùng Êlét, trông ông ta bệ vệ, nghiêm trang, giống như hình vua trên con bài pích... Ông ta ngồi rất lâu đọc thờ "Thời mới", sau đó đứng dậy đi ra khỏi nơi ngồi và biến đâu mất. Tôi cảm thấy lo lắng, cũng đứng lên và mở cửa bước ra đầu toa. Do tàu chạy âm âm nên ông ta không biết tôi ra - và chỉ có biết tôi nhìn thấy cảnh gì không? Ông ta đang múa nhảy một cách đầy hăng say, chân gõ rất mạnh xuống sàn toa theo nhịp bánh con tàu.

Nàng ngược nhìn tôi rồi bất ngờ khẽ hỏi một câu đầy ý nghĩa:

- Anh có muốn chúng mình cùng đi Matxcova chơi một chuyến không?

Bất chợt tôi thấy rung mình kinh sợ... Tôi đỏ mặt, lắp bắp nói lời cảm ơn và từ chối... Cho đến giờ tôi còn nhớ lại phút ấy, với một nỗi đau mất mát lớn.

XVI

Đêm hôm sau tôi đã ở trên tàu, trong ngăn buồng trọ trọ của loại vé hạng ba. Chỉ có một mình tôi trong đó, đến nỗi tôi cảm thấy hơi sờ sợ. Ánh sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo lung linh buồn buồn, chao đảo trên những tấm ghế băng. Tôi đứng bên khung cửa sổ màu đen, gió lạnh buốt thổi vào qua

những lỗ hở không nhìn thấy; tôi lấy tay che ánh đèn hắt lên mặt, chăm chú nhìn vào bóng đêm cùng những cánh rừng. Hàng nghìn đốm lửa đỏ hồng bay lượn như ong ngoài kia, thỉnh thoảng lẫn trong gió đông mát lạnh đưa lại mùi gỗ hương trầm, mùi củ cháy trong đầu tàu... Ôi, đêm rừng hôm nay sao ảm đạm, nghiêm trang, kỳ vĩ đến thế! Con đường rừng nhỏ hẹp như kéo dài vô tận, bên đường là bóng những hàng thông trăm tuổi, cao vợi vợi, tán lá sum sê đen sẫm, đứng lặng yên mơ ngủ. Những ô cửa sáng nghiêng nghiêng in hình di động lên vật tuyết trắng nằm dọc theo bờ rừng, chốc chốc lại thoáng hiện một cột điện thoại - rồi tất cả lùi lại đằng sau, chìm trong màn đêm bí ẩn.

Hôm sau một cảm giác tỉnh táo, hứng khởi bất ngờ chợt đến: chung quanh yên ắng, trời đã sáng, tàu đang đỗ lại - đã là Xmôlenxơ, một ga lớn. Tôi nhảy ra khỏi toa, say sưa hít thở làn không khí trong lành... Trước cửa ga có đám đông người tụ tập: tôi chạy lại - trên mặt đất là xác một con lợn rừng săn được, thô kệch, to tướng, bị lạnh cứng, mình phủ đầy lông dài xám dính tuyết khô, đôi mắt nhắm nghiền, hai chiếc răng nanh dài thò ra. Ở đây chẳng? - tôi nghĩ. - Không, đi tiếp thôi, đến Vitép!

Khoảng chập tối thì tôi tới Vitép. Trời băng giá, xung quanh sáng nhờ nhờ. Khắp nơi tuyết trắng xóa, thanh sạch và vắng vẻ; tôi có cảm giác thành phố này

thật cổ kính và không có vẻ gì là Nga cả: những ngôi nhà cao mái rất dốc, với những chiếc cửa sổ bé và công vào hình bán nguyệt thô kệch ở tầng dưới. Thỉnh thoảng lại gặp mấy ông già Do Thái mặc áo dài, đi tất trắng, giày vải, tóc để dài xoa xươi xoắn tít như lông cừu, đôi mắt trắng bệch lộ vẻ buồn buồn dò hỏi. Trên đường phố chính đang có cuộc vui - một đoàn rất đông các cô gái đẩy đà chậm chậm bước đi trên hai hè phố; các cô ăn vận sắc sỡ kiểu Do Thái tỉnh lẻ, mình khoác những chiếc áo nhung dày, màu tím, màu xanh, màu đen tuyền. Đi sau đám con gái là mấy chàng trai khiêm nhường, lẻ loi đi phía sau, đầu đội mũ hình ống, tóc cũng để dài và xoắn, gương mặt bầu bĩnh, mịn màng như thiếu nữ, cổ áo lông dựng cao sát má, cặp mắt nhìn mệt mỏi như mất linh dương... Tôi đi như người say ngầy ngất trong đoàn người ấy, giữa cái thành phố mà tôi cảm thấy thật là cổ kính, giữa những điều mới mẻ diệu kỳ mà nó vừa đem tới cho tôi.

Trời tối hẳn, tôi đến một quảng trường nào đó, ở đây có một ngôi nhà thờ màu vàng xây theo kiểu Ba Lan, với hai tháp chuông. Bước vào trong nhà thờ tôi nhìn thấy những hàng ghế dài trong bóng tối mờ mờ, đằng trước, trên bệ xây cao là một dãy nến xếp thành hình vòng cung. Ngay lúc đấy, từ phía trên đầu tôi, bỗng chậm chậm cất lên tiếng đàn đại phong cầm đầy trầm tư, tiếng đàn nghe êm đềm xa vắng,

mỗi lúc một to dần rồi bất ngờ rung lên, âm thanh lạnh lói vang xa trong vất, thần tiên... Phía trước gần chỗ đặt nệm vọng ra lời hát cầu kinh lên bổng xuống trầm với những âm la-tinh nghe qua giọng mũi. Dọc hai bên tường với những hàng cột đá đồ sộ nhòa trong bóng tối chập choạng, thấp thoáng hiện ra hình bóng đen đen những tượng binh sĩ mặc áo giáp sắt đứng trên sàn thấp xuống. Trên nóc nhà thờ mờ mờ hiện ra ô cửa sổ lớn...

XVII

Ngay đêm ấy tôi lên đường đi Pêtec-bua. Rời khỏi nhà thờ, tôi quay trở lại ga, đón tàu đi Pôlốt: tôi muốn đến ở một khách sạn cũ kỹ nào đó tại thành phố ấy, không cần biết vì lẽ gì lại sống hoàn toàn đơn độc một thời gian. Tàu hỏa đi Pôlốt rời ga rất muộn. Sân ga tối tối và vắng tanh. Trong quây điểm tâm chỉ có mỗi ngọn đèn đặt trên bàn cao leo lét cháy, chiếc đồng hồ treo tường gõ nhịp thật chậm như thể thời gian đã sắp cạn kiệt. Tôi ngồi một mình trong cảnh yên lặng như tờ với cảm giác lâu vô tận. Khi cuối cùng không biết từ đâu bay lại mùi nước trà nóng từ ấm *xamôva* và nhà ga bắt đầu nhộn nhịp, đèn thấp sáng lên, lúc ấy, không hiểu mình đang làm gì, tôi vội vàng lại mua vé đi Pêtec-bua.

Ở đây, trong nhà ga Vitép, khi vô vọng chờ tàu

đi Pôlốt, tôi đã ném trái cái cảm giác tách biệt đầy ghê sợ với cả thế giới chung quanh, cái cảm giác ngạc nhiên đầy khó hiểu không biết những gì đang hiện ra trước mắt, vì lẽ gì, vì sao tôi lại rơi vào giữa cái cảnh này? Quây điểm tâm yên ắng, tranh tối tranh sáng với chiếc bàn cao và ngọn đèn leo lét cháy trên đó, khoảng không mờ mờ của gian nhà ga vừa dài vừa cao, với chiếc bàn lớn choán hết khoảng giữa, bày biện giống hệt như ở các ga khác; một ông già coi ga trông như đang ngái ngủ, lưng còng còng, vạt áo dài đằng sau buông thõng xuống. Khi mùi nước trà giữa đêm hôm từ ấm *xamóva* bay ra, ông già nọ bèn lập cập trèo lên ghế cạnh tường, tay run run châm mấy ngọn đèn đặt giữa quả cầu kính dùng đục...; một viên sen đầm cao lớn gõ giầy đinh cồm cộp đầy hân diện đi qua quây điểm tâm ra sân ga, trên mình khoác chiếc áo dạ capốt dài chấm gót, vạt áo xẻ đằng sau gợi nhớ đến cái đuôi một con ngựa nòi, - tất cả những cái đó là gì vậy? Để làm gì? Vì sao? Và cái mùi vị mát lạnh của đêm đông, của tuyết tỏa ra từ viên sen đầm, khi y đi từ sân sau ra ngoài ga, cái mùi vị ấy chẳng giống bất cứ cái gì! Đây, đúng lúc ấy, tôi choàng tỉnh khỏi trạng thái bất động, vô cảm và không hiểu vì lẽ gì tôi bất ngờ quyết định đi Pêtécboa.

Ở Pôlốt trời mưa, cái mưa mùa đông nhỏ hạt, đường phố nhớp nháp, bẩn thỉu. Tôi chỉ nhìn thành

phố ấy qua những con tàu đang đỗ và cảm thấy thú vị với sự thất vọng của mình. Trên đường đi tiếp đó tôi ghi vào sổ tay: "Một ngày dài vô tận. Trái dài ra vô tận là những cánh rừng và tuyết trắng. Ngoài cửa sổ lúc nào cũng vẫn là một bầu trời nhợt nhạt và tuyết. Con tàu lúc chạy giữa rừng rợp bóng cây, lúc lại ra giữa cánh đồng bằng phẳng tuyết trắng xoá, mãi tận phía chân trời có cái gì ánh lên màu xám xám, nhờ nhờ. Các nhà ga đều làm bằng gỗ... Ô, đây mới đúng là miền Bắc!".

Đối với tôi Pêtec-bua đã là tận cùng phương Bắc. Người xà ích đánh xe đưa tôi đi trong gió tuyết bịt bùng qua những con phố nhà cao giống nhau, ngăn nắp một cách khác lạ đối với tôi; xe chạy về phía phố Ligópca, phía nhà ga Nhicôlaép. Mới ba giờ chiều mà chiếc đồng hồ tròn đặt trên tòa nhà ga đồ sộ đã sáng lên qua màn gió tuyết. Tôi dừng lại gần bên ga, phía phố Ligópca chạy dọc theo bờ kênh. Ở đây cảnh tượng thật đáng sợ, - nào là kho chứa củi, nào là nơi đỗ xe ngựa, quán trà, hiệu ăn, quán bia. Tôi ngồi rất lâu trong khách sạn, nơi người xà ích khuyên tôi đến; cứ mặc nguyên áo ấm, từ độ cao của tầng sáu, tôi nhìn qua khung cửa sổ buồn bã; ngoài kia là trời đầy tuyết u ám sắp về chiều, người tôi mệt bã vì đoạn đường dài đã đi, trên con tàu lắc mạnh... Ô, Pêtec-bua! Tôi cảm nhận điều này thật rành rề: tôi đang ở trong lòng thành phố ấy, bao bọc quanh tôi là

vẻ kỳ vĩ âm u đáng sợ của nó. Trong khách sạn có đốt lò sưởi ấm áp, ngọt ngào mùi các tấm rèm che cửa bằng dạ cũ kỹ, chiếc đi văng cũng cũ kỹ như vậy, thứ nước sơn hồng hồng mà người ta vẫn dùng để lau cọ sàn nhà khách sạn loại tồi tỏa ra một thứ mùi nặng nề. Tôi bước ra, chạy vội xuống theo cầu thang xoáy tròn ốc. Dưới đường phố bão tuyết mịt mù lạnh buốt phủ vào mặt tôi; tôi tóm được một chiếc xe thoáng hiện qua màn tuyết và phóng nhanh tới ga Phần Lan để nhận biết cái cảm giác sắp ra nước ngoài.

Ở đây tôi uống vội mấy chén rượu, đầu bốc hơi men - bất ngờ tôi gửi đi cho nàng một bức điện:

"Ngày kia anh sẽ đến".

Mátxcơva cổ kính, rộng mênh mông và đông nghịt người đón tôi bằng ánh nắng mặt trời chói chang của một ngày ấm áp, tuyết tan, nước chảy thành khe nhỏ, đọng lại từng vũng. Tiếng xe ray ngựa kéo^{*} chạy âm âm, chuông rung leng keng, nườm nượp những xe cộ, người đi chen chúc huyền ảo, những cỗ xe trượt nặng nề với hàng hóa chất cao, khu điện Kremlanh với dãy tường bao quanh và những tòa nhà nguy nga hiện ra như trong tranh khắc dân gian, những tháp tròn nhà thờ vàng óng

* Xe ray ngựa kéo: Một phương tiện giao thông thành phố chạy trên đường ray và do ngựa kéo. - (N.D).

nổi lên giữa đây. Tôi sững sờ nhìn ngắm nhà thờ Vaxili Blagiennưi, lân la trong các nhà thờ ở khu vực Kremlanh, ăn sáng tại nhà hàng Êgorốp nổi tiếng trên phố Hàng Săn. Tại đây cảnh tượng thật kỳ thú: ở tầng dưới là đám khách thương nhân đông đúc, ồn ào, còn trên gác có hai phòng trần thấp rất sạch sẽ, thoáng đãng, yên tĩnh, - thậm chí không ai được hút thuốc trên ấy, căn phòng sáng sủa, ấm áp trong ánh mặt trời chiếu qua khung cửa sổ đầu từ phía sân, chú chim hoàng yến đứng trong lồng chốc chốc lại hót líu lo. Một ngọn đèn sáng trắng đặt ở góc phòng, chiếm cả phần trên của một mặt tường là một bức tranh sơn mài màu sẫm, trên tranh vẽ hình mái nhà uốn cong ngói xếp lổm đổm, một mái hiên dài và mấy người Trung Quốc kích thước lớn không cân xứng với cảnh chung quanh, mấy người này mặt đều vàng, mặc áo dài màu vàng, đội mũ chòm nhọn màu xanh trông giống như cái chao trên những chiếc đèn rế tiền... ngay tối hôm đó tôi rời khỏi Mátxcova...

Ở thành phố của chúng tôi người ta đã không còn đi xe trượt nữa, ngoài ga gió từ biển Adốp thổi về dữ dội. Nàng chờ tôi trên sân ga khô ráo, không còn tuyết. Gió thổi rung rung chiếc mũ mỏng nàng đội, che khuất tầm mắt nàng. Tôi nhìn thấy nàng từ đằng xa, - nàng đang nhắm mắt vì gió, ngờ ngác đưa mắt nhìn tôi trên những toa tàu đang chạy. Trông nàng có vẻ gì xúc động, đáng thương, cái vẻ vẫn

thường làm chúng ta ngỡ ngàng nơi người thân sau một thời gian xa cách. Nàng gầy đi, ăn mặc tuềnh toàng. Khi tôi nhảy ra khỏi toa tàu, nàng muốn nâng tấm mạng che mặt lên nhưng không được, nàng lúng túng hôn tôi qua tấm mạng, mặt tái nhợt đi.

Trên xe ngựa nàng im lặng ngả đầu về phía trước hứng gió, chỉ thỉnh thoảng lại thốt lên một câu khô khốc, đầy cay đắng:

- Anh đã gây ra cho em chuyện gì vậy, em đã phải chịu đựng biết bao!

Sau đó nàng hỏi vẫn với giọng nghiêm trang:

- Anh đến khách sạn "Quý tộc" chứ? Em sẽ đi cùng anh.

Bước vào phòng, - một phòng lớn trên gác hai, - nàng ngồi xuống đi vắng nhìn anh hầu phòng đỡ dẫn đặt chiếc va li của tôi lên tấm thảm đặt giữa sàn. Làm việc đó xong xuôi, người hầu phòng hỏi có cần sai bảo gì nữa không.

- Không cần gì nữa đâu, - nàng trả lời thay tôi. - Ông đi thôi...

Nàng cười mỉa ra.

- Sao anh cứ im lặng mãi thế, không nói gì với em à? - nàng lãnh đạm hỏi, cố mím đôi môi run run.

Tôi quỳ xuống ôm đôi chân nàng, đặt môi hôn qua lần vải, nước mắt trào ra. Nàng nâng đầu tôi lên - và tôi lại được biết, được cảm nhận đôi môi thân quen, đắm đuối ngất ngây của nàng, lại thấy trái tim

hai đứa lặng đi trong niềm hạnh phúc tốt cùng. Tôi đứng bật dậy, chạy ra khóa trái cửa, bàn tay lạnh ngắt hạ tấm rèm trắng nơi cửa sổ, - ngoài cửa sổ bóng cây xuân đang chao đảo trước gió, trên cây là một con quạ đang nhảy nhót và cất tiếng kêu đầy âu lo...

- Ba yêu cầu một điều, - nàng khẽ nói sau đó, lúc nằm yên bất động: - cố lui lễ cưới lại dù chỉ nửa năm thôi. Anh cố chờ anh ạ, dù thế nào thì bây giờ đời em đã ở trong tay anh rồi, anh muốn đối xử với em thế nào chẳng được.

Mấy ngọn nến không thấp đứng nguyên trên giá gương, tấm rèm trắng mờ mờ rủ xuống bất động, từ trên trần nhà quét vôi hiện lên những hình thù trang trí đắp nổi dị kỳ.

XVIII

Chúng tôi cùng đi về một thành phố vùng Ucraina, nơi mà anh Gheorghi của tôi đã chuyển từ Kháccốp đến sinh sống ở đấy. Cả hai chúng tôi đều nhận việc làm ở phòng thống kê nông thôn. Một bộ phận mà anh tôi phụ trách. Ca tuần lễ phục sinh chúng tôi ở Baturinô. Mẹ và em gái tôi đã rất yêu quý chiều chuộng nàng, còn bố tôi thì đã thân thiết gọi nàng là "con", sáng sáng đã đưa tay cho nàng hôn. Chỉ có anh Nhicolai thì có vẻ giữ gìn, đối xử một cách lịch sự chu đáo. Nàng lặng lẽ và bối rối đón

nhận hạnh phúc niềm vui mới mẻ được gắn bó với gia đình tôi, với ngôi nhà, trang ấp của gia đình, với căn phòng mà thời thơ ấu của tôi đã trôi qua, - căn phòng giờ đây đã trở nên đẹp đẽ, thân thương với nàng, nàng rụt rè sung sướng cầm xem những cuốn sách của tôi... Sau đó chúng tôi ra đi.

Tàu chạy đêm tới Ôriôn. Rạng sáng chúng tôi chuyển sang tàu Kháccốp.

Khi chung quanh đã chan hòa ánh mặt trời buổi sớm, chúng tôi đứng ngoài lối đi trên toa tàu bên khung cửa sổ nóng bức.

Nghĩ cũng lạ thật anh ạ, trước đây em chưa từng đến đâu ngoài Ôriôn và Lipét! Nàng thốt lên. - Sắp đến Kurxcơ hử anh? Với em đấy đã là miền Nam rồi đấy.

- Phải rồi. Với anh cũng thế.

- Chúng mình sẽ ăn sáng ở Kurxcơ nhé, được không anh? Anh biết không, trong đời em chưa từng bao giờ được ăn sáng ngoài ga cả...

Quá Kurxcơ, càng đi xuống phía Nam, càng thấy ấm áp, háo hức hơn. Dọc hai bên đường sắt cỏ đã mọc xanh um, hoa đã nở, bướm trắng lượn bay - bướm bay là hè đã đến.

- Hè này chắc sẽ nóng lắm đấy! - nàng mỉm cười nói.

- Anh anh viết thư nói rằng cả thành phố anh ấy ở đã chìm trong những vườn cây.

- Ồ, đây là thuộc vùng Tiểu Nga⁽¹⁾ rồi. Em chưa bao giờ nghĩ tới... Anh xem kìa, nhìn kìa, những cây dương kia cao thế! Lá thì xanh rờn rồi! Sao lại nhiều cối xay bột thế kia?

- Gọi là cối xay gió đấy, không phải cối xay bột đâu. Chốc nữa là thấy dãy núi trắng, sau đó là Bengôrốt rồi.

- Bây giờ em mới hiểu anh, em cũng không thể sống mãi ở miền Bắc, thiếu ánh sáng như thế này.

Tôi hạ tấm cửa sổ xuống. Gió nóng hòa trong khói từ đầu tàu mang theo mùi than cháy. Nàng nheo nheo mắt, nắng chiếu thành vệt dài trên mặt nàng, nắng rung rinh trên những món tóc mềm mại xòa ra bên trán, nắng lóa sáng trên tấm áo vải hoa đơn sơ nàng mặc.

Trong thung lũng gần Bengôrốt đây đó hiện ra những vườn anh đào hoa nở khiêm nhường dịu nhẹ, những ngôi nhà trắng trắng. Ở ga Bengôrốt tôi được nghe giọng nói nhanh nhanh êm ái của mấy người phụ nữ Ucraina rao bán bánh hình vòng.

Nàng xuống ga mặc cả mua mấy thứ lật vật, nét mặt nàng lộ vẻ hài lòng với việc làm nội trợ của mình, với việc sử dụng từ ngữ miền Tiểu Nga.

Buổi tối ở Khắccốp, chúng tôi lại đối tuyến đường.

⁽¹⁾ Tiểu Nga: tên gọi trước đây của vùng Ucraina. (N.D.)

Gần sáng tàu đã sắp tới nơi chúng tôi định đến.

Nàng còn đang ngủ. Nền trong toa tàu chỉ còn leo lét cháy, ngoài thảo nguyên bóng đêm còn bao phủ, nhưng ở tít tận chân trời phía đông, một vệt sáng mờ mờ xanh lục đã dần hiện lên. Miền đất này thật chẳng giống miền quê tôi, - ở đây cánh đồng bằng trơ trọi trải dài ra vô tận, lác đác nổi lên những gò đất xanh rì. Một ga xép lặng yên như tờ vụn thoáng qua, xung quanh ga không một bóng cây, không một bụi cây, còn chính ngôi nhà ga thì xây bằng đá trần trụi, trắng trắng xanh xanh giữa thời khắc xuất hiện đầy bí ẩn của bình minh... Những nhà ga ven đường mới đơn độc làm sao..

Và trên toa tàu ánh sáng mờ ảo của một ngày mới mẻ cũng đang dần dần hiện ra. Phía dưới sàn hãy còn nhờ nhờ tối, nhưng phía trên đã sáng mờ mờ. Trong giấc ngủ, nàng chột chui đầu vào dưới gối, hai chân co lại. Tôi nhẹ nhàng đắp lên mình nàng tấm khăn san bằng lụa cổ xưa mà mẹ tôi đã tặng nàng.

XIX

Nhà ga ở cách thành phố khá xa, trong một vùng đất cũng rộng. Nhà ga nhỏ nhắn, sạch sẽ. Trong ga các nhân viên phục vụ đều niềm nở, các phu khuân vác ăn nói ngọt ngào, mấy người xà ích tốt bụng ngồi

trên những chiếc xe bốn bánh đẹp mắt do hai ngựa kéo.

Cả thành phố chìm trong những khu vườn rợp bóng cây, ngôi nhà thờ lớn nằm trên sườn đồi cao quay về phía đông và phía nam. Trong thung lũng phía đông lẻ loi hiện ra một ngọn đồi cao với tu viện cổ kính xây trên đỉnh, đằng sau đồi là cánh đồng xanh trống trải tiếp nối với thảo nguyên. Thung lũng phía Nam, nằm bên kia sông, với những cánh đồng cỏ xanh rờn, ánh mặt trời rọi xuống đến lóa mắt.

Trong thành phố rất nhiều đường phố trông như hẹp lại vì những khu vườn rậm rạp, những hàng dương mọc trên hè, nơi thường rất hay gặp một cô gái ngực nở nang kiêu hãnh, mặc váy sọc bó sát bên đùi, vai gánh đôi thùng nước đầy nặng. Những cây dương ở đây cao lớn, sum sê khác thường, tán lá rậm rì xanh rờn, mùi hương hoa tỏa ra thơm ngát! - Mùa xuân ở đây bao giờ cũng rực rỡ, đầy náo nức; mùa hè nóng bức; mùa thu kéo dài, trời xanh trong; mùa đông không lạnh lắm, gió ẩm ướt thổi về, những chiếc xe trượt gắn chuông kêu leng keng, âm thanh mơ hồ nghe thật dễ thương.

Chúng tôi ở thuê nhà ông già Kôvancô, người cao lớn, vạm vỡ, nước da rám nắng, mái tóc bạc trắng cắt tỉa tròn quanh đầu. Dinh cơ của ông già nằm trên một đường phố rợp bóng cây xanh có sân rộng, có nhà chính, nhà phụ và khu vườn phía sau

nhà. Bản thân ông già thì ở trong ngôi nhà nhỏ nằm lọt giữa vườn, và dành cho chúng tôi thuê cả ngôi nhà chính quét vôi trắng ẩn giữa bóng mát của khu vườn phía sau và gian nhà lớn tường lắp kính chạy dài phía tiền sảnh. Ông già làm việc ở một công sở nào đó; mỗi khi đi làm về, ông ăn thật no, nghỉ ngơi thoải mái, rồi sau đó trên mình chỉ vận đồ lót, ông ngồi bên cửa sổ mở toang ngheu ngao hát, chốc chốc lại ngậm tẩu hút thuốc.

Các phòng trong nhà trần đều thấp, bày biện sơ sài; ngoài hành lang nơi cửa vào có đặt một chiếc rương cổ trên phủ một tấm vải thô. Phục dịch trong nhà chúng tôi là một phụ nữ trẻ người *kazác* với vẻ đẹp có nét gợi nhớ đến người *Nôgai*^{*}.

Anh tôi tỏ ra dịu dàng và tốt bụng hơn xưa. Hy vọng của tôi đã thành sự thật - giữa anh và nàng ít lâu sau đã có quan hệ thân mật, gần gũi; mỗi lần có chuyện cãi cọ giữa tôi và nàng, hoặc giữa tôi và anh ấy, hai người luôn luôn đứng cùng một "phe" với nhau.

Giới bạn bè đồng nghiệp quen biết của chúng tôi (bác sĩ, luật sư, công chức hội đồng địa phương) cũng giống giới bạn bè của anh tôi ở *Khác-cốp*, - tôi gia nhập giới này khá dễ dàng, hài lòng được gặp trong

* *Nôgai*: tên một dân tộc thiểu số sống ở miền Bắc *Kapkazơ*. - ND.

số đó Lêontôvích và Vaghin, hai người này cũng mới chuyển từ Khắccốp đến. Giới bạn bè tôi giao du ở đây đầm ấm hơn, cung cách sống cũng na ná như cảnh quan thành phố này, như cái vẻ hiền lành của xứ Miơgôrôt; họ không phải chỉ niềm nở gặp gỡ với đủ hạng người trong thành phố và cả với cảnh sát trưởng cũng giữ thái độ như vậy.

Chúng tôi thường tụ tập tại nhà một thành viên trong ban quản trị: ông ta là chủ nhân của năm nghìn mẫu ruộng và một đàn súc vật đông tới một vạn con, để làm vừa lòng gia đình, ông luôn tạo cho ngôi nhà mình một vẻ giàu sang, quý phái, còn bản thân ông, - một người thấp bé, khiêm tốn, ăn mặc xuềnh xoàng, trước đây đã từng ở miền Iacút, - thì lại trông như một người khách nghèo hèn trong ngôi nhà đó.

XX

Trong sân có một cái giếng cổ xây bằng đá, trước ngôi nhà nhỏ là hai cây dạ hợp thân trắng, gần hiên là một cây hạt dẻ cao tán lá màu sẫm ngả bóng mát che nửa bên phải của gian nhà kính. Về mùa hè khoảng bảy giờ sáng cả khu nhà đã bắt đầu nóng rực sáng sủa, đầy ánh mặt trời, chốc chốc từ phía chuồng gà lại vọng tới tiếng cục ta cục tác đầy xáo xác hoang mang của mấy con gà mái. Nhưng bên trong nhà, nhất là ở mấy buồng phía sau cửa sổ hướng ra vườn,

thì vẫn còn mát mẻ. Trong phòng ngủ, nơi nàng đang đứng rửa mặt, chân đi đôi giày *tácta* nhỏ nhắn, bộ ngực để trần lạnh giá, mùi nước hoa, mùi xa phòng man mát; nàng ngượng ngùng quay mặt còn ướt về phía tôi, xà phòng còn dính trên gáy, và giậm gót xuống sàn nhà: "Anh ra ngoài đi!". lát sau từ phía phòng cửa sổ hướng ra gian nhà kính thoáng bay mùi nước trà mới pha, - ở đây chị hầu người *kazác* đang đi đi lại lại, chị ta đi hài xỏ không tất, bấp chân trần nhỏ nhắn, chiếc cổ tròn đeo chuỗi hạt hổ phách, mái đầu đen, đôi mắt xéch sáng quắc.

Anh tôi tới phòng uống trà, tay cầm điếu thuốc lá, nụ cười trên môi cùng dáng điệu của anh như thừa hưởng của bố; với tầm vóc thấp, béo trông anh không giống bố, nhưng cử chỉ quý phái của bố vẫn phần nào truyền lại được sang anh. Dạo này anh ăn mặc rất chỉnh tề; khi ngồi, anh vắt chân chữ ngũ trông rất tự nhiên oai vệ; dáng điệu anh cầm thuốc hút cũng ra dáng quyền quý lắm. Trước đây mọi người đều tin rằng tương lai của anh sẽ rất xán lạn, chính anh cũng đã từng tin như vậy; bây giờ thì anh hoàn toàn bằng lòng với vai trò của mình ở cái chốn hẻo lánh này của miền Tiểu Nga. Khi tới chỗ uống trà, đôi mắt anh sáng lên, anh cảm thấy sức lực tràn trề, chúng tôi đã trở thành một bộ phận thân thiết của gia đình anh. Anh vẫn cùng chúng tôi đến sở, nơi một nửa công việc là hút thuốc lá và tán gẫu.

Chuyện này đã trở thành thú vui hàng ngày của anh. Cuối cùng khi thấy nàng ăn mặc chỉnh tề chải chuốt theo kiểu mùa hè vui vẻ bước vào, anh vui ra mặt, khẽ cúi hôn tay nàng.

Chúng tôi đi dọc theo hành lang đường đẹp đẽ, lấp lóa ánh mặt trời, bên những bờ tường và khu vườn nóng nực; cái ô bằng lụa vàng của nàng mở tròn căng hiện ra giữa màu xanh rờn xung quanh. Sau đó chúng tôi qua một quảng trường nắng chang chang rồi đi vào ngôi nhà màu vàng của sở. Ở đây phía tầng dưới thoáng thoáng mùi ửng của mấy người gác công sở, mùi thuốc lá khen khét mà họ hút. Trên thang gác dẫn lên tầng hai mấy anh viên chức văn phòng tay cầm công văn, giấy tờ lên xuống với vẻ mặt đầy ưu tư, đầu hơi cúi xuống, mình vận áo *vestông* dạ đen bóng, - họ là hạng người khôn khéo, ranh ma tuy bề ngoài có vẻ giản dị chất phác. Chúng tôi đi qua chân cầu thang vào phía sâu trong tầng một, đến mấy căn buồng trần thấp, nơi bộ phận chúng tôi làm việc.

Mấy căn buồng này đối với chúng tôi thật dễ chịu vì ở đây có những người đồng nghiệp ăn mặc xoàng xĩnh nhưng thông minh và linh hoạt... Tôi cảm thấy lạ lùng khi nhìn nàng ngồi trong những căn phòng này bên cạnh những tờ phiếu điều tra đủ loại mà nàng phải gấp đống vào phong bì gửi đi các huyện.

Đến trưa thì mấy người gác sở đưa cho chúng tôi

nước trà đựng trong những chiếc cốc tồi tàn, cùng những chiếc đĩa xấu xí xếp mấy lát chanh; vẻ sơ sài lặp đi lặp lại này dạo đầu cũng đem lại cho tôi một cảm giác thích thú nào đó. Bạn bè chúng tôi từ mấy bộ phận khác cũng thường ghé sang bên chỗ chúng tôi tán gẫu và hút thuốc. Anh chàng Xulima, thư ký của sở, cũng hay tới. Đây là một chàng trai khá đẹp, lưng hơi gù gù, đeo kính gọng vàng, mái tóc và bộ râu đen nhánh, dáng đi của anh ta rất nhẹ nhàng uyển chuyển, nụ cười kín đáo và nói năng cũng vậy; anh ta lúc nào cũng mỉm cười, thường xuyên phô bày dáng vẻ mềm mại, uyển chuyển của mình; anh ta là một người rất thích ví von, tu viện đóng trên đỉnh đồi giữa thung lũng anh gọi là một hòa âm lặng lẽ. Anh ta hay sang phòng tôi và càng ngày càng nhìn nàng một cách đầy náo nức và bí ẩn. Bước lại gần nàng ngồi, anh ta cúi sát bên tay nàng, nâng cặp kính lên và khẽ mỉm cười đầy dịu dàng ưu ái: "Cô đang gửi đi các nơi cái gì thế". Vì thái độ ấy mà nàng càng làm ra vẻ chăm chú tập trung vào công việc, cố trả lời lại sao cho lịch sự hơn và cũng đơn giản hơn. Tôi hoàn toàn thấy yên tâm, bây giờ chẳng phải ghen tuông với ai nữa.

Cũng giống như hồi làm việc tại tòa soạn báo "Tiếng nói" ở Ôrion, ở sở này tự nhiên tôi cũng giữ một vị trí đặc biệt; dưới góc độ một nhân viên thì tôi vẫn thường bị mọi người nhìn nhận một cách giấu

cột đầy bao dung. Tôi ngồi và chậm rãi tính toán, lập thành những biểu thống kê, ở xã nào đó thuộc huyện nào đó người ta đã trồng được bao nhiêu thuốc lá, bao nhiêu củ cải đường, ở đây người ta đã dùng những biện pháp gì để chống lại côn trùng phá hoại củ cải. Đôi khi tôi chỉ ngồi đọc một cái gì đó, không để ý gì đến câu chuyện của mọi người chung quanh. Tôi rất mừng là mình đã có được một chiếc bàn riêng và tôi có thể yêu cầu văn phòng cấp cho với số lượng tùy thích bút mực, bút chì mới và giấy viết loại thượng hạng.

Hai giờ chiều công việc mỗi ngày kết thúc; anh tôi đứng dậy, nhoẻn miệng cười, kêu lên: "Nào về nhà thôi, các bạn!". Mọi người hào hứng tìm mũ đội lên đầu, kéo cả bọn ra quảng trường bắt tay nhau rồi ai về nhà nấy.

XXI

Cho đến năm giờ chiều cả thành phố vắng tanh, các vườn cây như bị thiêu dưới nắng. Anh tôi đi ngủ trưa, còn chúng tôi thì nằm nghỉ trên chiếc giường rộng của nàng. Mặt trời đã vòng qua nhà, rọi vào cửa sổ buồn ngủ từ phía vườn cây; khu vườn cây xanh rờn in bóng trong chiếc gương treo trên chỗ rửa mặt. Ngày xưa Gôgôn đã học ở thành phố này cả vùng quanh đây đều in dấu chân ông, - Mirogôrôt,

Ianópsina, Sisaki, Iarexki, - chúng tôi thường cười và cùng nhau nhớ lại câu Gôgôn đã viết: "Cái ngày hè ở vùng Tiểu Nga thật là diệu kỳ và đáng say mê!".

- Dù sao thì cũng nóng quá! - nàng nói và vui vẻ thở dài. - Mà sao nhà mình ở lấm ruồi thế! À, tiếp theo câu ấy là đoạn về vườn cây thế nào anh nhỉ?

- "Những côn trùng bé xíu với lớp vỏ óng ánh đủ sắc màu như ngọc bám trên tán lá vườn cây...".

- Cảnh này tuyệt thật đấy anh ạ. Em ao ước được tới miền Mirogôrôt. Thế nào cũng phải đi anh ạ. Đúng không? Chúng mình cùng đi anh nhé! Nhưng mà sao cái ông Gôgôn ấy bình sinh tính tình lập dị, hay cau có thế. Trong đời mình, ngay cả khi còn trẻ, ông ta chẳng bao giờ phải lòng ai hết...

- Phải rồi, cả thời trẻ ông ấy chỉ một lần hành động ngu ngốc - ấy là đi Liubéch.

- Đại loại như chuyến đi Pêtécbua của anh... Vì sao mà anh thích đi thế?

- Thế vì sao em thích nhận thư?

- Bây giờ thì em nhận thư của ai mới được chứ!

- Dù vậy thì em vẫn thích nhận thư. Con người ta luôn luôn chờ đợi cái gì đó thật thú vị, hạnh phúc, mơ ước có một niềm vui nào đó, gặp một sự kiện nào đó khác thường. Những chuyến đi hấp dẫn người ta vì lẽ đó. Rồi còn luyện ý chí nữa chứ, được thấy những khoảng trời bao la... những gì mới lạ bao giờ cũng hứa hẹn niềm vui, cho ta cảm giác rằng mình

đang được sống. Mà tất cả chúng ta thực ra chỉ đi tìm cái đó, tìm trong mọi tình cảm mạnh mẽ.

- Phải rồi, phải rồi, đúng thế đấy.

- Em vừa nói chuyện anh đi Pê-téc-bua. Giá như em biết lúc ấy anh sợ hãi thế nào, ở đấy anh đã hiểu ngay ra một chân lý vĩnh viễn với anh rằng tự sâu thẳm tâm hồn mình anh là người miền Nam. Gô-gôn viết từ Italia rằng: "Pê-téc-bua, tuyết trắng, bọn dê tiện và các công sở, trong mơ tôi nhìn thấy đủ thứ như vậy: tỉnh dậy tôi tưởng mình đang ở quê hương". Anh cũng đã choàng tỉnh như vậy. Anh không thể bình tâm mà nghe những từ như: Trighiria, Trerokát, Khô-rôn, Lúp-nư, Trerô-tô-m-lúc, Đicôê Pô-lê; anh không thể đứng đưng mà nhìn thấy những mái nhà lợp cối, những mái tóc đàn ông cắt ngắn, những bà nhà quê đi ủng màu vàng, màu đỏ, gánh trên vai những túi, sọt đan bằng vỏ cây đựng đầy anh đào và mận. Séptren-cô đã viết những câu thơ về miền đất ấy. Ông quả là một nhà thơ tuyệt diệu! Chẳng có xứ sở nào trên thế giới đẹp hơn vùng Tiểu Nga. Điều chủ yếu là bây giờ nó không còn lịch sử nữa, - đời sống lịch sử của nó từ lâu đã chấm dứt vĩnh viễn rồi. Chỉ còn lại quá khứ với những bài ca, những huyền thoại về nó, - một cái gì đó đứng ngoài thời gian. Điều này làm anh say mê hơn cả.

- Anh thì lúc nào cũng nói - say mê, ngưỡng mộ.
- Cuộc sống chính là phải trở thành niềm say mê

em ạ.

Mặt trời đã xế bóng, nắng rọi qua khung cửa sổ mở toang chiếu xuống sàn nhà, ánh nắng phản chiếu từ chiếc gương rung rinh trên trần. Những bậu cửa sổ lóa ánh mặt trời, ngoài đó ruồi bay loạn xạ. Chốc chốc có con lại bám lên đôi vai trần mát lạnh của nàng. Một chú chim sẻ bỗng đậu xuống bên cửa sổ, nó lắc lảo nhìn quanh rồi bay vụt lên, biến mất trong màu xanh lấp lánh của vườn cây đã bắt đầu đón ánh mặt trời trong trong sắp lặn.

- Anh kể gì nữa đi, - nàng nói. - Này anh, chúng mình liệu có lúc nào đó cùng đi chơi Krưm không? Ô, giả như anh biết được em mơ ước đến đâu thế nào! Nếu được tới đó, thì anh có thể viết được một truyện nào đấy, - em có cảm tưởng rằng anh sẽ viết rất tuyệt anh ạ, - nếu chúng mình có tiền thì chúng mình xin nghỉ phép... Vì sao anh lại thôi không viết? Anh như thế là người tiêu ma, phá tán những khả năng của mình!

- Trong đám người khác thường có những kẻ lang thang. Chắc anh cũng là một kẻ lang thang như vậy. Trong sổ tay ghi chép của Gôgôn có đoạn tả thật hay thế này: "Một con chim âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ dệ đường vụt bay lên... Dọc hai bên đường, ngăn cách với đồng bằng

mênh mông bất tận chỉ là những hàng cây ké xanh thâm thấp mọc... Đây đó có những cành hướng dương mọc nhô cao bên bờ rào và những rãnh sâu, thấp thoáng mái lợp rơm trên những ngôi nhà quét vôi trắng xóa với ô cửa sổ xinh xinh chung quanh có khung sơn màu đỏ... Ôi, miền đất Nga cổ xưa, nơi đây tình cảm con người như chân thành hơn, thiên nhiên Xlavor như hiền hòa hơn!".

Nàng chăm chú lắng nghe. Sau đó bất chợt nàng hỏi:

- Anh này, sao hôm nọ anh lại đọc cho em một đoạn của Gơơ thế? Đoạn ông ấy rời khỏi nàng Phơrêdêrica và bất ngờ nhìn thấy một chàng kỵ sĩ đang đi đâu đấy, mình vận cái áo cộc tay màu xám viền kim tuyến. Đoạn này rồi thế nào nữa anh nhỉ?

- "Chàng kỵ sĩ này chính là ta. Trên mình ta là chiếc áo xám cộc tay viền kim tuyến, chiếc áo trước đây ta chưa hề mặc".

- Ủ mà cái cảnh này cũng vừa tuyệt vừa đáng sợ thật. Sau đó anh có nói tiếp là mỗi người khi còn trẻ đều có chiếc áo cộc viền kim tuyến đúng như trong mơ ước... Tại sao ông ta lại bỏ rơi nàng?

- Ông ta nói rằng ông ta luôn luôn bị "con quỷ" của ông xui khiến.

- Phải rồi, cả anh nữa nay mai đây anh cũng chán em thôi. Nói thật cho em nghe nào - anh ao ước điều gì nhất?

- Anh ao ước gì ư? Được làm một vị lãnh chúa cổ xưa nào đó ở miền Krưm và sống với em trong lâu đài Bắtrixarai... Cả vùng Bắtrixarai nằm lọt giữa hẻm núi đá nóng kinh người, nhưng trong lâu đài thì lúc nào cũng chìm dưới bóng cây mát mẻ, chung quanh là đài phun nước, ngoài cửa sổ là những rừng dâu xanh...

- Không, anh nói nghiêm chỉnh cơ.

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy. Lúc nào anh cũng sống với những điều tưởng tượng vô lý ghê sợ. Chẳng hạn như là cái con chim âu thảo nguyên ấy, nó chứa đựng trong mình cả thảo nguyên lẫn biển... Anh Nhicôlai có lần cười nói với anh rằng bẩm sinh anh là một kẻ ngu si; anh cảm thấy khổ sở vì câu nói đó. Cho đến khi một lần tình cờ đọc được câu Đécác viết rằng trong đời sống tinh thần của ông những ý nghĩ sáng sủa hợp lý bao giờ cũng chiếm một phần rất không đáng kể.

- Thôi được rồi, thế trong lâu đài có phần dành cho phụ nữ ở không? Em hỏi nghiêm chỉnh đấy. Chính anh có lần chứng minh với em, anh còn nhớ chứ, rằng trong tình yêu của đàn ông có pha trộn nhiều thứ tình cảm yêu đương khác nhau, rằng tình yêu ấy anh đã từng cảm thấy khi ở gần bà Nhiculina, rồi sau này là với chị Nađia Avilôva... Đôi lúc anh tỏ

ra thành thật với em một cách tàn nhẫn! Cách đây không lâu anh còn nói câu gì đó đại loại như vậy về cái chị người *kazắc* ở thuê cho chúng ta.

- Anh chỉ nói rằng khi nhìn chị ta anh rất muốn đi tới miền thảo nguyên khô cằn nào đó, và sống trong một túp lều bạt.

- Đây thấy chưa, chính anh cũng nói rằng anh muốn sống với chị ta trong lều bạt!

- Anh không nói là với chị ta.

- Thế thì với ai? - Ôi, lại chim sẻ! Em rất sợ mỗi lần chim sẻ bay vào và đập phải gương!

Nàng chồm dậy, vỗ vỗ tay thật nhanh và vụng về. Tôi ôm choàng lấy nàng, hôn lên vai, lên chân... Làn da trên mình nàng chỗ mát lạnh, chỗ nóng hơi hổi; điều này khiến tôi ngỡ ngàng hơn cả.

XXII

Về chiều nắng nực giảm đi. Mặt trời đã khuất phía sau nhà. Chúng tôi ngồi uống trà trong phòng kính, bên cạnh cửa sổ mở ra sân. Lúc này nàng đọc rất nhiều, vào những giờ ấy nàng hay đặt nhiều câu hỏi với anh tôi, và anh tôi thích thú chỉ dẫn cho nàng căn kê. Chiều thật yên ắng, lặng gió, - chỉ có mấy chú nhạn thoáng bay qua sân rồi bỗng vút lên cao, mất hút trong thinh không xa thẳm. Họ nói chuyện với nhau, còn tôi thì lắng nghe tiếng ai đang hát. Bài ca

hát về mấy người dân quê đang gặt lúa trên cánh đồng cao cao. Âm điệu bài ca phẳng lặng, ngân dài, thấm đượm nỗi buồn ly biệt, tiếp đó là những âm thanh rần rỏi, hùng dũng về những đoàn quân.

Bài ca như buồn bã dõi theo đoàn quân *kazác* đang chậm chậm tiến qua thung lũng, dẫn đầu là vị tướng Đô-rô-sen-cô vinh quang...

Tôi lắng nghe tiếng hát, trong lòng cảm thấy buồn buồn, pha chút cảm giác ghen tị ngọt ngào.

Vào lúc hoàng hôn chúng tôi đi dạo chơi, thỉnh thoảng đi lên phố, có khi tới chỗ vườn hoa nhỏ trên bờ đất thoải thoải gần nhà thờ, có khi ra cánh đồng ngoài thành phố. Trong thành phố có vài đường phố lát đá, - đó là khu buôn bán của người Do Thái với một số lượng nhiều đến khó hiểu những hiệu đồng hồ thuốc tân dược và hiệu thuốc lá. Những đường phố này còn giữ nguyên cái nóng sau một ngày mặt trời thiêu đốt; trên những ngã tư có quầy giải khát, ở đó khách bộ hành có thể uống những cốc xirô đủ màu sắc. Điều này nhắc tôi nhớ tới miền Nam, thúc giục tôi đi xa hơn về phía Nam, - tôi vẫn còn nhớ dạo ấy không hiểu sao tôi rất hay nghĩ tới miền Kê-rô-sơ. Nhìn từ trên nhà thờ xuống thung lũng, tôi mừng tượng ra mình đang đi đến Krê-men-trúc, đến Nhicô-laép. Ra cánh đồng ngoài thành phố chúng tôi thường đi qua vùng đầu ô phía tây trông hết như thôn quê. Những ngôi nhà, vườn cây, ruộng dưa hấu

nằm sát bên con đường dọc theo hàng cột dây thép có chiếc xe do hai con bò kéo đang chậm chậm lăn bánh rồi dần dần mất hút đi trên thảo nguyên như hàng cột điện cũng dần dần trở nên bé nhỏ như cái que rồi không còn thấy nữa. Đó là đường tới Ianópsina, Iarexca, Sisaki...

Nhiều khi chúng tôi đi dạo buổi tối trong công viên thành phố. Ở đây có dàn nhạc chơi, từ hàng hiên sáng ánh đèn của nhà hàng nổi bật hẳn lên từ xưa như một cái sân khấu. Anh tôi đi thẳng vào nhà hàng, còn tôi và nàng thỉnh thoảng đi về phía vườn giáp với bờ sông cao cao. Đêm tối đen, âm áp. Trong bóng đêm phía dưới, đây đó thấp thoáng ánh đèn, những bài ca khi trầm khi bổng nghiêm trang vọng lại - đó là đám thanh niên vùng ngoại ô đang hát. Bài ca như hòa lẫn vào bóng đêm yên tĩnh. Đoàn tàu với những ô cửa sáng rầm rầm chạy qua, tiếng động của nó nhỏ dần, nhỏ dần - lúc ấy tôi cảm thấy thật rõ cái thung lũng này xa sâu đến thế nào, vệt sáng đoàn tàu dần mất hút trong đó như thể nó đã chui xuống đất. Tiếng hát lại nghe rõ, cả vòng cung chân trời bên thung lũng như chìm trong tiếng ếch kêu mơ hồ không dứt.

Khi chúng tôi bước lên hàng hiên đông đúc người ở nhà hàng, ánh sáng ở đây khiến chúng tôi ngỡ ngàng lóa mắt. Anh tôi lúc này đã ngà ngà say, vẻ mặt hiền hoà, ngay lập tức vẫy tay gọi chúng tôi

lại bàn, nơi anh ngồi cùng Vaghin, Leontovich, Xulima. Mọi người hồ hởi xếp chỗ ngồi cho chúng tôi, cho gọi thêm rượu vang trắng, đưa thêm cốc và đá. Lát sau tiếng nhạc đã ngừng, vườn cây quanh hiên đã vắng vẻ chìm trong bóng tối, thỉnh thoảng có làn gió nhẹ từ đâu thổi tới, mấy ngọn nến đặt trong chụp thủy tinh bám đầy côn trùng bé lấm tấm; nhưng mọi người vẫn tiếp tục nói chuyện, thời gian còn sớm nữa. Cuối cùng thì mọi người đều thấy rằng đã đến lúc phải ra về. Tuy nhiên chúng tôi không chia tay ngay - chúng tôi kéo cả đoàn đi về nhà, vừa đi vừa nói to, nện gót giày cồm cộp. Vườn cây đã yên ắng như tờ, che phủ một màn đen bí ẩn, trăng muôn màng nhô lên trên đường chân trời tỏa ánh vàng mờ nhạt, ấm áp. Khi chỉ còn anh em tôi cùng nàng đi vào sân nhà mình, trăng đã rọi xuống đầy, soi sáng gian nhà kính; có tiếng con chích chấu nào kêu khe khẽ; mỗi một lá cây dạ hợp mọc gần ngôi nhà nhỏ, mỗi cành cây đều in bóng rõ ràng mềm mại lên bức tường màu trắng.

Trước lúc ngủ là những phút dịu dàng thân thương nhất. Trên chiếc bàn nhỏ ngọn nến sáng mờ mờ. Làn gió đêm mát lạnh từ ngoài cửa sổ bay vào như mang theo niềm hạnh phúc trẻ trung, tươi mới. Nàng khoác chiếc áo ngủ ngồi ở mép giường, đôi mắt sẫm đen nhìn lên ngọn nến và tết đuôi sam mềm mại.

- Đây, anh cứ ngạc nhiên mãi vì thấy em thay đổi, - nàng nói. - Nhưng giá anh biết được rằng chính anh đã thay đổi thế nào. Chỉ có điều là anh ngày càng ít để ý đến em hơn! Nhất là khi không phải chỉ có chúng mình bên nhau. Em sợ rằng em đã thành cái gì đó như không khí đối với anh: không thể sống thiếu nó, nhưng cũng chẳng để ý tới nó. Có đúng thế không? Anh nói rằng chính cái đó mới là thứ tình yêu lớn nhất. Còn em lại cảm thấy rằng điều này có nghĩa là với anh chỉ có em thôi thì chưa đủ.

- Chưa đủ, chưa đủ đâu, - tôi vừa đáp vừa cười. - Với anh bây giờ tất cả cũng chưa đủ.

- Em muốn nói thêm là: anh lúc nào cũng muốn đi đâu ấy. Anh Gheorghi đã nói với em là anh đang xin đi công tác nhiều nơi với một số nhân viên thống kê. Để làm gì vậy? Đội nắng mà đi, ngồi xe mà hứng bụi đường, sau đó thì ngồi trong trụ sở nóng bức của hội đồng hàng xã mà hỏi đám dân quê theo các phiếu điều tra mà em đã gửi đi khắp nơi...

Nàng ngược nhìn lên, vắt đuôi sam ra sau vai:

- Điều gì đã thôi thúc anh đi như vậy?

- Chỉ có một điều là anh thấy hạnh phúc, quá thật với anh bây giờ tất cả còn là chưa đủ.

Nàng cầm lấy tay tôi:

- Có đúng là anh thấy hạnh phúc không?

XXIII

Lần đầu tiên tôi về đúng cái nơi mà nàng đã rất muốn đi cùng tôi, - theo con đường Mirogôrôt. Vaghin được cử đến Sisaki về việc gì đó và anh ta đưa tôi cùng đi.

Tôi vẫn còn nhớ lần ấy nàng và tôi đều sợ ngủ quá giờ cần phải dậy, - phải lên đường trước khi trời nắng, càng sớm càng tốt, - nàng nhẹ nhàng đánh thức tôi, bản thân nàng thì dậy từ lúc trời chưa sáng, pha trà cho tôi. Nàng cố nén nỗi buồn lo cho tôi phải đi một mình. Trời mát mẻ và u ám, chốc chốc nàng lại nhìn ra cửa sổ: chẳng lẽ mưa sẽ làm trở ngại cho chuyến đi của tôi sao? Cho đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác êm dịu xốn xang trong lòng khi hai đứa chúng tôi choàng dậy và nghe tiếng chuông rung ngoài cổng; chúng tôi vội vàng chia tay nhau và chạy ra cổng, tới bên cạnh chiếc xe ngựa mà trên đó anh chàng Vaghin khoác áo dài rộng và đội mũ lưỡi trai màu xám đang ngồi.

Sau đó tiếng nhạc ngựa như chìm đi trong khoảng không vô tận: một ngày mới đang đến khô ráo và nóng bức; chiếc xe ngựa chạy đều đều trên con đường ngập bụi; cảnh tượng xung quanh đơn điệu đến mức một lúc sau đã không còn đủ sức nhìn ra phía chân trời xa sang sáng mơ hồ, cũng như căng thẳng chờ đợi một cái gì đó từ đấy. Đến trưa giữa cánh đồng lúa mì rộng bát ngát chìm trong biển này

bỗng hiện ra một cảnh đầy vẻ du mục: đó là những trại nuôi cừu của Kôtrubây. Ngồi trên xe lắc lư, tôi vội ghi vào sổ tay: "Trưa nắng, những trại cừu. Bầu trời xám đi vì oi nồng, lác đác thấy chim ưng và chim sẻ... Tôi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc!". Ở Ianôpsina tôi ghi lại về một quán trọ: "Ianôpsina, một quán trọ cũ kỹ, bên trong lúc nào cũng tối tối. Ông chủ người Do Thái bảo rằng ông ta không có bia mà "chỉ có nước giải khát" thôi. - "Nước gì vậy?" - "Thì nước giải khát mà! Nước giải khát Phianka". Ông Do Thái này người gầy gò, mặc chiếc áo vạt dài; còn nước giải khát thì lại do một cậu học trò mang từ phòng trong ra; cậu ta người phịch phịch to béo, chiếc thắt lưng mới quàng qua tấm áo choàng màu xám nhạt, mặt mũi đẹp đẽ khôi ngô trông như kiểu người Ba Tư; đây là con trai ông ta.

Qua vùng Sisaki tôi liền nhớ ngay tới ghi chép của Gôgôn: "Giữa con đường bằng phẳng bỗng gặp một nơi đất trũng - bờ đất thoải thoải dốc hẳn xuống - phía dưới sâu là rừng cây xanh rì, cánh rừng này nối tiếp cánh rừng kia - xa xa là dải cát vàng lấm tấm ánh bạc... Bên bờ sông nước xiết có chiếc cối xay gió với cánh quạt dài đang lừ đừ quay, phát ra tiếng kêu cọt kẹt...". Dưới thung lũng sâu, phía dưới bờ ao, dòng sông Pôxiôn lượn vòng uốn khúc, một khu làng lớn với những vườn cây xanh hiện ra. Chúng tôi vào làng và tìm rất lâu ở đây nhà một ông tên là

Vaxilencô, người có công chuyện với Vaghin. Khi tìm được rồi thì ông ta đi vắng, chúng tôi phải ngồi chờ lâu dưới gốc cây bồ đề cạnh nhà ông, chung quanh là bãi cỏ ẩm ướt với tiếng ếch nhái kêu ra rả. Sau khi chủ nhân về, cả buổi tối chúng tôi ngồi luôn ở đấy chuyện trò với Vaxilencô, cùng ăn uống; ngọn đèn hắt ánh sáng lên những lá cây xanh, nhưng xa hơn một chút bao quanh chúng tôi là màn đêm hè đen kịt.

Sau đó từ trong bóng đêm bất ngờ có tiếng cánh cổng bị đẩy ra và cạnh bàn chúng tôi ngồi xuất hiện cô bạn của Vaxilencô, vốn là y tá của làng; gương mặt cô ta trắng xanh, nhợt nhạt. Tất nhiên là liền đó cô ta biết Vaxilencô có khách từ trên tỉnh về. Phút đầu tiên cô ta ngượng ngùng không biết phải xử sự thế nào, nói năng rời rạc, lát sau cô ta đã chạm cốc uống với chúng tôi ít rượu và bắt đầu cười phá lên mỗi lần tôi pha trò. Cô ta có vẻ rất dễ xúc động, lưỡng quyền cao, mắt đen sắc sảo, đôi tay gân guốc, xương bả vai nhô ra bộ ngực căng đầy lên sau lớp áo mỏng màu xanh da trời, eo lưng thon thả, đùi vế chắc lẳn. Đến khuya tôi tiễn cô ta về. Chúng tôi đi trong bóng đêm lần theo cái rãnh khô của một hẻm nhỏ nào đấy. Đến gần bờ giậu cô ta dừng lại và bắt ngợ gục đầu vào ngực tôi. Phải cố lắm tôi mới rời được cô ta để quay lại...

Ngày hôm sau, tôi cùng Vaghin trở về tới nhà rất

muộn. Nàng đang nằm trên giường đọc sách; trông thấy tôi nàng ngạc nhiên mừng rỡ chồm dậy - "Anh về rồi đấy ư?". Tôi nhanh nhẩu thuật lại cho nàng nghe cả chuyến đi của mình; vừa cười vừa kể cả chuyện cô y tá làng, nàng bèn ngắt lời tôi.

- Sao anh lại kể với em chuyện đó?

Mặt nàng rân rân lệ.

- Sao anh nhân tâm với em thế! - Nàng vừa nói, vừa lật đặt tim chiếc mũi xoa dưới gối. - Anh bỏ em lại một mình còn chưa đủ sao?...

Sau này trong đời bao lần tôi đã nhớ những giọt nước mắt ấy! Tôi còn nhớ nguyên những gì đã đến với tôi vào hai mươi năm sau cái đêm ấy. Chuyện này xảy ra ở một nhà nghỉ nằm bên bờ biển Bétxarabi. Tôi đi tắm về và đang nằm trong phòng. Đó là một trưa hè đầy nắng, gió: ngoài vườn xung quanh nhà đưa lại tiếng gió ào ào lướt qua tán lá, cây cối nghiêng ngả đung đưa, nằm trong bóng râm, nơi lòa ánh mặt trời... Mỗi lần gió rào rào cuốn tới, nó rẽ đôi khu vườn cây mọc ngoài cửa sổ phòng tôi, để lộ bầu trời nắng chang chang; ngay lúc đó trần nhà quét vôi trắng như cũng chuyển sang màu tím ngắt. Lát sau, chung quanh dần yên ắng trở lại, gió biến mất ở phía cuối vườn, nơi giáp với bờ biển trải dài thấp xuống. Tôi nhìn cảnh vật ấy, lắng tai nghe và bất chợt nghĩ: hai mươi năm về trước, ở một nơi hẻo lánh của miền Tiểu Nga đã lụi sâu vào quên lãng, nơi

chúng tôi vừa mới bắt đầu cuộc sống chung, cũng đã từng có một buổi trưa giống giống thế này.

Hôm đó tôi thức dậy muộn, - nàng đã đi làm - cửa sổ trông ra vườn cũng mở toang và bên ngoài gió cũng gào rít, cây lá cũng nghiêng ngả lấp lóa ánh mặt trời thế này. Một cơn gió lành ấm áp tạt vào nhà đưa lại mùi xào nấu thơm thơm của bữa sáng sắp tới. Tôi mở mắt, hít thở làn gió ấy, chống khuỷu tay lên gối mình, nhìn sang chiếc gối đặt bên cạnh còn thoáng đượm hương tóc nàng, chiếc khăn mùi xoa còn lại đó: sau khi nàng làm lành với tôi, nàng vẫn để nguyên chiếc khăn đó trong tay. Tôi còn nhớ ngày hôm ấy, nhớ lại rằng đã một nửa đời tôi trôi qua thiếu vắng nàng; tôi đã chứng kiến bao điều trên thế giới này, và lúc này vẫn còn sống tiếp, còn được thấy tiếp, mà nàng thì từ lâu lắm rồi không còn nữa, giữa cuộc đời này. Đầu óc tôi bỗng lạnh toát, tôi bỏ chân từ đi văng xuống rồi bước ra ngoài: chân tôi bước nhẹ tênh trên con đường rợp bóng cây về phía bờ đất cao cao, từ trên đó nhìn xuống vịnh biển màu xanh xanh lúc này sao bỗng trở nên thật đáng sợ, vừa diệu kỳ với vẻ đẹp mới mẻ nguyên sơ...

Đêm hôm ấy tôi thể với nàng rằng chẳng bao giờ tôi đi đâu nữa. Rồi vài ngày sau tôi lại lên đường.

XXIV

Dạo chúng tôi ở Baturinô, anh Nhicôlai nói với tôi:

- Anh thật lòng tiếc cho em! Em đã sớm đeo thánh giá lên cổ mình!

Nhưng tôi chẳng cảm thấy mình đeo thánh giá.

Tôi coi công việc tôi làm là chuyện tình cờ và cũng không thể nhìn nhận mình như một người có vợ. Chỉ một ý nghĩ thoáng qua rằng đời mình thiếu vắng nàng đã đủ làm tôi kinh sợ, nhưng tôi cũng khó tin rằng chúng tôi có thể mãi mãi sống bên nhau không rời một bước; lẽ nào trong tương lai chúng tôi sẽ cặp kè bên nhau và sẽ sống như thế cho đến khi đầu bạc răng long, sẽ như mọi người là có nhà cửa, con cái? Lúc ấy tôi không thể nào hình dung được mình sẽ có nhà và có con.

- Ít nữa chúng mình làm lễ cưới anh ạ, - nàng vừa nói vừa mơ màng nghĩ đến mai sau. - Em vẫn rất muốn thế anh ạ, mà, sau nữa, có gì đẹp hơn lễ cưới không! Có lẽ rồi chúng mình sẽ có con... Anh không muốn thế sao?

Có gì ngọt ngào bí ẩn khiến trái tim tôi se lại. Nhưng tôi lại nói đùa:

- "Người bất tử thì sáng tạo, còn kẻ hữu hạn thì sản sinh ra những cái giống mình".

- Còn em? - nàng hỏi. - Em sẽ sống thế nào, khi

tình yêu và tuổi trẻ của chúng ta qua đi và anh không cần gì đến em nữa?

Nghe nàng nói lời đó thật buồn, và tôi hăng hái đáp lại:

- Không bao giờ có cái gì qua đi cả, không bao giờ anh thôi cần có em đâu!

Bây giờ đến lượt tôi (như dạo ở Ôriôn là nàng) muốn được yêu và yêu mà vẫn là người tự do, giữ ưu thế trong mọi chuyện.

Cái phút tôi xúc động nhất, là khi nàng tết xong đuôi sam trước lúc đi ngủ, nàng bước lại gần hôn tôi và chúc tôi ngủ ngon, tôi thấy nàng thật bé bỏng, nàng đứng sát bên tôi và ngược mắt nhìn lên.

Tôi cảm thấy tình yêu của mình đối với nàng ghen ứ trong lòng những khi thấy nàng tỏ ra trung thành tuyệt đối với tôi, nàng từ bỏ bản thân mình và tin vào cái gọi là quyền của tôi được có thứ tình cảm và hành vi đặc biệt.

Chúng tôi thường hay nhớ lại cái mùa đông đầu tiên của chúng tôi ở Ôriôn, nhớ lại cảnh chúng tôi đã chia tay nhau thế nào, tôi bỏ đi Vitép ra sao. Tôi nói:

- Đấy, còn Pôlốt nữa, vì sao anh lại thích đến đấy? Cái tên Pôlốt này từ lâu đã khiến anh nhớ ngay tới truyền thuyết cổ xưa về vị công tước Kiép tên là Voxêxláp mà anh đã đọc được ở đâu đó từ hồi bé. Công tước Voxêxláp bị người em tước mất quyền binh, ngài phải bỏ chạy đến một miền hẻo lánh, sống

nghèo khổ lay lắt, phải làm lưng vất vả, ký ức thì luôn hồi tưởng lại những ngày còn được hưởng chức trọng quyền cao ở Kiép xưa kia; tối tối nghe tiếng chuông cầu nguyện của Pôlốt, ngài mừng tượng như văng ra từ nhà thờ Xôphia ở Kiép. Từ đạo ấy, Pôlốt của thời xa xưa ấy luôn luôn hiện ra trong tâm trí anh như là một thành phố u ám hoang sơ, có thành quách xây bằng gỗ súc với những ngôi nhà thờ cũng làm bằng gỗ, những túp nhà đen đen, những bãi tuyết đầy in dấu chân người, ngựa... Khi cuối cùng anh được đến Pôlốt thật thì lẽ tự nhiên là anh không tìm thấy ở đó cái gì na ná giống với cảnh anh đã tự tưởng tượng ra. Tuy nhiên, đến này trong anh vẫn còn tồn tại cả hai Pôlốt - Pôlốt trong tưởng tượng và ngoài cảnh thật. Và cả cái cảnh Pôlốt thật bây giờ anh vẫn thấy đầy thi vị: phố xá thì buồn tẻ, ẩm ướt, lạnh giá, u ám, còn ở ngoài ga thì có một gian phòng lớn ấm áp với những cửa sổ to hình bán nguyệt, những chùm đèn đã được thắp sáng tuy ngoài trời vẫn còn chưa tối hẳn; trong phòng rất đông người, dân sự có, quân nhân có, bọn họ đang ăn vội ăn vàng trước khi tàu đi Pêtec-bua tới, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng người trò chuyện, tiếng dao thì chạm đĩa lách cách, mùi nước sốt, mùi canh cải bốc lên từ những khay thức ăn đặt trên tay mấy người hầu bàn lượn đi lượn lại...

Lần nào cũng vậy, vào những phút như thế, bao

giờ nàng cũng chăm chú lắng nghe tôi kể lể, và nghe xong rồi, nàng tỏ thái độ đồng tình: "Phải rồi, phải rồi, em rất hiểu anh". Nhân cơ hội ấy tôi gợi ý cho nàng nghĩ tiếp:

- Goto nói rằng: "Bản thân chúng ta phụ thuộc vào những người được chúng ta che chở". Có những xúc cảm mà anh hoàn toàn không cưỡng lại được: đôi khi hình dung của anh về một điều gì đó gợi cho anh nỗi dẫn vật khát khao đến cái nơi mà anh đã thấy cái gì đó, tức là đến với cái ẩn đằng sau hình dung ấy, - em hiểu không: "ẩn đằng sau!" - thế cho nên anh không thể diễn tả rõ ràng với em được!

Có lần tôi và Vaghin đi tới Kazatri Brôđư, một làng cổ ở hạ lưu sông Đơnhép; chúng tôi đến chứng kiến cuộc di dân ở đây tới tỉnh Útxuri. Sáng hôm sau chúng tôi trở về bằng tàu hoả. Khi tôi từ ga về, nàng và anh tôi đã đến nhiệm sở rồi. Da dẻ tôi râm nắng, trong lòng cảm thấy khoan khoái thú vị với chính mình, khao khát kể càng sớm càng hay cho nàng và cho anh tôi được nghe về cảnh tượng hiếm hoi mà tôi đã được chứng kiến, - cả một đoàn hàng nghìn người khởi hành ngay trước mắt tôi đến xứ sở lạ lùng cách xa làng họ tới vạn dặm đường. Tôi bước nhanh qua gian nhà trống trải đã được thu dọn gọn gàng, bước vào buồng ngủ để rửa mặt và thay quần áo. Một cảm giác vừa sung sướng vừa đau đầu chợt đến với tôi, khi tôi nhìn lên những đồ dùng lật vật

của nàng, từ chiếc lược, cái gương đến chiếc gối nhỏ viền đăng ten lăn lóc trên giường. Những đồ vật ấy thật thân thiết, quý giá đối với tôi, vẻ cô đơn của chúng khiến tôi thấy mình vừa hưởng hạnh phúc, vừa có lỗi với nàng. Tôi bỗng thấy trên chiếc bàn nhỏ một cuốn sách đang đọc dở, tôi dừng lại một lát: đó là cuốn "Hạnh phúc gia đình" của Tônxtôi.

Trên trang đang để mở có mấy dòng nàng viết: "Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó tôi có thực ra đã không phải là của tôi mà những ý nghĩ, tình cảm của anh ấy đã bất ngờ trở thành của tôi...". Tôi lật lật thêm mấy trang tiếp theo và lại thấy mấy chỗ nàng viết bên lề: "Mùa hè năm nay đã nhiều lần vào buồng ngủ, tôi không còn mang theo nỗi buồn khao khát hy vọng về tương lai nữa, tôi chỉ còn chìm trong nỗi lo cho hạnh phúc hiện tại... Một mùa hè như thế đã qua, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn. Anh ấy lúc nào cũng đi đây đi đó không thương tiếc và không sợ để tôi lại một mình...".

Tôi đứng lặng đi mấy phút. Hóa ra trước đây tôi không hề ngờ rằng nàng đã có thể có (và đang có) những tình cảm và ý nghĩ sâu kín, buồn rầu, giấu giếm. Những cảm xúc đã được diễn đạt bằng thời quá khứ! "Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó... Mùa hè năm nay, đã nhiều lần vào buồng ngủ...". Bất ngờ nhất là câu cuối cùng: "Một mùa hè như thế đã qua, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn...".

Có nghĩa rằng những giọt nước mắt của nàng đêm ấy, khi tôi từ Sisaka trở về, hoàn toàn đã không phải là tình cờ?

Tôi đến Sở, vào phòng làm việc với tâm trạng đầy hứng khởi, tôi hôn nàng và anh tôi một cách vui vẻ, luôn mồm trò chuyện, cười đùa. Tôi giấu kín nỗi dằn vặt khổ sở, cố chờ cho đến lúc chỉ còn mình tôi với nàng, tôi liền dần giọng nói:

- Hóa ra khi vắng anh, em đã đọc cuốn "Hạnh phúc gia đình" phải không?

Nàng đỏ bừng mặt.

- Em có đọc, nhưng sao cơ?

- Anh ngạc nhiên với những đoạn em viết bên lề!

- Sao vậy?

- Vì qua đó hoàn toàn rõ ràng là em đã cảm thấy cay đắng sống với anh, em thấy cô đơn và tuyệt vọng.

- Sao anh bao giờ cũng hay phóng đại mọi chuyện thế! - nàng nói. - Tuyệt vọng gì mới được chứ? Chẳng qua là em hơi buồn một chút, và quả tình em đọc cũng thấy mấy chỗ giống giống... Em muốn anh tin rằng chẳng có gì giống như điều anh đã tưởng tượng ra đâu.

Nàng muốn ai tin? Muốn tôi hay muốn chính mình tin? Tuy nhiên tôi cũng rất mừng được nghe những lời ấy - tôi rất muốn tin nàng, tin nàng thì càng hay cho tôi. Mấy câu Gôgôn viết lại bất chợt

hiện ra trong tâm trí tôi: "Con chim âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ độ đường bay vút lên... Nàng chạy đi, dải vải xanh thắt chặt ngang eo lưng, bộ ngực rung rung sau lần vải, đôi chân không giày để trần đến đầu gối, hồng hào, khỏe mạnh...". Còn bao điều "ẩn đằng sau" những cảnh ấy nữa! Và làm sao tôi có thể từ chối những cái đó được! Thêm nữa tôi nghĩ rằng những cái đó hoàn toàn phù hợp được với nàng. Tôi viện đủ lý do cổ thuyết phục nàng một điều rằng: "Hãy chỉ sống bằng anh và cho anh, đừng tước đi tự do của anh, - anh yêu em và vì thế mà sẽ chỉ càng yêu em hơn". Tôi có cảm giác rằng tôi yêu nàng đến mức muốn làm gì cũng được, lỗi lầm nào cũng đáng tha thứ.

XXV

- Anh khác đi rất nhiều đây, - nàng nói. - Trông anh có vẻ rần rởi hơn, hiền hòa hơn, dễ thương hơn. Anh đã thành người yêu đời.

- Ấy thế mà anh Nhicôlai cũng như ba em đều tiên đoán trước là chúng mình sẽ rất bất hạnh.

- Đó là do anh Nhicôlai chẳng hề có chút cảm tình nào với em. Em đã phải chịu đựng thái độ lịch sự lạnh nhạt của anh ấy ở Baturinô thế nào anh cũng không thể hình dung ra đâu.

- Ngược lại thế em ạ, anh ấy nói đến em với tình

cảm đầy dịu dàng, quý mến. Anh ấy nói rằng anh ấy rất thương em, em còn bé bỏng thế mà rồi cái gì đang chờ em phía trước: cuộc sống của chúng mình ít năm nữa sẽ có khác gì đâu so với cuộc sống của một viên chức thuế vụ phố huyện? Em có nhớ anh đã có lần đùa đùa vẽ ra viễn cảnh mai sau của mình chứ? Căn hộ ba buồng và lương năm mươi rúp một tháng...

- Anh ấy chỉ thương anh thôi.

- Thương thế chẳng hay - anh ấy nói thêm rằng anh ấy chỉ còn mỗi hy vọng là cái thói "buông tuồng" của anh sẽ cứu chúng mình, rằng anh sẽ không đủ khả năng để leo lên bậc thang công danh, rằng chẳng bao lâu nữa chúng mình sẽ chia tay nhau; hoặc là anh sẽ nhẫn tâm bỏ em, hoặc là em sẽ bỏ anh, sau một thời gian ngồi làm cái việc thống kê nhân nhĩ ấy và chợt hiểu ra số phận mai sau mà anh đã sắp đặt sẵn cho em.

- Anh ấy hy vọng về em như vậy là vô ích thôi - em không bao giờ bỏ anh đâu. Em chỉ xa anh trong trường hợp em thấy rằng mình không còn cần cho anh nữa, rằng em làm phiền anh, cản trở tự do của anh, thiên chức của anh...

Khi con người gặp điều bất hạnh, anh ta thường trở đi trở lại mãi với một ý nghĩ day dứt vô bờ: điều bất hạnh ấy đã bắt đầu từ bao giờ và bằng cách nào vậy? Nó bắt nguồn từ những điều gì và sao tôi lại bỏ qua cái điều có thể cảnh tỉnh trước cho tôi? "Em chỉ

xa anh trong trường hợp...". Sao tôi lại không để ý tới lời lẽ như vậy, thế nghĩa là dù sao nàng cũng không loại trừ khả năng có một "trường hợp" như thế.

Tôi đánh giá quá cao vào "thiên chức" của mình, sử dụng tự do của mình ngày càng buông thả hơn - anh Nhicolai nói đúng. Thế rồi càng ngày tôi càng thấy khó ngối ở nhà hơn: cứ hễ có ngày nào rồi là tôi lập tức lên đường đi đâu đó.

- Em ở đâu về mà rám nắng thế này? - anh tôi hỏi trong bữa ăn, - Em lại biến đi đâu thế?

- Em đến tu viện, ra bờ sông và nhà ga...

- Và bao giờ cũng đi một mình, - nàng trách móc nói. Bao nhiêu lần anh ấy hứa sẽ cùng đi với em đến tu viện, em chỉ mới tới đấy có một lần, tu viện đẹp thật, ở đó có tường thật dày, có các tu sĩ và rất nhiều chim nhận...

Tôi ngượng ngùng và đau đớn ngẩng lên nhìn nàng. Nhưng sợ mình mất tự do, tôi chỉ nhún vai đáp:

- Em cần gì nhìn các tu sĩ?

- Thế anh cần gì?

Tôi cố gắng lái câu chuyện sang hướng khác:

- Hôm nay ở ngoài nghĩa địa anh thấy một chuyện lạ lùng: một cái huyết đào sẵn còn để trống - một vị tu sĩ nào đó đã chuẩn bị trước phần mình một cái mộ có trồng cây thánh giá đã ghi rõ tên người chôn ở đây, sinh ngày nào năm nào, thậm chí còn ghi

sẵn cả chữ "tạ thế" - chỉ có điều ngày chết còn để trống. Khắp nghĩa địa chỗ nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp với những con đường nhỏ và hoa tươi - thế rồi bất ngờ có cái mộ chờ người chết như vậy.

- Đấy, anh thấy chưa.

- Thấy cái gì mới được.

- Anh cố tình không muốn hiểu em. Nhưng thôi, cái đó tùy anh thôi. Tuốcghênhép đã nói rất đúng rằng...

Tôi ngắt lời:

- Hình như bây giờ em chỉ đọc sách với mục đích tìm cái gì đó giống giống chuyện mình và anh. Ừ mà tất cả phụ nữ đều đọc sách theo kiểu vụn vào mình như vậy cả.

- Cũng được thôi, dù em có là đàn bà thì em cũng chẳng ích kỷ như thế...

Anh tôi nhẹ nhàng nói chen vào:

- Thôi, xin các bạn ngừng đi cho!

XXVI

Đến cuối mùa hè năm ấy vị trí của tôi trong sở đã được ổn định hơn: trước đây tôi chỉ làm theo hợp đồng, còn bây giờ thì được tuyển vào biên chế và nhận một cương vị hết sức phù hợp với tôi: trở thành người trông coi thư viện của sở - cái gọi là thư viện ấy bao gồm những sách báo tích tụ lại dưới tầng hầm

của sở từ bao lâu nay. Xulima đã nghĩ ra cái chức danh ấy cho tôi, và theo quy định của Sở thì phận sự của tôi là phân loại, sắp xếp ngăn nắp số sách báo đó, đưa chúng vào một nơi dành riêng cho thư viện - đó là một phòng dài có trần hình vòm nằm ở phía trên tầng hầm, với những giá sách và tủ đứng. Tiếp nữa tôi phải trông coi số sách báo đó và phát cho nhân viên trong sở sử dụng tạm thời những sách báo nào mà phòng này, phòng nọ cần đến vào những dịp khác nhau. Tôi đã phân loại, sắp xếp, chuyển số sách báo đó đi, và bắt đầu trông coi chúng, chờ người nào cần thì phát cho mượn. Nhưng vì chẳng phải cho ai mượn cả, - các phòng chỉ cần đến tài liệu này nọ vào mùa thu, trước kỳ họp của các hội đồng địa phương, - nên tôi chỉ có phải làm mỗi việc trông coi, tức là ngồi trong căn phòng trần hình khum khum này, nơi mà tôi hết sức thích thú bởi những bức tường dày đồ sộ, bởi sự yên tĩnh tuyệt đối - không một âm thanh nào có thể lọt vào đó. Căn phòng có những ô cửa sổ nhỏ, nằm tít trên cao, qua đó ánh sáng mặt trời lọt vào và có thể nhìn thấy những bụi cây, cỏ dại mọc trên mảnh đất hoang sau ngôi nhà của sở. Cuộc sống của tôi từ đây trở nên tự do hơn: suốt ngày này qua ngày khác tôi ngồi trơ trọi một mình trong cái ngôi nhà mờ ấy mà viết, mà đọc. Khi nào muốn, tôi có thể cả tuần không lộ mặt tới đây, khóa trái cái cửa gỗ sồi thấp lè tè và đi đâu tùy thích.

Không biết vì lẽ gì tôi hay đến Nhicôlaép, nhiều lần đi một mình tới một làng ngoại ô, nơi có hai anh em theo giáo thuyết Tônxtôi đến sống một cuộc sống khổ hạnh. Có một dạo, chủ nhật nào tôi cũng tới một làng lớn toàn dân Ucraina nằm sau cái ga đầu tiên ngoài thành phố, rồi trở về nhà rất muộn bằng chuyến tàu đêm.. Việc gì phải đi như thế? Nàng cảm thấy bên cạnh một số lý do, còn có một lý do thâm kín đã là mục đích những chuyến lang thang của tôi. Câu chuyện tôi kể về cô y tá ở Sisaki đã ám ảnh nàng nhiều hơn tôi tưởng. Từ dạo ấy trong con người nàng tình cảm ghen tuông ngày càng lớn dần lên, nàng luôn cố che giấu tình cảm ấy, nhưng không phải lúc nào cũng kìm được. Chừng hai tuần sau khi nghe tôi kể câu chuyện ở làng Sisaki, ngược hẳn với tính cách một cô gái phúc hậu, cao thượng, nàng đã bất ngờ hành động như một "bà chủ" thực sự - nàng kiếm được một cố gì đó và dứt khoát trả tiền công bà giúp việc người *kazắc* và cho thôi việc.

- Em rất biết, - nàng khó chịu nói với tôi, - là chuyện này làm anh phiền lòng: còn thế nào khác được, như anh vẫn nói đấy, chị ta đi lại trong ngôi nhà này rất chi là điệu đà, cổ chân tròn lẳn, đôi mắt xéch sáng quắc! Nhưng anh quên mất rằng chị ta tính tình xác xược, ngang bướng, mà sức chịu đựng của em thì có giới hạn.

Tôi hoàn toàn chân thành đáp lại nàng:

- Sao em lại đi ghen với anh? Đấy, anh cứ nhìn đôi tay tuyệt vời của em và nghĩ rằng vì một cánh tay của em thôi anh chẳng bao giờ thèm dòm dò gì hết đến mọi mỹ nữ trên đời này! Nhưng anh là nhà thơ, là nghệ sĩ, thế mà cứ vô luận thứ nghệ thuật nào, theo Gơơ, cũng đều mang sắc thái cảm giác.

XXVII

Một lần vào tháng tám, trước khi trời tối, tôi đi đến làng để gặp mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Thành phố vắng ngắt vào cái giờ vẫn còn nóng nực, thêm nữa hôm ấy là thứ bảy. Tôi đi ngang qua những cửa hiệu của người Do Thái còn đóng kín, qua những dãy phố buôn bán cổ. Chuông nhà thờ chậm chậm điểm giờ cầu kinh buổi chiều, bóng những ngôi nhà, vườn cây đã đổ dài ngoài phố, nhưng trời vẫn còn oi nồng, cái oi nồng thường thấy ở các thành phố phương Nam vào cuối mùa hạ, khi các khu vườn đều bị hun nóng từ ngày này qua ngày khác, khi mà khắp mọi nơi - trong thành phố, cũng như ngoài thảo nguyên, trên những ruộng trồng dưa - đâu đâu cũng bao trùm một không khí mệt mỏi, bất hoại của một mùa hè kéo dài.

Trên quảng trường gần giếng nước của thành phố, có một người phụ nữ Ucraina đang đứng yên như pho tượng nữ thần, chị ta đi hài xỏ không tất,

đôi mắt màu hạt dẻ, cái trán rộng như vẫn thường thấy ở người Ucraina và người Ba La. Ánh chiều muộn rơi xuống con phố từ quảng trường dẫn tới chân đồi, in trên thung lũng. Xuôi theo đường phố ấy, tôi rẽ vào một hẻm nhỏ nằm giữa hai trang ấp vùng ngoại ô, rồi ra một bãi cỏ để leo lên ngọn đồi trông xuống thảo nguyên. Trên bãi cỏ, lác đác những ngôi nhà trát đất sét quét vôi màu trắng, màu xanh; nổi lên giữa những ngôi nhà ấy là bãi đập lúa mì lợp mái che; đang đập lúa ở đây là những người dân quê mà hôm nào vừa cất tiếng hát hoang dã, tuyệt vời vào những đêm mùa hạ. Từ trên đồi nhìn xuống, cả thảo nguyên mênh mông cho đến hút tầm mắt là cả một màu rơm rạ vàng óng của cánh đồng lúa mì mới gặt. Trên con đường rộng đất bụi phủ đầy đến nỗi có cảm tưởng như đang đi trong ủng nhung. Xung quanh, cả thảo nguyên và cả bầu trời - đều sáng lóa lên dưới ánh nắng mặt trời sắp lặn. Mé trái con đường, chỗ rẻo đất cao nằm bên thung lũng, có một ngôi nhà tường trắng xóa - đó chính là nơi ở của mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Tôi rời đường đi đến khu đất ấy bằng qua cánh đồng còn trơ gốc rạ. Cả khu trại vắng ngắt, trong nhà cũng như quanh đây đều trống trải. Tôi nhìn qua ô cửa sổ để mở - trong nhà cơ man nào là ruồi đen bám đầy tường, trần và những chiếc bình để trên giá chạn, chúng bay loạn xạ. Tôi nhìn qua cửa chuồng súc vật mở toang - trong

đấy cũng chỉ thấy nắng chiều đỏ quạch đang chiếu lên đám phân khô. Tôi bước ra ruộng dưa và nhìn thấy cô vợ của người ít tuổi hơn trong số môn đồ của Tônxtôi. Cô ta ngồi ở bờ rìa ruộng dưa. Tôi lại gần - cô không thấy tôi hay là làm ra vẻ như không nhìn thấy: cô vẫn ngồi nghiêng bất động, dáng vóc nhỏ nhắn, cô đơn, đôi chân trần doãi về một bên, một tay chống xuống đất, tay kia cầm cọng rơm ngậm trong miệng.

- Chào cô, - tôi bước lại gần lên tiếng trước. - Sao trông cô buồn vậy.

- Chào ông, ông ngồi xuống đi, - cô ta mỉm cười nói, vứt cọng rơm đi và chìa bàn tay rám nắng về phía tôi.

Tôi ngồi xuống và ngắm cô: hoàn toàn còn là một cô bé gái canh ruộng dưa. Mái tóc vàng hoe vì hứng nắng mặt trời, chiếc áo sơ mi kiểu thôn quê với đường xẻ rộng nơi cổ, chiếc váy đen bằng vải thô bó sát cặp đùi nở nang. Đôi chân trần không giày dép của cô nhỏ xinh và cũng rám nắng, - tôi thầm nghĩ, làm sao cô ta có thể cứ chân trần như thế mà đi trên những chỗ đầy phân súc vật hoặc nơi cỏ mọc nhọn sắc! Cô ta là dân cùng miền chúng tôi, nơi người ta không thích để lộ chân trần, vì thế mà tôi cảm thấy vừa lúng túng, ngượng ngùng, vừa khát khao nhìn đôi chân cô. Nhận ra cái nhìn của tôi, cô rút chân lại.

- Người nhà cô đi đâu cả rồi?

Cô lại mỉm cười:

- Mỗi người đi một ngã rồi anh ạ. Một ông thì ra bãi cỏ đập lúa giúp bà góa nghèo túng nào đó, một ông thì đem thư vào thành phố cho một vị giáo viên khả kính: đó là báo cáo trong tuần về mọi lỗi lầm, cảm dỗ mà chúng tôi gặp phải và đã vượt qua được. Thêm nữa còn một chuyện mà cũng cần thông báo: ở Khaccốp người ta đã bắt ông Pavlốpski vì tội rải truyền đơn - tất nhiên là truyền đơn chống bắt lính.

- Hình như tâm trạng của cô không được vui.

- Em chán lắm, - cô nói, đầu lắc lắc rồi hơi ngả về phía sau. - Em không thể chịu được nữa, - cô khẽ khàng nói tiếp.

- Không thể chịu gì mới được?

- Không thể chịu được mọi thứ. Ông cho em xin điều thuốc.

- Thuốc lá ư?

- Phải rồi, thuốc lá.

Tôi đưa thuốc cho cô, bật diêm lên, cô ta vội vã và lóng ngóng cầm lấy thuốc, hít mấy hơi ngắn rồi chụm môi nhả khói theo kiểu đàn bà. Cô im lặng đưa mắt nhìn về khoảng trời xa sau thung lũng. Mặt trời xuống thấp là là mặt đất, vẫn còn rọi nắng lên vai chúng tôi, lên những trái dưa nặng nề nằm bên chúng tôi trên thửa ruộng khô cằn giữa những bụi dưa như rần bò dài trên mặt đất...

Bất ngờ cô quẳng điều thuốc đi, gục đầu xuống

chân tôi mà khóc nức nở. Tôi vội an ủi cô, xoa xoa lên đôi vai và cúi xuống hôn mái tóc thơm thơm mùi nắng gió...

Còn thành phố Nhicolaeép thì sao? Sao tôi lại cần đến nó? Trên đường đi tới đó, tôi ghi lại vài đoạn:

- Vừa mới đi khỏi Krêmentrúc, đang là buổi chiều. Tại Krêmentrúc, ngoài sân ga, trong quây điểm tâm, đâu cũng đông nghịt người. Trời phương Nam oi bức. Chen chúc theo kiểu người miền Nam. Trên toa tàu cũng vậy. Phần lớn là phụ nữ miền Ucraina, tất cả đều trẻ trung, nước da bánh mật, dáng vẻ nhanh nhẹn, đường xa và cái nóng khiến họ có vẻ hăng hái, xôn xáo. Mọi người đều đi về phía Nam, tìm việc làm. Mùi hơi người nóng hôi hổi, mùi quần áo thôn quê tỏa ra; đâu cũng thấy ăn uống, cười nói rào rào...

- Một chiếc cầu dài, rất dài bắc qua sông Đonhép, mặt trời đỏ ối chói lòa ở phía cửa sổ bên tay phải, dưới sâu là mặt nước vàng đục đầy ắp. Trên doi cát vươn ra ngoài sông nhiều phụ nữ cởi trần đang tắm táp thoải mái. Đấy, lại vừa thấy một bà vắt chiếc áo ra phía sau, chạy tới đằng trước, rồi vụng về ngã tùm xuống nước, hai bàn chân đập mạnh, nước bắn lên tung toé...

- Tàu đã qua sông Đonhép rất xa. Bóng chiều đã ngả trên cánh đồng trống trải cao cao, nơi chỉ còn trơ những gốc rạ và những bãi cỏ đã cắt. Không biết vì

sao tôi lại nhớ đến Xviatôpônco: cũng vào một buổi chiều thế này ông đã cưỡi ngựa đi trước một đoàn quân thừa thốt qua thung lũng này - ông đi đâu và nghĩ ngợi điều gì? Chuyện này xảy ra từ nghìn năm trước, và cảnh vật đến giờ vẫn đẹp như thế. Không, đấy không phải là Xviatôpônco, đó là một người dân quê man dã nào đấy ngồi trên mình ngựa thủng thẳng đi bước một giữa bóng núi, ngồi đằng sau ông là một phụ nữ tay bị trói sau lưng, tóc xõa xươi, đôi chân trần để lộ, môi mím lại, nhìn vào sau gáy ông, còn ông thì căng mắt nhìn về phía trước...

- Một đêm trăng ảm ướm! Ngoài cửa sổ là thảo nguyên bằng phẳng, là những con đường bùn lầy đen sẫm. Mọi người trong toa đều ngủ cả, xung quanh là bóng tối nhờ nhờ, ngọn nến cháy trong chiếc đèn treo bám đầy bụi. Qua khe cửa đã hạ xuống, mùi đồng nội ảm ướm lọt vào bên trong, hòa trộn một cách lạ lùng với mùi không khí ngai ngái của toa tàu: Một số bà người Ucraina nằm ngủ, hai tay dang ra, mồm hơi he hé. Một bà vừa chột tỉnh và đưa mắt nhìn chăm chăm về phía tôi...

Làng mà tôi thường đến vào ngày chủ nhật nằm cách ga không xa, giữa một thung lũng rộng và bằng phẳng. Có lần tôi đã tới ga này vô mục đích, xuống tàu ở đấy rồi đi bộ tiếp. Hôm đó, mặt trời đã lặn, giữa các mảnh vườn phía trước hiện ra những ngôi nhà trắng trắng, gần hơn, giữa bãi chăn súc vật, một

chiếc cối xay gió đen sẫm đứng yên. Bên cối xay gió tụ tập một đám người đông đúc và đằng sau đám đông vút lên tiếng đàn vĩ cầm, tiếng chân người đang nhảy múa... Mấy tối chủ nhật liền tôi đến đứng trong đám đông ấy, nghe tiếng đàn, tiếng hát cho đến đêm khuya. Có lần tôi bước lại gần một cô gái tóc hung, đôi môi mọng, bộ ngực căng đầy, cặp mắt nhìn là lạ. Ngay lúc đó, giữa đám đông người chen sát nhau, chúng tôi kín đáo cầm tay nhau - cả hai đều hiểu rằng sẽ không hay ho gì cho tôi, nếu cánh trai làng nhận ra được lý do vì sao tự nhiên lại có một chàng trai công tử thị thành hay xuất hiện ở gần cái cối xay gió này thế. Lần đầu tiên chúng tôi tình cờ đứng gần nhau, sau đó, cứ hễ thấy tôi bước tới là ngay lập tức cô ta quay lại; và khi cảm thấy tôi đã đứng sát bên, cô liền nắm tay tôi suốt cả buổi tối. Trời càng tối, cô càng siết chặt tay tôi hơn, càng ghé sát vai hơn. Đêm xuống, khi đám người xem đã thưa dần, cô lặng lẽ bước ra sau cối xay gió, đứng khuất sau đó, còn tôi thì lưng thũng quay ra ga, và chờ tới khi mọi người bên cối xay gió đã về hết, tôi bèn cầm đầu chạy ngược trở lại. Chúng tôi thỏa thuận với nhau như thế mà không cần nói một lời nào, chúng tôi yên lặng đứng bên nhau dưới cối xay gió ấy, cùng hưởng những phút mê say, khắc khoải, ngọt ngào...

Có lần cô đưa tiễn tôi. Còn nửa giờ nữa tàu mới chạy, cả khu ga tối đen và yên ắng - chỉ còn tiếng đế

gáy đều đều xung quanh, tít ngoài xa phía làng, mặt trắng đỏ lừ đang nhô dần ra khỏi những vườn cây sẫm đen. Trên đường sắt phụ có một toa tàu hàng đang đỗ, cánh cửa bị đẩy sang bên. Bất giác tôi dặt tay cô gái chạy về phía toa tàu, tự cảm thấy kinh sợ với việc mình đang làm; tôi lách người vào toa, cô ta nhảy lên theo tôi và ôm chầm lấy cổ tôi. Tôi bật diêm nhìn ra xung quanh và sợ hãi lùi lại: ánh lửa diêm soi rõ hình một chiếc quan tài dài thô kệch nằm giữa toa. Cô ta bèn quay mình ra khỏi toa, tôi chạy theo sau... Xuống mặt đất rồi, cô ta cười khanh khách, tới tấp hôn tôi với niềm vui thú đầy man dại, còn tôi thì không nghĩ tới việc trở về nhà bằng cách nào. Sau lần ấy, tôi không ló mặt tới làng nữa.

XXVIII

Mùa thu chúng tôi cùng sống qua những ngày đầy không khí lễ lạc hội hè thường vẫn thấy ở thành phố vào dịp cuối năm, khi mà đại biểu các hội đồng địa phương từ khắp nơi kéo về họp ở tỉnh. Tiếp đó, mùa đông cũng trôi qua đầy vui vẻ đối với chúng tôi: nhà hát kịch Ucraina với các diễn viên Dancôvétxcaia và Xắcxaganxki về biểu diễn, những buổi hòa nhạc của các nghệ sĩ danh tiếng thủ đô như Trerônốp, Iacôplép, Móravina. Còn có không ít những buổi dạ hội, vũ hội, hóa trang, những bữa tiệc

sang trọng với số khách mời định trước. Sau dịp họp hành tôi đi Mátxcơva, tới nhà Tônxtôi. Sau khi về tôi đặc biệt thích thú tận hưởng mọi lạc thú của người đời. Những lạc thú ấy đã thay đổi hẳn cuộc sống bên ngoài của chúng tôi - dường như không tới nào chúng tôi ở nhà. Dần dà quan hệ giữa hai đứa chúng tôi cũng đổi thay, trở nên lạ lẫm, xa cách.

- Anh lại thành một người khác rồi đấy, - có lần nàng nói vậy. - Hoàn toàn thành đàn ông rồi. Không hiểu sao lại còn để râu quai nón theo kiểu Pháp nữa chứ.

- Em không thích à?

- Sao lại không? Chỉ có điều là tất cả đều thay đổi!

- Phải rồi. Chính em bây giờ cũng ra dáng một thiếu phụ trẻ tuổi rồi.

Em gầy đi một chút và trông càng xinh đẹp hơn.

- Và anh lại bắt đầu ghen chứ gì. Em đã thấy sợ phải thú nhận với anh rằng...

- Thú nhận điều gì mới được?

- ... rằng em muốn dự buổi vũ hội hóa trang sắp tới với một bộ váy áo mới. Một kiểu gì đó không đắt tiền lắm, hoàn toàn giản dị. Chiếc mặt nạ đen và một bộ đồ nào đó màu đen, thật dài và mỏng nhẹ...

- Thế là định ám chỉ gì?

- Ám chỉ màn đêm.

- Thế là lại bắt đầu một chuyện gì đó na na như

hồi ở Ôriôn chắc. Lại màn đêm! Điều này tầm thường quá đấy!

- Em chẳng thấy có gì là giống Ôriôn, là tầm thường ở đây cả, - nàng trả lời khô khan, đầy vẻ tự chủ, và tôi hoảng sợ cảm thấy trong cái giọng khô khan, bướng bỉnh ấy quả là có cái gì giống giống như hồi trước. - Chẳng qua là anh lại bắt đầu ghen em rồi.

- Sao lại bắt đầu ghen?

- Em không biết.

- Không, em biết đấy. Vì em lại bắt đầu xa lánh anh, lại muốn mọi người thích thú mình, muốn đón nhận sự ngưỡng mộ của cánh đàn ông.

Nàng cười khẩy với vẻ đầy khó chịu:

- Lẽ ra anh không nên nói tới chuyện đó mới phải. Cả mùa đông vừa rồi có lúc nào anh rời cái bà Trerocaxôva đâu!

Tôi đỏ mặt.

- Sao lại không rời! Em nói cứ thể như là anh có lỗi, nếu chị ta có mặt đúng cái nơi mà anh và em đến. Điều anh cảm thấy chưa xót hơn cả là em ngày càng tỏ ra ít cởi mở với anh hơn, hết như em đã có điều bí ẩn gì đó giấu anh. Em nói thẳng ra xem nào: điều gì vậy? Điều gì em đang giấu giếm anh?

- Em giấu giếm gì ư? - nàng trả lời. - Em buồn rằng tình yêu trước đây của chúng mình không còn nữa. Nhưng mà nói tới chuyện đó làm gì nữa...

Nàng dừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Còn về vũ hội hóa trang thì em sẵn sàng dứt khoát thôi không dự, nếu chuyện đó làm anh khó chịu. Chỉ có điều em thấy anh quá ư khe khắt với em, ý muốn nào của em anh cũng cho là tầm thường, anh tước bỏ của em mọi thứ quyền, còn mình thì tha hồ muốn làm gì thì làm...

Mùa xuân và mùa hè năm sau tôi lại ngao du phiêu bạt nhiều nơi. Đầu thu tôi gặp lại Trerơcaxôva (cho tới lúc đó quả tình giữa tôi và chị ta hoàn toàn không có chuyện gì) và được biết rằng chị ta sắp chuyển về Kiép.

- Tôi phải xa anh mãi mãi rồi, anh bạn thân mến ạ, - chị nói, cặp mắt sắc như mắt chim ưng nhìn xói vào tôi. - chồng tôi đã chờ ở đấy rồi. Anh có muốn đưa tiễn tôi đến Krémentrúc không? Đương nhiên là anh phải giấu kín chuyện này. Ở đấy tôi sẽ phải nghỉ lại cả một đêm để chờ tàu thủy...

XXIX

Chuyện này xảy ra vào tháng mười một; cho đến giờ tôi còn nhìn thấy, còn cảm thấy rành rẽ những ngày lạnh lẽ, u ám ấy trong cái thành phố hẻo lánh miền Tiểu Nga với những phố xá vắng tanh, bờ hè lát gỗ tấm hẹp vanh vách, với những khu vườn tối sẫm ẩm sau hàng giậu, những cây dương cao vút trơ

cành trụi lá dọc theo các con phố lớn, công việc thành phố trở trọi với quán ăn cửa sổ đóng kín mít, những ngày khí trời ẩm ướt với mùi lá mục đầy thê lương. Những ngày ấy tôi dờ dẫm lang thang vô định trên những con phố, trong công viên, trong đầu tôi chỉ ám ảnh bấy nhiêu ý nghĩ và hồi tưởng... Những hồi tưởng nặng nề, đáng sợ đến nỗi phải có lời cầu khẩn riêng xin thoát khỏi sự ám ảnh của chúng.

Vào một giờ phút bi thảm nàng bất chợt như phát điên lên với những nỗi đau thầm kín mà đôi lúc nàng đã nhắc đến thoáng qua. Anh Ghéorghi hôm đó đi làm về muộn, tôi còn về muộn hơn, dạo đó sở lại chuẩn bị cho cuộc họp hàng năm. Nàng ở nhà một mình, mấy ngày liền không đi đâu - tháng nào nàng cũng nghỉ ở nhà mấy ngày như vậy. Vào thời gian đó, tính tình nàng thường khang khác. Nàng nửa ngồi nửa nằm trên chiếc giường kê trong phòng ngủ hai chân co lên theo thói quen và hút rất nhiều thuốc. Cách đây không lâu nàng bắt đầu hút thuốc, không chịu nghe theo lời tôi khẩn khoản xin nàng đừng làm cái việc chẳng thích hợp chút nào với nàng. Chắc là nàng chăm chăm nhìn vào một điểm nào đó trước mặt, rồi sau đó bất chợt đứng dậy viết liền mấy dòng, không tẩy xóa gì hết, lên mảnh giấy nhỏ mà anh tôi, khi trở về nhà, đã tìm thấy ở chỗ bàn trang điểm của nàng. Viết xong mấy dòng ấy nàng

vội vã nhặt nhanh thu xếp đồ đạc của mình, mấy thứ còn lại thì vứt đi.

Mấy thứ nằng để vương vãi trong nhà ấy một thời gian dài tôi đã không đủ dũng cảm động vào, thu xếp lại và giấu đi đâu đó. Đến đêm thì nằng đã ở một nơi rất xa, trên đường trở về nhà với bố...

Vì lẽ gì tôi đã không đuổi theo nằng ngay lúc đó? Có thể là vì ngưỡng ngừng xấu hổ, và vì tôi đã biết quá rõ tính dứt khoát của nằng trong một vài thời điểm của cuộc đời. Tôi đã gửi liền mấy bức điện và thư đến nhà nằng và cuối cùng chỉ nhận được câu trả lời vắn tắt: "Con tôi đã rời nhà, nơi ở của mình Lika cấm báo cho bất kỳ ai".

Những ngày liền sau đó, không biết chuyện gì đã xảy ra với tôi, nếu không có người anh bên cạnh (tuy anh cũng hoàn toàn bất lực, bối rối trước sự việc ấy). Mấy dòng nằng viết để giải thích lý do sự ra đi của mình, anh tôi không chuyển lại ngay mà mới đầu còn cố chuẩn bị tinh thần cho tôi một cách vụng về. Cuối cùng anh quyết định đưa cho tôi, nước mắt lặn lẽ trào ra. Trên mảnh giấy nhỏ là mấy hàng chữ rần rỏi: "Em không thể tiếp tục chứng kiến cái cảnh anh cứ mỗi ngày một xa em thêm, em không còn đủ sức để tiếp tục chịu đựng những điều xúc phạm mà anh càng ngày càng gây ra nhiều hơn cho tình yêu của em, em không thể giết chết tình yêu ấy trong em, em không thể không hiểu rằng mình đã bị khinh rẻ

hoàn toàn, đã bước xuống nấc thang cuối cùng của sự tuyệt vọng đối với mọi điều hy vọng và mơ ước ngu ngốc của mình, em cầu trời ban cho anh sức lực chịu đựng sự chia tay này, cầu mong cho anh quên em và được hạnh phúc trong cuộc đời mới hoàn toàn tự do của mình...".

Tôi đưa mắt đọc lướt qua mấy dòng ấy với cảm giác đất dưới chân mình đang sụt xuống, da trên mặt và trên đầu lạnh toát. Tôi lẩm bẩm nói một mình với giọng bất cần:

- Cũng được thôi, kết cục thế này nên chờ từ trước rồi, một chuyện "tuyệt vọng" bình thường!

Sau đó tôi lấy hết dũng cảm bước sang buồng ngủ và ra về điềm nhiên nằm xuống giường. Khi trời bắt đầu tối, anh tôi thận trọng ghé nhìn vào buồng - tôi nhắm mắt lại giả vờ ngủ. Anh giống tính bố, thường không chịu nổi và mất thăng bằng mỗi khi gặp điều bất hạnh. Anh vội tin ngay rằng quả thật là tôi đang ngủ, bèn an tâm từ từ mặc đồ ấm vào rồi đi dự buổi họp tối ở sở...

Vào đêm ấy tôi đã không rút súng ra tự sát chỉ vì nghĩ rằng nếu đêm nay không tự sát thì ngày mai thế nào cũng làm việc đó. Khi trong phòng đã sáng sủa lên bởi ánh trăng mờ mờ đang rơi xuống khu vườn ngoài cửa sổ, tôi xuống phòng ăn, châm đèn lên, mở tủ lấy rượu *vodka* uống một chén, rồi hai chén... Bước ra khỏi nhà, tôi lần theo các phố, - phố xá về đêm

trông thật đáng sợ: lặng ngắt, ẩm áp, ẩm ướt; xung quanh, một làn sương trắng đục hòa với bóng trắng bao phủ trên những khu vườn, những hàng dương trơ trọi... Trở về nhà, chầm nển lên trong buồng ngủ, tôi càng kinh hãi hơn khi nhìn thấy trong ánh sáng mờ mờ của ngọn nến vương vãi những đôi tất, đôi giày, bộ váy áo mặc hè của nàng và tấm áo ngủ sặc sỡ nàng hay mặc, tấm áo che thân thể đã bao lần tôi ôm ấp, tôi hôn lên gương mặt nàng, hơi ngửa ngửa ra sau, cảm thấy hết hơi thở ẩm áp của nàng. Tôi nấc lên, nước mắt giàn dụa; thoát khỏi được nỗi hoảng loạn này chỉ còn một cách là có nàng ngay bên cạnh, ngay trước mặt, mà nàng thì đã biến đi xa!

Một đêm khác lại đến. Vẫn cái ánh sáng leo lét của ngọn nến tỏa ra trong căn buồng ngủ lặng yên, bất động. Ngoài cửa sổ sẫm đen đưa vào tiếng mưa đêm cuối thu đều đều tí tách. Tôi nằm và ngược nhìn lên góc tường - chênh chếch trên cao có treo bức tranh thờ cổ kính mà tối tối nàng vẫn đứng trước đó cầu nguyện: đó là tranh vẽ hình Đức Mẹ mặc áo choàng, vàng chói trên nền đỏ, gương mặt Đức Mẹ buồn buồn, nghiêm trang với đôi mắt đen to. Một ý nghĩ chợt hiện ra trong đầu tôi: sao lại có sự kết hợp trở trêu, đáng sợ như vậy giữa Đức Mẹ và hình ảnh nàng, giữa bức tranh thờ và mấy thứ đồ đạc phụ nữ vút lăn lóc khắp phòng, khi nàng vội vàng, diên đại bỏ đi!

Một tuần, rồi hai tuần trôi qua, một tháng trôi

qua. Tôi đã bỏ việc từ lâu, không xuất hiện trước mọi người ở bất cứ chỗ nào. Tôi lần lượt chịu đựng hết hồi ức này đến hồi ức khác, ngày này sang ngày khác, đêm này sang đêm khác. Không hiểu vì sao tôi lại liên tưởng đến cảnh: ngày xưa ở một nơi nào đó, những người dân quê Xlavơ đã nai lưng ra kéo những chiếc thuyền gỗ lớn nặng nề mới đóng theo những con đường rừng, qua triển đất trũng này đến triển đất trũng khác.

XXX

Suốt một tháng liền tôi chịu dần vật khổ sở. Cuối cùng cảm thấy không còn đủ sức chịu đựng nổi khổ ấy, tôi quyết định về Baturinô, sống ở nhà một thời gian, không cần biết sau đó sẽ ra sao.

Tôi cảm thấy thật lạ lùng bước vào toa tàu đã bắt đầu chuyển bánh, sau khi vội vã ôm từ biệt người anh lần cuối, - tôi bước vào toa và tự nói với mình: Thế đấy, hình như lại một cánh chim trời tự do! Đó là một buổi chiều đông u ám, không có tuyết rơi, tàu chạy âm âm giữa bầu không khí khô ráo. Tôi ngồi vào góc toa cạnh cửa, đặt bên mình chiếc vali nhỏ và nhớ lại cái câu tục ngữ Ba Lan mà tôi vẫn thường hay nói với nàng: "Chim sinh ra để bay, người sinh ra để sống hạnh phúc" - tôi cứ nhìn chăm chăm vào ô cửa tối đen của toa tàu đang âm âm chạy để không ai

nhìn thấy nước mắt của tôi. Đêm nay tàu đang chạy tới Kháccốp... Hai năm trước, cũng vào một đêm như thế này, tàu đi từ Kháccốp: dạo ấy đang là mùa xuân, một ngày mới đang tới, nàng ngủ say trong toa tàu đã dần dần mờ sáng... tôi ngồi yên dưới ánh đèn leo lắt, trong toa tàu chật chội thô kệch và nồm nóng chờ buổi sáng đến với cảnh người nhộn nhịp đi lại, với tách cà phê nóng sẽ được uống ngoài ga Kháccốp.

Sau đó tàu đến Kurxcơ, lại một thành phố in trong ký ức: một buổi trưa mùa xuân, tôi cùng ăn với nàng trong ga, nàng sung sướng thốt lên: "Lần đầu tiên trong đời em được ăn sáng ở ngoài ga!". Còn bây giờ, khi một ngày đông băng giá ảm đạm đang qua, con tàu ấy, con tàu với nhiều toa hạng ba kèn càng, nặng nề như vẫn thường thấy ở tuyến đường sắt Kurxcơ - Kháccốp - Adốp. Tôi ra khỏi toa, tha thẩn đứng nhìn. Đầu tàu màu đen đen nằm tít đằng xa, trông bé hắt lại. Từ cửa các toa tàu, hành khách theo nhau nháy xuống, tay cầm ấm pha trà, trông mặt ai cũng khó dăm dăm, - bọn họ đều vội đến quây điểm tâm lấy nước sôi. Những người cùng toa ngồi cạnh tôi cũng xuống ga: đó là một thương nhân vẻ lạnh nhạt, trông mệt mỏi vì thân hình quá nặng nề phục phịch và một chàng trai trẻ quá hoạt bát và hiếu kỳ, mặt mũi khô khan, thô kệch quê mùa, trông thật đáng ghét. Anh ta chốc chốc lại ném sang tôi một cái nhìn dò xét, nghi ngờ, - bởi tôi suốt ngày cũng đã

gây cho anh ta sự chú ý: sao lại có cái anh chàng ngồi lì lì, im như thóc thế kia, chẳng ra công tử cũng chẳng ra con nhà thường dân! Tuy nhiên anh ta vẫn nhanh mồm thân mật nhắc tới:

- Anh lưu ý nhé, ở ga này lúc nào cũng có bán ngỗng quay, rẻ không thể tưởng được!

Tôi đứng lại, hình dung ra cảnh quây điểm tâm, nơi mà tôi không dám tới gần, - ở đó còn cái bàn mà trước đây tôi và nàng đã cùng ngồi ăn. Mùa đông Nga đã đến thật rồi, tuyết còn chưa rơi. Một cuộc sống hiu hắt thế nào đang chờ tôi ở Baturinô! Cảnh sống già lão của bố mẹ, sự tàn tạ héo mòn của người chị bất hạnh, vẻ tiêu điều của những ngôi nhà trong trang ấp, khu vườn cây xác xơ, trơ trọi hứng làn gió lạnh băng, mùa đông với tiếng chó sủa, mùa đông, khi những cơn gió như thế thổi đến, những cơn gió là lạ, không ai cần đến và trống trải vô tận... Con tàu hôm nay tôi đi như cũng dài vô tận. Phía đối diện, ngoài bờ rào ngăn sân ga, những ngọn cây dương trụ lá mọc vút cao, sau hàng dương, trên mặt đường nhộp nháp có mấy người xà ích từ các nơi hẻo lánh đang chờ khách, vẻ mặt họ gợi cho ta nhớ đến cái buồn, cái tẻ nhạt của một miền được gọi là Kuroxơ. Dưới hàng dương trên sân ga là mấy bà đầu trùm khăn kín mít chỉ để lộ bộ mặt tím tái vì lạnh; các bà đua nhau rao hàng, chào mời khách... chính họ đang bán ngỗng quay "giá rẻ không thể tưởng được",

những con ngỗng to tướng, lạnh ngắt, da sù sì lỗ chỗ. Những người đã lấy xong nước sôi hớn hở từ ga chạy ngược trở lại phía những toa tàu ấm áp, thú vị hưởng cái giá rét, vừa chạy vừa vui vẻ mà cả trêu chọc mấy bà bán hàng nọ... Cuối cùng chiếc đầu tàu xa tít đằng xa kia rít lên một hồi còi nghe thật náo nê như đe dọa đưa tôi đi tiếp con đường xa thẳm... Điều khổ sở tuyệt vọng, với tôi hơn cả là tôi không biết nàng đã bỏ đi đâu. Nếu không thì tôi đã có thể cam chịu được mọi sự xấu hổ mà tìm đến chỗ nàng ở đâu đó và bằng mọi giá đưa nàng về lại với mình, - hành động kỳ dị của nàng rõ ràng là kết quả một cơn rồ rại mất trí mà cũng chỉ sự xấu hổ mới ngăn cản nàng hối hận về hành động đó.

Trở về quê nội lần này không còn giống như lần cách đây ba năm. Bây giờ tôi đã nhìn tất cả bằng con mắt khác. Cảnh tượng Baturinô trên thực tế còn tồi tệ hơn hình dung của tôi lúc đi đường: làng mạc tiêu điều, những con chó chạy rong gầy gò xác xơ, những chiếc xe chở nước thô kệch nằm bên ngưỡng cửa, mảnh sân trống trải trước ngôi nhà nặng nề xấu xí với những ô cửa sổ buồn bã, với những mái nhà cao một cách vô lý xây từ thời ông bà, cụ kỵ, hai hàng hiên tối tối ẩn dưới mái che với những vì kèo bằng gỗ đã xám xịt vì cũ kỹ, - tất cả đều gợi ấn tượng cổ lỗ, hoang tàn, vô vọng. Có ngọn gió lạnh lẽo vô định nào làm nghiêng ngọn cây thông quen thuộc nhô lên

sau mái nhà, giữa khu vườn thê lương trơ trụi mùa đông... Cảnh sinh hoạt trong nhà tôi đã thấy thêm nhiều nét nghèo nàn lộ liễu: những vết nứt bên bếp lò được trát lại bằng đất sét, để bớt lạnh nền nhà được trải bằng những tấm vải thô kệch trước đây dùng để phủ trên mình ngựa... Chỉ một mình bố tôi là cố giữ một nếp sống trái ngược với cảnh tượng trong nhà: người ông gầy đi, nhỏ lại, tóc đã bạc phơ, nhưng bây giờ lúc nào râu cũng cạo nhẵn nhụi, tóc chải mượt mà, ăn vận không còn luộm thuộm như xưa - thật là day dứt khi phải nhìn thấy cái thanh lịch chải chuốt của tuổi già và cái nghèo, - ông luôn cư xử với mọi người một cách vui vẻ, đầy hào hứng (chắc có lẽ vì tôi, cho tôi khuây khỏa phần nào trước nỗi bất hạnh ê chề). Một lần, ông run run cầm điều thuốc trong bàn tay khô gầy, nhìn tôi với một vẻ buồn buồn dịu dàng và nói:

- Biết làm sao được hử con, mọi chuyện đều có quy luật của nó cả - mọi nỗi xúc động, lo âu, mọi niềm vui nỗi buồn tuổi trẻ, và sự yên tĩnh của tuổi già... có câu thơ về điều này... thế nào ấy con nhỉ? - ông nói, mắt nheo nheo lại cười: "Vui lạc thú cuộc đời" chà, đúng thật:

*Giữa làng quê quanh hiu cô tịch
Trong túp nhà mộc mạc đơn sơ
Phóng đảng khí trời ta hít thở
Và cùng vui lạc thú cuộc đời...*

Mỗi lần nhớ lại bố, bao giờ tôi cũng cảm thấy ân hận, dường như tôi đã quý trọng và yêu mến ông chưa đủ mức. Lần nào tôi cũng thấy mình có lỗi là đã biết quá ít về đời ông, nhất là quãng đời tuổi trẻ, - tôi đã rất ít quan tâm hỏi han ông, khi còn có thể làm được chuyện đó! Tôi luôn cố hiểu ông một cách đầy đủ mà vẫn không thể tự giải đáp được điều rằng ông là con người thế nào, - con người của một thời đại hoàn toàn đặc biệt, một tầng lớp đặc biệt; ông thật khác thường ở cái tài năng đa dạng, tuyệt vời, nhẹ nhàng, hào phóng mà lại hoàn toàn vô bổ; ông có một tâm hồn thật linh hoạt, một trí tuệ thật tinh nhanh, chỉ cần thoáng qua là hiểu hết mọi điều; tính tình cởi mở, thẳng thắn, bề ngoài thì có vẻ hết sức giản dị mộc mạc, nhưng bên trong thì thật phức tạp, phong phú; ánh mắt nhìn tinh táo và trái tim mơ mộng ngọt ngào. Mùa đông năm ấy, tôi hai mươi tuổi, còn ông thì sáu mươi. Thật là khó tin: lúc ấy tôi mới hai mươi tuổi, sức lực tuổi trẻ đang thời nở rộ bất chấp mọi trắc trở gặp phải! Còn ở ông cả cuộc đời đã lùi lại phía sau. Thế mà vào mùa đông năm ấy, không một ai hiểu rõ như ông về những gì tâm hồn tôi đang trải qua, và chắc là cũng không ai như ông cảm thấy hết được sự pha trộn giữa nỗi buồn đau và tuổi trẻ trong lòng tôi.

Ngày hôm ấy tôi ngồi cạnh bố trong căn phòng của ông. Tuyết đã rơi, một ngày đông êm ả dịu nhẹ,

nắng vàng hoe. Ánh nắng chiếu xuống mảnh sân phủ đầy tuyết hiền hòa hiện ra ngoài cửa sổ thâm thấp của căn phòng ấm áp, khói thuốc lá vẫn vơ. Căn phòng bừa bộn mà ấm cúng thân thiết với tôi tự thuở ấu thơ, căn phòng bày biện sơ sài gắn liền trong trí nhớ của tôi với mọi thói quen, ý thích của ông. Và ông, sau khi đọc mấy câu thơ về cái "vui lạc thú cuộc đời" ấy, đã bỏ điếu thuốc ra, lấy cây đàn ghita từ trên tường xuống rồi bắt đầu hát một bài dân ca ông yêu thích, đôi mắt ông ánh lên niềm vui rần rỏ như còn giấu kín điều gì đó trong lòng. Tiếng hát ông hòa theo âm thanh cây đàn ghita vừa dịu dàng vui vui, vừa buồn buồn gợi nhớ đến những gì thân yêu đã mất, mọi chuyện trên đời này dù sao cũng vẫn qua đi và khóc than nào có ích gì...

Ít lâu sau khi trở về nhà, không nén nổi tò mò tôi lại rời khỏi nhà, xăm xăm lên thành phố, - và ngay hôm đó quay về; thất vọng hoàn toàn: người ta dứt khoát không cho tôi vào nhà ông bác sĩ. Với vẻ táo bạo tuyệt vọng tôi nhảy ra khỏi chiếc xe trượt dừng lại trước cái cổng thân quen nay đã trở nên đáng sợ, kinh hãi nhìn lên những khung cửa sổ rèm che chưa kín cửa phòng ăn, nơi bao ngày trước kia tôi đã cùng nàng ngồi trên chiếc đi văng, - những ngày thu đầu tiên của hai đứa tôi! - rồi giật chuông... Cánh cửa mở ra, trước mặt tôi hiện ra cậu em trai của nàng, mặt tái đi, rành rọt nói từng tiếng:

- Ba tôi không muốn gặp anh. Còn chị Lika thì, như anh biết đấy, không có nhà.

Đó chính là cái cậu học trò mà vào mùa thu năm ấy đã nô đùa với con chó Vôntrơ, hết chạy lên thang gác rồi lại chạy xuống. Còn lúc này thì trước tôi đã là một chàng trai trẻ vẻ mặt nghiêm nghị nước da bánh mật, vận áo sơ mi cổ chéo kiểu sĩ quan, đi ủng cao cổ, để bộ ria mép đen, đôi mắt đen bé nhỏ chăm chăm nhìn tôi với vẻ đầy khó chịu:

- Anh làm ơn đi khỏi đây cho, - anh ta khề nói thêm, và có thể thấy rõ đằng sau lần áo sơ mi tim anh ta đang đập dồn dập.

Tuy thế suốt cả mùa đông năm ấy, hôm nào tôi cũng nôn nao chờ thư nàng, - tôi không thể tin rằng nàng lại có thể lạnh lùng, hóa đá, nhấn tâm đến thế.

XXXI

Mùa xuân năm sau tôi mới được tin rằng trở về tới nhà, nàng bị sưng phổi và một tuần sau thì mất. Tôi cũng được biết thêm là chính nàng đã dặn mọi người giấu tin nàng qua đời với tôi càng lâu càng tốt.

Đến nay tôi vẫn còn giữ được cuốn vở bìa bọc da nâu mà nàng đã mua tặng tôi bằng tiền lấy trong tháng lương đầu tiên của mình; vào cái ngày có lẽ là xúc động nhất trong cả cuộc đời nàng. Trên trang đầu của cuốn vở này đến giờ còn có thể đọc được

mấy hàng nàng viết cho tôi khi đưa tặng, - nàng đã viết nhâm hai chỗ vì xúc động, vì vội vã, ngưng ngưng...

Cách đây ít lâu, tôi nhìn thấy nàng trong mơ - lần duy nhất trong cả cuộc đời dài đặc thiếu vắng nàng. Nàng vẫn ngần ấy tuổi như hồi ấy, vào tháng năm trẻ trung đầu tiên chúng tôi chung sống, nhưng trên gương mặt nàng đã thoáng hiện vẻ đẹp của người thiếu phụ. Nàng gầy gầy, trông có vẻ gì tang tóc. Tôi chỉ nhìn thấy nàng mờ mờ nhưng với một tình yêu, một niềm say mê mãnh liệt, với cảm giác gần gũi da diết về tâm hồn và thể xác mà trong cả cuộc đời, tôi chưa từng nếm trải.

Bờ biển Anpơ, 1993

MỤC LỤC

	<i>trang</i>
<i>- Máy lời về Bunin</i>	<i>5</i>
<i>1. Ruxia</i>	<i>17</i>
<i>2. Say nắng</i>	<i>34</i>
<i>3. Hơi thở nhẹ</i>	<i>48</i>
<i>4. Chiếc cốc đời</i>	<i>58</i>
<i>5. Trên biển đêm khuya</i>	<i>96</i>
<i>6. Lán gặp gỡ cuối cùng</i>	<i>112</i>
<i>7. Natali</i>	<i>126</i>
<i>8. Nàng Lika</i>	<i>184</i>

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 8222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hơi thở nhẹ

I. BUNIN

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH
Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM SÔNG HỒNG

Biên tập:
PHÒNG VHTN
Vẽ bìa:
TRẦN ĐẠI THẮNG
Sửa bản in:
HẢI ĐĂNG

In 600 cuốn, khổ 13x19 cm, tại Xưởng in TC Tin học & Đời sống.
Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số : 144-2005/CXB/73-85/HNV
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

THƯỜNG TÁC NHÀ VĂN CHÉZYRE THƠ GIỚI

A. Daudet

Truyện ngắn và tiểu thuyết

Những vì sao



THƯỜNG TÁC NHÀ VĂN CHÉZYRE THƠ GIỚI

S. Zweig

Truyện ngắn và tiểu thuyết

Điều bí mật khủng khiếp



THƯỜNG TÁC NHÀ VĂN CHÉZYRE THƠ GIỚI

I. Bunin

Truyện ngắn và tiểu thuyết

Hơi thở nhẹ



THƯỜNG TÁC NHÀ VĂN CHÉZYRE THƠ GIỚI

G. De Maupassant

Truyện ngắn và tiểu thuyết

Viên mỡ bò





Những tác phẩm kinh điển thế giới

I. Bunin

Truyện ngắn chọn lọc

H ớ i t h ở n h ẹ

GIÁ: 39.0